

Trần Đức Anh Sơn



TRÒ CHƠI
và thú tiêu khiển
CỦA NGƯỜI
HUẾ

góc nhìn
sử Việt

OMEGA⁺

 NHÀ XUẤT BẢN
DÂN TRÍ

Duong Kobo's Book Club

*Tủ sách Kỹ thuật số
dành cho
Kindle & Kobo*



SCAN TO JOIN

TRÒ CHƠI VÀ THÚ TIÊU KHIỂN CỦA NGƯỜI HUẾ

NHÀ XUẤT BẢN DÂN TRÍ

Số 9 - Ngõ 26 - Phố Hoàng Cầu - Q.Đống Đa - TP.Hà Nội

VPGD: Số 347 Đội Cấn - Quận Ba Đình - TP Hà Nội

ĐT: (024). 66860751 - (024). 66860752

Email: nxbdantri@gmail.com | Website: nxbdantri.com.vn

Chịu trách nhiệm xuất bản:

BÙI THỊ HƯƠNG

Chịu trách nhiệm nội dung:

LÊ QUANG KHÔI

Biên tập: Nguyễn Thị Thủy

Vẽ bìa: Nguyễn Mạnh Cường

Sửa bản in: Lê Tùng Dương

Trình bày: Vũ Lê Thư

In 2.000 cuốn, khổ 14x20.5 cm tại Công ty TNHH In Tiến Bộ

Địa chỉ: 175 Nguyễn Thái Học, Ba Đình, Hà Nội

Số xác nhận đăng ký xuất bản số: 1707-2018/CXBIPH/4-61/DT

Quyết định xuất bản số: 1707-4/QĐXB/NXBĐT do NXB Dân trí
cấp ngày 10/10/2018

Mã ISBN: 978-604-88-6224-4. In xong, nộp lưu chiểu năm 2018

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH OMEGA VIỆT NAM (OMEGA PLUS)

Trụ sở chính: Tầng 5, Tòa nhà số 14 Pháo Đài Láng, phường
Láng Thượng, quận Đống Đa, Hà Nội

Tel: (024) 3233 6043

VP. TP. HCM: 138C Nguyễn Đình Chiểu, phường 6, quận 3, TP.

Hồ Chí Minh

Tel: (028) 38220 334 | 35

www.omegaplus.vn | <https://www.facebook.com/groups/congdongomega>

Tổng Quan

Sau hơn 1,5 thế kỷ được các chúa Nguyễn chọn làm thủ phủ của Đàng Trong, đến cuối thế kỷ XVIII, Huế trở thành kinh đô vương triều Tây Sơn (1788 - 1802) và sau đó là kinh đô của vương triều Nguyễn (1802 - 1945). Ở một nơi từng được tán tụng “... mặt đất thì non sông tươi đẹp, biển cả thì sóng nước mênh mông... đàn ông khá cường tráng, đàn bà hơi mềm mại, trai thì trọng đức, dũng cảm tài lương, gái thì quý nét đoan trang cần kiệm...”¹, lại được tiếp nhận những tinh hoa của đất nước tự hội về bởi vị thế của một kinh đô, xứ Huế², trong khoảng thời gian từ giữa thế kỷ XVI đến đầu XX, xứng đáng là chốn đô hội của cả nước. Việc nhà Nguyễn chọn Huế để định đô trong gần 1,5 thế kỷ đã làm nảy sinh nơi đây lớp người *thượng kinh* và theo đó là một lối sống *kinh kỳ*. Điều này góp phần tạo nên những nét đặc sắc trong lối sống, cách ứng xử, cũng như trong việc thưởng ngoạn và tiêu khiển của người dân xứ Huế.

1. Dương Văn An, *Ô châu cận lục* (Bản dịch của Trịnh Khắc Mạnh và Nguyễn Văn Nguyên), NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1997, tr. 44.

2. Các địa danh: Huế, xứ Huế có trong tiểu luận này được sử dụng để chỉ vùng đất trước kia là thủ phủ của cả xứ Đàng Trong trong hơn 1,5 thế kỷ (1636 - 1788), sau đó là kinh đô của hai vương triều: Tây Sơn (1788 - 1802) và Nguyễn (1802 - 1945), trải dài từ nam Quảng Trị đến bắc Hải Vân (vùng đất này gần như tương ứng với địa giới hành chính của tỉnh Thừa Thiên Huế hiện nay), chứ không bó hẹp trong phạm vi thành phố Huế đương đại, với tư cách là một đơn vị hành chính của tỉnh Thừa Thiên Huế.

Sự tồn tại và phát triển của các trò chơi và thú tiêu khiển ở Huế bắt nguồn từ sự du nhập các trò chơi và thú tiêu khiển truyền thống của cư dân đồng bằng Bắc Bộ rồi cải biên cho phù hợp với điều kiện địa lý, môi trường và hoàn cảnh lịch sử ở vùng đất mới. Nhiều trò chơi dân gian của người dân Đại Việt xưa, đã theo bước chân của những lớp dân Nam tiến, có mặt ở Huế ngay từ khi

mảnh đất này còn là “Ô châu ác địa”. Trong giai đoạn đầu, những trò chơi ấy vẫn mang đậm dấu ấn từ những trò vui của cư dân châu thổ sông Hồng. Đó là những trò chơi gắn với các lễ hội dân gian, được nhà nước đứng ra tổ chức để mua vui cho thiên hạ trong các dịp lễ lượt như: *đua ghe, đấu vật, đu tiên...* Điều này thể hiện khá rõ qua một đoạn ghi chép của Nguyễn Khoa Chiêm trong sách *Nam triều công nghiệp diễn chí*: “Lại kể năm Cảnh Trị thứ 10, Nhâm tý, tháng 2 (đúng ra là năm Dương Đức thứ nhất, 1672 - T.Đ.A.S.)¹ chúa Hiền (Nguyễn Phúc Tần - T.Đ.A.S.) nhàn hạ, triệu trai gái xã Hạ Lan tới trước gác Quyển Bồng, bày cuộc chơi đùa làm vui: đánh cờ người, đá cầu, xích đu. Có thể nói là một thắng hội. Khi ấy các quan liêu, dân bách tính trai già gái trẻ, dắt con ôm cháu, cùng tới xem chơi, không thể đếm xiết”.²

¹. Tác giả Trần Đức Anh Sơn.

². Dẫn theo: Lê Nguyễn Lưu, “Nhân tố và đặc điểm của văn hóa Huế”, *Huế đẹp Huế thơ*, NXB Thuận Hóa, Huế, 1998, tr. 21.

Về sau, nhiều thú vui xuất xứ từ nơi thôn dã, được tầng lớp trên trong xã hội mới tiếp nhận và cải biên cho phù hợp với lối sống quyền quý của họ. Từ đó tạo nên những trò chơi và thú tiêu khiển theo lối Huế, được đánh giá là phong phú, độc đáo và mang sắc thái riêng, khi so sánh với những các trò chơi và thú tiêu khiển ở các vùng khác của Việt Nam. Mặt khác, tầng lớp trên trong xã hội cũng là những người khởi xướng các các trò chơi và thú tiêu khiển mới như: *thưởng thức ca nhạc cung đình, thả thơ, uống trà...* Giới quý tộc và quan lại ở cố đô Huế đã học hỏi, bắt chước những trò chơi được ghi chép trong sách vở viết về đời sống cung đình Trung Hoa, rồi cải chế ít nhiều, tạo thành những trò chơi hay thú tiêu khiển mới để phục vụ cho nhu cầu giải trí của giai cấp mình như: *đầu hổ, xăm hường...* Theo thời gian, nhiều trò chơi cung đình đã vượt khỏi chốn cung cấm, lan ra phố phường và thôn xóm ngoại thành, được tầng lớp bình dân tiếp nhận, rồi cải biên hoặc bổ sung một vài chi tiết cho phù hợp với địa vị và lối sống của họ. Cũng có những thú vui không rõ do ai khởi xướng nhưng lại được người Huế, từ sang đến hèn, chấp nhận thưởng thức.

Đến thời thuộc Pháp, nhiều trò chơi có nguồn gốc châu Âu, được du nhập vào Huế như: *domino, billard, bài Tây...* cùng tồn tại với những trò chơi có từ trước. Ngoài ra, một số trò chơi truyền thống cũng có những thay đổi cho phù hợp xu thế của thời đại: ví dụ trò *thả thơ*, thay vì dùng thơ chữ Hán các đời Đường - Tống - Minh bên Tàu, người ta chuyển sang dùng thơ chữ Nôm của Trần Tế

Xương, Tản Đà, Ưng Bình, Nguyễn Khoa Vỹ... để thả thơ; hay như trò *tài bàn*, *mạt chược*, vốn du nhập từ Trung Quốc, nguyên thủy chỉ có 136 quân cờ, sau phát sinh thêm bốn “bộ hoa”, gồm các quân cờ: *mai-lan-cúc-trúc*; *xuân-hạ-thu- đông*; *tổng-đông-vạn-sách*; *hoa-nguyên-hỷ-hợp*, nâng tổng số quân cờ thành 152.

Trò chơi và thú tiêu khiển ở Huế luôn có hai thuộc tính: *dân dã* và *bác học*; *dân gian* và *cung đình*.

Chẳng hạn như trò thả diều: con diều Huế vốn gốc gác từ những con diều đơn sơ của đám con nít nơi thôn quê; về sau được người lớn phát triển thành con diều có hình dáng phức tạp hơn; cuối cùng, nó được lớp người thượng kinh biến thành những nhân vật của bộ môn “múa rối trên không”, dựa theo nhân vật trong các tích tuồng xưa, với kỹ thuật tinh xảo và lộng lẫy sắc màu. Hay như trong bộ môn ca Huế, có khi ca từ bắt nguồn từ những bài ca dao, những bài vè trong dân gian, nhưng cũng có những làn điệu, những khúc ca có ca từ là những bài thơ do các thi sĩ chuyên nghiệp, hay các bậc thức giả sáng tác như bài *Phẩm tiết*, do công chúa Mai Am sáng tác, bài *Tứ đại cảnh*, do vua Tự Đức đặt ra. Có nơi, có lúc mặt này trội hơn mặt kia, nhưng rất khó tách bạch rõ ràng, ngược lại, các mặt này thường đan xen, bổ sung cho nhau, tạo nên những nét đặc thù trong các trò giải trí ở Huế.

Những thú vui ở Huế, ngoài mục đích tiêu khiển, giải trí, còn nhằm để khoa trương tài nghệ, óc thẩm mỹ tinh tế, sự tinh xảo, khéo léo và cả tri thức, học vấn của người dự cuộc. Để thỏa mãn thú đồ đen hay thử vận hên xui, ngoài những trò cờ bạc diễn ra trong các sòng *tổ tôm*, *tứ sắc*... người Huế còn tìm đến các trò *thả thơ*, *đố thơ*, nơi mà sự uyên bác quyết định sự thắng thua chứ không phải là tính sát phạt. Tương tự, người ta tìm đến các hội *bài chòi*, *bài thai* là để được thưởng thức những câu hò, giọng hát, để đắm mình trong không khí rộn ràng của cuộc vui hơn là để thử vận may rủi.

Một đặc điểm khác trong các trò chơi và thú tiêu khiển ở Huế là dường như có một sự phân định vô hình trong việc tổ chức và thưởng ngoạn giữa những lớp người có địa vị khác nhau trong xã hội: *đấu hổ* là một trò chơi phổ biến trong cung vua, phủ chúa, nhưng không thấy lan truyền trong dân gian. Người ta cũng chỉ thấy trò *thả thơ*, *đố thơ* diễn ra nơi các vương phủ và thành phần tham dự đều là những bậc phong lưu, có học vấn chứ không phải là những tay trọc phú lắm tiền ít chữ. Cũng chưa bao giờ có một quan chức nào, dù là võ quan, so tài trong các sỏi vật đầu năm ở các hội làng, cho dù họ là người đã từng tĩ thí trong các kỳ thi võ

do triều đình tổ chức. Điều này là hệ quả của sự khác biệt địa vị, học vấn và tình hình kinh tế của từng bộ phận dân cư trong xã hội.

Ở Huế có những thú vui dành cho đám đông như: *đua ghe, thả diều, đấu vật...* song cũng có nhiều thú giải khuây chỉ dành cho một nhóm người, thậm chí một người như: *thưởng trà, đánh cờ hay sưu tầm cổ vật...* Có những trò chơi nhằm phô diễn sức mạnh cơ bắp như: *đua ghe, đấu vật...*; có thú vui dùng trí như đánh cờ, hay khoe tài học vấn như *thả thơ, đối thơ...*; có trò chơi thể hiện sự khéo léo như chơi *đầu hồ*, hay khoe sự sáng tạo như *làm diều và thả diều*; nhưng có thú vui lại thể hiện một ước mơ về học vấn cho bản thân và gia đình như *đổ xăm hương* hay thể hiện một khát vọng liên lạc giữa cõi dương với cõi âm, giữa hư với thực như trò *cầu tiên*.

Thú vui xứ Huế không chỉ phong phú về dạng thức, loại hình mà còn hợp thời, hợp cảnh. Dương Văn An trong *Ô châu cận lục* từng viết: “Xuân sang thì mở hội đua thuyền với nhiều trai thanh gái lịch, hạ đến thì bày cuộc viếng thăm với nhiều chốn múa nơi ca”.¹ Không ai thả diều hay du thuyền trên sông Hương vào những ngày mưa dầm gió bắc, cũng như các cuộc trà chỉ thực sự mang đến cho ẩm khách cảm giác khinh khoái trong những ngày đông giá rét, chứ không phải trong những trưa hè oi bức. Thiên nhiên và thời tiết vừa giúp vào việc sản sinh ra các trò chơi và thú tiêu khiển ở Huế, đồng thời, vừa ảnh hưởng trực tiếp đến thời điểm diễn ra các cuộc vui ấy.

¹. Dương Văn An, *Ô châu cận lục* (Bản dịch của Trịnh Khắc Mạnh và Nguyễn Văn Nguyên), NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1997, tr. 47.

Có một cảm nhận khác khi tìm hiểu về các trò chơi và thú tiêu khiển ở Huế là có nhiều trò vui gắn liền với những dòng sông. Đó là dòng Hương Giang ở Huế; là sông Bồ Điền ở Quảng Điền, là dòng Ô Lâu ở Phong Điền, là vùng đầm phá Tam Giang, Cầu Hai, Lăng Cô... ở vùng duyên hải phía đông. Những trò *đua ghe, đua trâu*, các cuộc vui trong các cuộc lễ cầu ngư; *thú đi câu, ca Huế trên sông, ngủ đò...* đều gắn liền với sông nước và cả những trò vui, tuy trên cạn, nhưng lại có gốc gác gắn bó với sông nước như hát tập chèo, hò bả trạo... Ngay như thú thả diều cũng thế. Đừng tưởng cánh diều bay lượn trên bầu trời kia thì không có quan hệ gì với sóng nước của những dòng sông xứ Huế. Vị trí được các tay chơi diều ưa thích là những bãi đất ven sông, vì ở những nơi này mới có một khoảng không thoáng đãng để nâng bổng cánh diều. Dòng

sông xanh, bầu trời xanh và cánh diều đủ màu sắc đang vì vu giữa hai tấm phong xanh tự nhiên kia sẽ trở nên lộng lẫy hơn, quyến rũ hơn. Vì thế mà trong những trưa hè cháy bỏng, ngang qua cầu Trường Tiền hay cầu Phú Xuân, người ta thường thấy những cánh diều chao lượn trên bầu trời, in bóng xuống dòng Hương trong xanh. Sông Hương đã đọng lại trong tâm thức người dân xứ Huế một tình cảm dịu dàng, quyến rũ, thì cũng in dấu lên những trò tiêu khiển ở Huế như nguồn cội của niềm hứng khởi và lạc thú, mà thiếu nó, hẳn những thú vui của miền đất này sẽ không trọn vẹn và phong phú đến vậy.

Theo tôi, có thể tạm phân các trò chơi và thú tiêu khiển ở Huế thành ba nhóm nhỏ, dựa trên quy mô tổ chức và số người tham dự cuộc tiêu khiển.

- *Những trò chơi và thú tiêu khiển mang tính cộng đồng như các trò: đua ghe, vật võ, đu tiên...*

- *Những trò chơi và thú tiêu khiển mang tính hội nhóm như: ngâm vịnh, đối họa thi văn, thưởng thức ca múa nhạc, thưởng trà, thả thơ, đối thơ, đối xăm hương, đấu hồ, hay các trò cờ bạc khác như: tứ sắc, bài xệp, tổ tôm, kiệu, tài bàn, mạt chược...*

- *Những trò giải trí và tiêu khiển mang tính cá nhân như: chơi non bộ, chơi hoa kiểng, chơi chim, chơi sách, chơi cổ vật, ngủ đò...*

Tuy nhiên, sự phân định này chỉ có tính tương đối vì có những thú vui xếp vào nhóm này hay nhóm kia đều được. Ví dụ: *uống trà* có thể là thú vui của một người nhưng khi có một nhóm người thường xuyên tụ họp để thưởng trà, bình thơ thì thú vui đã mang tính tập thể, hội nhóm; hay như trò chơi *đấu hồ*, khi một người chơi thì ngoài mục đích thư giãn, đó còn là việc tập luyện tính kiên trì, khéo léo của cá nhân, nhưng khi có hai hay ba người cùng tham gia thì trò này đã mang tính hội nhóm và cần phải có luật chơi để phân định thắng thua...

Trò chơi và thú tiêu khiển mang tính cộng đồng

ĐUA GHE

Trò *đua ghe*, *đua trái* diễn ra ở hầu hết các địa phương trong tỉnh Thừa Thiên Huế. Đó là một trong những trò chơi và cũng là môn thể thao tồn tại lâu đời, có mặt ở Thuận Hóa từ buổi đầu người Việt theo chân các chúa Nguyễn vào Nam mở cõi và vẫn tiếp diễn trong các lễ hội, các dịp kỷ niệm hằng năm hiện nay. Những ghi chép của các tác giả: Dương Văn An, Nguyễn Khoa Chiêm, Lê Quý Đôn về vùng đất Thuận Hóa xưa đều có nói về việc người dân nơi đây tổ chức đua ghe trong các dịp xuân về hay trong các lễ hội, hoặc do phủ chúa đứng ra tổ chức nhân một dịp đại lễ nào đó. Sau này, việc tổ chức đua ghe ở Huế thường gắn liền với các lễ hội nông nghiệp hay ngư nghiệp. Người dân ở các làng quê thường tổ chức đua ghe trước khi bước vào vụ mùa mới, như là một phần của những hoạt động mang tính tâm linh nhằm cầu cho mưa thuận gió hòa, cho mùa màng được phong đăng hòa cốc.



Chiếc ghe đua xứ Huế thường là loại ghe thân dài; lườn ghe đan bằng cật tre; mũi và lái cong vút. Ngày trước, thân ghe chỉ được phủ lớp dầu rái màu nâu để chống thấm nước. Về sau, chiếc ghe đua được sơn vẽ nhiều màu hơn. Hầu như mỗi thôn, làng đều có chiếc ghe đua và một đội đua, tuyển chọn từ những tráng đinh khỏe mạnh, dẻo dai nhất. Vài tuần trước khi diễn ra cuộc đua, đội đua được tập trung để bắt đầu tập luyện nhằm đạt đến sự nhuần nhuyễn của toàn đội và tăng cường sức bền bỉ, dẻo dai cho từng thành viên. Việc luyện tập chủ yếu vào ban đêm và thực hiện ở trên cạn, thường là nơi đình làng. Thời gian này cũng là lúc người ta *hạ thổ* chiếc ghe có từ những mùa đua trước, bấy lâu vẫn được cất giữ ở nơi cao ráo trong đình, để sửa chữa, tu bổ hay trang trí lại, chuẩn bị cho cuộc đua mới. Khi việc luyện tập trên cạn đã khá nhịp nhàng, người ta *hạ thủy* chiếc ghe vừa tu sửa xong để đội đua tập chèo trên sông, trên phá một vài lần, trước khi vào hội. Với dân chúng, sự thú vị của trò đua ghe đã bắt đầu ngay từ những ngày tập luyện này. Họ kéo đến xem đội đua luyện tập, phụ họa theo tiếng hô giữ nhịp của đội đua. Mấy người phụ nữ còn lo việc nấu các món ăn, úy lạo đội đua để bồi bổ sức khỏe cho họ. Người ta luôn luôn làm một lễ cúng ghe rất trang trọng trước khi đua ghe gia nhập hội đua. Ngày đua đến, những chiếc ghe đủ màu sắc, từ các thôn làng tập hợp về một quãng sông, cùng những đội đua mặc đồng phục, sẵn sàng bước vào cuộc tranh tài. Hai bên bờ sông, dân chúng tụ tập đông đúc, luôn miệng hò reo cổ vũ cho đội nhà trong tiếng trống dồn dập, náo nức. Cuộc đua thường diễn ra từ sáng sớm, đến giữa trưa thì chấm dứt. Mỗi lượt tranh tài, đội đua phải bơi đủ “ba vòng, sáu tráo” trên một khúc sông được giới hạn bởi hai cọc tre tươi làm cọc tiêu, gọi là vè, trước khi lái chính tháo mái chèo mang lên bờ nộp cho ban giám khảo. Mỗi cuộc đua thường có bốn giải thưởng:

- *Giải cúng*: là giải thưởng cho đội thắng trong lượt đua đầu tiên vào buổi sáng. Phần thưởng của giải cúng là một mâm cau trầu và một chai rượu.

- *Giải phá*: là giải thưởng cho đội thắng trong lượt đua cuối cùng vào buổi chiều. Phần thưởng của giải là một lá cờ đỏ, không có hiện vật kèm theo. Lá cờ này vốn là biểu tượng của cuộc đua, sẽ được đội thắng mang về treo trong đình làng như một niềm vinh dự của đội đua làng ấy.

- *Giải tam liên thắng*: là giải thưởng dành cho đội nào về nhất ba lần trong một cuộc đua. Phần thưởng thường là một con bò để xẻ

thịt ăn mừng.

- *Giải nhất, nhì, ba*: là giải thưởng dành cho ba đội có thành tích cao nhất trong cuộc đua. Phần thưởng bằng tiền mặt, tùy theo thứ hạng mà số tiền mặt được thưởng nhiều hay ít.



Đua ghe ở Cầu Ngói Thanh Toàn. Ảnh: Nguyễn Phong.

Đua ghe là một trò giải trí mang tính đồng đội cao, vừa giúp vào việc rèn luyện sức khỏe, vừa để giúp vui cho cộng đồng. Đó cũng là một phần trong các hoạt động lễ hội thể hiện tín ngưỡng nông nghiệp của người dân xứ Huế. Một số làng ngư nghiệp ven phá Tam Giang như các làng: Thai Dương Thượng thượng giáp (xã Hải Dương), Thai Dương Thượng hạ giáp (xã Thuận An), Hòa Duân (xã Phú Thuận)... cũng tổ chức các cuộc đua ghe trong dịp lễ cầu ngư.

Hiện nay, vào các dịp kỷ niệm ngày giải phóng tỉnh Thừa Thiên Huế (26.3) và Quốc khánh (2.9), chính quyền thường tổ chức đua ghe trên sông Hương như một hoạt động thể thao chào mừng các sự kiện này. Còn tại Cầu Ngói Thanh Toàn (xã Thủy Thanh, thị xã Hương Thủy), dân địa phương thường tổ chức đua ghe trong chương trình *Hương xưa làng cổ* để hưởng ứng các kỳ Festival Huế từ năm 2004 đến nay. Là thú vui, đồng thời là hoạt động thể thao lành mạnh, nên các cuộc đua ghe thường niên trên sông Hương và ở Cầu Ngói Thanh Toàn luôn thu hút đông đảo dân chúng và du khách đến xem và cổ vũ nhiệt thành.

VẬT VỖ

Một trong những nơi có truyền thống vật võ nổi tiếng nhất ở tỉnh Thừa Thiên Huế là làng Sinh, tên chữ là Lại Ân (nay thuộc xã Phú Mậu, huyện Phú Vang). Làng Sinh nằm bên ngã ba sông, nơi con sông Bồ hợp lưu với sông Hương trước khi xuôi về phá Tam Giang để thông ra biển. Đây là một làng nghề, chuyên làm tranh mộc bản để thờ cúng. Đối diện làng Sinh, bên kia sông là làng Thanh Phước, nơi có ngôi đền, thờ một phù điêu Champa, từng được triều Nguyễn sắc phong là *Kỳ Thạch phu nhân chi thần*. Nơi đây còn có vết tích một trại thủy quân thời các chúa Nguyễn. Khi mới đến Đàng Trong, để tăng cường sự phòng thủ mặt đông cho thủ phủ, chúa Nguyễn đã lập nơi đây một xưởng đóng thuyền và một trại thủy binh đêm ngày luyện tập võ nghệ và nghề sông nước. Những hoạt động của trại thủy binh đã mang đến cho vùng này một truyền thống vật võ còn lưu truyền đến nay. Trước tiên, người ta tổ chức đấu vật trong lực lượng thủy binh nhằm tuyển chọn những người có sức khỏe, để lên rừng tìm gỗ đóng thuyền, để đương đầu với kẻ thù lúc cận chiến. Sau thời các chúa Nguyễn, các sói vật ở làng Sinh được tổ chức hàng năm nhằm tuyển chọn và tưởng thưởng những thanh niên có lòng can đảm, sức mạnh và mưu trí, để lên rừng lấy cây vang, cây hòe về chế màu; xuống biển lấy vỏ sò, vỏ điệp về nung thành bột, đem trộn với hồ, quét lên giấy dó để in tranh.

Hội vật tổ chức ngày mồng 10 tháng Giêng hàng năm. Sói vật được đắp bằng đất, ngay trước sân đình. Tuy diễn ra ở làng Sinh nhưng hội vật thu hút nhiều võ sĩ đến từ những vùng phụ cận như: Vĩnh Lại, Quy Lai, Dương Nỗ, Thanh Phước... Có cả những võ sĩ từ các làng quê ven biển như Thuận An, Hải Dương... đến đua tài.

Hội vật diễn ra trong một ngày. Sau khi vị tiên chỉ trong làng đọc lời khai cuộc và công bố luật lệ hội vật, người ta đốt lửa trong một chiếc đèn thăng thiên làm bằng vải theo nguyên lý hoạt động của một khinh khí cầu, rồi thả nó bay lên trời, báo hiệu hội vật bắt đầu.



Hội vật làng Sinh (xã Phú Mậu, huyện Phú Vang).

Ảnh: Trần Tuấn Anh.

Sau hiệp đấu khai hội mang tính nghi thức của hai bậc lão trượng trong làng là cuộc đua tài của thiếu nhi, kế đến mới là các hiệp đấu của người lớn. Người nào thắng liên tiếp ba đối thủ thì được dự vòng bán kết buổi chiều. Buổi chiều ai thắng được ba trận thì sẽ được vào vòng chung kết. Người vật bị đối phương nhấc bổng lên hoặc làm cho “lấm lưng trắng bụng” thì thua trận và bị loại trực tiếp, không được tham dự trận đấu thứ hai mà phải đợi đến sang năm mới được so tài trở lại.



Các lão đấu thủ thi đấu ở hội vật làng Thủ Lễ (thị trấn Sịa, huyện Quảng Điền). Ảnh: Nguyễn Phong.



Các nam đấu thủ thi đấu ở hội vật làng Thủ Lễ (thị trấn Sịa, huyện Quảng Điền). Ảnh: Nguyễn Phong.



Các nữ đấu thủ thi đấu ở hội vật làng Thủ Lễ (thị trấn Sịa, huyện Quảng Điền). Ảnh: Nguyễn Phong.

Ngoài hội vật làng Sinh, trên địa bàn Thừa Thiên Huế còn có hội vật ở làng Thủ Lễ (thị trấn Sịa, huyện Quảng Điền) cũng là nơi quy tụ khá nhiều tay vật từ các địa phương khác đến dự hội. Mỗi địa phương có một trường phái, một phong cách đấu vật riêng, chứng tỏ xứ Huế là một nơi giàu truyền thống vật võ. Truyền thống đó vẫn được duy trì tới nay, như là một hoạt động thể thao và là trò giải trí được công chúng ưa thích.

ĐU TIÊN

Du tiên là một trò vui có gốc gác từ miền Bắc, được du nhập vào Thuận Hóa từ rất sớm. Sách *Đại Việt sử ký toàn thư* cho biết: “Ất tị, năm thứ 8 niên hiệu Đại Trị đời Trần Du Tông (1363)... mùa xuân, tháng Giêng, người Chiêm Thành đến bắt dân ở châu Hóa. Hằng năm, cứ đến mùa xuân tháng Giêng, con trai, con gái họp nhau đánh đu ở Bà Dương. Người Chiêm Thành khoảng tháng Chạp năm trước, nấp sẵn ở nơi đầu nguồn của châu Hóa, đến khi ấy ụp đến cướp bắt lấy người đem về”.¹ Chuyện này xảy ra chỉ sau khi người Chiêm cắt đất Ô, Lý cho Đại Việt chưa đầy 60 năm, mà lại thành lệ đến nỗi người Chiêm biết mà phục sẵn chờ bắt người mang về, chứng tỏ trò chơi này rất hấp dẫn dân chúng và được tổ

chức thường xuyên ngay từ buổi đầu họ đặt chân đến đây.

¹. Ngô Sĩ Liên, *Đại Việt sử ký toàn thư (Bản dịch của Viện Sử học), Quyển 7, Tập II, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1967, tr. 150.*

Ở nhiều vùng nông thôn đồng bằng Bắc Bộ, đánh đu là một trò chơi phổ biến trong những ngày Tết với rất nhiều loại cây đu và lối chơi đu khác nhau. Song phổ biến nhất vẫn là hình thức đu đôi, vẫn được gọi là đu tiên, gồm một cặp thanh niên nam nữ cùng lên đu so tài. Bên cạnh cây đu, người ta treo một chiếc khăn hồng ở độ cao xấp xỉ chiều cao giá đu. Người dự cuộc phải đưa cánh đu bay cao, giật cho được chiếc khăn kia, mới được coi là thắng cuộc. Ngoài việc đu cao, họ còn phải nhún sao cho đẹp mắt, thì mới được tán thưởng như trong câu ca:

Nhún mình như thể nhún đu

Càng nhún càng đẹp, càng đu, càng mềm¹

¹. Nguyễn Thành Luông - Nguyễn Thị Thanh Bình, *Văn hóa dân gian cổ truyền. Những phong tục lý thú, NXB Thành phố Hồ Chí Minh, 1992, tr. 65.*

Những cuộc đu tiên ở Huế vẫn được tổ chức cho đến trước năm 1945. Trong các dịp lễ lượt quan trọng, chính phủ Nam triều thường tổ chức các cuộc đu tiên ở trước Phủ Văn Lâu để mua vui. Mỗi dịp như thế, người ta thường dựng từ 2 - 3 cây đu. Thời này, giá đu đã làm bằng gỗ, rất vững chắc, nhưng cánh đu và đòn đu thì vẫn làm từ những gốc tre đục. Cánh đu và đòn đu liên kết với nhau bằng những đoạn tre đập dập và được bện lại nhằm tăng độ đàn hồi cho đòn đu, giúp động tác nhún mềm mại và uyển chuyển hơn. Giải thưởng trong các cuộc đu lúc này là bằng tiền và người ta không còn treo chiếc khăn hồng cho các tay đu đoạt lấy như trước. Phần lớn các tay đu bấy giờ là nam giới, hiếm khi có nữ giới tham gia, vì phụ nữ Huế lúc ấy đã theo nếp gia phong Nho giáo, khác với phụ nữ thời các chúa Nguyễn, say trò đu tiên đến độ bị người Champa đến rình bắt mà không hay biết. Vì thế mà tính chất lãng mạn, quyến rũ của trò đu tiên đã phai pha dần.



Đu tiên ở làng Phước Yên

(xã Quảng Thọ, huyện Quảng Điền). Ảnh: Nguyễn Phong.



Bay bổng trên đu. Ảnh: Nguyễn Phong.

Ngày nay, trò đu tiên đã được tái hiện trở lại ở một số địa phương trong tỉnh Thừa Thiên Huế. Tại xã Phong Hòa (huyện Phong Điền) cứ vào dịp Tết Nguyên đán đến, người dân địa phương thường tổ chức đu tiên trong các ngày mồng Ba, mồng Bốn và mồng Năm Tết.

THẢ ĐIỀU

Thả điều là một trong những trò giải trí có sức sống lâu đời ở Huế. Cũng như ở miền Bắc, chơi điều lúc đầu chỉ là một trò chơi của trẻ em. Bọn trẻ đã tạo ra những con điều cung, điều phen hay điều dơi rất đơn giản. Chúng dùng giấy vàng mã hay giấy dó dán lên những khung tre hình cánh cung, dính vào dây hai dải giấy để làm đuôi. Vậy là đã có một con điều để tung lên trời cao với bao niềm mơ ước và đam mê thơ dại của chúng. Người ta không biết

được những người lớn ở Huế đã tham gia vào trò chơi này từ khi nào, cũng như vì sao từ những con diều đơn giản về cả tạo hình lẫn màu sắc, bỗng nhiên ở Huế, dưới thời Nguyễn, lại xuất hiện những con diều công, diều phụng rực rỡ, được chế tác bằng các chất liệu khác trước với một trình độ cao về nghệ thuật tạo hình cũng như kỹ thuật thả diều.

Ông Cottenceau Philippe, một người Pháp chuyên nghiên cứu về diều và là hội viên *Câu lạc bộ diều Au fil de Vents*, sau nhiều năm đi tìm tòi, khảo cứu và học kỹ thuật làm diều ở Pháp, Trung Quốc, Malaysia, Singapore, Indonesia, Nhật Bản và Việt Nam, đã cho rằng nghệ thuật diều Huế bắt nguồn từ Trung Hoa. Có thể những viên quan nhà Nguyễn trong các chuyến đi sứ sang Trung Quốc đã tiếp thu kỹ thuật chế tác và cách thức trang trí các con diều của Trung Quốc rồi truyền dạy cho những người chơi diều ở Huế. Tuy chưa tìm được những tư liệu lịch sử nói về vấn đề này nhưng khi so sánh các con diều thời Thanh còn lưu lại ở Trung Hoa với các con diều Huế, người ta thấy có sự tương đồng về kỹ thuật, chất liệu và hình thức trang trí. Chỉ riêng những con diều làm theo đề tài hiện đại như diều máy bay, diều tên lửa... thì mới có sự khác biệt. Trong khi đó, con diều Huế lại khác xa với con diều ở đồng bằng Bắc Bộ ở tất cả các phương diện: tạo hình, trang trí, chất liệu... Điều này góp phần làm sáng tỏ câu hỏi: tại sao trong suốt mấy trăm năm tồn tại, con diều Việt ở đồng bằng Bắc Bộ, dù của trẻ con hay của người lớn, cũng gói gọn trong vài kiểu dáng đơn giản và dường như không được tô màu, trong khi chỉ trong mấy chục năm cuối thời Nguyễn, con diều Huế đã có những bước phát triển nhảy vọt về tạo hình, màu sắc và đề tài trang trí.

Dưới thời Bảo Đại (1926 - 1945), Phủ Doãn Thừa Thiên thường tổ chức những cuộc thi diều trong các dịp lễ hàng năm. Bấy giờ trong làng diều Huế đã xuất hiện những tên tuổi nổi tiếng như: Nguyễn Văn Bân, Đoàn Chúc, Trần Văn Đông, Ứng Sừng, Ứng Hạng... Những người này đã dùng các loại chất liệu mới để cải tiến con diều và nâng cao nghệ thuật thả diều: dùng vải thay cho giấy để phủ cánh diều; dùng vải bện dây thả diều thay cho dây bện bằng cật tre trước đây. Ngoài ra họ còn tham khảo các loại sáo diều từ miền Bắc để chế nên các bộ sáo cho con diều Huế. Vào thời điểm này, con diều Huế đã được vẽ màu, chủ yếu là hai cặp màu: xanh trắng hoặc đỏ vàng.

Vào những năm 1935 - 1940, nghệ nhân Ứng Sừng là người đầu tiên tạo ra những con diều bướm nhiều màu sắc, hiện vẫn còn phổ biến ở Huế.



(Cố) Nghệ nhân làm điều Nguyễn Văn Bê.

Ảnh: Lê Quang Hoàng.

Những người chơi điều ở Huế đã tập hợp nhau lại trong một tổ chức có tên là *Hội Cầu Phong*. Năm 1973, hội này được đổi tên thành *Hội Thừa Phong*. Sau ngày đất nước thống nhất, Hội Thừa Phong chấm dứt hoạt động nhưng những thành viên trong hội vẫn tiếp tục chơi điều riêng lẻ. Đến năm 1983, *Câu lạc bộ điều Huế* ra đời, thành phần chủ yếu là những hội viên của *Hội Thừa Phong* trước đây, tiếp nối nghệ thuật chế tác và kỹ thuật thả điều của các lớp nghệ nhân tiền bối.

Điều Huế phong phú về màu sắc và hình dáng: điều bướm, điều công, điều phụng, điều rồng, điều rít (rết), máy bay, tên lửa... Có cả những con điều được làm ra dựa theo các điển tích xưa như: *đại bàng cặp công chúa* (truyện Thạch Sanh), *các nhân vật trong truyện Tấm Cám*, *gà chọi*, *chèo bẻo đánh quạ*, *phượng hoàng sinh con*... Những con điều này do một người hoặc một nhóm người phối hợp thả lên không trung rồi dùng dây điều khiển để chúng diễn tả các tích tuồng như những nhân vật trong một vở múa rối. Các nghệ nhân đã biến thả điều từ một trò giải trí bình thường thành bộ môn nghệ thuật độc đáo, được nhiều người tôn vinh là “nghệ thuật múa rối trên không”.



Điều Đại bàng cặp công chúa. Ảnh: Đào Hoa Nữ.

Chơi điều ở Huế là một thú vui được nhiều người hưởng ứng. Trẻ em thì chơi những con điều đơn giản do chúng tự làm nên; còn người lớn, đặc biệt là lớp người quyền quý thường bỏ tiền thuê các nghệ nhân làm những con điều đẹp, cầu kỳ để chơi hoặc để biểu diễn trong các dịp lễ lượt hội hè. Thú vui ấy nay vẫn được tiếp tục và trở thành một nét văn hóa đặc sắc của xứ Huế.

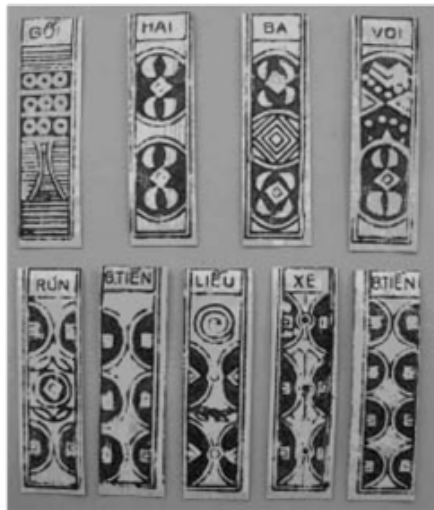
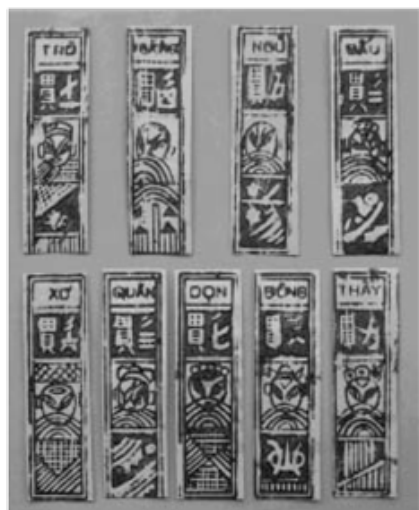
BÀI CHÒI VÀ CÁC TRÒ CHƠI TỪ BỘ BÀI TỐI

Tết đến, thú vui được người Huế nói riêng, người Việt nói chung, quan tâm nhiều nhất là các trò cờ bạc, đồ đen, dưới nhiều hình thức khác nhau. Một trong những trò chơi đó là *bài chòi*.

Bài chòi có mặt ở nhiều tỉnh miền Trung trong những ngày Tết và mỗi nơi có một lối chơi riêng, mang truyền thống của từng vùng đất. Ở Huế, lối chơi bài chòi có nét khác biệt so với lối chơi bài chòi ở Bình Định và Quảng Nam. Sự khác biệt ấy thể hiện ở nội dung câu hò, điệu hò, ở số người tham dự và số lần chơi trong một cuộc bài. Người ta đến với bài chòi trong dịp năm mới không phải vì say mê trò sát phạt, mà chỉ là dịp để thủ vậ hên xui trong ngày đầu năm và để được đắm mình trong không khí rộn ràng, đầy lạc thú từ những điệu hò dí dỏm, những giọng cười sảng khoái và cả niềm hy vọng thắng cuộc nho nhỏ mà trò chơi này mang lại.

Trò chơi bài chòi dựa trên một bộ bài gồm 30 cặp quân bài mà

người Huế quen gọi là *bài tới*. Cũng như những nơi khác ở miền Trung, bộ bài tới ở Huế có ba pho: *văn*, *vạn*, *sách* và ba cặp *bài yêu*. *Pho văn* gồm các con bài: *gối*, *trường hai*, *trường ba*, *voi*, *rún*, *sáu tiền*, *liễu*, *tám tiền*, *xe*. *Pho vạn* có các con bài: *học trò*, *tám cẳng*, *ba đấu*, *xơ*, *quần*, *nhọn*, *bồng*, *thầy*. *Pho sách* có các con bài: *nọc đượng*, *nghèo*, *gà*, *giống*, *dày*, *sáu hột*, *sưa*, *tám giây*, *đỏ mỡ*. Ba cặp *bài yêu* là: *ông âm*, *thái tử*, *bạch tuyết*.



Pho văn trong bộ bài tới (trái) và *pho vạn* trong bộ bài tới (phải).

Ảnh: Trần Đức Anh Sơn.



Pho sách trong bộ bài tới (trái) và ba cặp *bài yêu* trong bộ bài tới (phải). Ảnh: Trần Đức Anh Sơn.

Các con bài được in trên giấy bản dài 12 cm, rộng 3 cm, rồi phết lên giấy cứng một mặt nhuộm xanh hoặc đỏ. Tên gọi và hình vẽ các con bài rất lạ lùng và kỳ bí. Có người cho là các hình vẽ này vừa mang dấu ấn của bùa chú, vừa phảng phất nét u uất của văn hóa Champa, lại vừa pha phách những kiểu thức trang trí của người Thượng. Người ta khắc hình lên khuôn gỗ, bôi mực lên và in. Đó cũng là một lối in tranh trên giấy dó mà người dân ở làng Sinh, một làng ngoại ô ở phía đông bắc kinh thành Huế, dùng để in tranh thờ cúng, bán trong các dịp lễ Tết, cúng giỗ.

Nhiều ý kiến cho rằng bộ bài tới và lối chơi bài chòi có gốc gác từ Bình Định, nơi trò chơi này rất phổ biến và các điệu hò bài chòi vô cùng phong phú.¹

1. Trò chơi bài chòi phổ biến ở các tỉnh miền Trung Việt Nam từ Khánh Hòa cho đến Quảng Bình, nhưng Bình Định được coi là cái nôi của nghệ thuật bài chòi. Ngày 25.8.2014, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch Việt Nam đã công nhận nghệ thuật bài chòi của 9 tỉnh: Khánh Hòa, Phú Yên, Bình Định, Quảng Ngãi, Quảng Nam, Thừa Thiên Huế, Quảng Trị, Quảng Bình và thành phố Đà Nẵng là Di sản văn hóa phi vật thể quốc gia, thuộc loại hình nghệ thuật trình diễn dân gian.

Ngày 7.12.2017, tại kỳ họp thứ 12 của Ủy ban Liên Chính phủ Công ước UNESCO 2003 về bảo vệ di sản văn hóa phi vật thể, diễn ra tại Jeju (Hàn Quốc), hồ sơ “Nghệ thuật bài chòi Trung Bộ của Việt Nam”, đã được chính thức ghi tên vào Danh sách Di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại.



Hội bài chòi ở Cầu Ngói Thanh Toàn (Hương Thủy, Thừa Thiên Huế).

Ảnh: Trần Đức Anh Sơn.



Ảnh hiệu hô bài chòi ở Cầu Ngói Thanh Toàn.

Ảnh: Trần Đức Anh Sơn.

Tết đến, trên khoảng sân rộng trước đình làng hay ở nơi họp chợ của một làng quê, người ta dựng lên mười một cái chòi bằng tranh tre. Chính giữa là một chòi lớn hình lục giác dành cho những người tổ chức cuộc chơi, gọi là chòi trung ương. Hai bên chòi trung ương có mười chòi nhỏ, mỗi phía năm chòi, là nơi các chân bài ngồi dự cuộc chơi. Vào cuộc chơi, một người trong ban tổ chức giữ chân chạy cờ, thường được gọi là *anh hiệu*, giống một hồi trống, đồng dục mời các tay chơi lên chòi, cùng lúc ban nhạc gồm kèn, trống, đàn nhị, sênh... cử một bản hòa tấu mở đầu cuộc chơi. Anh hiệu buông dùi trống, vội vàng đem *cờ ngân* - cờ thay thế cho số tiền đặt cược trong một hội - đi bán cho mỗi chủ chòi. Bán xong cờ ngân đến lượt hai người phụ việc mang một ống tre đựng các con bài đến các chòi để mời chủ chòi lấy năm con bài. Người ta dùng bộ bài tới gồm 56 con bài (không sử dụng hai cặp bạch tuyết và nọc đượng). Các con bài được dán vào một thẻ tre có phần trên to và đẹp, phần dưới nhỏ và tròn. Mỗi chòi, kể cả chòi trung ương đều được năm thẻ, còn một thẻ dùng cho anh hiệu *đi chợ* - mở đầu

cược chơi. Phát bài xong, người chạy cờ đăng hăng một tiếng rồi hô: “*Hai bên lắng lắng mà nghe con bài đi chợ: con...*”. Anh ta xướng tên con bài đi chợ bằng tiếng ngân dài chen lẫn tiếng trống gỗ, tiếng đàn cò réo rắt. Người nào có con bài thứ hai đúng với tên con bài đi chợ vội vã hô lên và rút kèm một con bài khác đưa cho anh chạy cờ. Rồi một câu hò khác được vang lên. Cứ như thế cho đến khi có người gõ lên cái mõ tre treo cạnh chòi mình, miệng hô lớn: “*Tới rồi! Tới rồi!*”, để thông báo con bài mà anh hiệu vừa hò trùng với con bài cuối cùng trên tay mình, nghĩa là đã có người thắng cuộc, thì ván bài kết thúc. Người chạy cờ vội vã mang đến cho chòi của người vừa tới một lá cờ đuôi nheo, giắt lên mái chòi, để cho nó bay phấp phật trong làn gió xuân ấm áp, rồi bắt đầu ván khác. Người ta chỉ chơi 10 ván là xong một hội. Phần tiền của ván thứ 11 là phần thưởng cho ban tổ chức. Kết thúc một hội, người ta mang các lá cờ ngân đến bán lại cho chòi trung ương để lấy tiền.



Ngày Tết, người Huế thường tụ họp chơi *bài tới* với nhau.

Ảnh: Trần Đức Anh Sơn.

Được một cờ coi như huê (hòa) vốn. Hai, ba cờ trở lên coi như vận đỏ đầu năm đã đến gõ cửa. Cái hấp dẫn của thú chơi bài chòi là ở giọng hò của anh hiệu. Đó phải là một người thật vui, thật tếu, giỏi ứng đối mới điều khiển nổi trò vui này. Anh ta là linh hồn của cuộc vui, vừa là người bày trò, kiêm luôn diễn viên hát tuồng để mua vui cho mọi người. Vì lẽ đó mà sân đình khi có hội bài chòi

luôn đầy ắp tiếng cười, tiếng nhạc vang xa đến tận thôn cùng ngõ hẻm, đủ sức hấp dẫn các cụ ông cụ bà, đám trẻ con, người lớn đến với cuộc vui này.

Một biến thể của trò chơi bài chòi là *bài ghế*, hiện rất phổ biến trong các hội xuân ở những làng quê phụ cận Huế. Bài ghế chơi tương tự bài chòi, nhưng người ta không làm từng chòi nhỏ mà làm một cái trại lớn, hay có thể sử dụng hội quán, đình làng để tổ chức, rồi xếp ghế thành hình chữ U. Ban tổ chức ngồi ở đáy chữ U. Hai cánh chữ U là hai phe. Mỗi phe năm người. Sau khi phát các con bài cho các thành viên trong cuộc chơi, anh hiệu lấy một con bài bất kỳ để đi chợ và tiến trình cuộc chơi diễn ra tương tự lối chơi bài chòi. Nhưng sau đó ai tới thì ván sau họ được quyền “đi chợ”. Người ta chỉ chơi có 8 ván trong một hội bài. Hai ván còn lại dành cho ban tổ chức. Có một điều khác với bài chòi là ở trò chơi này người ta sử dụng tất cả 60 quân bài. Con *nọc đượng* tượng trưng cho dương vật của đàn ông và con *bạch tuyết* ám chỉ âm vật của phụ nữ cũng được sử dụng và chúng có những câu hò rất độc đáo và dí dỏm. Những câu hò ấy luôn là động lực hấp dẫn người dự cuộc.

Người Huế còn sử dụng bộ bài tới để sáng tạo nên nhiều trò chơi khác nhau như: *bài thai*; *bài nọc*; *bài đôi*; *bài phu*...

- *Bài thai*: So với chơi bài chòi, bài thai ít rộn rã hơn, nhưng cũng không kém phần thú vị. Đó cũng là một trò chơi mượn giọng hò làm phương tiện mua vui như bài chòi. Điệu hò này gọi là *hò thai*. Trò chơi do một người đứng ra tổ chức gọi là *nhà cái*. Nơi chơi bài thai thường là một ngã tư giữa hai lối xóm. Người tổ chức chơi bài thai đem một chiếc chiếu bông trải dưới bóng gốc cổ thụ đầu xóm. Giữa chiếu có đặt một tấm giấy rộng, dán trên bìa cứng, kẻ 30 ô vuông. Trong mỗi ô vuông là một con bài lấy từ một nửa bộ bài tới. Nhà cái giữ lại nửa kia, cũng 30 con giống như những con bài trên ô vuông. Vào cuộc chơi, nhà cái bí mật đặt một con bài thai vào một cái đĩa¹, lấy chén úp lên trên rồi bắt đầu hò thai. Câu hò có nội dung liên quan đến tên con bài thai, để các tay chơi theo đó mà đặt cược. Đợi người chơi đặt cược xong, nhà cái mở cái chén, trình con bài thai ra, giải thích ý nghĩa câu hò ứng với con bài đã hò. Ai đoán trúng sẽ được số tiền gấp tám lần số tiền đặt cược. Nếu sai số tiền đó thuộc về nhà cái. Cái hay của bài thai là ở những câu hò, tuy ứng tác nhưng rất thâm trầm, ý nhị khiến người chơi phải có trí thông minh, biết xét đoán câu hò để đặt cược cho trúng. Mỗi con bài phải được chuẩn bị vài ba câu hò khác nhau để đánh đố người chơi, song chúng phải hợp lý khi giải thích cho tên con bài thai. Ví như khi thai con bài *liều*, nhà cái sẽ hò: “Thiếp đừng nhắc

cảnh gia đình mà trăm hờn ngàn giận. Chàng ra đi cũng muốn lui về thăm con viếng vợ, nhưng chàng về chưa được vì mặt trận đương dần. Em ở nhà nuôi thầy dưỡng mẹ, cứ tạm gác một thời gian. Đợi ngày quân thù rút hết, nước lặng thành yên chàng về”. Câu hò này cũng nói về nỗi day dứt của kẻ chinh phu vì không gánh vác việc nhà, để người vợ nơi hậu phương phải đem thân bỏ liễu đảm đương việc gia đình. Nhà cái đã mượn chữ *bỏ liễu* thường dùng để chỉ phận nữ nhi, ấy để thai con bài *liễu*. Hay như khi thai con bài *xơ*, nhà cái sẽ hò: “Thương nhớ dạng chồng ruột như tơ vầy một trăm múi, chàng ra đi em nuôi thầy dưỡng mẹ, em cứ nguyện một lòng vô cú ra lòn. Thương khuyên cùng chàng đừng có ham chơi chốn gác tía lầu son. Nhớ cảnh quê nhà làm thuê cắt mướn chớ để vợ con tôi tàn”. Câu hò nói đến cảnh bần hàn, *xơ xác* của một gia cảnh có chồng ham rượu chè, đàn đúm, tức ám chỉ con bài *xơ*. Cũng nhờ sự hấp dẫn của những câu hò trí tuệ như thế nên đám bài thai không mấy lúc thừa người.

¹. *Đĩa: từ địa phương, chỉ “đĩa”(BT).*

- *Bài nọc*: Nếu bài thai, bài chòi mượn câu hò để giải trí trên phương tiện là những quân bài trong bộ bài tới, thì bài nọc lại sử dụng ngay cái vỏ vật chất là những hình trang trí trên các quân bài để chơi. Bài nọc là một trò chơi có tính may rủi, do vậy nó mang nặng tính sát phạt nhất trong các trò giải trí từ bộ bài tới. Lối chơi này thường được các cụ già ưa thích. Bởi lẽ họ không còn đủ sức để ra đến đình làng hò reo với đám chơi bài chòi, nên yên phận ở ngay trong nhà, cùng với các ông bạn vong niên, nay cũng đã gần đất xa trời, kiếm trò vui xuân. Chơi bài nọc rất đơn giản. Thông thường có từ sáu đến tám người tham gia, trong đó có một người làm nhà cái. Các con bài được xếp một nọc ở giữa chiếu rồi mọi người lần lượt bốc. Nhà cái bốc sau cùng. Ai được điểm cao hơn nhà cái thì được nhà cái chung tiền gấp đôi số tiền đặt cược. Trên các con bài tới hoàn toàn không có số, vì vậy người ta quy định các nút trong đầu chim, đầu người, đồng tiền... là một điểm. Điểm cao nhất cho mỗi lần chơi là chín điểm, quá chín điểm là bù; thấp nhất là sáu điểm, ai chưa đủ sáu điểm mà không bắt thêm bài thì bị phạt tiền.

- *Bài đôi*: Bài đôi cũng là một trò chơi sử dụng bộ bài tới, được người dân làng Triều Thủy (xã Phú An, huyện Phú Vang), một ngôi làng nhỏ nằm ở đông nam thành phố Huế, thường tổ chức vào những ngày xuân.

Có nhiều cách giải thích khác nhau về tên gọi *bài đôi*: một số ý kiến cho rằng tên bài đôi xuất phát từ chữ *đôi bài* hay *cặp bài*, vì khi chơi, người ta sử dụng bộ bài gồm 24 đôi/ cặp và một con bài lẻ; một số người cao tuổi thì cho rằng tên bài đôi xuất phát từ chuyện *se duyên đôi lứa* trong những cuộc chơi, rồi sau đó nhiều đôi trai gái nên vợ thành chồng.

Để chơi bài đôi, người ta sử dụng 49 con bài, gồm 24 cặp: *âm, tử, mỏ, bông, hương, gỏi, xe, tuyết, tám giấy, tám tiền, liều, giày, sưa, sáu hột, sáu tiền, rún, giống, voi, gà, nghèo, trường ba, trường hai, trò, nọc đượng* và chỉ một con bài *quần*.

Số bài này được chia đều cho bảy người chơi. Một ván bài được tính từ khi chia bài đến khi xuất hết bảy con bài.

Bài đôi là loại bài đối kháng tập thể, do đó cần phải xuất bài sao cho khéo léo từ nước thứ nhất cho đến nước cuối cùng của một ván bài để giành thắng lợi. Theo quy ước, bài đôi được tính từ lớn xuống bé: cao nhất là con *âm*, giá trị là 12 điểm (hay nút); kế đến là *tử* (11 điểm/ nút); *mỏ* (10 điểm/nút); các con bài: *gỏi, xe, bạch tuyết* (đều chín điểm/nút); các con bài: *tám giấy, tám tiền* (đều tám điểm/nút); các con bài: *liều, giày, sưa* (đều bảy điểm/ nút); các con bài: *sáu tiền, sáu hột* (đều sáu điểm/nút); *rún* (năm điểm/nút); các con bài: *voi, giống* (đều bốn điểm/ nút); các con bài: *trường ba, gà, nghèo* (đều ba điểm/nút); trường hai (hai điểm/nút); các con bài: *trò, bông, hương, nọc đượng, quần* (đều một điểm/nút). Các con bài có số nút bằng nhau sẽ được tính ngang nhau, nhưng nếu tay cái hoặc tay trên (được tính theo chiều ngược chiều quay của kim đồng hồ) xuất bài thì xem như con bài đó được tính thắng.

Trong bài đôi, vì con *âm* là quân bài lớn nhất nên phải đi theo luật, tức là phải đi theo các nước thứ nhất, thứ ba, thứ năm và nước cuối. Nhưng muốn xuất con *âm* ở nước thứ năm thì nước tiếp sau nó phải có một đôi. Còn các con bài khác thì xuất nước nào cũng được.

Bài đôi có hai kiểu đối chơi: đối chơi theo từng đôi hoặc theo từng con bài một, tùy theo nhà cái thách đối.

Nhưng dù đối chơi theo kiểu nào thì số nút của con bài vẫn là điểm căn cứ để phân thắng bại.

Để chọn người thách đối trong ván bài đầu tiên, các tay chơi để úp bộ bài ra giữa hội và tổ chức bốc cái. Người bốc được con bài lớn nhất sẽ cầm cái, được chia bài cho hội và có quyền thách đối. Cuối

mỗi ván bài, tay chơi nào có con bài nổi sau cùng sẽ cầm cái cho ván bài kế tiếp.

Cách tính thắng bại của một ván bài đôi:

+ Tay chơi nào có một quân bài nổi thì xem như ván bài đó hòa.

+ Tay chơi nào có hai quân bài nổi thì thắng được một tay chơi khác.

+ Tay chơi nào có ba quân bài nổi thì thắng hai tay chơi khác.

+ Ăn trắng: Khi một trong các tay chơi có cả bảy quân bài nổi và mỗi tay chơi bị thua ít nhất hai quân bài. Số điểm thắng sẽ được tính gấp đôi.

+ Ăn xúc: Khi người thách đấu xuất thành công đôi hương, được tính gấp đôi ăn trắng.

+ Ăn đền: Khi tay chơi xuất quân bài âm không đúng luật để cho đối phương ăn xúc thì tay chơi này phải chịu thua cả hội bài.

- *Bài phụ*: Bài phụ cũng dùng các con bài trong bộ bài tới để chơi, nhưng chỉ sử dụng tối đa là 16 cặp bài. Trước khi chơi, người ta lựa ra 16 cặp bài, theo thứ tự từ lớn đến nhỏ, gồm: *âm, tử, mỏ, xe, gối, liễu, tám tiền, tám giấy, sáu hột, sáu tiền, giống, giày, sưa, voi, trường ba, trường hai*.

Theo luật chơi bài phụ, nếu có đủ bốn người chơi thì sử dụng cả 16 cặp bài này. Nếu chỉ có ba người chơi thì bỏ bớt các cặp: *sáu tiền, giống, giày* và *sưa*, để cho mỗi tay chơi luôn có tám con bài.

Chơi bài phụ giống như chơi bài tam cúc, tức là ra bài theo ba cách: *bộ ba, cặp đôi* và *nước một*. Bộ ba thì có 'bộ ba thượng' gồm các con bài: *âm, thái tử, đỏ mỏ*; 'bộ ba xe' gồm: *xe, liễu, tám tiền* và 'bộ ba đất' gồm: *voi, trường hai, trường ba*. Cặp đôi thì có hai con giống nhau là kết thành một đôi. Mấy con bài dư ra thì đánh nước một. Ai ra bài lớn thì 'ăn' các người khác và được giành quyền làm cái. Nếu bài ra giống nhau thì người làm cái được ăn. Hết ván bài, ai có nhiều bài ăn sẽ giành phần thắng. Nếu chơi bài chòi hay bài tới thường chỉ nhờ vào sự hên xui, thì chơi bài phụ phải tính toán cao thấp rất nhiều.

Từ bộ bài tới chung cho cả vùng đất miền Trung, người Huế đã sáng tạo nhiều trò chơi, mỗi trò mỗi vẻ, làm phong phú thêm cho những trò vui ngày Tết.

Trò chơi và thú tiêu khiển mang tính hội nhóm

NGÂM VỊNH VÀ ĐỐI HỌA THƠ VĂN

Là kinh độ nên Huế là nơi gặp gỡ của nhiều văn nhân, thi sĩ từ khắp mọi miền đất nước. Bản thân các ông vua nhà Nguyễn như vua Thiệu Trị, vua Tự Đức cũng là những thi sĩ có bút lực đáng kinh ngạc. Vua Thiệu Trị từng nổi tiếng với *Thần kinh nhị thập cảnh thi vịnh* (神京二十景詩咏), viết về 20 cảnh đẹp hàng đầu của kinh đô Huế. Hoặ như vua Tự Đức, sinh thời từng viết đến 4.000 bài thơ chữ Hán, 600 bài văn, khoảng 100 bài thơ chữ Nôm. Trong các ông hoàng, bà chúa nhà Nguyễn, Tùng Thiện Vương Miên Thẩm, Tuy Lý Vương Miên Trinh và ba cô em gái của hai ông là Trọng Khanh, Thúc Khanh, Quý Khanh, là những gương mặt sáng giá trong làng thi ca Huế hồi thế kỷ XIX. Những người này cùng với các thi hữu, vốn là quan lại đương triều hay nho sinh các tỉnh tụ hội về, đã lập nên các thi xã để cùng sinh hoạt văn chương thi phú. Những thi xã như *Tùng Vân thi xã* (do Tùng Thiện Vương sáng lập), *Đông Sơn thi tửu hội* (do Đoàn Hữu Trưng sáng lập), *Hương Bình thi xã* (do Ứng Bình Thúc Giạ Thị sáng lập)... là những thi xã nổi tiếng được đời sau biết đến. Gắn liền với những thi xã là những địa danh như Ký Thưởng viên, Thỉnh Nguyệt đình, Lộc Minh đình... là nơi lui tới thường xuyên của các bậc văn nhân, thi sĩ chốn thần kinh. Từ những buổi sinh hoạt văn chương ấy, nhiều tập thơ danh tiếng đã ra đời như *Thương Sơn thi tập* (của Tùng Thiện Vương), *Diệu Liên thi tập* (của công chúa Mai Am, tức Thúc Khanh), *Lộc Minh thi tập* (của Ứng Bình Thúc Giạ Thị)... Ngay như Cao Bá Quát, tác giả hai câu thơ: “Ngán thay cái mũi vô duyên. Câu thơ thi xã, con thuyền Nghệ An” để chê thơ của các thi hữu trong *Tùng Vân thi xã*, về sau, cũng tham gia thi xã này và để lại nhiều bài thơ cả Hán lẫn Nôm, đặc biệt là văn ca trù. Điều này chứng tỏ sinh hoạt thơ văn, đối vịnh trong các thi xã là một hoạt động tiêu khiển được giới thi sĩ và các bậc học thức bấy giờ ưa chuộng. Họ

tập hợp nhau lại, chọn những chủ đề lý thú rồi cùng làm thơ theo lối xướng họa. Một trong những bài thơ tiêu biểu cho cách làm thơ này là bài Hòa Lạc ngâm do ba anh em Tùng Thiện Vương, Tuy Lý Vương, Tương An Công cùng sáng tác. Bài thơ có đoạn mở đầu như sau:

*Trời nam vừa thuở thanh bình
Non hùm bật dấu, biển lành lặng tằm
Ngày hôm rằm, tiết hè đương tạnh
Vâng chiếu rồng, tuần hạnh Thuận An
Pháo đài bầy tiếng sấm vang
Thuyền chèo tách nước, cờ phan cuối trời...*

Trong đó, hai câu đầu là của Tùng Thiện Vương, hai câu tiếp do Tuy Lý Vương sáng tác còn hai câu sau là của Tương An Công. Cứ thế mà tiếp diễn đến hết bài thơ.

Một chuyện khác, cũng nói lên nét độc đáo, thú vị trong sinh hoạt của các thi xã. Đó là vào năm 1951, xuất phát từ ý tưởng của Ứng Bình Thúc Giạ Thị, chủ nhân ông của *Hương Bình thi xã*, lúc này đã 75 tuổi: “Sao không làm thơ điệu lúc còn sống mới được thưởng thức hết chứ”¹, những thi hữu trong thi xã đã tổ chức một *lễ sanh điệu* (lễ tế sống) thi ông Ứng Bình Thúc Giạ. Họ làm thi phú, văn tế, câu đối mang đến phúng điệu Ứng Bình Thúc Giạ Thị nơi đình Lộc Minh suốt cả mùa xuân năm ấy.²

¹. Tôn Nữ Hỷ Khương, *Hồi ức về cha tôi: Ứng Bình Thúc Giạ Thị*, NXB Văn nghệ Thành phố Hồ Chí Minh, 1996, tr. 73-74.

². Tôn Nữ Hỷ Khương, *Sách đã dẫn*, tr. 74.

THƯỞNG THỨC CA MÚA NHẠC

Một trong những thú vui tiêu biểu của xứ Huế, có từ thời Nguyễn, nay vẫn tồn tại và phát triển là *thú thưởng thức ca múa nhạc*.

Huế là kinh đô của hai triều đại phong kiến, trong đó thời gian trị vì của nhà Nguyễn kéo dài gần 1,5 thế kỷ nên dấu ấn mà triều đại này để lại cho Huế quá lớn; không chỉ là cung điện, lăng tẩm, đàn

miếu mà cả trong lĩnh vực văn nghệ và thưởng thức văn nghệ, trong đó có ca múa nhạc cung đình và ca Huế.

Nghệ thuật ca múa cung đình ra đời ở Huế vào khoảng đầu thế kỷ XVII. Tương truyền, Đào Duy Từ (1572 - 1634) là người đã lập ra *Hòa Thanh thự* dưới thời chúa Nguyễn Phúc Nguyên cầm quyền (1613 - 1635), tập hợp các nghệ nhân vào ba đội chuyên trách *nhạc, hát và múa* để phục vụ triều đình chúa Nguyễn trong các dịp lễ lạt được tổ chức thường kỳ ở Đàng Trong, cũng như để phục vụ cho nhu cầu giải trí của các chúa và hoàng gia họ Nguyễn. Đào Duy Từ đã tiếp thu nghệ thuật múa cung đình từ Thăng Long và nghệ thuật múa dân gian, múa tôn giáo, múa trên sân khấu tuồng... của cư dân Đàng Trong bấy giờ, đồng thời sáng tác thêm một số điệu múa để truyền dạy và biểu diễn ở Hòa Thanh thự.

Vào đầu triều Gia Long (1802 - 1820), triều đình cho thành lập hai đội ca múa, gọi là *đội Tiểu nam* và *đội Tiểu hầu*, mỗi đội có một người đứng đầu là Chánh ca và 184 diễn viên được tuyển chọn từ những người giỏi nghệ thuật hát múa. Đến năm 1804, vua Gia Long cho lập *Việt Tương thự*, đứng đầu là Thự trưởng và 121 diễn viên thuộc bộ môn hát bội và ca múa nhạc để phục vụ nhu cầu nhạc lễ của triều đình và biểu diễn ca múa nhạc cho vua và hoàng gia thưởng ngoạn.

Năm 1820, vua Minh Mạng cho đổi *Việt Tương thự* thành *Thanh Bình thự*. Nhà vua cũng thành lập ra *đội Nữ nhạc* với 50 thành viên để phục vụ ở điện Phụng Tiên, nơi phái nữ trong nội cung tế lễ các tổ tiên triều Nguyễn. *Đội nữ nhạc* cũng được dùng để múa dâng rượu ở các dịp đại khánh trong cung. Vua Minh Mạng còn cho lập ra một đoàn tuồng thuộc Thanh Bình thự, để trình diễn trong những dịp đại lễ. Đoàn tuồng này sau phát triển và trình diễn cho đến ngày triều Nguyễn cáo chung.¹

Năm 1889, vua Thành Thái lại đổi tên *Thanh Bình thự* thành *Võ Can đội*. Vua còn lập ra *đội Đồng Ấu* với 20 trẻ trai, và tập luyện cho chúng các lễ nhạc trong cung để làm dự bị cho *Võ Can đội*. Vua Khải Định sau này (1916 - 1925) lại tuyển thêm 50 đồng nam vào *đội Đồng Ấu*.² Đến thời Bảo Đại (1926 - 1945), các nghệ sĩ ca múa nhạc cung đình Huế lại được tổ chức thành một đội, gọi là *đội Ba Vũ*.³

¹. Thanh Bình thự hiện vẫn còn ở đường Chi Lăng (phường Phú Cát, Huế). Vào các ngày 16 tháng 3 và 16 tháng 7 âm lịch hàng năm, các nghệ sĩ ca múa nhạc truyền thống ở Huế đều tổ chức lễ giỗ Tổ ngành hát tuồng ở đây.

2. Trịnh Bách, *Nhã nhạc cung đình triều Nguyễn Việt Nam*, Tài liệu đánh máy, Huế, 2001, tr. 1.

3. Hiện nay, đội Ba Vũ được gọi là Nhà hát Nghệ thuật Truyền thống Cung đình Huế, đặt tại Duyệt Thị Đường trong Hoàng Thành Huế, thuộc sự quản lý của Trung tâm Bảo tồn Di tích Cố đô Huế.

Ca múa nhạc thời Nguyễn gồm *múa cung đình*, và *nhạc cung đình* (nhã nhạc) được triều đình thành lập, duy trì để biểu diễn phục vụ cho nhà vua, hoàng gia, triều thần nhà Nguyễn thưởng lãm trong các dịp tế lễ như: lễ lên vua Đinh, lễ tế Văn Miếu, lễ kỵ ở Thế Tổ Miếu, lễ Thánh thọ, lễ Vạn thọ, lễ tế Giao, lễ Tịch điền, lễ Thiên thu, lễ Thiên xuân, lễ Hưng quốc khánh niệm, các lễ Tứ tuần đại khánh, Ngũ tuần đại khánh của các vua, lễ tiếp sứ thần, lễ kết hôn của hoàng tử, công chúa...¹

Nghệ thuật múa cung đình thời Nguyễn rất phong phú và đặc sắc, với nhiều điệu múa, nhiều loại hình, màu sắc, phong cách thể hiện đa dạng, độc đáo, như: múa *Trình tường lập khánh* (múa liễn), múa *tế Giao*, múa *Tứ linh*, múa *Lân mẫu xuất lân nhi*, múa *Song phụng* (phụng vũ), múa *Lục cúng hoa đăng*, múa *Bát dật*, múa *Nữ tướng xuất quân*, múa *Tam tinh chúc thọ*, múa *Bát tiên hiến thọ*, *Phiến vũ* (múa quạt), múa *Đấu chiến thắng Phật*, múa *Tam quốc - Tây du*, múa *Lục triệt hoa mã dâng* (mã vũ), múa *Bài bông*, múa *Liệt vũ*, múa *Thanh hoa chi*, múa *Hồng hoa chi*, *Huỳnh hoa chi*, múa *Tiên đào quả vũ*...²

1. Võ Quê, “Nghệ thuật múa cung đình Huế”, Tài liệu đánh máy, Huế, 2005, tr. 2.

2. Võ Quê, “Nghệ thuật múa cung đình Huế”, Tài liệu đánh máy, Huế, 2005, tr. 3.

Song hành với *múa cung đình* là *nhạc cung đình Huế* (nhã nhạc). Nhạc cung đình dưới triều Bảo Đại, được cơ cấu thành ba đội/đoàn, để phục vụ cho các dịp lễ hội của triều đình. Cụ thể gồm:

- *Đội Tiểu nhạc*, tức là *đội Hòa Thanh*, còn được gọi là *Nhạc Chánh Đại Nội* hay *đội Nhạc Ngự Liễn*. Đội có 15 nhạc công luân phiên, 10 người lập thành ban nhạc và 5 người để dự phòng khi cần thay thế. Dân nhạc gồm có: *một đàn tam huyền, một đàn nhị, một đàn tỳ bà, một đàn nguyệt, hai quản, một sinh tiền, một phách đơn, một tam âm thanh la*, và *một trống bass* trong tay điều khiển của vị đội trưởng. Cái trống có eo, đánh dọc, gọi là *bổng cổ*, sẽ cùng với đội

Tiểu nhạc tấu khúc *Ai* khi có tang lễ trong cung. Một cái mõ sừng trâu (*câu giốc*) được thêm vào với đội Tiểu nhạc và cái *bồng cổ* khi đánh khúc *Bằng* trong các dịp kỵ giỗ ở các miếu. Đội Tiểu nhạc phục vụ tất cả lễ lớn nhỏ của triều đình, thí dụ như: dâng quang, đại triều, tế Giao, Nguyên đán, kỵ, yến... Quan trọng nhất là đội nhạc này lúc nào cũng phải đi liền với ngự liễn của hoàng đế trong mọi trường hợp.

- *Đội Đại nhạc*, hay *đội Kỳ cổ*. Đội này gồm các nhạc công sử dụng một trống lớn (*đại cổ*), hay một khánh đá lớn hình chữ L (*ly khánh/bác khánh*), một dàn 12 cái khánh đá nhỏ hình chữ L (*hiệu khánh/biên khánh*), một cái chuông đồng lớn (*bác chung*), một dàn 12 chuông nhỏ (*tiểu chuông/ biên chung*), bốn trống nhỏ (*tiểu cổ*), bốn *chập chĩa*, và bốn *kèn bầu*. Khi tế Nam Giao, dàn Đại nhạc có thêm một nhạc cụ bằng gỗ hình thang ngược gọi là *lệnh chúc*, dùng để đánh báo hiệu cho các ban nhạc những lúc đổi giai thoại của buổi lễ. Trong các đại lễ ở sân điện Thái Hòa, chuông và trống lớn trên Ngọ Môn cũng phụ họa với dàn Đại nhạc để khai lễ. Dàn Đại nhạc chỉ được dùng trong các đại lễ như: dâng quang, tế Giao, kỵ hưởng, đại triều, Nguyên đán...

- *Đội Ba Vũ* là đội ca vũ nhạc lễ được thành lập vào thời kỳ cuối của triều Nguyễn. Đội có hơn 200 thành viên, với 64 diễn viên múa *bát dật văn* và 64 diễn viên múa *bát dật võ*. Tất cả nghệ sĩ của hai ban nhạc và đội Ba Vũ dưới triều Bảo Đại đều là nam giới. Các Đồng ấu lúc này nhiều người đã lớn lên, và gia nhập đội Ba Vũ. Đội Nữ nhạc cũng ít hoạt động hơn.

Sau khi nhà Nguyễn cáo chung (tháng 8.1945), ca múa nhạc cung đình Huế cũng lâm vào thời kỳ thoái trào, và có lúc dừng hoạt động hẳn. Mãi cho đến cuối thập niên 1990, những hoạt động phục hồi ca múa nhạc cung đình Huế mới được chú ý, với mục đích tái hiện để phục vụ hoạt động du lịch. Tuy nhiên, từ năm 2001, Trung tâm Bảo tồn Di tích Cố đô Huế đã tổ chức phục hồi nghiên cứu, biểu diễn và truyền dạy ca múa cung đình và *nhã nhạc*, đồng thời tiến hành lập hồ sơ đề nghị UNESCO công nhận nhã nhạc là Di sản văn hóa phi vật thể của nhân loại, thì nhã nhạc triều Nguyễn đã được phục hưng, được truyền dạy cho các thế hệ nhạc công trẻ của xứ Huế và biểu diễn thường xuyên phục vụ du khách đến thăm Huế và công chúng ở Huế.

Năm 2003, UNESCO công nhận *Nhạc lễ cung đình Việt Nam (Nhã nhạc triều Nguyễn)* là Di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại thì nhã nhạc được tôn vinh, bảo tồn và phát huy giá trị. Theo đó, ca múa nhạc cung đình Huế cũng được hồi sinh mạnh mẽ.



Trình diễn *Nhã nhạc cung đình* tại Duyệt Thị Đường trong Đại Nội Huế.

Ảnh: Trần Đức Anh Sơn.



Múa *Vũ phiến* tại Duyệt Thị Đường trong Đại Nội Huế.

Ảnh: Trần Đức Anh Sơn.



Múa *Lục cúng hoa đăng* tại Duyệt Thị Đường trong Đại Nội Huế.

Ảnh: Trần Đức Anh Sơn.



Múa *Lân mẫu xuất lân nhi* tại Duyệt Thị Đường trong Đại Nội Huế.

Hiện nay, hằng ngày tại Nhà hát Duyệt Thị Đường trong Đại Nội Huế, ca múa nhạc cung đình vẫn được biểu diễn thường xuyên để phục vụ du khách. Trong các kỳ Festival Huế từ năm 2000 đến nay, nhã nhạc triều Nguyễn nói riêng, ca múa nhạc cung đình Huế nói chung, luôn là những tiết mục chủ đạo, được trình diễn trong các chương trình nghệ thuật chính thức của Festival. Ca múa nhạc cung đình Huế còn thường xuyên đi biểu diễn ở nước ngoài như Pháp, Nhật Bản, Hàn Quốc, Trung Quốc, Hoa Kỳ... và được khán giả quốc tế đánh giá rất cao.

Ngoài việc thưởng ngoạn các vở tuồng, các điệu múa cung đình trong các nhà hát của triều đình như Duyệt Thị Đường, Minh Khiêm Đường, vốn được coi là một món “độc quyền” của vua chúa bởi quy mô và mức độ tốn kém của các loại hình nghệ thuật này, ở Huế còn có một thú vui khác rất được những người thuộc tầng lớp thượng lưu tán thưởng. Đó là thú thưởng thức ca nhạc Huế.

Ca nhạc Huế là sự kết hợp của nhã nhạc và ca Huế. Đó “không phải là loại nhạc dân gian, vì nó chỉ được giới quyền quý hoặc trong cung đình sử dụng..., là loại quan nhạc chứ không phải dân nhạc” (Nhận xét của GS. Trần Văn Khê).¹

¹. Dẫn theo: Tôn Nữ Hy Khương, *Sách đã dẫn*, tr. 74.



Trình diễn ca nhạc Huế tại Xung Khiêm Tạ ở lăng vua Tự Đức.

Ảnh: Trần Đức Anh Sơn.

Nhiều vị vua, nhiều ông hoàng, bà chúa và quan lại trong triều

như vua Tự Đức, Tùng Thiện Vương, Tuy Lý Vương, Tương An Công, Mai Am công chúa, Ứng Bình Thúc Giạ Thị, Nguyễn Công Trứ... đã đặt nhạc, viết ca từ cho các điệu ca Huế. Những người này trực tiếp góp phần vào việc sản sinh ra một thú giải trí được công chúng lớp trên yêu thích vào thời ấy, cũng chỉ có họ mới có đủ điều kiện tài chính và có đủ trình độ để thưởng thức thú quan nhạc giàu tính bác học này.

Thú vui này xuất phát từ Hoàng cung, trước hết, dành riêng cho vua và hoàng gia, sau lan ra các phủ đệ của các ông hoàng, bà chúa và đình thần, rồi mới trở thành một thú vui của các bậc tao nhân mặc khách trước khi phổ biến rộng rãi trong công chúng như hiện nay. Ca nhạc Huế có thể được tổ chức trong các phủ đệ theo kiểu ca nhạc thính phòng hay trong các khoang đò trên sông Hương trong những đêm trăng thanh gió mát.

Đêm ca nhạc Huế thường diễn ra ở một vương phủ hay một tư dinh nào đó. Chủ nhân mời một ban nhạc gồm năm, sáu nhạc công với bốn, năm ca nhi đến đàn ca xướng hát trong một thính phòng nho nhã, xinh xắn, có bày biện đối liễn, thi họa, hoa và cây kiểng; có rượu, trà và vài món đồ nhắm cùng của dăm bảy khán giả am tường và đam mê ca nhạc Huế.



Thưởng thức ca Huế trên sông Hương.

Ảnh tư liệu của CLB Ca Huế Sông Hương.

Thú vị nhất là được thưởng thức ca nhạc Huế trên sông Hương.

Người ta thuê một con đò, hoặc nếu đông người thì dùng hai con đò ghép thành một chiếc bằng, trải chiếu hoa, mời ban nhạc, ca sĩ và bằng hữu xuống đò trong một đêm trăng. Con đò ngược dòng Hương, rời khỏi chốn thị thành ồn ào, huyên náo, đi tìm một bến nước bình yên, tĩnh lặng mới buông neo để bắt đầu một đêm vui. Phần đầu chương trình, các nhạc công và ca sĩ thường biểu diễn những bài bản thuộc điệu Bắc với giai điệu rộn ràng, tươi vui như: *Phú lục, Cổ bản, Lộng điệp, Lưu thủy*... Sau đó là những bài bản trang trọng, uy nghiêm như *Long ngâm*, hay những bản nhạc không buồn, không vui như *Tứ đại cảnh*. Đêm càng về khuya, không gian càng yên tĩnh, sâu lắng, ấy là lúc những điệu: *Nam ai, Nam bình, Quả phụ, Tương tư khúc*... ai oán, buồn thương nhưng gợi cảm được cất lên giữa trời đêm lồng lộng. Cái cảm giác bồng bênh, chơi vơi trên sóng nước, được lời ca, tiếng đàn chấp cánh, lại có chút men rượu kích thích khiến tâm hồn người nghe như đang phiêu lãng đến tận cung Hàn. Thi thoảng, theo yêu cầu của khán giả, ca sĩ biểu diễn một khúc chầu văn trong âm thanh réo rắc của cây đàn nhị, đàn tranh; trong tiếng gõ lách cách của cặp sênh; tiếng rung leng keng của những chiếc tách trà trong tay ca sĩ, khiến không gian trong khoang đò chợt nhuộm màu ma thuật, đồng bóng, còn hồn người thì ngất ngây, nửa như say, nửa như tỉnh. Cái đam mê huyền hoặc mà người ta cảm nhận được từ thú vui này phát sinh từ bầu không khí đặc biệt ấy. Đôi khi, người ta cũng biểu diễn những điệu lý, điệu hò dân gian để đêm ca nhạc trên sông Hương được thêm phần phong phú, hấp dẫn.

Ngày nay, thú nghe ca Huế không còn là trò giải trí “độc quyền” của lớp trên mà trở thành một thú vui hấp dẫn nhiều du khách đến thăm Huế. Hàng đêm, những con thuyền đầy ắp lời ca tiếng nhạc vẫn xuôi ngược trên dòng Hương, như là một hình ảnh đáng yêu của đời sống văn hóa nơi miền đất sông Hương, núi Ngự.

THƯỜNG TRÀ

Người Việt Nam ở vùng nào cũng biết uống trà. *Uống trà* là dịp để bằng hữu tụ họp với nhau đàm đạo văn chương, luận bàn thế sự, hay chỉ để tán gẫu những chuyện vui buồn đã qua. Có khi, cuộc trà được bày ra trước một cuộc vui như là một nghi thức giao tiếp. Đôi lúc, nó là phần kết của một tiệc rượu, vừa để giải khát, vừa để giải tửu (*tiền tửu, hậu trà*). Ở Huế, việc uống trà, tuy chưa phải một thú tôn giáo như Trà đạo của Nhật Bản, hay được nâng thành một thú nghệ thuật giàu triết lý như ở Trung Hoa, nhưng nó thực sự là một thú vui tao nhã, cầu kỳ và công phu.

Nhiều người Huế coi việc uống trà không chỉ để giải khát, theo họ đó thực sự là một lạc thú tinh thần. Dưới thời Nguyễn, trong nhiều gia đình quyền quý, việc uống trà được nâng thành một thú tiêu khiển. Người ta có nhiều cách uống trà tùy vào thời điểm, địa điểm và tính chất của một cuộc trà. Với người Huế, uống trà cũng là một nghệ thuật giàu chất trí tuệ, thẩm mỹ và biểu cảm. Ngày xưa, người ta đã từng đánh giá tính cách, quan niệm sống, trình độ và khả năng nhận thức thẩm mỹ cũng như tâm trạng hay tình cảm của con người qua việc uống trà.

Xứ Huế đã một thời là kinh đô của một quốc gia phong kiến. Trong cái bể dày văn hóa phủ trên mảnh đất Thuận Hóa xưa có một phần là sản phẩm của giai cấp phong kiến. Thú uống trà nằm trong phần đó! Không ai trong chúng ta xa lạ với việc uống trà, bởi vậy nước ta là một trong những nơi sản sinh ra cây chè - loại cây quyết định việc hình thành thú vui thanh đàm và tao nhã này.

Người ta đã tìm ra trên 40.000 cây chè hoang mọc trên những vùng đất “mây trắng vờn chân ngựa, nhấp nhô đá tai mèo” ở Hà Giang, Lào Cai... nơi có những cây chè đại thụ, thọ trên 300 tuổi mà vẫn rừng rục nhựa sống, vẫn đủ sức tạo cho đời những búp chè thanh tân, quý giá để làm tăng sự hấp dẫn của thú uống trà. Ở đây, người ta cũng “biết” uống loại trà: Hồng Đào, Thanh Tân, Phú Thọ, Bắc Thái, trà tuyết Hà Giang... Song hầu như chỉ ở Huế, chuyện uống trà của người Việt mới được nâng thành một cái thú tiêu khiển. Điều này có căn nguyên của nó. Bấy giờ, vì là đất thượng kinh, xứ Huế đã sản sinh một tầng lớp quý tộc. Họ là những người trong hoàng tộc hay lớp Nho sĩ phong kiến hóa, tức là những quan chức trong triều Nguyễn cùng con cháu của họ. Tầng lớp này đã tạo ra những thú vui vừa khác với dân gian lại vừa không giống với những thú vui tương đồng của giới quý tộc ở Bắc Hà trước đây. Có chuyện này là do bấy giờ, giai cấp phong kiến nhà Nguyễn cố tạo ra những khác biệt về văn hóa, chính trị, xã hội... so với các triều đại trước, nhất là đối với triều đại Lê - Trịnh. Nhưng sự khác biệt này lại dựa trên những chuẩn mực của Trung Hoa, tuy có cải biến đôi phần cho phù hợp với phong thổ và con người xứ Huế. Chính điều này khiến việc uống trà nói riêng, văn hóa nghệ thuật nói chung ít nhiều mang ảnh hưởng từ Trung Hoa. Tuy nhiên giữa lối uống trà Huế và lối uống trà Tàu vẫn có những dị biệt, từ quan niệm, phong thái uống trà đến cách thiết trí trà thất và nghi thức thực hiện.



Nhà nghiên cứu Trần Đình Sơn nói chuyện về thú uống trà Huế.

Ảnh: Trần Đức Anh Sơn.

Người Huế cũng chú ý đến khía cạnh y học và lạc thú trong uống trà, song không lấy đó làm điều câu nệ. Uống trà theo kiểu Huế thể hiện lối ứng xử, hành vi giao tiếp và cả ân tình giữa người với người. Người Huế uống trà trong trà thất nho nhã, ẩm cúng; uống trong phòng khách, cũng có thể uống trà giữa những vườn cây trĩu quả mà bất kỳ lúc nào, ẩm khách cũng có thể với tay hái một vài loại quả để nhắm nháp hay tận hưởng mùi hương của vô vàn loại hoa quanh họ. Cao hứng trà chủ có thể vừa cầm chén trà, vừa mời khách đi dạo trong vườn để ngắm cảnh, ngắm hoa. Thi thoảng, chủ và khách còn tức cảnh vịnh thơ hay ngâm nga đôi câu thơ của tiền nhân mà họ tâm đắc. Nếu người Nhật coi trọng việc tổ chức trà thất, người Trung Hoa chú ý việc chọn trà, coi đó là những yếu tố quyết định tính hấp dẫn, lôi cuốn của thú uống trà, thì người Huế lại đặt những điều đó xuống hàng thứ yếu. Tùy khách, tùy thời mà người ta có những lối uống trà thích hợp. Một cuộc trà là một dịp gặp gỡ để đàm đạo văn chương, luận bàn thế sự, để hàn huyên và nhắc lại những sự kiện vừa đi qua đời họ.

Điều đặc biệt là trong uống trà của Huế luôn luôn có kèm các thức ăn nhẹ. Người Huế uống trà với mứt gừng, kẹo mè xứng, mạch

nha, kẹo đậu phụng... có khi chỉ với một cục đường phèn. Vị chất của trà sẽ có thêm vị ngọt, vị bùi của đường và mứt bánh bở khuyết. Hương trà hòa quyện với mùi thơm của đậu phụng, gừng, mạch nha khiến nó đậm đà hơn, quyến rũ hơn. Phụ nữ Huế vốn khéo tay trong nghệ thuật làm mứt bánh nên việc mời khách dùng trà với các sản phẩm do họ làm ra, ngoài việc tỏ sự quý khách còn để phô bày tài nghệ nữ công gia chánh của họ.

Ngày xưa, tầng lớp quý tộc ở Huế uống trà cầu kỳ và công phu lắm. Họ tạo ra và tuân thủ một cách nghiêm ngặt những nghi thức rườm rà và vô cùng quan trọng. Một cuộc trà gọi là đầy đủ và đúng điệu phải đủ các yếu tố: Phòng trà, đồ trà, trà và nước trà, tuần trà và thời gian uống trà.

- *Phòng trà*: Buổi mạn trà thường được tổ chức trong một trà thất xinh xắn, trang nhã. Đó là một gian phòng biệt lập hay một khoảng không gian yên tĩnh và trang trọng nhất trong gia đình. Trên tường là vài bức tranh thủy mặc, dăm ba bài thơ chữ Hán hay vài đôi câu đối khuôn mình trong những bức liễn, một kệ sách, vài pho tượng cổ. Chính giữa trà thất được trải chiếu và kê một cái trường kỷ, cạnh bên là vài chậu hoa hay đôi giò phong lan treo lủng lẳng cửa sổ để tăng thêm sự thi vị cho cuộc trà. Đôi lúc, buổi uống trà được tổ chức trong vườn, dưới tán một cây lớn. Bộ đồ trà bày trên một bàn đá lớn ở giữa, xung quanh là những đòn sứ dành cho ấm khách. Một bên là bể cá kiểng có những hòn non bộ được tạo dáng lạ lùng, kỳ bí, một bên là những vườn hoa với những nụ hồng, cẩm chướng, đồng tiền... đang khoe sắc. Tất cả như một bức tranh nhiều màu, nhiều vẻ, ở đó, sự hài hòa của cảnh vật sẽ hội nhập với không khí buổi mạn trà và cái thần của con người để tạo ra một thực cảnh rất ngoạn mục.

- *Đồ trà*: Dụng cụ cần thiết cho một cuộc trà bao gồm hỏa lò, siêu nấu nước, hũ đựng nước lạnh, ấm trà và bộ đồ trà hoàn chỉnh có đủ bốn món: *dĩa* (dĩa bàn nhỏ đựng chén tổng); *bàn* (dĩa đựng những chén tốt); *tổng* (còn gọi là chén tướng, là loại chén lớn để chuyên trà); *tốt* (hay gọi *quân*, chén nhỏ để uống), chiếc ấm đất, hũ đựng trà, than củi, trầm hương. Với người sành điệu, chắc chắn không thể thiếu bình thuốc Lào với dĩa đèn dầu phụng. Cũng cần phải nói thêm rằng, ấm chén trà vốn đa dạng và tùy lúc, tùy cảnh mà chọn lựa và sử dụng cho phù hợp. Mùa xuân dùng *xuân ấm*, mùa hạ có *hạ ấm*, mùa thu thì nhường chỗ cho *thu ấm*, đông về lại cần *đông ấm*. Hoặc uống một người thì có *độc ấm*, hai người thì có *song ấm* và “đại trà” thì phải dùng đến *ngư ấm*. Song chẳng mấy khi có cuộc trà ngư ấm, bởi “cái thú uống trà... không thể ồn ào được. Lối giao du của cổ nhân đậm bạc chứ không huyền ảo như

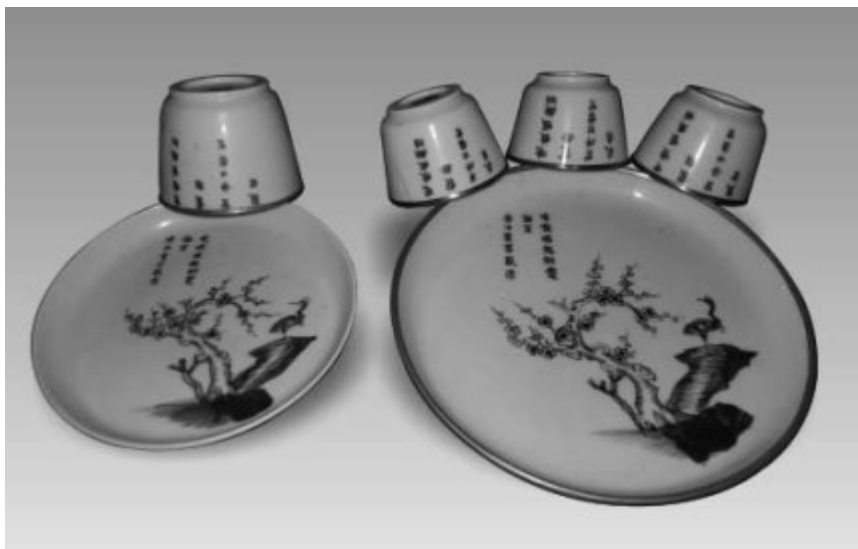
bây giờ. Chỉ có người tao nhã, cùng một thanh khí mới có thể cùng nhau ngồi bên một ấm trà...”.¹

¹. Nguyễn Tuân, *Vang bóng một thời*, NXB Văn nghệ Thành phố Hồ Chí Minh, 1996, tr. 124.



Bộ đồ trà *Mai hạc* hiệu đề chữ *Phúc*. Đồ sứ ký kiểu thời Nguyễn.

Ảnh: Lê Văn Kiên.



Bộ đồ trà *Mai hạc* hiệu đề *Ngoạn ngọc*. Đồ sứ ký kiểu thời Nguyễn.

Ảnh: Lê Văn Kiên.

Từng bộ đồ trà được vẽ vờ, trang trí theo những điển tích riêng như đồ trà *Tô Vũ mục dương*, *Nhất chấm tùng phong*... Đặc biệt ở Huế có bộ trà nổi tiếng - đồ trà *Mai hạc*. Bộ đồ uống trà làm bằng sứ ký kiểu, có vẽ hình con chim hạc đứng bên gốc mai già và hai câu thơ viết bằng chữ Nôm:

Nghêu ngao vui thú yên hà

Mai là bạn cũ, hạc là người quen

Tương truyền đó là bộ ấm chén mà Nguyễn Du mang từ Trung Quốc về nhân lần ông đi sứ sang Trung Quốc vào năm Quý Dậu (1813). Về sau người ta đã dựa theo motive này để trang trí cho hàng loạt đồ sứ men lam Huế. Chén trà Huế làm theo kiểu “mắt trâu - lật đật”, có đáy tròn và nặng nên có ngoại lực tác động vào thì chúng dao động như con lật đật nhưng cuối cùng luôn trở lại vị trí thăng bằng. Người ta cho rằng việc các vua chúa nhà Nguyễn và tầng lớp quý tộc ở Huế thích dùng đồ trà “mắt trâu - lật đật” là vì họ có ý coi chúng là biểu tượng sự vươn dậy và lớn mạnh của dòng họ Nguyễn trước mọi biến cố thăng trầm của dòng họ và lịch sử.

- *Trà và nước pha trà*: Trước hết xin nói về trà. Người Huế xưa tuy không công phu trong việc chọn trà như người Trung Quốc, song cũng có những loại trà được pha chế, chọn lựa thật tinh tế, cầu kỳ,

như trà tước thiết, trà cạp quần, trà ướp Tĩnh Tâm - một trong 20 thắng cảnh của đất thần kinh. Vào buổi chiều tà, người ta sai gia nhân chèo thuyền trên hồ Tĩnh Tâm, mang trà bỏ vào những nụ sen rồi lấy dây buộc lại. Mờ sáng hôm sau, người ta lại chèo thuyền đến, lấy trà ra rồi đem pha uống. Thật là cầu kỳ làm sao. Trong dân gian cũng có nhiều loại trà: Chính Thái, Sinh Thái, B'lao, Mai Hạc... mỗi loại uống vào mỗi giọng khác nhau bởi cách thức sao tẩm và các loại hương vị phụ gia dùng trong pha chế.

Nước để pha trà xem ra cũng lắm công phu. Vua chúa nhà Nguyễn thường sai nô tỳ chèo thuyền trên các hồ sen lúc sáng sớm để hứng các giọt sương đêm còn đọng trên lá đem về làm nước pha trà, hay lấy nước trong những mạch nước đá ngầm trên núi cao, nếu không thì cũng dùng loại nước mưa hứng giữa trời để pha trà.



Bàn trà, trà cụ và mứt bánh để thưởng trà trong Đêm Hoàng Cung ở Đại Nội Huế (Festival Huế 2006). Ảnh: Trần Đức Anh Sơn.

- *Tuần trà*: Bước vào một cuộc trà, chủ nhân ngồi về bên phải để tiện việc pha trà và khách được xếp ngồi ở phía trái. Công việc nhóm lò luôn được chủ nhân đảm nhiệm và được coi là công việc thích thú nhất. “Những lúc ấy, chủ nhân phải tự tay mình chế nước, nhất nhất cái gì cũng làm lấy cả, không dám nhờ đến người khác, sợ làm thế thì mất hết cả thành kính”.¹ Lúc nhóm lò, người ta bỏ thêm ít trầm. Sau vài phút, than bốc lửa, quện với khói trầm làm căn phòng trở nên u tịch, ấm cúng. Siêu nước được đặt lên và những câu chuyện bắt đầu nở như ngô rang. Trà chủ tự tay

pha trà, đó cũng là cái thú riêng của những kẻ tự nhận là trà nô. Nước trà được rót vào chén tống, để cho lóng cặn rồi mới chuyên ra chén tốt mời khách. Khi chuyên trà, không bao giờ được rót cạn nước mà luôn giữ lại trong bình một phần nước cốt dành cho ấm sau. Nhờ đó mà luôn giữ được đậm đà cho đến nước cuối. Lúc tuần trà đầu tiên được nâng chén cũng là lúc bình thơ, vịnh cảnh bắt đầu. Hương trà cùng mùi trầm, mùi thơm của mứt bánh hòa với nhau làm hấp dẫn trà hữu, vừa làm cho tinh thần họ sảng khoái, trí óc minh mẫn và thi hứng nồng nàn chợt đến.

¹. Nguyễn Tuân, *Vang bóng một thời*, NXB Văn nghệ Thành phố Hồ Chí Minh, 1996, tr. 128.



Thưởng trà trong *Đêm Hoàng Cung* ở Đại Nội Huế (Festival Huế 2006). Ảnh: Lê Gia Hòa.

Người xưa có nhiều cách uống trà: uống một người gọi là *u* (trầm mặc); uống hai người gọi là *thăng* (vui tươi); uống ba người gọi là *thích* (thích thú); uống bốn người gọi là *tứ* (ban ân). Thời gian uống trà không cố định, có thể buổi sớm, cũng có khi vào buổi chiều và lâu mau tùy ý. Uống trà là một thú vui thanh đạm và cầu kỳ của người Huế xưa. Nó được hình thành từ lối sống thượng kinh và được tiếp nối bởi nhiều thế hệ mà thành nếp, thành một thú tiêu khiển thanh cao và là một nét son trong văn hóa ẩm thực xứ Huế.

Người Huế uống trà không chỉ để thưởng thức hương vị của trà. Họ còn lưu tâm đến nội dung các cuộc mạn trà và nét đẹp nghệ thuật của loại hình, dáng kiêu, họa tiết trang trí trên đồ trà và phong cách bài trí trà thất. Vua quan nhà Nguyễn đã sai người sang Trung Quốc đặt làm những bộ đồ uống trà nổi tiếng bằng sứ men lam như bộ đồ trà *Giáp tí niên chế* do các sứ thần mang về năm 1804; đồ trà *Tự Đức niên chế*... Và trong cái thú uống trà, còn có cái thú chiêm ngưỡng vẻ đẹp của nét bút tài hoa trên ấm chén, bình thơ văn và nghiền ngẫm sự tích lưu lại trên đó. Mới hay cái chuyện “trà dư, tửu hậu” ở Huế cũng công phu, cầu kỳ và hấp dẫn nhường nào!

THẢ THƠ

Thả thơ cũng là một trò giải trí tao nhã của tầng lớp trí thức ở kinh đô Huế thuở trước. Đó là lối đánh bạc bằng trí tuệ, bằng sự nhanh trí và vốn kiến thức uyên thâm của tầng lớp nho sĩ đất thần kinh, xứng danh là trò đánh bạc bác học. Tham dự trò này chủ yếu là giới trí thức, quan lại có học vấn. Gọi là *thả thơ* hay *đánh thơ* đều được. Bởi chỉ cùng một chuyện cờ bạc bằng thi ca, nhưng nhìn vào động tác thực hiện thì gọi là thả, mà xét đến tính chất đồ đen thì gọi là đánh. Huế là đất văn vật nên người ta thích dùng từ *thả thơ* để gọi tên trò chơi này.

Cái hay của thú thả thơ là người ta dùng văn chương để giải trí. Người thắng cuộc là những kẻ có hai niềm vui cùng một lúc: vui vì được bạc và vui vì đã khoe được với thiên hạ tài thi phú và vốn hiểu biết sâu sắc của mình. Tuy nhiên, trò đời cũng lắm cái trớ trêu. Có khi, những kẻ ít chữ hơn, mới tập tễnh bước vào giới văn chương chữ nghĩa lại là kẻ thắng cuộc. Họ thắng cuộc bằng sự suy đoán thơ ngây, thô lậu của mình nhưng lại được vận may trông đến. Còn những bậc thức giả, do quá tự tin vào tài năng và sự suy đoán của mình nên lắm lúc thua đau. Đó cũng chính là cái độc đáo, cái thú vị đầy tréo ngoe của thú thả thơ.

Ngày trước, ở Huế, một số địa chỉ như: phủ Tuy Lý vương, phủ bà Chúa Nhút (Mỹ Lương công chúa), Quốc Sử Quán... là những nơi tao ngộ của những bậc phong lưu đam mê chuyện “sát phạt lịch thiệp” này. Đó là những nơi thả thơ tài tử, không chuyên nghiệp nên các câu thơ dùng để thả không phải do họ đích thân chuẩn bị, mà thường mua của những người chuyên làm các câu thơ đồ ấy. Một trong những nơi thường bán các câu thơ *thả* là phủ Lạc Biên bên Gia Hội.

Lá thơ để *thả* rất thô sơ, được làm từ giấy bồi, cỡ 10 cm x 35 cm. Trên mảnh giấy đỏ người ta ghi theo thứ tự từ dưới lên trên. Đầu tiên là câu thơ *thả*. Đây là một câu thơ không trọn vẹn, vì có một chữ không được viết ra mà thay vào đó là một vòng tròn. Chẳng hạn, người ta chọn câu thơ Đường: *Bạch nhật y sơn tận* (白日依山盡) làm câu thơ *thả* và chữ *thả* là chữ “*tận*” (盡), thì câu thơ sẽ được viết thành: *Bạch nhật y sơn O* (白日依山O). Tiếp theo là các chữ dành cho người chơi chọn lựa để thay vào vị trí còn để trống, gọi là chữ *thả*. Thường có năm chữ để *thả*. Đó là những chữ có cùng một chức năng ngữ pháp với chữ đã thay bằng dấu O nhưng khác nghĩa, khi thay vào câu thơ *thả* sẽ làm câu thơ có một nghĩa khác. Trong trường hợp trên, những chữ được ghi có thể là: *lạc* (落), *xuất* (出), *nhập* (入)... và chữ *tận* (盡) của câu thơ gốc. Và trên cùng là chữ *giải*, tức là đáp án, chỉ một chữ duy nhất, được lấy từ câu thơ *thả* (chẳng hạn trong ví dụ trên là chữ (盡)). Những mảnh giấy sau khi được ghi chép đầy đủ như trên sẽ được cuộn vào một que tre, cuộn từ dưới lên, sao cho chữ *giải* phải nằm trong cùng, chỉ lộ ra khi nhà cái công bố. Người ta bó những chiếc “que thơ” này thành từng bó để bán cho người tổ chức cuộc thả thơ.

Người ta thường thả thơ vào ban đêm, trên một chiếc chiếu trải nơi hiên của một phủ đệ, nha sở nào đó. Phía trên có một, hai chiếc đèn lồng, ngay giữa chiếu là nhà cái, ngồi cùng bó que thơ. Khách thả thơ thì tụ tập ngoài sân và không hạn chế số người. Gọi là *thả thơ*, nhưng thường thì người ta để câu thơ *thả* trên chiếu và mở ra một cách chậm rãi vì sợ *thả* mạnh thì chữ *giải* sẽ lộ mất.

Thơ được chọn thường là Đường thi, Tống thi, hay Minh thi, nhưng phần nhiều là Tống thi và Minh thi, vì Đường thi có nhiều người biết. Những câu thơ được chọn phải có xuất xứ rõ ràng và nhà cái thường phải mang theo các tập thi tuyển có câu thơ được chọn, để chứng minh tính chính xác của chữ *giải*, mỗi khi có người thắc mắc. Tỷ lệ đặt cược là đặt một ăn ba. Thả xong câu này thì rút câu khác. Phía trước những nơi thả thơ thường có hàng quán bán đồ ăn thức uống phục vụ khách chơi. Đôi khi những người dự cuộc cũng góp tiền để nhờ người trong phủ lo giùm đồ ăn thức uống để có chút bồi dưỡng sau những cuộc vui khuya khoắt.

Những người đứng ra tổ chức cuộc thả thơ, tức nhà cái, thường là những nho sĩ nghèo, nhàn nhã, muốn dùng tri thức của mình để kiếm tiền, để giải trí và kết thêm tình bằng hữu với những nhà nho tú xú. Vài tháng họ tổ chức thả thơ một lần do yêu cầu của bạn bè, hoặc do muốn khuây khỏa tinh thần. Nhưng cũng có những người thả thơ chuyên nghiệp. Họ là những tay giang hồ, “tay cầm bầu rượu túi thơ” đi “phiêu lãng tang bồng” khắp nơi. Có

khi họ đi một mình, có khi đem theo vợ con hoặc tình nhân rày đây mai đó. Đến những nơi thích hợp, họ mượn huyện đường hay tư dinh của những chức sắc địa phương để tá túc và tổ chức thả thơ, khi xong việc, lại đi nơi khác.



Nơi tổ chức *thả thơ* trong Đêm Hoàng Cung ở Đại Nội Huế (Festival Huế 2006). Ảnh: Trần Đức Anh Sơn.



Du khách *thả thơ* trong Đêm Hoàng Cung ở Đại Nội Huế (Festival Huế 2006). Ảnh: Trần Đức Anh Sơn.

Thú vị nhất, có lẽ là những đêm thả thơ trên sông Hương. Thường thì vào những đêm trăng thanh gió mát, người ta dùng đồ kết thành những chiếc bằng lớn, đủ chỗ cho vài chục người lên xuống, tụ tập vui chơi. Trên bằng có rượu, trà, hoa trái và cả một ban ca kỹ phục vụ ca Huế. Nhà cái trái chiếu ở giữa bằng, đốt thêm dăm đĩa đèn dầu phụng để các “con bạc” quan sát cho tường, rồi mở túi thơ bên mình bốc ra một câu. Ban nhạc hòa tấu khúc ca thuộc điệu Bắc, bắt đầu một đêm thả thơ trong sự rộn rã, vui tươi.

Trước khi có cuộc thả thơ, những nhà cái chuyên nghiệp thường bỏ hàng tháng trời để chuẩn bị. Họ lục lợi trong mớ sách cũ, lựa vài cuốn thơ của những thi sĩ nổi tiếng Trung Hoa và Việt Nam, rồi đọc một cách chậm rãi, kỹ lưỡng. Họ đọc liên tục từ ngày này sang ngày khác, chọn những câu thơ hay và ghi vào cuốn sổ, cạnh đó họ ghi thêm những chữ sẽ được dùng để thả sau này. Khi cuốn sổ đã dày đặc những câu thơ chọn, người ta không đọc nữa, quay sang nghiền ngẫm ý tứ từng câu, từng chữ rồi duyệt lần cuối cùng trước khi viết vào mảnh giấy bồi. Trong chuyện chọn thơ để thả, nhà cái có nhiều ngón nghề. Họ thường chọn những bài thơ ít ai biết đến của các tác giả nổi tiếng để ra đố. Sở học mênh mông như biển, mấy ai đọc hết thơ của thiên hạ để dự cuộc đánh bạc bằng văn chương. Người ta cũng chọn những câu thơ có cách dùng chữ không đặt để ra để nhằm để “trị” những tay chơi sành sỏi và uyên thâm. Hạng người này có tài thi phú, thuộc nhiều thơ văn nhưng lại mắc chứng ngông của nhà nho, chỉ chăm chú vào những từ rất đắt để thả, mà bỏ qua những chữ tầm thường. Kết quả là đôi khi những kẻ thi tài kém cỏi hơn nhưng lập dị, không thích dự vào những chữ người ta đánh nhiều quá nên chọn chữ khác để thả và “trúng quả”, trong khi bao bậc anh hào vì chủ quan nên cháy túi. Cái thú vị của trò thả thơ là ở chỗ ấy. Đó là chưa kể mỗi khi tiếng thơ được mở, kẻ được bạc cứ ngâm lui, ngâm tới câu thơ thả, giờ đã đầy đủ ý nghĩa, như để nhấm nháp niềm vui thắng lợi, còn người thua tiền thì lại tạm lui vào một góc, nhâm nhi chén rượu, lắng nghe vài khúc cổ nhạc hay một điệu ca Huế để giải khuây chờ ván khác.

ĐỐ THƠ

Có một trò khác cũng liên quan đến chuyện thi văn, nhưng sự thắng thua không dựa trên học vấn uyên thâm và thi tài của người dự cuộc, mà nhờ vào óc suy luận và sự láu lỉnh của người chơi. Đó là trò chơi *đố thơ*. Trò chơi này thường do các phú hộ, các hiệu buôn khởi xướng. Đó vừa là một trò giải trí, vừa là cách để người ta quảng cáo thương hiệu và uy thế của gia tộc mình. Trò

chơi này có gốc gác Trung Hoa, thường được các đại gia trong khu phố Tàu bên Gia Hội tổ chức.

Vào ngày đầu tháng hay nhân dịp khai trương một tiệm buôn nào đó, chủ hiệu đem treo trước ngõ một chiếc lồng đèn có đề thơ và ra điều kiện: sau một tháng ai giải được câu thơ (hay bài thơ) ấy sẽ được thưởng. Nếu sau một tháng, không ai có lời giải đúng, chủ nhân sẽ giải đáp và thay vào đó một chiếc lồng đèn có câu thơ khác, tiếp tục mời người dự giải.



Nơi tổ chức *đố thơ trên lồng đèn* trong Đêm Hoàng Cung ở Đại Nội Huế (Festival Huế 2006). Ảnh: Trần Đức Anh Sơn.



Câu thơ đố đề trên lồng đèn trong Đêm Hoàng Cung ở Đại Nội Huế (Festival Huế 2006). Ảnh: Trần Đức Anh Sơn.

Những người tham gia trò này thường không phải là những người có học vấn cao hay sở đắc “túi thơ” của thiên hạ, vì rằng câu thơ đề trên chiếc lồng đèn kia, tuy là thơ của một đại thi hào, nhưng lại được sử dụng cho mục đích khác, xem ra rất ngô nghê, thô lậu. Đã mang danh kẻ sĩ, mấy ai chấp nhận cái trò đoán mò vớ vẩn ấy. Vì thế kẻ thắng trong các cuộc đố thơ như thế thường là những người có trí thông minh nhưng bị người đời coi là khôn vặt.

Dưới đây là hai trong số những câu thơ từng được đề trên lồng đèn để đố mà một nhân chứng của thuở ấy còn nhớ được.

- *Nhất bộ nhất bái đáo Hàn sơn* (一步一拜到寒山). Đố là con gì?

Câu thơ này gợi lại tích Hồng Hải Nhi, vì ngoan cố không chịu quy phục, nên bị Đức Quan Thế Âm phạt tội, bằng cách đi một bước, phải lạy một lạy, cho đến núi Hàn Sơn. Hình ảnh này giống như con tôm đang di chuyển, vừa búng vừa nhảy, nên lời giải của nó là *con tôm*.

- *Nhân diện bất tri hà xứ khứ* (人面不知何處去). Đố là con gì?

Đây là hai câu kết trong bài thơ *Đề tích sở kiến xứ* của Thôi Hộ, đời Đường. Hai câu này được giải thích như sau: *Nhân diện bất tri hà xứ khứ*, có nghĩa là có kẻ có mặt giống người, không biết đã đi đâu. Trong môn số đề, là một trò đánh bạc ăn theo trò chơi xổ số, cây đào và con khỉ lại chung với nhau một con số, nên cây đào cũng chính là con khỉ. Kẻ có khuôn mặt giống người cũng ngụ ý con khỉ. Vậy lời giải của câu này là *con khỉ*.

Với cách ra đố và giải đố như thế, những kẻ chính danh khó mà tham dự trò này. Nhưng đó cũng là một trò chơi được ưa thích ở Huế xưa vì trong thiên hạ có kẻ này, người khác, chẳng ai giống ai. Trí lực và sở thích của họ cũng vậy.

ĐẦU HỒ

Đầu hồ (投壺) là một trò chơi có nguồn gốc từ Trung Hoa. *Đầu* (投) nghĩa là *ném*; *hồ* (壺) nghĩa là *cái bình*. Trò chơi này được mô tả khá chi tiết (cùng với 20 hình vẽ minh họa) trong cuốn *Nhật dụng bách khoa toàn thư* xuất bản tại Đài Loan năm 1935.¹ Theo sách này, bộ dụng cụ chơi đầu hồ gồm một chiếc bình cao cổ làm bằng đồng, đường kính miệng khoảng 3 tấc², cao khoảng 1 thước đựng đầy hạt đậu nhỏ, hai bên miệng bình có gắn hai cái tai, là những chiếc ống nhỏ, không có đáy và một bộ tên gồm 12 chiếc, mỗi mũi tên dài 2 thước 4 tấc. Người chơi đứng cách chiếc bình một khoảng bằng 2,5 chiều dài mũi tên và tìm cách ném những mũi tên lọt vào miệng bình. Ngày trước, mỗi người chơi chỉ được ném tối đa là bốn mũi tên. Về sau, luật có thay đổi, nếu người chơi ném trúng một lượt tên thì giữ quyền ném mũi tên kế tiếp, đến khi nào ném trật ra ngoài thì mới ngưng lượt. Nếu một người ném trúng 12 lần liên tiếp thì gọi là *toàn hồ*, được tôn là *hiền* (giỏi). Nếu không vào trọn 12 mũi tên một lượt thì ai đạt 120 điểm trước sẽ là người thắng cuộc. Nếu có nhiều người cùng đạt 120 điểm thì người nào còn tên nhiều sẽ thắng.

¹. *Nhật dụng bách khoa toàn thư* (chữ Hán), Thương vụ ấn thư quán phát hành, Đài Bắc, 1935, tr. 5330-5335.

². Kích thước dùng trong sách này theo hệ thống đo lường Trung Hoa: 1 thước = 10 tấc = 40 cm.



Đầu hồ của Trung Hoa thời Minh (1368 - 1644).

Ảnh: Trần Đức Anh Sơn.

Một nghiên cứu của Isabelle Lee đăng trên nguyệt san *The Oriental Ceramic Society*, tựa là *Touhu: Three Millennia of the Chinese Arrow Vase and the Game of Pitch-Pot*¹ (Đầu hồ: Ba thiên niên kỷ của chiếc bình đựng mũi tên Trung Hoa và trò chơi ném tên vào bình), cho biết trò chơi đầu hồ xuất hiện ở Trung Hoa vào thời nhà Chu (1122 - 249 trước CN); trở nên phổ biến vào thời kỳ Xuân Thu (770 - 476 trước CN) và liên tục phát triển và cách tân bởi nhiều triều đại Trung Hoa, cho đến đời Thanh (1644 - 1911) mới chấm dứt. Đây là trò chơi có nguồn gốc lâu đời và tồn tại dài nhất trong lịch sử Trung Hoa.

1. "Touhu: Three Millennia of the Chinese Arrow Vase and the Game of Pitch-Pot", Lecture given by Isabelle Lee on October 8th 1991, *Transactions of The Oriental Ceramic Society*, Volume 56, 1991 - 1992. *The Oriental Ceramic Society in Association with Azimuth Editions London*, 1993, pp. 13-27.

Nhiều nguồn sử liệu thời thượng cổ của Trung Hoa như: *Lễ ký*, *Sử ký*, *Tả truyện*, *Tấn thư*, *Hậu Hán thư*...; nhiều tác phẩm điêu khắc,

tranh vẽ, thi phú, khảo cứu... của các tác giả vô danh và hữu danh trong lịch sử Trung Hoa đã phản ánh và miêu tả trò chơi nổi tiếng này.

Theo sách *Lễ ký*, được viết ngay sau khi nhà Chu kết thúc, đầu hồ là trò chơi ở các tiệc rượu trong giới quý tộc và chư hầu của nhà Chu. Thay vì tổ chức thi bắn cung trong khi uống rượu, họ đã phát minh ra trò ném những mũi tên vào những chiếc bình, trước đó, dùng để đựng rượu. Ai ném lọt nhiều mũi tên vào miệng bình thì được quyền mời rượu người khác. Ai không ném trúng thì phải chịu phạt, không được từ chối lời mời uống rượu của người chiến thắng. Theo sách *Lễ ký*, đầu hồ thường xuất hiện trong các đại tiệc của triều đình. Nơi tổ chức cuộc chơi thường là sân châu. Nếu thời tiết không thuận lợi thì chơi trong nhà. Thời điểm chơi đầu hồ thường vào buổi tối. *Lễ ký* chép rằng chơi đầu hồ là một cách thể hiện đức hạnh.

Từ Trung Quốc, trò chơi đầu hồ lan truyền sang Nhật Bản vào thời nhà Đường (618 - 906); sang Triều Tiên vào thời kỳ Joseon (1392 - 1910) và sang Việt Nam vào thời Nguyễn (1802 - 1945). Hiện tại, Bảo tàng Shoso-in (Nara, Nhật Bản), Bảo tàng Cố cung và Bảo tàng Hoam (Seoul, Hàn Quốc), Bảo tàng Cổ vật Cung đình Huế (Huế, Việt Nam) đều đang trưng bày những bộ đầu hồ cổ, làm bằng nhiều chất liệu khác nhau.



Đầu hồ của Triều Tiên thời Joseon (1392 - 1910).

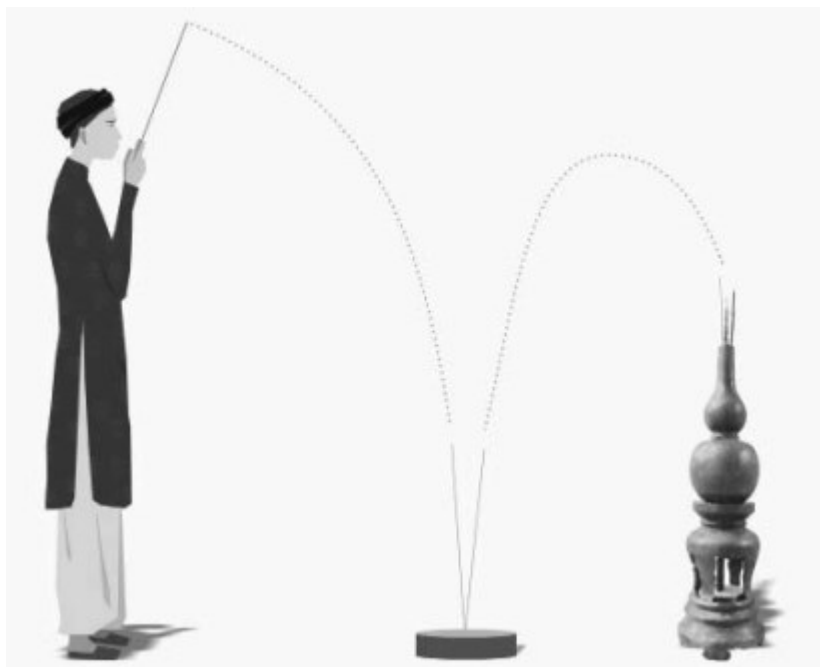
Ảnh: Trần Đức Anh Sơn.

Vào thời Nguyễn, đầu hồ là trò chơi khá phổ biến rất được giới vương giả, quyền quý ưa chuộng. Richard Orband, nguyên công sứ Trung Kỳ thời thuộc Pháp, đã có một bài viết trên *BAVH* vào năm 1917 giới thiệu về những chiếc đầu hồ bằng pháp lam ở lăng Tự Đức và xem đó là những cổ vật độc đáo, hiện thân của các trò tiêu khiển trong cung đình Huế xưa.¹ Theo Richard Orband, trò chơi này thường được tổ chức trong hoàng cung Huế hay các phủ

¹. R. Orband, “Les Dâu Hồ du tombeau de Tu Đức”, BAVH, No. 2, 1917, p. 105.

Khác với cách chơi đầu hồ của người Trung Hoa, người Nhật Bản và người Hàn Quốc, cách chơi đầu hồ ở Huế không ném mũi tên trực tiếp vào miệng bình mà ném gián tiếp thông qua một vật bằng gỗ, thường gọi nôm na là *con ngựa* (có người gọi là *con cóc*), đặt ở khoảng trống giữa người chơi và chiếc bình. Như vậy, cách chơi đầu hồ ở Huế khó hơn rất nhiều so với cách chơi nguyên thủy ở Trung Hoa, Nhật Bản và Triều Tiên.

Người Huế, khi chơi đầu hồ, cần có sự tính toán chính xác để mũi tên phải gõ vào *con ngựa*, rồi mới bật ngược để lọt vào miệng bình nhờ lực đàn hồi. Một bộ dụng cụ chơi đầu hồ ở Huế xưa gồm ba món chính: *chiếc bình, những mũi tên và con ngựa*.



Cách chơi đầu hồ ở Huế xưa. Đồ họa: Trần Nam Anh.

- *Chiếc bình*: Bình không đáy, dáng như một chiếc nậm đựng rượu, có thể làm bằng đồng, bằng sứ hay bằng gỗ. Chiếc bình được đặt trên một chiếc đế có bốn chân, trong lòng chiếc đế này có đặt chiếc trống nhỏ, bịt da một mặt, để khi mũi tên lọt vào miệng bình, rơi xuống đáy thì đầu mũi tên sẽ gõ lên mặt trống, phát ra

những tiếng: *bình! bình!* báo hiệu thắng lợi. Trong một vài trường hợp, người ta còn gắn thêm vào hai bên cổ chiếc bình lớn hai chiếc bình có hình dáng tương tự nhưng nhỏ hơn, bên trong những chiếc bình nhỏ này có chứa một ít hạt ngũ cốc phòng khi tên lọt vào sẽ cắm xuống lớp ngũ cốc mà không bật trở ra. Trong khi ở các nước Trung Quốc, Nhật Bản và Triều Tiên, chiếc bình chơi đầu hồ chỉ được làm bằng đồng thì chiếc bình chơi đầu hồ ở Huế được làm bởi nhiều chất liệu khác nhau. Bảo tàng Cổ vật Cung đình Huế hiện đang trưng bày hai chiếc đầu hồ làm bằng gỗ, hai chiếc làm bằng pháp lam nạm ngọc và một chiếc bình bằng sứ ký kiểu vẽ rồng năm móng. Đây là những hiện vật luôn có sức hấp dẫn đặc biệt đối với du khách tham quan bảo tàng.

- *Mũi tên*: Tên làm bằng gỗ, dài khoảng 65 cm - 80 cm, một đầu tròn, một đầu dẹp, ở giữa thon nhỏ, nên có sự đàn hồi. Bộ tên trong trò chơi đầu hồ ở Huế gồm 12 chiếc, tượng trưng cho 12 tháng trong năm.

- *Con ngựa*: Là một mảnh gỗ hình bầu dục, dài 40 cm, rộng 25 cm, cao 5 cm. Đây là vật để những mũi tên sẽ gõ vào rồi bật ngược lên, trước khi bay về phía miệng bình.

Ngoài ra, còn có thêm cái ống gỗ đựng những thẻ nhỏ để tính điểm cho những lần ném thẻ lọt vào miệng bình. Có bao nhiêu mũi tên thì có bấy nhiêu thẻ.

Vào dịp xuân về hay những lúc rảnh rỗi, các quan lại, hoàng thân triều Nguyễn thường tổ chức chơi đầu hồ nơi các phủ đệ. Sau một tuần rượu, lúc bầu không khí đã trở nên hứng khởi, thì trò chơi đầu hồ được bắt đầu. Chủ nhân cuộc rượu, cũng là người tổ chức cuộc vui, ngỏ lời: “Thưa quý khách, sau khi được mời quý khách dùng chén rượu nhạt đầu xuân, nay chúng tôi dâng lên một cái bình xấu xí và vài ba mũi tên cong queo để quý vị giải trí”. Thông thường, khách cũng ý nhị đáp lại: “Kính thưa quý chủ nhân, chúng tôi đã được dùng rượu ngon và những món ăn tuyệt trần, nay lại được tham dự một trò giải trí tao nhã và quý phái, hẳn vinh dự đó lớn quá. Chúng tôi không dám nhận lời”. Gia chủ khiêm nhường và kiên nhẫn nhắc lại lời mời cho đến lúc tất cả cùng cử tửu chúc sức khỏe, coi như chấp thuận lời mời. Ấy là lúc trò chơi bắt đầu.

Sau khi công bố cách thức và thể lệ cuộc chơi, mỗi người dự cuộc đều nhận được bốn mũi tên, làm bằng gỗ táo hay gỗ dâu, có một đầu dẹp, đầu kia thon tròn, có sức đàn hồi rất lớn. Người chơi đứng cách con ngựa gỗ chừng ba bước chân rồi lần lượt ném bốn

mũi tên, sao cho nó phải gõ vào con ngựa, bật lên, rồi bay lọt vào miệng bình là được một điểm và được nhận một chiếc thẻ tính điểm. Người nào chưa có lệnh mà ném tên đi hoặc đứng không đúng chỗ quy định sẽ không được tính điểm và không phát thẻ. Người nào được ba thẻ là thắng cuộc. Họ sẽ được quyền mời rượu mọi người mà không ai có quyền từ chối, đồng thời, họ được tiếp tục điều khiển cuộc chơi. Để cuộc chơi thêm phần ngoạn mục và sinh động, người ta thường mời một ban nhạc đến giúp vui. Ban nhạc thường chơi một bản nhạc, có tên là *Đầu hồ*, để phụ họa cho cuộc so tài.

Theo nhiều nguồn tư liệu và lời thuật của một số nhân chứng thời Nguyễn, thì vua Tự Đức (1848 - 1883) và vua Bảo Đại (1926 - 1945) là hai ông vua chơi đầu hồ rất giỏi. Vua Bảo Đại không chỉ ném tên lọt vào miệng chiếc bình lớn, mà những mũi tên còn lọt vào hai chiếc bình nhỏ gắn trên cổ chiếc bình lớn. Một chiếc bình kiểu này hiện vẫn còn lưu giữ tại Bảo tàng Cổ vật Cung đình Huế.



Du khách chơi *đầu hồ* trong Đêm Hoàng Cung ở Đại Nội Huế (Festival Huế 2006). Ảnh: Trần Đức Anh Sơn.

Đầu hồ là một trò chơi tao nhã, không nặng tính ăn thua, sát phạt, nên được giới quyền quý, thức giả ở Huế xưa ưa chuộng.

ĐỒ XĂM HƯỜNG

Đố xăm hương là một trò chơi tao nhã, có nguồn gốc Trung Hoa, nhưng rất được người Huế ưa chuộng. Thoạt tiên, trò chơi này xuất phát từ trong cung, về sau phổ biến trong dinh thự của các vương tôn, công tử và quan lại triều đình nhà Nguyễn, rồi mới lan truyền ra dân gian.

Xăm có nguồn gốc từ chữ *thiêm* (籤) nghĩa là *cái thẻ*. *Hương* là cách đọc trại từ chữ *hồng* (紅), nghĩa là *màu hồng*, do âm *hồng* có trong chữ *Hồng Nhậm* (洪任), là tên của vua Tự Đức nên phải kiêng. Đố xăm hương là trò chơi gieo các hạt *súc sắc* (còn gọi là *hột tào cáo*, *hột xí ngầu*) để dành những chiếc thẻ khắc chữ màu đỏ, ghi các học vị trong hệ thống khoa cử thời xưa gồm: *tú tài*, *cử nhân*, *tiến sĩ*, *hội nguyên*, *thám hoa*, *bảng nhãn* và *trạng nguyên*. Chính tên gọi của các quân cờ đã thể hiện cái nhỏ nhả của trò chơi với tinh thần cầu học và ước vọng khoa bảng của người xưa.

Một bộ xăm hương gồm ba món chính: *bộ thẻ* (xăm), *sáu hạt súc sắc* và *chiếc tô sứ* sâu lòng để gieo súc sắc (đổ hạt). Ngày trước, người chơi phải nhọc công để tìm cho được một chiếc tô sứ men lam làm từ đời Minh - Thanh bên Tàu để tiếng đổ hạt mới thanh và vang xa. Riêng bộ thẻ thì tùy mức độ sang hèn của chủ nhân mà được làm bằng ngà voi, xương thú hay cật tre.

Trong điện Hòa Khiêm ở lăng Tự Đức vẫn còn lưu giữ một bộ xăm hương làm bằng ngà voi, chạm trổ rất đẹp, vốn là vương bảo của vua Tự Đức. Chủ nhân *Ngọc Sơn công chúa từ đường* ở đường Nguyễn Chí Thanh vẫn còn lưu giữ được một bộ xăm hương khác làm từ đời vua Đồng Khánh (1885 - 1889). Ngày nay, các bộ xăm hương bán ở chợ Đông Ba thường được làm bằng xương, cũng chạm trổ cầu kỳ nhưng các chữ Hán được thay bằng các hình vẽ có màu sắc lòe loẹt và những dấu chấm màu đỏ. Ngoài ra cũng cần phải kể đến chiếc hộp để cất những chiếc xăm và các con súc sắc. Đó là những chiếc hộp làm bằng gỗ quý bên ngoài có các hình trang trí bằng sơn son thếp vàng hay càn xà cừ. Như thế mới tương xứng với những “ông trạng, ông nghè” làm bằng ngà, được cất giữ trong hộp.



Bộ *xăm hương* phục chế theo nguyên mẫu bộ *xăm hương* của vua Tự Đức dùng trong Đêm Hoàng Cung ở Đại Nội Huế (Festival Huế 2006).

Ảnh: Trần Đức Anh Sơn.



Trò chơi *đố xăm hương* trong Đêm Hoàng Cung ở Đại Nội Huế (Festival Huế 2006). Ảnh: Trần Đức Anh Sơn.

Mỗi bộ xăm hương có 63 chiếc thẻ. Thẻ cao nhất là thẻ *trạng nguyên* (1 thẻ), có giá trị là 32 điểm. Tiếp theo gồm: 1 thẻ *bảng nhãn* và 1 thẻ *thám hoa* (16 điểm/thẻ); 4 thẻ *hội nguyên* (8 điểm/thẻ), 8 thẻ *tiến sĩ* (4 điểm/thẻ), 16 thẻ *cử nhân* (2 điểm/thẻ) và 32 thẻ *tú tài* (1 điểm/thẻ).

Trò chơi dùng sáu hột súc sắc, mỗi con có sáu mặt khắc các dấu chấm theo thứ tự: *nhất, nhị, tam, tứ, ngũ, lục*, trong đó, mặt *nhất* và mặt *tứ* tô màu đỏ, các mặt khác được tô màu đen. Khi chơi, người ta gieo/đổ/thả cả sáu con súc sắc vào chiếc tô sứ rồi căn cứ vào các mặt hiện ra để tính điểm và nhận cho mình chiếc thẻ

thích hợp. Thang điểm cơ bản dựa trên *mặt tử*, gọi là *hường* (xem Phụ lục 5b).

Số người tham dự trò chơi xăm hướng có thể là bốn, năm hay sáu người. Tùy theo số người chơi mà định ra các luật lệ như: bán trạng, mua trạng và định mức độ ăn thua. Ngoài ra, tùy từng trường hợp cụ thể mà định ra cách thức cướp trạng khi thẻ này đã về tay người khác, hay cách lấy các thẻ tương ứng với một thẻ có số điểm cao hơn nhưng đã thuộc về người khác, trước khi người thứ hai đạt được thẻ đó. Khi số thẻ được lấy hết có nghĩa một ván cờ đã kết thúc và người ta dựa vào số thẻ có ở từng người để xác định kẻ thắng người thua.

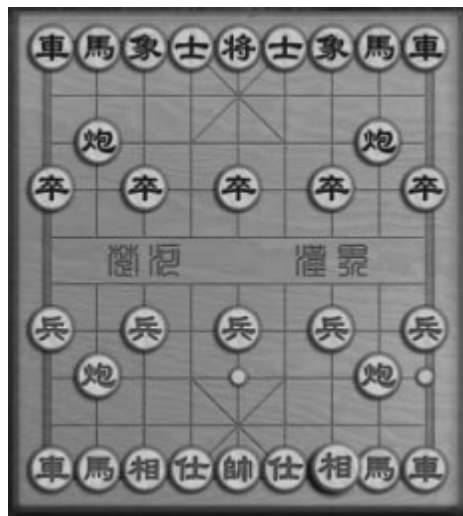
Điều thú vị là hoàn toàn không có tính sát phạt trong trò chơi đồ xăm hướng mà chủ yếu nhờ vào sự may rủi. Người ta thường chơi xăm hướng trong những dịp đầu xuân, vừa để giải trí trong ba ngày Tết, vừa để thử vận hên xui của mình trong một năm, hơn là để thỏa mãn thú đồ đen như những trò cờ bạc khác. Thậm chí, mỗi khi đồ được *lục phủ hướng*, đoạt tất cả các thẻ có trong cuộc chơi và được nhân đôi số điểm có trên tất cả các thẻ, thì thay vì vui mừng, người Huế lại lo âu. Nguyên do là vì họ cho rằng khi cái may đạt đến tốt đỉnh thì kế tiếp sẽ gặp điều xui xẻo. Đây chính là điều thú vị trong lối suy nghĩ và thái độ ứng xử của người Huế.

Trò đồ xăm hướng phản ánh khát vọng đồ đạt, nếp nghĩ và lối sống của người Huế nên được người Huế ưa chuộng. Vì thế, trò chơi này mới lan truyền sâu rộng nơi mảnh đất cố đô và vẫn tồn tại cho đến bây giờ.

CỜ TƯỚNG VÀ CÁC BIẾN THỂ CỦA CỜ TƯỚNG

Ở Huế, chơi *cờ tướng* là một trong những môn giải trí được nhiều người ưa thích. Bộ cờ tướng có 32 quân cờ được tô hai màu: đỏ và trắng hoặc đỏ và xanh. Mỗi màu có 16 quân cờ, gồm: một *tướng*, hai *sĩ*, hai *tượng*, hai *xe*, hai *pháo*, hai *mã* và năm *tốt*.

Trước đây người Huế thường chơi cờ tướng ở nhà bằng hũu. Lúc rảnh rỗi, họ mời nhau đến nhà, bày bàn cờ tướng, vừa chơi cờ, vừa thưởng trà. Ngoài hai đấu thủ, là hai người chơi chính, còn có những người đứng ngoài, vừa xem, vừa cổ vũ, thậm chí vừa bày nước cờ cho người trong cuộc mỗi khi đấu thủ đang bí nước.



Bàn cờ tướng với 32 quân cờ: *tướng* (2), *sĩ* (4), *tượng* (4), *xe* (4), *pháo* (4), *mã* (4), *tốt* (10), chia làm 2 phe. Ảnh: Internet.

Ngày nay, người Huế thường tụ tập chơi cờ ở các quán café, trong các công viên, với nhiều bàn cờ và nhiều người tham gia cùng lúc. Có những quán café như Café Mây ở đường Đinh Tiên Hoàng, mở cửa từ lúc 6 giờ sáng đến 9 giờ đêm, với hàng chục bàn cờ tướng để phục vụ khách đến uống café đánh cờ.

Các công viên lớn ở Huế như Công viên Tứ Tượng, Công viên Nguyễn Văn Trỗi, hay những khoảng xanh ven bờ sông Hương, sáng thứ bảy và Chủ nhật hàng tuần thường có các vị cao niên đến tập thể dục. Tập xong họ bày bàn cờ tướng, đấu với nhau vài ván rồi mới trở về nhà tiếp tục nhịp sống thường ngày.

Riêng trong các dịp Tết Nguyên đán, thì các câu lạc bộ cờ tướng ở Huế thường tổ chức thi đấu *cờ người*, cũng là hình thức đánh cờ tướng, nhưng thay vì dùng các quân cờ bằng gỗ, bằng xương, bằng nhựa..., thì người ta dùng người làm các “quân cờ”. Các quân cờ thường là các em thiếu niên, gồm 32 người, chia làm hai phe, mặc trang phục binh lính và quan lại thời xưa, chân quấn xà cạp hay đi hài cỏ, đầu đội nón dẫu hoặc mũ quan tướng, trên lưng áo có gắn miếng vải (hoặc giấy) khi tên các quân cờ (*tướng - sĩ - tượng - xe - pháo - mã - tốt*). Màu trang phục hai phe khác nhau để phân biệt. Bàn cờ được kẻ trên một khoảng sân rộng, thường là sân đình, sân chùa. Riêng ở thành phố Huế thì nơi tổ chức đấu cờ người thường là Công viên Thương Bạc, vào chiều ngày mùng Ba Tết âm lịch hàng năm.

Hai đầu sớ ngồi trên hai cái chòi tre cao, dựng ở hai bên “sân cờ” để tiện quan sát mà điều binh khiển tướng trong cuộc cờ. Cuộc *cờ người* thường diễn ra trong năm ván, có trọng tài điều khiển và ghi điểm. Phe nào thắng ba ván là thắng chung cuộc, được nhận phần thưởng là tiền mặt và cờ luân lưu của ban tổ chức hội đấu *cờ người*.

Ngoài lối đánh cờ tướng thông thường theo luật chơi cờ tướng của người Trung Quốc, nghĩa là khởi đánh từ đầu ván với đầy đủ 32 quân cờ, người Huế còn chơi *cờ thế*, tức là chơi những ván cờ tàn, trên bàn cờ chỉ còn năm hoặc sáu quân cờ mà thôi. Đó là những ván cờ trí tuệ và người chơi thường là những tay chuyên nghiệp, chuyên đánh độ để ăn tiền.



Thi đấu *cờ người*. Ảnh: Internet.

Ngoài ra, từ các quân cờ trong bộ cờ tướng, người ta còn tạo ra các lối chơi khác như: *cờ chồng*, *cờ quân*, *cờ oi*... là những lối chơi phổ thông, có số người tham gia đông hơn các ván cờ tướng phổ dụng. Người lớn, trẻ em đều có thể tham gia những cuộc cờ này trong bầu không khí ấm áp, thân mật của gia đình, làng xóm.

- *Cờ chồng* là trò chơi sử dụng bộ cờ tướng để chơi, trong đó các quân cờ của người thắng chồng lên các quân cờ của người thua. Đây là một trong những trò chơi rèn luyện trí thông minh và rất được người Huế ưa chuộng. Trò chơi này dùng bộ cờ tướng gồm 32 quân cờ nhưng chỉ khắc chữ trên một mặt. Số người chơi thường là số chẵn: hai hoặc bốn người.

Vào cuộc chơi, người chơi úp các quân cờ trên mặt chiếu hay mặt bàn, trộn đều, rồi xếp thành vòng tròn. Sau đó, người chơi sẽ “bốc xăm” để chọn người bốc cờ trước, cũng là người đi nước cờ đầu

tiền.

Theo quy định, giá trị của các quân cờ theo thứ tự từ lớn đến nhỏ lần lượt là: *tướng, sĩ, tượng, xe, pháo, mã, tốt*. Nếu hai quân cờ đều cùng chức danh, thì quân cờ tô màu đỏ có giá trị lớn hơn quân cờ tô màu trắng. Ví dụ: *tướng đỏ* lớn hơn *tướng trắng*... Nếu trong một nước, các quân cờ xuất ra đều cùng chức danh, cùng màu, chẳng hạn đều là quân *xe đỏ*, thì quân cờ của người ngồi tay trên, tính theo chiều ngược chiều kim đồng hồ, sẽ được tính thắng quân cờ của người ngồi tay dưới.

Tùy theo giá trị và số lượng của từng quân cờ mà có những cách xuất quân khác nhau:

- Xuất từng quân một, áp dụng cho tất cả các quân cờ.
- Xuất từng đôi, áp dụng cho tất cả các quân cờ, trừ quân *tướng*.
- Xuất *bộ tam*(ba) với các bộ: *tướng-sĩ-tượng* và *xe-pháo-mã*.
- Xuất *bộ tứ* (bốn) và *bộ ngũ* (năm) dùng cho những quân tốt.

Trong quá trình chơi, người nào có quân cờ thắng, còn gọi là “nổi”, sẽ lật ngửa quân cờ ấy và chống lên quân cờ thua, đồng thời được quyền xuất nước cờ kế tiếp. Tàn cuộc cờ, ai có nhiều quân cờ “nổi” sẽ là người thắng cuộc. Một ván cờ nếu chơi bốn người sẽ có hai người thắng (*thắng nhất* và *thắng nhì*) và hai người thua (*thua nhì* và *thua nhất*). Người thắng nhất sẽ ăn tiền/điểm của người thua nhất và người thắng nhì sẽ ăn tiền/điểm của người thua nhì.

- *Cờ oi*: Cờ oi là một trò chơi biến thể từ cờ tướng, được đơn giản hóa theo một nguyên tắc và quy định riêng. Dụng cụ cơ bản nhất của trò cờ oi là bộ cờ tướng gồm 32 quân cờ với các quân cờ chỉ có một mặt khắc chữ.

Oi là cái giỏ tre, dụng cụ thường thấy của cư dân nông nghiệp và nhất là người dân vùng nông thôn hay vùng ven đầm phá Tam Giang - Cầu Hai - Lăng Cô dùng để đựng cá, tôm trong sinh hoạt sản xuất, đánh bắt thủy sản. Vốn là những người từ nông dân quanh năm chân lấm tay bùn, họ đã tận dụng loại công cụ dùng trong việc đánh bắt thủy sản này để tạo ra một trò chơi nhảm nhí giản trong mấy ngày xuân. Cũng có người kỳ công tự mình đan lấy cái oi riêng, để vừa sử dụng trong cuộc vui, vừa khoe tài khéo léo. Do vậy, trò chơi này được gọi là cờ oi.

Trong trò cờ oi, người chơi sử dụng con vạ có bốn mặt (ký hiệu từ

nhất đến *tứ* tựa con súc sắc) để phân thứ tự bốc cờ của các người chơi. Trước khi bắt đầu cuộc cờ, người chơi xếp cờ thành một hàng hoặc vòng tròn rồi xoay con vụ. Nếu con vụ hiện mặt *nhất* thì người xoay con vụ được bốc cờ đầu tiên; nếu con vụ chỉ mặt *nhị* thì người ngồi bên tay phải bốc cờ; con vụ chỉ mặt *tam* thì người ngồi bên tay phải của người thứ hai bốc cờ; con vụ chỉ mặt *tứ* thì người ngồi bên tay phải của người thứ ba bốc cờ. Người được bốc cờ đầu tiên vừa đồng thời được quyền thách đấu.

Cờ oi là trò chơi mang tính sát phạt với bốn tay chơi, nên người xưa đã đưa ra một số quy định:

- Các quân cờ được tính điểm như sau: quân *tướng* được tính 7 điểm (còn gọi là *nút*); quân *sĩ* được tính 6 điểm; quân *tượng* được tính 5 điểm; quân *xe* được tính 4 điểm; quân *pháo* được tính 3 điểm; quân *mã* được tính 2 điểm; quân *tốt* được tính 1 điểm.

- Các quân cờ có tên giống nhau thì quân màu đỏ được quy định có giá trị lớn hơn quân cờ màu trắng. Ví dụ, *tướng đỏ* cao hơn *tướng trắng*; *sĩ đỏ* cao hơn *sĩ trắng*... Đặc biệt, khi xuất quân nếu có hai tay chơi cùng ra hai quân cờ như nhau (cùng tên và cùng màu) thì tay trên (tính theo chiều ngược chiều quay của kim đồng hồ) sẽ thắng tay dưới.

Có nhiều cách xuất quân khác nhau, trong đó:

- Xuất từng quân một, áp dụng cho tất cả các quân cờ.
- Xuất từng đôi, áp dụng cho tất cả các quân cờ, trừ *quân tướng*.
- Xuất bộ *tam*(ba), gồm các bộ: *tướng-sĩ-tượng* và *xe-pháo-mã*.
- Xuất bộ *tứ* (bốn) và bộ *ngũ* (năm) dùng cho những quân tốt.

Trong quá trình xuất quân để đối chọi với các tay chơi khác, người chơi phải khéo léo để giành được phần thắng cho mỗi lần xuất quân, quân cờ thắng được gọi là cờ “*nổi*”, quân cờ thua được đem bỏ vào trong oi. Người có quân cờ “*nổi*” được quyền thách đấu.

Việc phân định thắng bại của một cuộc cờ được quy định như sau: Khi ván cờ kết thúc, người nào có hai quân cờ “*nổi*” được tính là hòa; người có một quân cờ “*nổi*” thì thua một quân; người không có quân cờ nổi thì thua hai quân.

Để cuộc chơi thêm gay cấn, hấp dẫn, người ta còn quy định:

+ *Ăn trắng* được tính gấp đôi (ba người chơi kia phải thua bốn quân cờ trong một ván), khi một người chơi có cả tám quân cờ “nổi”.

+ *Ăn xúc* được tính gấp hai lần *ăn trắng* khi người thách đấu xuất thành công đôi *tốt trắng* trong lần xuất quân cuối cùng.

+ *Ăn đèn* được tính cho người có đôi *tốt đỏ* (trong khi hai tay chơi còn lại không có đôi) để chặn đứng ý định *ăn xúc* của người thách đấu.

- *Cờ quân*: Trong trò chơi cờ quân, người ta cũng sử dụng bộ cờ tướng, chiếu oi và con vự có bốn mặt để phân thứ tự bốc cờ của các người chơi. Trước khi bắt đầu cuộc cờ, người chơi xếp cờ thành một hàng hoặc vòng tròn rồi xoay con vự. Nếu con vự hiện mặt *nhất* thì người xoay con vự được bốc cờ đầu tiên; nếu con vự chỉ mặt *nhị* thì người ngồi bên tay phải bốc cờ; con vự chỉ mặt *tam* thì người ngồi bên tay phải của người thứ hai bốc cờ; con vự chỉ mặt *tứ* thì người ngồi bên tay phải của người thứ ba bốc cờ. Người được bốc cờ đầu tiên vừa đồng thời được quyền thách đấu.

Các quy định trong xuất quân, cách tính quân cờ lớn nhỏ của cờ quân tương tự như cờ oi, nhưng cách tính thắng bại của cuộc cờ thì khác nhau:

+ Tay chơi nào có quân cờ “nổi” sau cùng (có thể là đôi hoặc một nhưng không phải quân *tướng*) sẽ thắng các tay chơi còn lại.

+ *Ăn xúc* được tính cho tay thách đấu xuất thành công đôi *tốt trắng*.

+ *Ăn đèn* được tính cho người có đôi *tốt đỏ* (trong khi hai tay chơi còn lại không có đôi) để chặn đứng ý định *ăn xúc* của người thách đấu.

+ *Ăn trắng* được tính cho tay chơi có cả tám quân cờ “nổi”.

+ Nếu quân cờ “nổi” sau cùng là quân *tướng*, ván cờ sẽ được tính hòa.

CÁC TRÒ ĐỎ ĐEN KHÁC

Ngoài các trò nói trên, ở Huế còn có một số trò giải trí ăn tiền khác như: *bài tứ sắc, bài xếp, tổ tôm, kiệu, tài bàn, mạt chược, bài vự, xóc đĩa*... Đó là những trò giải trí nặng tính sát phạt, cao thấp, du nhập

từ những vùng khác, đặc biệt từ Trung Hoa và miền Bắc Việt Nam. Vì thế, cách chơi, sự thưởng phạt đều tương tự.

- *Bài tứ sắc và bài xệp*: Dùng chung một bộ bài, thường gọi là *bài tứ sắc*, nhưng khác luật chơi. Các quân bài gồm: *tướng, sĩ, tượng, xe, pháo, mã, tốt*. Mỗi quân bài có 16 lá gồm bốn lá màu xanh lục; bốn lá màu đỏ; bốn lá màu vàng và bốn lá màu trắng. Bảy quân bài có tổng cộng 112 lá bài.



Chơi bài *tứ sắc*. Ảnh: Đào Hoa Nữ.

- *Tổ tôm và kiệu*: Dùng chung bộ bài *tổ tôm*. Bộ *tổ tôm* cũng gồm ba pho: *văn, vạn, sách*. Mỗi pho có chín quân bài từ *nhất* cho đến *cửu*. Mỗi quân bài có ba lá bài như nhau. Ngoài ra có thêm hàng *yêu đỏ* gồm ba quân bài: *chi chi, cung thang* và *ông lão*. Mỗi quân bài trong hàng *yêu đỏ* này gồm bốn lá bài giống nhau. Tổng cộng là 120 lá bài. *Tổ tôm* thì chơi năm người, trong khi *kiệu* có thể chơi hai, ba hay bốn người đều được.

- *Tài bàn và mạt chược*: Cũng dùng các quân bài như trong bộ *tổ tôm* nhưng thay vì làm bằng giấy thì chúng được làm bằng sừng hay nhựa. *Tài bàn* chỉ chơi ba người, trong khi *mạt chược* thì chơi bốn người. Riêng bộ *mạt chược* có thêm các quân bài: *trung, phát, bạch, đông, tây, nam, bắc*. Sau này người ta bổ sung thêm vào bộ *mạt chược* 16 quân bài mới gọi là bốn “bộ hoa” gồm: *tổng, đông,*

vạn, sách; hoa, nguyên, hỷ, hợp; xuân, hạ, thu, đông; mai, lan, cúc, trúc, khiến cho trò này ngày càng hấp dẫn hơn, thú vị hơn.



Bộ mặt chược người Huế thường chơi. Ảnh: Trần Đức Anh Sơn.

- *Bài vự*: Đây là một trò chơi dân gian rất phổ biến trong các làng quê xứ Huế, thường được tổ chức trong các dịp Tết đến, xuân về. Trò chơi này thể hiện nét văn hóa đặc trưng của cư dân nông nghiệp thông qua sự xuất hiện hình vẽ các con vật trên con vự và trên bàn chơi bài vự.

Bộ đồ chơi bài vự gồm một con vự làm bằng gỗ và chiếc bàn chơi bằng giấy có vẽ hình tám con vật rất quen thuộc với người nông dân là: heo (lợn) đen, voi trắng, trâu xanh, ếch vàng, ngựa đỏ, rùa vàng, tôm xanh và cá vàng và một bộ tô - đĩa để xoay con vự. Con vự là một khối gỗ nhỏ hình lăng trụ tám mặt, mỗi mặt có vẽ hình một trong tám con vật như trên bàn chơi bằng giấy; hai đầu con vự có gắn hai chiếc đinh gỗ để nhá cái cắm và xoay vự. Con vự được đặt trên chiếc đĩa sứ, phía trên có chiếc tô sứ úp kín con vự khi nó đang xoay.

Tết đến, người ta chọn những khoảnh đất bằng phẳng đầu làng hay đầu ngõ xóm để tổ chức chơi bài vự. Nhà cái, cũng là một người dân trong cộng đồng, bày chiếc bàn giấy, con vự và bộ tô - đĩa xoay vự trên chiếc chiếu trải giữa khoảng trống là có thể bắt đầu trò chơi bài vự. Người chơi cũng là những người dân lối xóm, sẽ đặt tiền vào hình vẽ con vật mà mình ưa thích có trên mặt bàn chơi bằng giấy. Sau khi người chơi lựa chọn và đặt cược hoàn tất, nhà cái sẽ xoay con vự trên lòng đĩa, sau đó dùng chiếc tô sứ úp lên con vự đang xoay. Trong lúc con vự đang xoay, người chơi có

thể đặt thêm hoặc di chuyển tiền đã đặt đến hình các con vật khác. Sau khi người chơi đã hoàn tất việc đặt cược tiền và con vạ đã ngừng xoay, nhà cái sẽ nhắc chiếc tô lên khỏi đĩa và hô tên con vật xuất hiện ở mặt trên con vạ. Người chơi nào đặt cược tiền vào hình con vật đó sẽ được nhà cái “chung” tiền theo tỉ lệ *đặt một ăn sáu*. Những người đặt cược sai với hình con vật xuất hiện trên mặt chiếc vạ thì sẽ mất số tiền đó vào tay nhà cái.



Chơi *bài vạ* trong Đêm Hoàng Cung ở Đại Nội Huế (Festival Huế 2006). Ảnh: Hoàng Xuân Trí.

Bài vạ là một trò chơi có tính đỏ đen và chỉ xuất hiện trong những dịp đặc biệt như Tết nhứt, hội hè. Về sau, nhiều cung nữ trong hoàng cung triều Nguyễn cũng du nhập trò bài vạ vào chơi trong cung để giải khuây trong những đêm dài mòn mỏi chờ đợi sự đoái thương của các đảng quân vương.

Trò giải trí và thú tiêu khiển mang tính cá nhân

CHƠI NON BỘ

Chơi non bộ không phải là một thú vui của riêng người Huế, càng không phải là do người Huế khai sinh. Song có một điều cần phải ghi nhận rằng Huế là nơi có số người chơi non bộ nhiều vào hạng nhất, nhì Việt Nam. Nguyên do là vì non bộ thường gắn với nhà vườn, mà nhà vườn chính là một đặc trưng văn hóa của xứ Huế. Non bộ hiện diện nhiều nơi trên đất Huế: trong cung vua, phủ chúa; trong lăng tẩm của các vị hoàng đế triều Nguyễn; trong những ngôi nhà vườn miệt Kim Long, An Cựu, Vỹ Dạ...; trong cả những ngôi nhà cao tầng nơi phố xá đông người.

Nhiều người Huế chơi non bộ, nhưng cách chơi và cách hiểu non bộ ở Huế không giống nhau. Với người này, non bộ là sự vận dụng của thuật phong thủy trong một không gian cụ thể. Với người kia, non bộ đơn giản là một phần của nghệ thuật tạo hình hay nghệ thuật trang trí ngoài trời. Song chiếm số đông vẫn là những người coi việc chơi non bộ như một trò giải trí thuần túy và dựa vào các tích tuồng xưa để tạo cho mình những hòn non bộ ứng ý.

Huế có những nơi có non bộ đẹp nổi tiếng, như ở cung Trường Sanh, tạ Trường Du trong cung Diên Thọ, hồ Kim Thủy (Đại Nội); hồ Tịnh Tâm, vườn Trường Thanh (Thành Nội), đảo Tịnh Khiêm (lăng Tự Đức), chùa Thiên Mụ (hòn Linh Phong). Huế cũng có người say mê non bộ như ông Bữu Nghiêu (thường gọi là mẹ Nho) ở chợ Cống, người đã lập hẳn cả một vườn đá, đủ muôn hình vạn trạng trong khu vườn của mình và dành trọn một đời cho thú vui ấy.



Non bộ phía trước tạ Trường Du ở cung Diên Thọ trong Đại Nội Huế.

Ảnh: Trần Đức Anh Sơn.



Non bộ trong Công viên Nguyễn Văn Trỗi ở thành phố Huế.

Ảnh: Trần Đức Anh Sơn.

Nhiều người Huế coi việc tạo một hòn non bộ trong vườn nhà như là một yếu tố để cân bằng âm dương hay có chức năng trấn yểm theo phong thủy. Đó là những hòn non bộ được xây dựng ngay trước lối dẫn vào một ngôi nhà, có tác dụng như một bức trấn phong, đảm bảo cho ngôi nhà tránh được những điều bất lợi đến từ bên ngoài.

Chỗ khác thì coi non bộ như là một tiểu vũ trụ, như một hình thức sắp xếp không gian theo ý muốn chủ quan của con người, tạo nên các vùng đất linh kiệt hay chốn tiên cảnh dựa theo truyền thuyết và giai thoại: non bộ trên đảo Bồng Lai (hồ Tịnh Tâm) tượng trưng cho *ngũ nhạc* (năm ngọn núi thiêng của Trung Quốc); non bộ ở tạ Trường Du (cung Diên Thọ) tượng trưng cho *tứ trấn*, trấn yểm bốn phương: đông - tây - nam - bắc...

Khi tạo một hòn non bộ, người ta thường gắn thêm một số nhân vật và đồ vật dựa theo các điển tích xưa: tượng ông già ngồi câu dựa theo tích *Thái Công điếu Vị* (Khuông Tử Nha ngồi câu danh vọng bên sông Vị); tượng hai người, một trẻ, một già, ngồi đánh cờ, nhắc tích Triệu Khuông Dã gán núi cho Trần Đoàn để trừ nợ thua cờ trước khi trở thành Tống Thái Tổ; hay tượng ông già ngồi nhìn đàn dê đang leo lên mỏm núi, nhắc tích *Tô Vũ mục Hồ dương* (Tô Vũ chăn dê cho rợ Hồ).

Non bộ Huế cũng thường có nhiều tháp, đa số tháp đều 13 tầng. Những ngọn tháp này tượng trưng hai ý nghĩa: thứ nhất là để cầu mong điều tốt lành, vì nơi xây tháp được coi là một thánh địa để người ta tới cầu phúc, cầu an; thứ hai là để trấn yểm.

Về mặt tạo hình những người chơi non bộ ở Huế thường tránh những điểm sau:

- Thứ nhất là tránh *xuyên tâm*, tức là các hang động giả trên non bộ không được thông từ trước ra sau. Non bộ được coi là một cái trấn phong, mà xuyên tâm thì sẽ có gió lọt vào, vai trò trấn phong không còn nữa. Non bộ là một hòn núi thu nhỏ, nếu có lỗ thủng, coi như hòn núi đó bị mất linh khí.

- Thứ hai là những ngọn núi trên non bộ Huế thường không làm nhọn. Non bộ cần có tính vững chãi trong khi cái nhọn không cho người ta cảm giác vững chãi. Đó cũng là một trong những lý do khiến nhà Nguyễn chọn núi Ngự Bình, bằng phẳng hơn, làm tiền án cho Kinh Thành Huế, chứ không phải là núi Kim Phụng, dù cho Kim Phụng cao hơn và hùng vĩ hơn Ngự Bình.

- Thứ ba, những con dốc quanh co trên hòn non bộ thì không bao giờ lên đến đỉnh núi. Đỉnh tượng trưng cho chân lý và chân lý là con đường thẳng, không phải đường cong. Vả lại mấy ai đã đạt tới chân lý mà dám làm cho mình một con đường lên tới đỉnh.

Một hòn non bộ được đánh giá là đẹp phải đạt đến tính cân đối, vững chãi, toàn vẹn, có trước có sau, tránh được những điều kiêng kỵ trên đây. Thứ hai, là các tích tượng ở trên non bộ phải là những tích hay, tích hiền, không phải là tích xấu, tích ác. Thứ ba hòn non bộ ấy được đặt trong một khung cảnh phù hợp, tương xứng với tầm vóc và không gian xung quanh. Một hòn non bộ to lớn, đặt trong một khuôn viên chật hẹp thì không thể gọi là đẹp được. Người Huế có điều kiện chơi non bộ vì họ có một không gian cư trú rộng hơn người xứ khác. Nhà ở Huế thường có vườn, có sân nên việc tạo lập một hòn non bộ dễ dàng hơn và tránh được nhược điểm nói trên.

Chơi non bộ là một cách tìm về với thiên nhiên. Đó là một thú tiêu khiển tĩnh lặng, không xô bồ, huyền ảo như những trò giải trí khác nên phù hợp với tính cách của những người trầm tĩnh, kín đáo, mà đức tính đó chính là nét đặc trưng của người Huế. Non bộ là một phần nhỏ của hoa viên, là một bức tranh sơn thủy thu nhỏ trong ngôi nhà vườn xứ Huế và là cảm quan nghệ thuật và tư tưởng của chủ nhân ngôi nhà ấy. Vì thế, khi ngắm một hòn non bộ, người tinh ý có thể hiểu được một phần tính cách của chủ nhân.

CHƠI HOA KIỂNG

Huế được mệnh danh là thành phố vườn, nhờ vào những vườn cây trong các cung điện, lăng tẩm, chùa chiền, phủ đệ, trong các khu dân cư và trên đường phố. Đặc trưng ấy hình thành từ lối sống gần bó với thiên nhiên, hòa mình với thiên nhiên của con người xứ Huế và đó cũng là tiền đề cho một thú tiêu khiển có truyền thống và phổ biến ở Huế. Đó là thú chơi hoa kiểng.

Nhà ở Huế đa phần là nhà vườn, nên chủ nhân có không gian thuận lợi để chơi hoa kiểng. Hầu như ngôi nhà nào cũng có một vài loại hoa và cây kiểng mà chủ nhân yêu thích. Trong đó hoa mai là loài hoa được người Huế, từ nông thôn đến thành thị, yêu thích. Hoa mai có mặt trong hầu hết các ngôi chùa ở Huế và phụ cận; trong cung điện, lăng tẩm của vua chúa triều Nguyễn; trong các phủ đệ, tư dinh của giới hoàng thân quốc thích và quan lại đương triều. Hoa mai được trồng ở trước sân, sau vườn, hay trên

những vùng đất đồi ở Dương Xuân, Long Thọ. Thậm chí ở những vùng cồn cát của các huyện Phong Điền, Quảng Điền cũng có hoa mai. Mai thường được trồng từ hai cây trở lên, tránh trồng một cây (do kiêng chữ *mai một*).



Chơi cây kiểng kiểu bonsai Nhật Bản cũng là một thú vui được nhiều người Huế ưa chuộng. Ảnh: Trần Đức Anh Sơn.

Hoa hồng, người Huế gọi là *bông hương* vì kiêng húy vua Tự Đức, cũng là một loại hoa được trồng nhiều ở Huế. Trong nhiều ngôi chùa ở Huế như Huyền Không, Từ Hiếu..., hay trong nhà vườn An Hiên, hồng được trồng thành vườn với hàng chục loại khác nhau. Có những người chơi hồng chuyên nghiệp như gia đình ông C.X.D. ở đường Chi Lăng, chuyên nhập các giống hoa hồng từ các vùng

khác về ươm, chiết, lai giống để cung cấp cho những người chơi hồng ở Huế. Ngoài ra, lan cũng được những người chơi hoa kiểng ở Thừa Thiên Huế yêu thích, dù đó là một loài hoa đòi hỏi sự chăm sóc đặc biệt. Các vị sư ở chùa Huyền Không còn tạo lập một vườn lan với gần 200 loại khác nhau, bốn mùa đều có hoa nở, khiến khách vắng cảnh chùa phải ngẩn ngơ, thèm muốn.

Khi đô thị ngày một sầm uất hơn, không gian cho những người lập vườn xứ Huế bị thu hẹp thì nhiều người Huế tìm đến với nghệ thuật bonsai, cây kiểng. Trên những ngôi nhà cao tầng người ta tạo ra những khoảng không gian khiêm tốn để chơi cây kiểng. Đó là những gốc tùng, bách, mai... cổ thụ khéo léo thu mình trong những chiếc chậu xinh xắn, hay những loại thảo mộc tâm thường như sanh, bồ đề, trầm... qua bàn tay chăm sóc và tạo tác của con người đã trở thành những tác phẩm nghệ thuật giàu sức sống và đầy triết lý. Người chơi cây kiểng đã chủ động tạo cho cây những dáng, những thế tùy thích, rồi đặt theo những dáng, thế ấy như: *phụ tử, huynh đệ, phu thê, long thăng, phụng vũ, tam đa, ngũ phúc...* Cây kiểng kiểu bonsai không chỉ được trồng trong những nơi có không gian hạn chế mà còn xuất hiện trong các cung điện, lăng tẩm triều Nguyễn, chứng tỏ đó cũng là một thú vui được tầng lớp quyền quý quan tâm.

Có thể nói, thú chơi hoa và cây kiểng trong các tầng lớp người Huế đã góp phần tạo cho vùng đất này một thần thái riêng biệt, một không gian đô thị đầy sắc xanh và tràn ngập hương hoa. Thú vui này cũng đóng góp vào việc duy trì đặc trưng thành phố vườn như một nét riêng của đất thần kinh.

CHƠI CHIM

Huế được xưng tụng là “thành phố vườn” bởi mật độ cây xanh bao phủ thuộc vào hàng đầu trong các đô thị ở Việt Nam. Đây cũng là nơi phát sinh một kiểu thức kiến trúc và tổ chức không gian cư trú rất đặc biệt: *nhà vườn Huế*.

Cây xanh và nhà vườn xứ Huế không chỉ tạo cho con người ở miền “sông Hương - núi Ngự” một không gian xanh và yên bình để sống, mà còn nuôi dưỡng một thú tiêu khiển thú vị: *thú chơi chim*.

Vườn Huế là nơi đi về và trú ẩn của nhiều loài chim. Có loài định cư quanh năm, có loài di trú theo mùa. Trong đó có những loài như chào mào, họa mi, chích chòe, cà cưỡng... là những loài chim mà người Huế thường đánh bắt, thuần dưỡng để chơi.

Người chơi chim ở Huế hiện nay ước khoảng vài trăm, tập hợp thành các câu lạc bộ chơi chim ở các khu dân cư và Hội chim cảnh ở cấp thành phố.

Trước đây, chơi chim là thú tiêu khiển cá nhân của những người lớn tuổi. Họ nuôi một vài con chim cu gáy, loại cu cuõm đánh bắt từ các cánh đồng ở vùng ven thành phố, hay nuôi dăm ba chú chào mào để nghe tiếng gáy, tiếng hót của những loài chim này ngay trong nơi cư trú của mình. Vài người cầu kỳ hơn thì nuôi chim sáo hay chim cuỡng, luyện cho chúng bập bẹ tiếng người cho vui cửa, vui nhà.

Ngày nay, chơi chim trở thành thú vui của lớp người trẻ hơn, tầm 25 đến 45 tuổi. Họ đầu tư nhiều thời gian, tiền bạc và công sức để nuôi dưỡng chim và duy trì thú vui này.

Loài chim được nhiều người chơi chim ở Huế ưa chuộng là chào mào, dân Huế thường gọi là *chốc mào* hay *chốc miều*. Kể đến làm chim khuyên, chim yến, chim cu gáy, chích chòe... Chim chào mào Huế có tiếng là hót hay, đáng đẹp nên không chỉ người chơi chim ở Huế ưa chuộng, mà người chơi chim ở các nơi khác cũng tìm về Huế để tậu cho được một chú chào mào xứ Huế. Cũng vì thế mà hiện nay có hiện tượng là nhiều người chơi và buôn bán chim, nhập chào mào từ miền Bắc đưa về Huế rồi nuôi chung với chào mào xứ Huế, chăm sóc, luyện tiếng hót cho giống với chào mào chánh hiệu xứ Huế, rồi bán cho dân chơi chim tứ xứ. Phải là những người chơi chim lâu năm, nhiều kinh nghiệm trong phân biệt giọng hót của chim mới biết đâu là chào mào Huế, đâu là chào mào ngoại nhập về Huế.

Giá một con chào mào *bối*, là chim mới đánh bắt về, khoảng từ 300.000 đồng đến dưới 1 triệu đồng. Cá biệt, có những con chim bối có giá lên tới 1,5 triệu đồng nhờ vào gốc gác là chào mào Huế xịn. Sau quá trình nuôi dưỡng, chăm sóc, rèn luyện và đưa đi thi đấu ở những cuộc thi chim, thì giá chim sẽ thay đổi đến khó lường. Những con chim có vóc dáng đẹp, tiếng hót hay, đoạt nhiều giải thưởng thì có giá tới năm, bảy trăm triệu đồng. Tiêu chuẩn để định giá một con chim hay và quý là ở giọng hót hay, bộ dáng đẹp và động tác khi thi đấu. Những con chim hay chuyển cảnh, nhảy nhót nhiều, hay rửa lông hoặc ăn nhiều khi thi đấu là những con chim không được đánh giá cao.



Những chú chim chào mào cùng khoe tiếng hót.

Ảnh: Trần Đức Anh Sơn.

Người chơi chim ở Huế thường nuôi từ 2 đến 3 con chim. Cũng có người nuôi đến chục con hay vài chục con, nhưng số này không nhiều, bởi lẽ, việc chăm sóc chim không hề đơn giản và chi phí cũng không rẻ. Chim phải thường xuyên cho ăn bột ngũ cốc trộn với trứng và bột tôm tép để chim có đủ dưỡng chất. Hàng tuần còn phải bồi bổ bằng nguồn “thực phẩm tươi sống” là cào cào, châu chấu...

Chim phải được luyện giọng, luyện phong thái thi đấu và phải thường xuyên được đưa đi tập dượt nơi các hội chơi chim vào những buổi sáng cuối tuần. Khi chim đã trưởng thành, đủ độ tinh anh thì mới đưa chim đi thi đấu.



Vừa thưởng thức café, vừa nghe chim hót vào mỗi sáng cuối tuần là thú vui của nhiều người Huế. Ảnh: Trần Đức Anh Sơn.

Ở Huế có nhiều quán *café chim*, là nơi người chơi chim mang chim đến tập dượt và luyện hót, như các quán café ở đường Nguyễn Chí Diểu, đường Phạm Văn Đồng, đường Sư Liễu Quán... Có nơi chuyên dành cho chim chào mào, có chỗ chuyên dành cho chim khuyên, chim yến. Hàng tuần, cứ vào sáng thứ bảy hay Chủ nhật, từ khoảng 7 giờ đến 11 giờ, người chơi chim đưa chim đến những nơi này, vừa nhâm nhi ly café, vừa lắng nghe các chú chim thi hót với nhau.

Một vài tháng, những người chơi chim lại tổ chức một cuộc thi chim, với vé tham gia là 300.000 đồng. Giải thưởng cho một cuộc thi chim cấp phường thường khoảng 10 triệu đồng, kèm theo 1 chiếc cup vinh danh.

Mỗi năm một lần, những người chơi chim ở Huế lại tổ chức Hội thi chim cấp thành phố, mời cả những người có cùng niềm đam mê chơi chim ở những địa phương khác, đưa chim về Huế dự hội. Tương tự, nhiều người chơi chim ở Huế, hàng năm đều tự mình đưa chim đi “trẩy hội” và thi đấu ở Sài Gòn, Hà Nội hay Đà Nẵng, coi đó vừa là niềm đam mê, vừa là niềm vinh dự khi là chủ nhân của những chú chim đoạt được giải thưởng ở tầm quốc gia.

Người chơi chim ở Huế cũng có nhiều hạng: có người chỉ chơi, không trao đổi, mua bán chim; có người vừa chơi chim, vừa mua

bán, đổi chác chim với các thành viên khác trong hội chơi chim; có người chỉ nhập chim bồi về, chăm sóc, luyện thành chim tốt để bán cho những người chơi chim khác...

Đi kèm với thú chơi chim là những dịch vụ hỗ trợ như: làm lồng chim, chế biến và mua bán thức ăn cho chim, chăm sóc chim thuê... Đó là một thị trường rất sôi động dù ít người biết, phục vụ cho thú chơi chim của người Huế.

Những người chơi chim ở Huế cũng đã từng lao đao khi nạn dịch cúm gia cầm bùng nổ ở Việt Nam vào đầu thập niên 2000. Nhiều con chim quý, có giá cả chục triệu đồng đã phải tiêu hủy hoặc thả về tự nhiên, theo yêu cầu của cơ quan chức năng để phòng tránh dịch gia cầm lây lan trong cộng đồng.

Tuy nhiên, khi nạn dịch gia cầm qua đi, lệnh cấm bị hủy bỏ, những người đam mê chơi chim ở Huế lại gây dựng đàn chim quý và tiếp tục nuôi dưỡng niềm đam mê chơi chim của mình.

CHƠI ĐỒ XƯA

Ở Huế có rất nhiều người chơi đồ xưa. Thú vui này có từ thời Nguyễn, thịnh hành trong những năm 1950 - 1970, sau ngày miền Nam giải phóng (30.4.1975) thì thoái trào, nhưng đến nay thì hưng thịnh trở lại.

Ngày trước, các vua triều Nguyễn thường ký kiểu những món đồ sứ từ các lò sứ ngự dụng và quan dụng của Thanh triều ở Cảnh Đức Trấn (Giang Tây, Trung Quốc), để trưng bày trong những cung điện, lăng tẩm, đền miếu, cũng như để đáp ứng nhu cầu sử dụng thường ngày của nhà vua, hoàng gia và đình thần. Ngoài đồ sứ, triều đình còn thông qua các sứ bộ đi sứ sang Trung Hoa đặt mua đồ pháp lam, tranh gương, đồ đồng, những vật phẩm xa xỉ khác... từ Trung Quốc, Triều Tiên và các nước Tây dương, đưa về bày biện trong hoàng cung, vừa để trang trí, vừa để thưởng ngoạn. Thú chơi đồ xưa ở Huế hình thành từ đó.

Từ trong hoàng cung, thú vui sưu tầm và thưởng ngoạn những món mỹ nghệ trân phẩm của các vị vua đã “theo chân” các hoàng thân, đình thần... lan tỏa ra ngoài. Trong các phủ đệ của các ông hoàng, bà chúa; trong các dinh thự của các vị quan đầu triều dần dà xuất hiện những món đồ cổ, chủ yếu là đồ Tàu, như tranh, quạt, đồ sứ, pháp lam..., được bày biện khéo léo, tôn thêm nét quý phái, sang trọng của những dinh phủ, cũng như bày tỏ sự lịch lãm, trình độ học vấn, gout thẩm mỹ của chủ nhân những chốn

này.

Nhiều trân phẩm trong số này là những kỷ vật do chính các vị vua ban thưởng cho các vị hoàng thân, đình thần...; hoặc do các vị này đặt mua hay ký kiểu tại Trung Hoa trong những lần phụng mệnh triều đình đi sứ sang Thanh.

Sau khi triều Nguyễn chấm dứt, những món trân phẩm mỹ nghệ này trở thành *đồ xưa*, *đồ gia bảo*, được các thế hệ con cháu gìn giữ, lưu truyền. Những người đương thời chưa may mắn sở đắc những món đồ này, thì nay cũng cố công sưu tầm và thưởng ngoạn, nhất là khi mà gia cảnh của nhiều vị quý tộc và cựu thần triều Nguyễn đã sa sút do hoàn cảnh đổi thay, khiến họ phải nhượng bán những món đồ xưa cho các vị chủ nhân mới.

Ngoài những cổ vật chính thống của triều Nguyễn được đưa vào các bảo tàng ở Huế, Sài Gòn và Hà Nội với nhiều hình thức khác nhau; được bảo quản, trưng bày tại các bảo tàng này trong nhiều thời kỳ lịch sử, còn có rất nhiều cổ vật của triều Nguyễn được mua bán, trao đổi trên thị trường nên nhiều người có cơ hội mua bán, trao đổi, sưu tầm đồ xưa, tạo nên một thú chơi tao nhã ở xứ Huế.

Trước năm 1975, cùng với Sài Gòn, Huế là một trong hai trung tâm cung cấp cổ vật hàng đầu cho thú chơi đồ xưa của người dân miền Nam. Huế vừa có người chơi đồ xưa, vừa có cửa hàng bán đồ xưa, vừa có những sưu tập đồ xưa có giá trị. Đồ xưa ở Huế chủ yếu là các dòng đồ sứ ký kiểu thời Lê - Trịnh (thế kỷ XVII - XVIII) có gốc gác từ Bắc Hà; đồ sứ ký kiểu thời Tây Sơn (cuối thế kỷ XVIII) và nhiều nhất là đồ sứ ký kiểu thời Nguyễn (thế kỷ XIX - đầu thế kỷ XX). Ngoài đồ sứ ký kiểu, đồ sứ Trung Hoa, đồ sứ Nhật Bản và đồ sứ phương Tây (chủ yếu là đồ sứ Pháp) cũng hiện diện rất nhiều ở Huế và rất được người Huế chú tâm sưu tầm và thưởng ngoạn.

Dường như trong các phủ đệ ở Huế đều lưu giữ những bộ đồ trà, những tô chén đĩa sứ ký kiểu mang niên hiệu các vua triều Nguyễn. Đó vừa là kỷ vật, vừa là “của cải” mà tiền nhân để lại cho các thế hệ con cháu. Vì vậy mà các thế hệ hậu bối không chỉ thưởng ngoạn những món đồ xưa này, mà còn có trách nhiệm giữ gìn như đồ gia bảo.

Tuy nhiên, sau năm 1975, do hoàn cảnh kinh tế khó khăn, nhiều món đồ gia bảo trong các phủ đệ, dinh thự kín cổng cao tường ở Huế đã phải rời nơi chốn cũ, đi tìm các chủ nhân mới ở khắp nước Việt, và ở cả nước ngoài. Đây là thời kỳ mà thú chơi đồ xưa ở Huế thoái trào. Huế trở thành nơi mà giới buôn bán cổ vật tìm đến để

săn lùng đồ xưa, mua đi bán lại để kiếm lời.

Tuy nhiên, vẫn còn đó những người Huế tâm huyết với cổ vật xứ Huế. Họ tìm cách giữ lại những trân bảo không chỉ của gia tộc, dòng họ mình, mà của cả những người Huế lắng giềng lâm vào thế “sa cơ lỡ vận” buộc lòng phải bán đi những món đồ xưa thân quý của gia tộc mình. Đó là nhà sưu tầm N.X.H. với sưu tập đồ sứ ký kiểu thời Nguyễn đầy đặn, có giá trị về lịch sử, văn hóa, nghệ thuật và kinh tế; là nhà sưu tầm N.V.C. và con trai là N.A.H. có bộ sưu tập tiền cổ Việt Nam và Trung Hoa thuộc hàng nhứt nhì nước Việt lúc bấy giờ; là nghệ nhân L.V.K. với những món sành vàng lá ngọc, đồ sứ ký kiểu, đồ pháp lam... gốc gác từ hoàng cung Huế được lưu giữ cẩn thận; là nhà sưu tầm danh tiếng T.Đ.S. với các sưu tập đồ sứ, đồ dệt, đồ đồng, đồ gỗ, đồ sơn mài, đồ pháp lam, tiền cổ... rất phong phú, đủ để mở một bảo tàng tư nhân ở Huế sau này, khi thú chơi đồ xưa ở Huế hưng thịnh trở lại...

Sau vài chục năm thoái trào, từ đầu những năm 2000 trở lại đây, thú chơi đồ xưa ở Huế hồi sinh mạnh mẽ. Người chơi đồ xưa ở Huế bây giờ không chỉ là những bậc cao niên, minh triết trưởng thượng như trước, mà còn có rất nhiều người trẻ, tuổi chừng 30 đến 40. Chủ nhân các sưu tập đồ xưa ở Huế không còn là dân trong giới nghiên cứu lịch sử - văn hóa - mỹ thuật mà rất đa dạng. Họ là bác sĩ, thầy giáo, doanh nhân, kỹ sư, nhà báo, công chức... Thậm chí cả sĩ quan công an và sinh viên cũng say mê sưu tầm đồ xưa để thưởng ngoạn. Loại hình cổ vật mà giới chơi đồ xưa ở Huế hiện nay quan tâm cũng được mở rộng hơn: ngoài những đồ sứ ký kiểu, đồ đồng, đồ pháp lam... truyền thống của Huế xưa, giới chơi cổ vật ở Huế hiện nay còn sưu tầm: đồ gốm Việt Nam các thời Lý - Trần - Lê; đồ sứ ký kiểu thời Lê - Trịnh; đồ gốm thời tiền sử; đồ gốm vớt dưới lòng sông Hương (thuộc nhiều thời kỳ, có niên đại kéo dài hơn 1.000 năm); đồ gốm sứ phương Tây, Nhật Bản, Trung Hoa; cổ vật Champa; trang phục cung đình triều Nguyễn; các loại hoành phi, câu đối, trống liên bằng vải; đồ thủy tinh - pha lê, đồ ngà, đồ mộc, tiền cổ, các loại huy hiệu và huy chương, tranh tượng Phật giáo...



Cổ vật của những người chơi đồ xưa ở Huế tham gia triển lãm tại Bảo tàng Lịch sử Thừa Thiên Huế nhân Festival nghệ truyền thống năm 2011. Ảnh: Trần Đức Anh Sơn.



Tham gia triển lãm cổ vật trong các kỳ Festival là một thú vui của những người chơi đồ xưa ở Huế. Ảnh: Trần Đức Anh Sơn.



Sưu tập đồ uống trà và hộp ăn trâu của những người chơi đồ xưa ở Huế tham gia triển lãm tại Bảo tàng Lịch sử Thừa Thiên Huế nhân Festival nghệ truyền thống năm 2011. Ảnh: Trần Đức Anh Sơn.



Cổ vật của những người chơi đồ xưa ở Huế tham gia triển lãm “Cổ vật Phật giáo” tại Trung tâm Văn hóa Phật giáo Liễu Quán nhân Festival Huế 2018. Ảnh: Trần Đức Anh Sơn.

Thay vì chơi đồ xưa như một niềm đam mê cá nhân, ngày nay, những nhà sưu tầm cổ vật ở Huế thường tìm đến với nhau, tập hợp thành nhóm, thành câu lạc bộ để cùng nhau trao đổi cổ vật,

học hỏi kinh nghiệm và chia sẻ với nhau niềm đam mê sưu tầm và thưởng thức đồ xưa. Họ cũng phối hợp với nhau và với các nhà sưu tầm ở nhiều địa phương trong nước, tổ chức các cuộc triển lãm cổ vật trong các dịp Festival Huế và trong các dịp lễ hội được tổ chức định kỳ ở miền đất Hương Bình, để giới thiệu với công chúng về cổ vật xứ Huế và cổ vật Việt Nam. Đó cũng là cách giới thiệu và lan tỏa một thú vui tao nhã của người Huế: thú chơi đồ xưa.

CHƠI SÁCH

Ở Huế từ lâu đã có nhiều người chơi sách. Chơi sách là một thú tiêu khiển, vừa giống lại vừa khác với thú đọc sách và việc lập tủ sách gia đình hay mở thư viện tư nhân.

Giống là bởi người chơi sách cũng phải bỏ tiền mua sách, cũng đọc những cuốn sách mình mua và cũng phải tổ chức không gian để bảo quản và trưng bày sách như những người muốn lập tủ sách gia đình hay thư viện tại gia.

Khác là những người chơi sách cũng là những nhà sưu tầm. Họ coi sách như hiện vật trong những sưu tập sách, được tập hợp theo một chủ đề nào đó. Họ bỏ thời gian, công sức và tiền bạc để săn đuổi một bản sách mà họ thích, với niềm đam mê bất tận và giá mua không lường trước. Họ sẵn sàng trao đổi với bạn chơi những bản sách quý hiếm họ sở đắc, để lấy một bản sách khác, không quý hiếm bằng, nhưng lại đang thiếu trong sưu tập của mình. Người đọc sách thường chỉ mua một ấn bản của một tựa sách để đọc và lưu trữ. Còn người chơi sách thì thường sưu tập tất cả những bản sách được in nhiều lần của một tựa sách. Họ cũng sẵn sàng “xới tung” tất cả các hiệu sách, các chiếu sách cũ ở vỉa hè, các tủ sách gia đình... để mua bán, trao đổi một bản sách của một tác giả, một chủ đề, một thể loại nào đó mà họ đang thiếu. Đó mới là một người chơi sách thú thật.

Từ những năm 30 của thế kỷ trước, ở Huế đã có những nhà in kiêm nhà xuất bản tiếng tăm như: Đắc Lập, Anh Minh, Viễn Độ, Phúc Sinh, Phúc Long, Tiếng Dân...

Tùy theo tôn chỉ và mục đích kinh doanh, những nhà in này xuất bản các dòng sách riêng: sách giáo khoa, sách văn chương, sách khoa học, nhạc phẩm, báo chí... Về sau, những ấn phẩm của các nhà in này trở thành đối tượng săn lùng của những người chơi sách ở Huế.

Người chơi sách, ngoài việc đầu tư tiền bạc, thời gian và công sức, còn phải nhờ *duyên* thì mới “tậu” được những cuốn sách quý. Nhiều người bỏ nhiều công sức để theo đuổi một cuốn sách mà họ đang còn thiếu bằng việc săn tìm ở các tiệm sách; gạ gẫm những người chơi sách khác để mua bán, đổi chác; thậm chí vào tận Sài Gòn hay ra ngoài Hà Nội - là những trung tâm mua bán sách cũ nổi tiếng ở Việt Nam hiện nay - để tìm mua, nhưng không thành công. Thế nhưng, vào một ngày đẹp trời cuối tuần, khi tình cờ đi ngang qua một chiếu sách cũ ở vỉa hè đường Nguyễn Thái Học hay đường Hai Bà Trưng, họ bắt gặp cuốn sách họ đang tìm và mua được với giá phải chăng. Đó chính là duyên và cũng là niềm vui mà những người chơi sách có được.

Có nhiều trường phái chơi sách ở Huế. Có người chơi sách theo chủ đề: văn chương, lịch sử, văn hóa, khoa học thường thức, âm nhạc... Có người chơi sách theo tác giả, theo nhà xuất bản, theo thể loại như: trinh thám, viễn tưởng, phiêu lưu mạo hiểm, ngôn tình... Có người chỉ sưu tầm những bản sách được xuất bản trước năm 1975 ở cả hai miền Nam - Bắc. Có người chỉ chuyên tâm sưu tầm *sách Huế*, là những cuốn sách viết về lịch sử, văn hóa, kiến trúc, phong tục tập quán, con người xứ Huế. Có người đặt ra tiêu chí sưu tầm là sách phải đẹp, lạ và toàn vẹn, không mất bìa, mất trang, mất chữ và không chấp nhận sách giả, sách in lậu. Có người chuyên săn lùng những cuốn sách có thủ bút, chữ ký của tác giả; hoặc có lời đề tặng của tác giả hay của người mua sách cho độc giả và bằng hữu của mình. Những cuốn sách này thường là sách cũ, vì một nguyên nhân nào đó mà xuất hiện trong các tiệm sách cũ, hay trong các vựa ve chai, lại trở thành nguồn sưu tầm đầy cảm hứng cho những người chơi sách.



Sưu tầm sách xưa viết về Huế là một sở thích của nhiều người chơi sách ở Huế. Ảnh: Trần Nguyễn Khánh Phong.

Ở Huế trước đây có Nhà sách Cảo Thơm với hai cửa hiệu ở đường Lý Thường Kiệt và Lê Duẩn chuyên mua bán những cuốn sách cũ có giá trị. Sau này có Nhà sách Hoàng Thổ ở đường Hùng Vương là địa chỉ được giới chơi sách cũ, không chỉ là người Huế, mà có cả khách trong Nam ngoài Bắc, thường ghé đến. Tuy nhiên, các chiếu sách cũ bày bán ở vỉa hè các đường Nguyễn Thái Học, Hai Bà Trưng, Nguyễn Trường Tộ... hay các vỉa hè mua bán sách báo cũ ở phía sau chợ Đông Ba, là những nơi mà dân chơi sách thường xuyên tìm đến. Bởi lẽ, nhiều khi trong những cuốn sách mua theo ký lô đó, lại có những tác phẩm quý hiếm, cực kỳ giá trị, mà những người có duyên với sách đã may mắn sở đắc.

Có bốn nguồn cung cấp sách cho những người chơi sách ở Huế: sách mới từ các hiệu sách đương đại; sách cũ từ các tiệm chuyên mua bán sách cũ và từ các chiếu sách cũ ở hè phố; sách trao đổi trực tiếp giữa những người cùng chơi sách với nhau ở Huế; và sách mua bán đổi chác từ các diễn đàn sách cũ, sách xưa trên internet, trên mạng xã hội. Những nguồn sách và các phương thức trao đổi này đã góp phần làm cho thú chơi sách ở Huế thêm phần sôi động, hấp dẫn.

Trước đây, người chơi sách ở Huế thường là những bậc thức giả

lớn tuổi. Họ cũng là những người mê đọc sách, kiến văn quảng bác, thông kim hiểu cổ. Từ nhu cầu đọc sách và mua sách mới sinh ra thú chơi sách và sưu tầm sách. Chẳng hạn như ông N.H.N. nhà ở đường Đặng Thái Thân, phía sau Đại Nội Huế, một người rất chịu khó mua sách và chơi sách từ trước năm 1975 đến nay. Ông mua sách không giới hạn chủ đề hay thể loại, và đặc biệt là luôn mua hai bản cho một tựa sách, với lý do “một bản để đọc, còn một bản để cất chơi”. Tủ sách của ông là một trong những tủ sách tư nhân có tiếng ở Huế hiện nay.

Những năm gần đây, trong giới chơi sách ở Huế xuất hiện nhiều người trẻ, với những sưu tập sách rất đáng nể như: Đ.M.Đ. với sưu tập sách khoảng 14.000 cuốn đủ thể loại; T.N.K.P. với 6.000 cuốn chuyên về dân tộc học, văn hóa dân gian, lịch sử, sách viết về Huế; L.D.T. vừa chơi sách vừa buôn bán sách cũ với nhiều chủ đề khác nhau; N.N.T., một giảng viên đại học đam mê mảng sách về lịch sử, văn hóa và kiến trúc; H.T.L. đam mê sưu tầm các bản nhạc và ấn phẩm âm nhạc được in ấn từ thời Pháp thuộc và thời Việt Nam Cộng hòa...

Họ chính là những người đã kế thừa xuất sắc thú chơi bác học này từ các bậc tiền bối, nuôi dưỡng niềm đam mê đối với sách, và quan trọng là giữ cho xứ Huế những tủ sách đồ sộ, phong phú và giá trị, để trao truyền cho các thế hệ tương lai.



Chơi sách theo tác giả, như trong ảnh này là Dan Brown và Haruki Murakami, cũng là một cách chơi sách của người Huế.

Ảnh: Trần Đức Anh Sơn.

NGỦ ĐÒ

Xứ Huế có nhiều sông nhưng chỉ có con sông Hương mới khai sinh nên thú ngủ đò, vốn rất quyến rũ nhưng cũng đầy tai tiếng. Dòng Hương Giang gắn bó với nhiều trò giải trí của xứ thần kinh, nhưng với riêng *thú ngủ đò* thì sự gắn bó đó thật là đặc biệt vì không có dòng sông, con đò thì lấy đâu ra thú ngủ đò.

Huế xưa là kinh đô, cũng là nơi gặp gỡ của bao tao nhân mặc khách từ mọi miền đổ về. Họ là những sĩ tử Bắc Hà hay những công tử vùng sông nước Nam Bộ, khăn gói về kinh mong kiếm cho mình một chỗ đứng trên quan lộ nhờ nghiệp thi cử. Họ cũng là những kẻ giang hồ, thích rày đây mai đó cho thỏa chí tang bồng. Có khi họ là quan lại tứ phương về kinh tại chức, sống xa gia đình, thiếu vắng hơi ấm phụ nữ. Cùng với họ là những ông hoàng,

những cậu ấm đất thần kinh, lớn lên trong vòng cương tỏa của luân lý Nho gia, nhưng lại mang trong người một tâm hồn lãng tử, nay muốn phá bĩnh, đi tìm chút tự do phóng khoáng ngoài sự răn dạy của thánh hiền và gia tộc. Tất cả hạng người ấy đã khai sinh nên thú ngủ đò.

Gọi là ngủ đò nhưng có ai xuống đò để ngủ bao giờ. Khách xuống đò là để nghe đàn ca xuống hát, để ngâm vịnh thơ ca, để tìm kiếm bạn tri âm, tri kỷ, hay để được thao thức trong khoang thuyền với cô gái Huế bởi những câu chuyện thâu đêm của nàng, mà dân Huế vẫn quen gọi là chuyện canh trường. Rồi từ những vui thú tao nhã ấy mới thai nghén nên cái trần tục khiến khách xuống đò phải nao lòng trước thú mua hoa bán nguyệt. Vì thế mà sau này trong giới ngủ đò mới hình thành nên các cụm từ “ngủ chay”, “ngủ mặn” để nói về mức độ và tính chất của những chuyến xuống đò.

Khách đò thuở trước lịch lãm và nho nhã lắm. Hành trang mang xuống đò của họ không chỉ là niềm đam mê lạc thú, mà cả một hồn thơ lai láng, một trí tuệ uyên thâm và niềm háo hức muốn trải nghiệm một đêm trên dòng sông của trăng, của thơ và của nhạc. Khách hiếm khi xuống đò một mình mà thường đi với một, hai người bạn. Lúc con đò rời bến, ngược dòng Hương đi về phía Kim Long, Thiên Mục là lúc những sử tích, những giai thoại về dòng sông và những địa danh ven bờ được khơi dậy. Đó là những bài học lịch sử và địa dư lý thú và lãng mạn nhất mà khách đò được học trong đời. Nó hấp dẫn bởi giọng Huế ngọt ngào của người kỹ nữ sông Hương, bởi khung cảnh thi vị của một đêm trăng, bởi cảm giác được bồng bềnh trên sông nước với những con sóng lao xao ru vỗ mạn đò và tiếng mái chèo khua nước róc rách. Con đò dừng lại, buông neo và một giọng hò mái nhì cất lên lan dài trên mặt sóng. Người ta nghe trong giọng hò ấy những nỗi niềm của thân kiếp; những sử tích về cuộc đời của nàng công chúa biết dút tình riêng để mang hòa bình, và cả một phần giang sơn, về cho tổ quốc... khiến lòng lãng khách bùng lên mỗi cảm thông sâu sắc và cả một nỗi buồn vô cớ nhưng da diết.



Buông neo bến đợi. Ảnh: Đào Hoa Nữ.

Giọng hò chợt tan biến vào thinh không, cũng bất ngờ như lúc nó ngân lên. Thay vào đó là tiếng dây cuốn neo xé nước roàn roạt. Con đò quay mũi về xuôi trong tiếng thủ thủ kể chuyện canh trường của phận nữ trong khoang đò. Rồi khách đò đi vào giấc mộng lúc nào không hay. Đến khi người con gái đẩy liếp bước ra trước mũi đò, vẫy gọi chiếc ghe nan tới bán hàng ăn cho khách đò lót dạ, thì bình minh cũng vừa ló dạng trước bến Đông Ba. Và khách cũng đã trải qua một đêm ngủ đò trên dòng Hương thơ mộng.

Tuy nhiên, cái tạo nên sức thu hút của thú ngủ đò lại nằm ngoài những đam mê thức giả và bất thiệp đó. Nó ở vào một phía khác của đời thường, được diễn tả bằng hai chữ hoan lạc, mà khách đò vẫn quen gọi là “ngủ mạn”. Khi bước chân viễn chinh của quân đội Pháp đưa cuộc chiến tranh ra khắp vùng nông thôn ven đô sau khi đã tái chiếm cố đô Huế, thì những người dân quê ở ngoại ô Huế cũng bắt đầu những cuộc di dân vô nội thành tạo nên một áp lực về dân cư và việc làm nơi đất cố đô. Đám kỹ nữ sông Hương được bổ sung thêm những cô gái đến từ nơi thôn dã và khách đò cũng được mở rộng đối tượng ra đám lính viễn chinh và bản xứ

trong quân đội Pháp (và sau đó là lính Mỹ và lính quân đội Sài Gòn). Thú ngủ dò từ đó phát triển sang một hướng khác, trầm tục hơn nhưng cũng sôi động hơn.



Con dò xứ Huế. Ảnh: Đào Hoa Nữ.

Con dò xứ Huế có những nét khác biệt so với con thuyền các xứ khác. Dò Huế không to tròn như ghe bầu Nam Bộ, không lớn và trống trải, thông suốt từ mũi đến lái như con thuyền xứ Quảng, không ngắn và bẹt như con thuyền Nghệ An. Dò Huế thon dài, được ghép từ năm mảnh ván, phần lái và mũi vút cao để giảm bớt sức cản của nước. Dò Huế có mũi hình vòm, đan bằng tre khác với thuyền mũi phẳng các xứ khác dùng để chở hàng hóa. Con dò Huế có ba phần: trước mũi là một khoảng không gian rộng và thoáng. Đó là nơi để du khách hóng mát, ngắm trăng. Khoang giữa có mũi vòm, sàn gỗ ván bào nhẵn, trải chiếu hoa với đôi gối thêu, là chỗ dành cho khách và “hoa”. Sau cùng là khoang dành riêng cho gia đình chủ dò. Dò Huế là ngôi nhà di động trên mặt nước, phù hợp với cuộc sống trôi nổi của cư dân sông nước. Những khi không có khách thuê dò, khoang giữa sẽ là nơi nghỉ ngơi của con cái chủ dò, còn khoang trong cùng kín đáo hơn, dành cho cha mẹ của chúng.

Người Huế vốn tinh tế nên trong cái thú vui tế nhị này người ta cũng biểu hiện sự ý tứ của mình bằng việc thiết kế một khoang thuyền riêng, tạo cho lãnh khách một thế giới riêng tư và kín đáo, cũng như họ luôn đưa con dò đến ẩn khuất nơi một bến vắng, xa hãn chốn đông người trong những chuyến dò đêm.

Chuyện ngủ đồ thuở trước sao mà lãng mạn và quyến rũ. Những điều ấy nay đã phai pha, nhưng dầu sao đó cũng từng là một thú vui một thời vang bóng nơi mảnh đất cố đô.

PHỤ LỤC

Phụ lục 1

Một số bài bản ca Huế phổ dụng ở Huế

ĐIỆU CỔ BẢN

**Vì cuộc diễn kịch ở Lao-kay để lấy tiền giúp nạn dân
Nghệ Tĩnh**

Ơn ai ơn đồng bạn, vì mối thương hoài

Kịch tân thời, giúp ai xa khơi

Thuật đôi lời, tỏ lòng vì ai

Ta An nam cùng họ chi khác trong ngoài

Đó Trung Kỳ, đây miền Lao-kay

Nghìn dặm đường xá nài, nổi ngậm ngùi, ngậm ngùi!

Tai hại vì đâu?

Non sông oán sầu

Thần Thiên đế

Thiên đế cơ cầu

Quanh vùng Nghệ, Nghệ Tĩnh liên nhau

Nắng thiêu đồng mạ, hư hại vườn rau

Dân tình khó khăn, đói cùng nhau

Đâu trận cuồng phong

Mờ mịt lấm cát tung trời

Gần xa bởi bởi

Gió cuồng phong

Đến miền đường trong

Hung độc, thạch mộc tươi bởi

Thôn quê thiệt thòi

Ấy nhiều nơi

Kinh kinh tế

Kinh kinh tế

Kinh tế nguy nàn

Khó làm ăn

Lúc tiền khan

Dân cùng thất nghiệp như số muôn vàn

Cuộc sinh tồn, cậy nhờ cùng nhau

Nhìn người hơn

Ngắm vào ta

Chung lòng hợp dạ

Sum họp giống nhà

Giống Tiên Rồng, may mà...

Đêm trường làm vui

Mượn trò chơi

Ca đôi lời
Chơi bởi vui vẻ
Như giải tâm hoài
Cuộc mua cười
Vì người Việt Nam
Hợp người Bắc, Nam
Người nhiều nơi
Đất Lao-kay
Sum vầy ân ái
Nghệ Tĩnh phương trời!¹

¹. Nguyễn Khắc Hiếu, *Tản Đà vận văn, Á Châu xuất bản cục. Tư liệu do Võ Quê sưu tầm.*

Nói về liệt đại anh hùng nước ta

Dân số hai trăm triệu, về giống da vàng
Chi Hồng Bàng, họ dòng Hùng Vương
Học cho tường, truyện nhà làm gương
Xưa Văn Lang trường trị, sau trước Chu, Đường
Ấy là đầu, về đời Hồng hoang
Nhiều truyện còn phi thường, mặt anh hùng, anh hùng
Trưng thị quần thoa
My linh tướng tài
Đời Đông Hán, Hán quan vô loài
Riêng thù chị, lận bận lòng ai
Núi sông thể nguyện

Yên ngựa cảnh mai
Cơ đồ bá vương, gái tài trai
Sông Bạch Đằng giang
Giồng cọc, là đúng Ngô Quyền
Hoàng Thao chìm thuyền
Sóng vừa yên
Đến hồi Trần - Tiên
Quang Phục, độc mộc tranh cường
Qua sang Tùy, Đường
Có Phùng - Hoan
Đinh Tiên Hoàng
Đinh Tiên Hoàng
Tiên Hoàng oai thần
Lá cờ lau
Thống thần dân
Khai đầu đế nghiệp
Lê, Lý đến Trần
Dịp Yêu - Hồ
Bản đồ về Minh
Một người Lam San
Ngùi lắm than
Đánh mười thu
Gươm vàng Lê Lợi
Lau sạch máu thù

Nợ còn chìm trong hồ
Ngang đời nhà Thanh
Ấy Càn Thanh
Tôn, Tôn Sầm
Tôn, Tôn Sầm
Tôn, Sầm hai gả
Binh mã tung hoành
Động Nam Đình
Trận thành Thăng Long
Ngọn cờ Quang Trung
Dòng thần minh
Khách tài danh
Nghe nhời ca lý
Bao hạn ân tình¹.

¹. Nguyễn Khắc Hiếu, *Tản Đà vận văn, Á Châu xuất bản cục. Tư liệu do Võ Quê sưu tầm.*

Dan díu chi trần lụy

Rầu héo gan vàng.
Nơi hồng trần, mịt mù càng thương
Bạc phi thường, lọ là giàu sang
Công danh kia là nợ, này chớ mơ màng
Có ra gì, hỡi người hoàn lương
Bàn chuyện đời thêm càng, đoạn can tràng, can tràng

Ân hận mà chi, đa mang với đời
Cùng giăng gió, sớm khuya ru hoài
Khi nhàn hạ, bè bạn làm vui
Nước non còn rộng, du lịch là hay
Trên đời như rúa, có là ai?

Ấy là ai?

Danh lợi trường trung, trì trực, thêm rối tơ lòng

Kìa ai dào dạt

Có, thành không

Nhớ từ đời xưa, Tô Tử

Cùng bạn giong thuyền

Nước non còn truyền

Thú thần tiên

Riêng vui lòng, vui lòng giang hồ

Thú tiểu ngư, với cầm thư; khi buồn chén rượu, khi tính
nước cờ

Cuộc doanh hoàn, kẻ tài người danh; mặc người đua tranh

Chút lòng thanh, đối trời xanh, băng hồ yên lặng chi bọn
thế tình

Thiệt là đời, riêng mình

Trên đời là bao?

Có là đâu!

Trông trông vời

Trông vời thiên cổ, thanh khí tương cầu

Động tâm đầu, tựa làn giăng trâu

Vịnh vãi ba câu
Chút tình sâu, nhẩn cùng nhau
Tâm tình sau trước
Ôi bạn đa sầu!¹

¹. Nguyễn Khắc Hiếu, *Tản Đà vận văn, Á Châu xuất bản cục. Tư liệu do Võ Quê sưu tầm.*

ĐIỀU NAM BẰNG

Tâm sự của người đàn bà lúc bị chồng bỏ

Khoan khoan đã, ới anh!
Phụ phàng chi cho lắm
Duyên nợ ba sinh
Đời mình, đã xe sợi tơ mảnh
Sợi tơ mảnh
Tào khang, nên cho trọn chút tình
Xin lòng đừng ly
Quyết đá vàng
Trăm đànng thân thiết
Xiết bao ân tình
Đoái thương nước bạc non xanh
Nguyễn non nước
Bắc Nam sao đành!
Mặc trò đời
Chi đâu
Nay đượm đà mai phụ

Gạt dòng châu
Than thở đôi câu
Trông lại cùng nhau
Trăm năm bạc đầu¹.

¹. Nguyễn Khắc Hiếu, Tản Đà vận văn, Á Châu xuất bản cục. Tư liệu do Võ Quê sưu tầm.

ĐIỆU HÀNH VÂN

Tựa văn phòng

Tựa văn phòng
Tuyết lạnh giới đông
Ngàn mây tía che kín non sông, bao la mờ mịt
Mòn con mắt trông giới nam bóng nhận về thưa
Những chạnh lòng thương người tri kỷ
Người chung hội, duyên nợ xa xăm, cái ruột con tằm, dạ
sầu trăm đoạn
Ngồi sầu ngâm, sầu ngâm
Hồn man mác
Lẩn khuất bằng chùng
Mong tới cung hằng
Nhấn dì giảng, dì giảng
Lời ước nguyện trông mong dì giảng
Tâm tình lai láng, đêm đêm ngồi tựa băng khuâng¹.

¹. Nguyễn Khắc Hiếu, Tản Đà vận văn, Á Châu xuất bản cục. Tư liệu do Võ Quê sưu tầm.

Nhận ven trời

Nhận ven trời

Én liệng ngoài khơi

Cầu Ô Thước, ta bước sang chơi, ấy nơi tình tự

Về non Giáp, trông dòng Tương

Sóng rợn rồi sao, nổi đợi chờ thêm càng thương nhớ

Vòng nợ duyên, vòng nợ duyên

Ngọc Lam điền, hiệp đoàn loan phụng

Hội Thần tiên, thần tiên

Bông đào, bông lý, ấy nhụy bông hường

Thơm nức bên tường, ấy mùi hương, mùi hương

Gảy nhịp đàn, dâng cầu quỳnh hương

Tơ tình lằng lú, lú lằng vì sợi tơ vương².

². Thái Văn Kiểm, *Cố đô Huế, Nha Văn hóa, Bộ Quốc gia Giáo dục xuất bản, Sài Gòn, 1960, tr. 276.*

Cảnh Thanh bình

Cảnh Thanh bình

Xinh thiệt là xinh

Nhìn đây đó, hương gió thanh thanh

Quang vinh rạng rỡ

Đường ngay chính ta cùng đi vai lại kẻ vai

Sống cuộc đời muôn người như một

Đường tiến đạt, đường tự do

Xây dựng cơ đồ...

Bảo tồn quốc thổ
Đượm màu hoa quốc gia
Lòng tha thiết dân Việt kiêu hùng
Cháu Lạc con Hồng
Một lòng chung thành công
Kết giải đồng nhân, dân hằng mong
Tinh thần tranh đấu
Khí thiên làm rạng non sông¹.

¹. Thái Văn Kiểm, Cố đô Huế, Nha Văn hóa, Bộ Quốc gia Giáo dục xuất bản, Sài Gòn, 1960, tr. 276-277.

ĐIỆU NAM AI

Bâng khuâng, nhớ cảnh

Thương người
Trông vời xa vời vợi
Nay bao tuổi đầu xanh
Duyên với nợ lênh đênh
Trong giấc mộng phù sinh
Nước non chút tình, ta trông cậy ông giờ xanh.
Kìa hỡi bạn đồng thanh, cách xa thêm sậu mình duyên
mình
Xa xôi, có tỏ, cho cùng
Bên lòng đây chờ đợi
Gánh san thủy đầy vơi; riêng nặng với ai?
Ai đi?

Ai đi nhẩn nhe cùng
Người ước mong
Trời trời đông
Chao ôi sương lạnh phòng không
Bấy lâu trong bụi hồng
Ơn sinh dục, thiết hoài công
Gió mưa ghẹo anh hùng
(Song anh hùng chút lòng bao quản)
Lòng bao quản vì đâu?
Khí thanh tương cầu, nên vịnh một vài câu
Xa nhẩn nhủ cùng nhau
Non sông gánh sầu.

ĐIỆU TỨ ĐẠI CẢNH

Chen chân vào vòng thế nhân

Qua dâu bể, ngẫm nghĩ thêm buồn
Không biết ai tri kỷ mà giải son tẩm son
Nay ruột tằm ngày một héo hon, thẹn với nước non
Thương đóa trà, cơn gió bụi bao nổi trần ai
Ông hóa công cay nghiệt nhường lại người trêu người
Vui gì đời, mà bướm lả ong lơ, cho phần nhạt hương phai
Đêm thiếp ngời, nường gối tựa, tay lựa cầm xoang
Nghe tiếng tơ văng vẳng hồ xư xang xế xang
Khúc đoạn tràng, càng khêu mối thảm thương,
mà trăm nỗi ngổn ngang

Người người đâu? Sao mà khéo

Tài danh! Giống đâu đa tình?

Khiến ai trong mộng, giần giọt năm canh, cho mòn mỗi
ngày xanh

Sầu sầu riêng

Tơ lòng, có, là đây!

Vấn vương thế này

Ấy ai trông đợi, mờ mịt mây sương mây

Biết bao, ngán ngao canh dài

Ai đi về, nhẩn nhủ cùng ai?

Ai đi về!

Nhẩn nhủ cùng ai?.¹

¹. Nguyễn Khắc Hiếu, *Tản Đà vận văn, Á Châu xuất bản cục. Tư liệu do Võ Quê sưu tầm.*

Hoa thu cười, trăng thu sáng

Sông Ngân Hán, lai láng lưng trời

Trông hoa động, mừng tượng ai như ai

Gương non Đoài, lần gát giữa nhành mai

Dầu đã cạn, phai hương phai...

Quyên kêu dục, châu chan giọt

Đã tư tưởng tai mày tai

Nghiên mài lụy, mài lụy đưa tin mai

Xưa gương dài, đặn chút thơm rơi

Mừng sạch sẽ cân đai

Keo sơn hện, trăm năm vẹn

Lan huệ đều tươi
Nay tình trạng, đòi đoạ nguôi khôn nguôi
Nay rồi mai, nay lại rồi mai
Mượn chén mua vui
Trăng trắng ôm cây đợi bóng cho bền quai
Dám sai tác lòng
Khen cho tài Tạ Đạo vẫn không ai,
Chừng lạc bước thiên thai
Thề ngày xưa, tóc đã chấm ngang vai
Dám sai một lời
Trăng hoa, mấy phen đổi dời
Sự đời, nặng lòng thai khoan thai
Đua bơi, nước non lâu dài
Khi bầu rượu tiếng đồn thanh thoi
Khi bầu rượu tiếng đồn thanh thoi!¹

¹. Thái Văn Kiểm, *Cổ đô Huế, Nha Văn hóa, Bộ Quốc gia Giáo dục xuất bản, Sài Gòn, 1960, tr. 290.*

Chen chân vào vòng nhân thế

Qua dâu bể, ngẫm nghĩ thêm buồn!
Không biết ai tri kỷ, mà giải tẩm lòng son!
Rồi ruột tâm, ngày một héo hon
Cành hổ thẹn với nước non
Thương đóa trà, cơn gió bụi
Bao nhiêu nỗi trần ai!

Ông Hóa công cay nghiệt
Dường lại người trêu người!
Vui chi người, mà bướm lả với ong lơ
Cho phấn lạt với hương phai!
Đêm thiếp gối, nường gối tựa, tay dựa cằm xoan
Nghe tiếng tơ vàng văng họ, xự, xang, xê, xang...
Khúc đoạn tràng, càng kêu mối thảm thương
Sầu trăm nỗi ngổn ngang!
Người người đâu, sao lại khéo tài danh?
Giống đâu đa tình
Khiến cho mình trần trọc đêm thanh
Cho mòn mỗi ngày xanh!
Sầu, sầu riêng, tơ lòng có phải là giây
Vấn vương thế này!
Ấy ai, ấy ai trông đợi
Mờ mịt, mờ mịt, mây sương mây
Biết bao, ngán ngao canh chầy
Ai ra về, nhẩn nhủ cùng ai¹.

¹. Thái Văn Kiểm, *Cổ đô Huế, Nha Văn hóa, Bộ Quốc gia Giáo dục xuất bản, Sài Gòn, 1960, tr. 290-291.*

Thương trăng tròn, thương trăng khuyết

Thương tha thiết, trăm mối bên lòng?
Thương đóa hoa vừa nở, dập dìu ong bướm ong
Thương đóa hoa tàn, lạt phấn phai hương

Nào ai kể buồn trông?
Thương mây bạc, gió đưa xiêu lạc, không biết về đâu!
Thương nước trôi bèo dạt, bèo dạt trôi nơi nao!
Thương số ba đào, chìm nổi lao đao
Đời vất vả biết là bao?
Thương chim nhạn, đêm đông kiếm bạn
Bao quản tuyết sương!
Sương tuyết sương dày dạn, tiếng nhạn kêu thảm thương!
Thương kẻ si tình, theo dõi người thương
Trông mòn mỗi ngày xanh!
Đành đành thương, thông đỉnh Ngự chiều đông
Thông reo nào nùng!
Gió mưa không ngừng
Nào bạn tác ngày xuân, ai chịu lạnh cùng thông?
Ngùi ngùi thương, ca nhi giữa sông Hương
Véo von gọi tình, năm canh
Năm canh đành phải dầu dãi
Dầu dãi sương gió sương?
Cái thương, sao cứ doanh bên mình
Thương chi trọn trăm nghìn mối thương
Thương đâu vẹn trăm nghìn mối thương!¹

¹. Thái Văn Kiểm, *Cổ đô Huế, Nha Văn hóa, Bộ Quốc gia Giáo dục xuất bản, Sài Gòn, 1960, tr. 291-292.*

Kể từ ngày gặp nhau

Trao lời hẹn cho vẹn vàng thau
Dây tơ mảnh ràng buộc lấy mình
Đêm thu rặng, xui mình chạnh nhớ
Cảm thương người, ngậm ngùi ba thu
Ấy vì ai, canh dài đêm thâu
Xa cách nhau đêm nằm thấy
Thấy, thấy, thấy chiêm bao...
Chiêm bao lại vấn vương bên mình
Mình dục mình đòi cơn
Biết sao đặt, keo sơn mọi đường
Tình thương
Tư Lương đoạn trường
Song cũng nguyện cho vẹn can trường
Ai đen bạc cũng mặc lòng ai
Khuyên cùng bạn chớ phụ trúc mai
Đá non mòn chi sồn dạ ngọc...¹

¹. Thái Văn Kiểm, *Cổ đô Huế, Nha Văn hóa, Bộ Quốc gia Giáo dục xuất bản, Sài Gòn, 1960, tr. 275.*

Mình, một mình ngồi trông

Bên non Tề, dựa kê dòng sông
Xa, xa chồng, nên nỗi trông chồng
Hai hàng lụy, hai hàng lụy ứa
Ứa hai hàng, lụy càng chứa chan

Chốn trường giang, phương trời mệnh mang

Mang, mệnh mang, trông rồi thấy

Thấy, thấy quan san

Thấy chim nhận, xa xa dặm ngàn

Sự tình bên mình ngổn ngang

Trách con Tào chi chi phụ phàng

Vì đâu, nên câu đoạn trường

Châu, châu lụy, châu lụy khôn hàn

Trăm nghìn giận, càng giận càng thương

Như lời hẹn, đừng thẹn tắc gang

Gánh cương thường xa đường phải nặng².

². Thái Văn Kiểm, *Cổ đô Huế, Nha Văn hóa, Bộ Quốc gia Giáo dục xuất bản, Sài Gòn, 1960, tr. 275-276.*

ĐIỆU NAM BÌNH

Thương nhau vì nợ tri âm

Mối tình thâm!

Buộc ràng dây đỏ

Vấy cuộc ca ngâm

Dưới trần, như đã riêng phần

Để riêng phần!

Mặc duyên may, hay là nợ với nần

Chi bằng ưa ý

Nợ hay duyên, hỏi người thanh khí

Ai là kẻ xoay vần?

Tuổi xuân xanh, chưa từng cái nợ phong trần

Vướng chi vào cuộc ái ân

Càng cay đắng, đắng cay muôn phần

Được như lời ước mong

Cho thỏa tình tư tưởng

Tưởng rồi trông

Ngồi tựa bên song

Thỏa mùi bông

Vấn vương tơ lòng

Oi người Việt ơi!

Gặp khi thời lai...

Ngọn đèn kiến thức

Bừng rạng muôn nơi

Trí tài đua kịp theo người

Kịp theo thời sánh chung vai...

Cho xứng mặt giống nòi

Sống đời khang thái...

Bước quang vinh ta càng hăng hái

Thêm vững thêm dài

Hết chông gai... tung cánh bằng

Bay lượn khắp trời

Nhân dân chờ một tương lai...

Mừng nay đến... đến trong mọi người

Vững một niềm an vui...

Đô thị cùng thôn đã đặng hòa hai
Rạng ngời ánh mai... cảnh càng tươi
Ý dân là ý trời¹.

1. Thái Văn Kiểm, Cố đô Huế, Nha Văn hóa, Bộ Quốc gia Giáo dục xuất bản, Sài Gòn, 1960, tr. 278-279.

Huyền Trân công chúa

Nước non ngàn dặm ra đi
Cái tình chi?
Mượn màu son phấn
Đến nợ Ô Ly
Đắng cay vì
Đương độ xuân thì
Độ xuân thì!
Cái lương duyên, hay là cái nợ duyên gì?
Má hồng da tuyết
Quyết liễu như hoa tàn trắng khuyết
Vàng lộn theo chì!
Khúc ly ca
Sao còn mừng tượng nghe gì!
Thấy chim hồng nhạn bay đi
Tình lai láng, bóng như hoa quỳ...
Dặn một lời Mân Quân
Nay chuyện mà như nguyện
Đặng vài phân

Vì lợi cho dân
Tình đem lại mà cân
Đắng cay muôn phần!¹

1. Thái Văn Kiểm, Cổ đô Huế, Nha Văn hóa, Bộ Quốc gia Giáo dục xuất bản, Sài Gòn, 1960, tr. 279.

Gối loan trần trọc

Gối loan trần trọc năm canh
Mối sầu đoanh
Lụy hồng lai láng
Vì nợ ba sanh!
Ai xui mình gánh một khối tình!
Gớm ghê cho bấy nhiêu sợi tơ màn
Thương càng thêm rối
Rối trăm vòng, khốn lẫn ra mối
Thiệt lạ cho đời!
Muốn thôi thương
Song mà chẳng đặt với trời...
Ôi cơ chi gần gũi tác gang
Niềm ân ái thở than đôi lời!
Nực buồn cười, ông xanh
Đem buộc mình vô cuộc
Nợ én oanh
Dày dặt xuân xanh
Cho thỏa lòng anh

1. Thái Văn Kiểm, Cố đô Huế, Nha Văn hóa, Bộ Quốc gia Giáo dục xuất bản, Sài Gòn, 1960, tr. 280.

Gắng công chờ đợi sông Tương

Vắng người thương

Nặng tình trắng gió, vì sợi tơ vương

Đâu mà gởi đặng can trường...

Xa xa trông muôn dặm tin hồng

Tin càng thêm vắng

Vắng tin hồng, thêm càng cay đắng

Lấn lựa canh trường

Gánh tương tư

Thôi đà gánh nặng khôn lường

Nhớ khi vành nguyệt tây tương

Càng thêm nhớ, tiếng ai bên tường!

Bắc địp cầu cho qua,

Xin cậy hồn Tinh Vệ, chị Hằng Nga

Vì tình đợi ta

Chuyện gần xa

Dưới sông Ngân Hà

Đó đây tình nặng ơn sâu

Dắt dìu nhau

Một lòng son sắt, đừng nghĩ đâu đâu

Đá mòn sông cạn, ví dầu

Nghĩa tương cầu
Trăm năm coi như buổi ban đầu
Trên đường ân ái
Thấy chông gai, ta càng hăng hái
Muôn sự xem thường
Nếm chua cay
Nhưng mà hơn mật hơn đường
Ai cho vàng ngọc không ơn
Bằng xây đắp tấm yêu cho tròn!
Đã nặng lời non sông
Đau khổ, là hương vị, của tình chung
Dày dạt long đong
Nguyên cùng không
Dám sai tắc lòng!¹

¹. Thái Văn Kiểm, *Cổ đô Huế, Nha Văn hóa, Bộ Quốc gia Giáo dục xuất bản, Sài Gòn 1960, tr. 281-282.*

ĐIỀU NAM AI

Huyền Trân công chúa

Ngoảnh lui cố quốc, ngập ngừng gót ngọc
Mây phủ kín trời thương, ngơ ngẩn băng khuâng
Hoa đang độ thanh xuân, dập vùi, cứu nạn muôn dân
Không sánh đặng Chiêu Quân, cho trọn đạo quân thần
Vẻ chi một đoá yêu kiều, diễm lệ
Vàng thau lẫn lộn xót phận hổ hang

Gẫm thân bề bâng, kiếp hồng nhan
Duyên nợ dở dang, ôi Phụ hoàng!
Vì nghĩa giao bang, hiếu trung đôi đành
Thân ngọc vàng đem vùi cát bụi
Cho rảnh nợ Ô Ly, ngậm ngùi kẻ ở người đi
Cơn nước lửa phò nguy, nát thân sá gì¹.

¹. Thái Văn Kiểm, *Cố đô Huế, Nha Văn hóa, Bộ Quốc gia Giáo dục xuất bản, Sài Gòn 1960, tr. 282.*

Phụ lục 2

48 Đề thả thơ do Nguyễn Phước Vĩnh Cao, Trần Đức Anh Sơn và Nguyễn Phước Hải Trung sưu tầm và biên soạn

Đề thả thơ bằng chữ quốc ngữ

Đề 1

Mai sau dầu đến thế nào

Kìa gương nhật nguyệt nọ quý thần

Chọn một trong năm chữ sau để “thả” vào vị trí..... trong câu thơ trên: *dao, gương, gương, oan, uy.*

Đáp án: Đây là câu thơ số 906 trong tác phẩm *Kim Vân Kiều* của Nguyễn Du. Đáp án đúng là: *dao*.

Đề 2

Xe châu dừng bước cửa ngoài

Rèm trong đã thấy một người ra

Chọn một trong năm chữ sau để “thả” vào vị trí..... trong câu thơ trên: *sấn, lọt, bước, dều, nâng.*

Đáp án: Đây là câu thơ số 922 trong tác phẩm *Kim Vân Kiều* của Nguyễn Du. Đáp án đúng là: *bước*.

Đề 3

Mai sau ở chẳng như lời

Trên đầu có mặt trời rạng soi

Chọn một trong năm chữ sau để “thả” vào vị trí..... trong câu thơ trên: *ánh, bóng, lúc, mãi, khi.*

Đáp án: Đây là câu thơ số 1030 trong tác phẩm *Kim Vân Kiều* của Nguyễn Du. Đáp án đúng là: *bóng.*

Đề 4

Sinh rằng từ thuở tương tri

Tấm riêng riêng những nặng nước non

Chọn một trong năm chữ sau để “thả” vào vị trí..... trong câu thơ trên: *lòng, vì, buồn, tình, cùng.*

Đáp án: Đây là câu thơ số 1330 trong tác phẩm *Kim Vân Kiều* của Nguyễn Du. Đáp án đúng là: *vì.*

Đề 5

Trăm điều ngang ngửa vì tôi

Thân sau ai chịu tội ấy cho

Chọn một trong năm chữ sau để “thả” vào vị trí..... trong câu thơ trên: *trời, tình, này, mình, đời.*

Đáp án: Đây là câu thơ số 1346 trong tác phẩm *Kim Vân Kiều* của Nguyễn Du. Đáp án đúng là: *trời.*

Đề 6

Sinh rằng: “Hay nói dè chừng,

Lòng đây lòng đó chưa hay sao?"

Chọn một trong năm chữ sau để “thả” vào vị trí..... trong câu thơ trên: *cùng, từng, đồng, tình, nông.*

Đáp án: Đây là câu thơ số 1362 trong tác phẩm *Kim Vân Kiều* của Nguyễn Du. Đáp án đúng là: *từng.*

Đề 7

Chiến hòa sắp sẵn hai bài

Cây tay thầy thợ, mượn dò la

Chọn một trong năm chữ sau để “thả” vào vị trí..... trong câu thơ trên: *người, lời, thời, tài, điều.*

Đáp án: Đây là câu thơ số 1374 trong tác phẩm *Kim Vân Kiều* của Nguyễn Du. Đáp án đúng là: *người.*

Đề 8

Bây giờ kẻ ngược người xuôi

Biết bao giờ lại nổi nước non

Chọn một trong năm chữ sau để “thả” vào vị trí..... trong câu thơ trên: *tình, đường, lời, cùng, thành.*

Đáp án: Đây là câu thơ số 1974 trong tác phẩm *Kim Vân Kiều* của Nguyễn Du. Đáp án đúng là: *lời.*

Đề 9

Giác Duyên thiệt ý lo lường

Đêm mới hỏi lại nàng trước sau

Chọn một trong năm chữ sau để “thả” vào vị trí..... trong câu thơ trên: *xuân, khuya, thanh, tàn, nằm.*

Đáp án: Đây là câu thơ số 2068 trong tác phẩm *Kim Vân Kiều* của

Nguyễn Du. Đáp án đúng là: *khuya*.

Đề 10

Sâm thương chẳng vẹn chữ tòng

Tại ai dám phụ lòng cố nhân

Chọn một trong năm chữ sau để “thả” vào vị trí..... trong câu thơ trên: *há, nào, đâu, ai, chẳng*.

Đáp án: Đây là câu thơ số 2330 trong tác phẩm *Kim Vân Kiều* của Nguyễn Du. Đáp án đúng là: *há*.

Đề 11

Nhớ khi lỡ bước sây vời

Non vàng dễ dền bồi tấm thương

Chọn một trong năm chữ sau để “thả” vào vị trí..... trong câu thơ trên: *nào, chẳng, chưa, đâu, há*.

Đáp án: Đây là câu thơ số 2346 trong tác phẩm *Kim Vân Kiều* của Nguyễn Du. Đáp án đúng là: *chưa*.

Đề 12

Còn nhiều ân nghĩa với nhau

Cơ duyên nào đã đâu vội gì?

Chọn một trong năm chữ sau để “thả” vào vị trí..... trong câu thơ trên: *có, đến, hết, thấy, biết*.

Đáp án: Đây là câu thơ số 2412 trong tác phẩm *Kim Vân Kiều* của Nguyễn Du. Đáp án đúng là: *hết*.

Đề 13

Sao cho muôn dặm một nhà

Cho người thấy là ta cam lòng

Chọn một trong năm chữ sau để “thả” vào vị trí..... trong câu thơ trên: *mặt, được, trước, thỏa, thích.*

Đáp án: Đây là câu thơ số 2436 trong tác phẩm *Kim Vân Kiều* của Nguyễn Du. Đáp án đúng là: *mặt*.

Đề 14

Từ phen chiếc lá lìa rừng

Thăm tìm luống những chùng nước mây

Chọn một trong năm chữ sau để “thả” vào vị trí..... trong câu thơ trên: *liệu, e, dè, hỏi, chẳng.*

Đáp án: Đây là câu thơ số 2996 trong tác phẩm *Kim Vân Kiều* của Nguyễn Du. Đáp án đúng là: *liệu*.

Đề 15

Quanh co theo dải giang tân

Khỏi rừng lau đã tới Phật đường

Chọn một trong năm chữ sau để “thả” vào vị trí..... trong câu thơ trên: *nơi, sân, thăm, chân, ngôi.*

Đáp án: Đây là câu thơ số 3006 trong tác phẩm *Kim Vân Kiều* của Nguyễn Du. Đáp án đúng là: *sân*.

Đề 16

Canh khuya thân gái dặm trường

Phần e đường phần thương dải dẫu

Chọn một trong năm chữ sau để “thả” vào vị trí..... trong câu thơ trên: *vắng, sá, hiếm, khó, cách.*

Đáp án: Đây là câu thơ số 2032 trong tác phẩm *Kim Vân Kiều* của Nguyễn Du. Đáp án đúng là: *sá*.

Đề 17

Hàm Tử, Chương Dương còn đó

Chọn một trong năm chữ sau để “thả” vào vị trí..... trong câu thơ trên: *đó, ngóng, thấy, nhớ, mãi*.

Đáp án: Đây là câu thơ trích trong bài thơ *Thăng Long hoài cổ* của Hoàng Trọng Cảnh in trong tập *Hương Bình thi phẩm*:

Hàm Tử, Chương Dương còn đó đó

Non sông luống để bụi trần đeo

Đáp án đúng là: *đó*.

Đề 18

Cá tôm còn ngại hào khô

Chọn một trong năm chữ sau để “thả” vào vị trí..... trong câu thơ trên: *lúc, nổi, chốn, thuở, với*.

Đáp án: Đây là câu thơ trích trong bài thơ *Cảnh hồ Tịnh Tâm* của Nguyễn Đôn Du in trong tập *Hương Bình thi phẩm*:

Thành quách đà ê cơn lửa cháy

Cá tôm còn ngại nổi hào khô

Đáp án đúng là: *nổi*.

Đề 19

Nhớ đình Lương Tạ ngâm thơ

Chọn một trong năm chữ sau để “thả” vào vị trí..... trong câu thơ trên: *lúc, buổi, tối, đúng, mãi*.

Đáp án: Đây là câu thơ trích trong bài thơ *Sông Hương lai láng bóng trăng xưa* của Nguyễn Đôn Dư in trong tập *Hương Bình thi phẩm*:

Nhớ bến Văn Lâu ngồi thưởng nguyệt

Nhớ đình Lương Tạ đứng ngâm thơ

Đáp án đúng là: *đứng*.

Đề 20

Nhuộm đen áo vải làn bụi

Chọn một trong năm chữ sau để “thả” vào vị trí..... trong câu thơ trên: *muôn, đôi, bao, vài, không*.

Đáp án: Đây là câu thơ trích trong bài thơ *Trở lại đất Thần kinh* của Huỳnh Thúc Kháng in trong tập *Hương Bình thi phẩm*:

Nhuộm đen áo vải bao làn bụi

Tiêu trắng ngày xanh mấy tiếng sanh

Đáp án đúng là: *bao*.

Đề 21

Trăm năm bến cũ còn lưu

Chọn một trong năm chữ sau để “thả” vào vị trí..... trong câu thơ trên: *mãi, vết, vẫn, dấu, cảnh*.

Đáp án: Đây là câu thơ trích trong bài thơ *Sông Hương Giang* của Hoàng Ưng Bình in trong tập *Hương Bình thi phẩm*:

Sáu nhịp vòng cung cầu đã bắc

Trăm năm bến cũ dấu còn lưu

Đáp án đúng là: *dấu*.

Đề 22

Rêu biếc in theo bước khách

Chọn một trong năm chữ sau để “thả” vào vị trí..... trong câu thơ trên: *hài, sương, đường, lần, trăng.*

Đáp án: Đây là câu thơ trích trong bài thơ *Xuân hứng* của Vũ Duy Thanh in trong sách *Chơi chữ Hán Nôm, những bài thơ độc đáo* của Hải Trung (NXB Thuận Hóa, Huế, 2003):

Rêu biếc in sương theo bước khách

Hài hoa lỏng lẻo tới đàn thơ

Đáp án đúng là: *sương.*

Đề 23

Dẫu có thương thời để dạ

Chọn một trong năm chữ sau để “thả” vào vị trí..... trong câu thơ trên: *thắm, ai, yêu, không, nhau.*

Đáp án: Đây là câu thơ trích trong bài thơ *Không để* của Tương An quận vương in trong tập *Tâm trạng Tương An quận vương*:

Dẫu có thương không thời để dạ

Tắm tình chớ khá lậu ai hay

Đáp án đúng là: *không.*

Đề 24

Hết nửa ve mới biết cay

Chọn một trong năm chữ sau để “thả” vào vị trí..... trong câu thơ trên: *rồi, thời, lòng, sau, sầu.*

Đáp án: Đây là câu thơ trích trong bài thơ *Uống rượu* của Tương An quận vương in trong tập *Tâm trạng Tương An quận vương*:

Chừng ba chung trước còn khen ngọt

Hết nửa ve sau mới biết cay

Đáp án đúng là: *sau*.

Đề 25

Nguyệt rạng hoa thẹn bóng cây

Chọn một trong năm chữ sau để “thả” vào vị trí..... trong câu thơ trên: *sáng, tỏ, chiếu, rạng, tỏa*.

Đáp án: Đây là câu thơ trích trong bài thơ *Tương tư* của Tương An quận vương in trong tập *Hương Bình thi phẩm*:

Xuân đưa ngành liễu nghe tin gió

Nguyệt rạng rạng hoa thẹn bóng cây

Đáp án đúng là: *rạng*.

Đề 26

Lòng ta là những..... cũ

Tự ngàn năm bỗng nghe tiếng loa xưa

Chọn một trong năm chữ sau để “thả” vào vị trí..... trong câu thơ trên: *cung thành, lâu đài, rêu phong, hoang thành, thành quách*.

Đáp án: Đây là những câu thơ trích trong bài thơ *Lòng ta là những thành quách cũ* của Vũ Đình Liên in trong tập thơ *Dạ thừa xứ Huế* (NXB Văn hóa Thông tin, Hà Nội, 2004, Tập 2):

Trôi đi thuyền! Cứ trôi đi xa nữa

Vỗ trắng khuya bơi mãi! Chèo mơ

Lòng ta là những thành quách cũ

Tự ngàn năm bỗng nghe tiếng loa xưa

Đáp án đúng là: *thành quách*.

Đề 27

Gây guộc gió sương từng Thế Miếu

Bẽ bàng trắng nước Hương Giang

Chọn một trong năm chữ sau để “thả” vào vị trí..... trong câu thơ trên: *cỏ, trúc, sóng, nắng, phượng*.

Đáp án: Đây là những câu thơ trích trong bài thơ *Viếng thành Huế sau ngày khói lửa* của Quách Tấn in trong tập thơ *Dạ thừa xứ Huế* (NXB Văn hóa Thông tin, Hà Nội, 2004, Tập 2):

Gây guộc gió sương từng Thế Miếu

Bẽ bàng trắng nước trúc Hương Giang

Trông vời Thiên Mục mây man mác

Lơ lửng chuông hôm rụng tiếng vàng

Đáp án đúng là: *trúc*.

Đề 28

Em đi gót nhẹ hồn cỏ

Chọn một trong năm chữ sau để “thả” vào vị trí..... trong câu thơ trên: *xanh, vương, nghiêng, say, lay*.

Đáp án: Đây là câu thơ trích trong bài thơ *Rất Huế* của Huỳnh Văn Dung in trong tập thơ *Dạ thừa xứ Huế* (NXB Văn hóa Thông tin, Hà Nội, 2004, Tập 2):

Giữ chút gì rất Huế mặn mà

Dạ thừa ngọt lịm ai mê say

Em đi gót nhẹ xanh hồn cỏ

Và hơi thở mềm sương khói bay

Đáp án đúng là: *xanh*.

Đề 29

Ngùi ngậm giai nhân khẽ thở dài

Năng chiều ngả tía lâu đài

Chọn một trong năm chữ sau để “thả” vào vị trí..... trong câu thơ trên: *bóng, sắc, nét, dáng, tím.*

Đáp án: Đây là những câu thơ trích trong bài thơ *Trong đôi mắt Huế* của Đông Hồ in trong tập thơ *Dạ thừa xứ Huế* (NXB Văn hóa Thông tin, Hà Nội, 2004, Tập 2):

Ngùi ngậm giai nhân khẽ thở dài

Năng chiều ngả tía sắc lâu đài

Gượng cười trong nét vàng son cũ

Như ả cung tần tuổi nhạt phai

Đáp án đúng là: *sắc.*

Đề 30

Da sông mát rải da trời

Đây mùa xuân trên loài cỏ hoa

Chọn một trong năm chữ sau để “thả” vào vị trí..... trong câu thơ trên: *chín, ngát, nở, bén, mọng.*

Đáp án: Đây là những câu thơ trích bài thơ *Chiều xuân Trung Kỳ* của Hồ Dzếnh in trong tập thơ *Dạ thừa xứ Huế* (NXB Văn hóa Thông tin, Hà Nội, 2004, Tập 2):

Chiều xuân qua bến đò đông

Trai tơ khăn lục, gái hồng thắm môi

Da sông mát rải da trời

Đây mùa xuân bén trên loài cỏ hoa

Đáp án đúng là: *bén.*

Đề 31

Chao ôi, mong nhớ! Ôi mong nhớ!

Một cánh chim thu lạc cuối

Chọn một trong năm chữ sau để “thả” vào vị trí..... trong câu thơ trên: *ngàn, đàn, đàn, trời, bầy.*

Đáp án: Đây là những câu thơ trích bài thơ *Xuân* của Chế Lan Viên in trong tập thơ *Dạ thưa xứ Huế* (NXB Văn hóa Thông tin, Hà Nội, 2004, Tập 1):

Có đứa trẻ thơ không biết khóc

Vô tình bỗng nổi tiếng cười ran

Chao ôi, mong nhớ! Ôi mong nhớ!

Một cánh chim thu lạc cuối ngàn

Đáp án đúng là: *ngàn.*

Đề 32

Tôi nghe xa làn mây bạc

Rời bóng Kinh Thành lưng thưng đi

Chọn một trong năm chữ sau để “thả” vào vị trí..... trong câu thơ trên: *lắm, thắm, tím, ngút, vọng.*

Đáp án: Đây là những câu thơ trích bài thơ *Giao thừa* của Trần Huyền Trân in trong tập thơ *Dạ thưa xứ Huế* (NXB Văn hóa Thông tin, Hà Nội, 2004, Tập 1):

Ấy lúc hồn hoa gót trở về

Thả đàn chim mộng xuống đêm khuya

Tôi nghe xa lắm làn mây bạc

Rời bóng Kinh Thành lưng thưng đi

Đáp án đúng là: *lắm.*

Đề 33

Mắt vương vào mắt em thôi

Sao lòng..... nổi trôi như thuyền

Chọn một trong năm chữ sau để “thả” vào vị trí..... trong câu thơ trên: *trỗi sóng, chao đảo, chênh choáng, chới với, nghiêng ngả.*

Đáp án: Đây là những câu thơ trích bài thơ *Sóng* của Giang Quân in trong tập thơ *Nghìn câu thơ tài hoa Việt Nam* (NXB Văn học, Hà Nội, 2000):

Sen tàn để gió lô xô

Hơi thu vỗ sóng Tây Hồ quanh tôi

Mắt vương vào mắt em thôi

Sao lòng chao đảo nổi trôi như thuyền

Đáp án đúng là: *chao đảo.*

Đề 34

Thương màu tím Huế đầy vơi

Sông Hương xanh những lời cho nhau

Chọn một trong năm chữ sau để “thả” vào vị trí..... trong câu thơ trên: *biếc, ngắt, suốt, ngát, thắm.*

Đáp án: Đây là những câu thơ trích bài thơ *Nếu như chẳng có sông Hương* của Huy Tập in trong tập thơ *Dạ thừa xứ Huế* (NXB Văn hóa Thông tin, Hà Nội, 2004, Tập 1):

Nếu như chẳng có dòng Hương

Câu thơ xứ Huế giữa đường đánh rơi

Thương màu tím Huế đầy vơi

Sông Hương xanh suốt những lời cho nhau

Đáp án đúng là: *suốt*.

ĐỀ 35

Cây sầu đông, cây sầu đau

Thương tôi cây cũng màu hoa râm

Chọn một trong năm chữ sau để “thả” vào vị trí..... trong câu thơ trên: *trổ, nở, nhuộm, ngát, kết*.

Đáp án: Đây là hai câu trích trong bài thơ *Địa chỉ buồn* của Hoàng Phủ Ngọc Tường, in trong tập thơ *Dạ thưa xứ Huế* (NXB Văn hóa Thông tin, Hà Nội, 2004, Tập 1):

Nhà tôi ở phố Đạm Tiên

Dưới dòng nước chảy bên trên có cầu

Cây sầu đông, cây sầu đau

Thương tôi cây cũng trổ màu hoa râm

Đáp án đúng là: *trổ*.

ĐỀ 36

Mấy thu hớn hở cúc chờ sương

Tươi tốt thấy dễ thương

Chọn một trong năm chữ sau để “thả” vào vị trí..... trong câu thơ trên: *cành hoa, ngành ba, nhành bông, sắc vàng, muôn màu*.

Đáp án: Đây là hai câu trích trong bài thơ *Không đề* (bài 1) của Tương An quận vương, in trong sách *Các thi sĩ trong cung đình nhà Nguyễn* của Võ Đại Mau (NXB Đại học Quốc gia TP HCM, TP HCM, 2002). Đáp án đúng là: *ngành ba*¹.

¹. *Ngành ba*: Là từ dùng vào thời Nguyễn, nghĩa là nhành hoa.

Đề 37

Tiếng ve dài dặc nghe thê thảm

Bóng nguyệt thấy dễ thương

Chọn một trong năm chữ sau để “thả” vào vị trí..... trong câu thơ trên: *tròn hin, trĩnh tròn, vặc vặc, mênh mông, long lanh.*

Đáp án: Đây là hai câu trích trong bài thơ *Không đề* (bài 2) của Tương An quận vương, in trong sách *Các thi sĩ trong cung đình nhà Nguyễn* của Võ Đại Mau (NXB Đại học Quốc gia TP HCM, TP HCM, 2002). Đáp án đúng là: *tròn hin*.

Đề 38

Gió càng to, sóng càng to

Mấy cũng đứt, mấy đồ cũng xiêu

Chọn một trong năm chữ sau để “thả” vào vị trí..... trong câu thơ trên: *dây, lèo, neo, phao, buồm.*

Đáp án: Đây là hai câu trích trong bài thơ *Hòa lạc ca* (bài liên ngâm của Tuy Lý vương, Tùng Thiện vương và Tương An quận vương). Hai câu trên là của Tương An quận vương, in trong sách *Các thi sĩ trong cung đình nhà Nguyễn* của Võ Đại Mau (NXB Đại học Quốc gia TP HCM, TP HCM, 2002). Đáp án đúng là: *neo*.

Đề 39

Con thuyền hôm mai

Nhẹ tay chèo lái những ai đó giờ!

Chọn một trong năm chữ sau để “thả” vào vị trí..... trong câu thơ trên: *xuôi ngược, gác mái, lờ lững, hờ hững, thơ thẩn.*

Đáp án: Đây là hai câu trích trong bài thơ *Non nước thần kinh* của Á Nam Trần Tuấn Khải, in trong sách *Cố đô Huế* của Thái Văn Kiểm (Nha Văn hóa, Bộ Quốc gia Giáo dục Sài Gòn xuất bản, 1960). Đáp án đúng là: *xuôi ngược*.

Đề 40

Lòng ơi nghe đã niềm xưa động

Năng bờ mây gấm tịch dương

Chọn một trong năm chữ sau để “thả” vào vị trí..... trong câu thơ trên: *chải, quái, ngập, đổ, nhuộm*.

Đáp án: Đây là hai câu trích trong bài thơ *Em là công chúa* của Vũ Hoàng Chương, in trong sách *Cổ đô Huế* của Thái Văn Kiểm (Nha Văn hóa, Bộ Quốc gia Giáo dục Sài Gòn xuất bản, 1960). Đáp án đúng là: *quái*.

Đề 41

Thân em như thể trái chanh

..... trên cành nhiều kẻ ước mơ

Chọn một trong năm chữ sau để “thả” vào vị trí..... trong câu thơ trên: *vắt vẻo, đung đưa, lúc lắc, rung rinh, lắt lẻo*.

Đáp án: Đây là hai câu trích trong phần *Ca dao và dân ca xứ Huế*, in trong sách *Cổ đô Huế* của Thái Văn Kiểm (Nha Văn hóa, Bộ Quốc gia Giáo dục Sài Gòn xuất bản, 1960). Đáp án đúng là: *lắt lẻo*.

Đề 42

Những nàng thiếu nữ sông Hương

Da thơm là phấn, môi hường là son

Tự trường san sát chân thon

..... nón mới màu sơn sáng ngời

Chọn một trong năm chữ sau để “thả” vào vị trí..... trong câu thơ trên: *tung tăng, xôn xao, dập dềnh, lao xao, thung thăng*.

Đáp án: Đây là bốn câu trích trong bài thơ *Tự trường* của Nguyễn

Bính, in trong tập *Thơ tình xứ Huế. Những bài thơ chọn lọc* (NXB Đà Nẵng, Đà Nẵng, 2004). Đáp án đúng là: *lao xao*.

ĐỀ 43

Anh về thôn Vỹ hương lại

Cho sáng trăng hoài gương mặt em

Chọn một trong năm chữ sau để “thả” vào vị trí..... trong câu thơ trên: *gom, tìm, quây, cầm, gieo*.

Đáp án: Đây là hai câu trích trong bài thơ *Trăng Vỹ Dạ* của Xuân Hoàng, in trong tập *Thơ tình xứ Huế. Những bài thơ chọn lọc* (NXB Đà Nẵng, Đà Nẵng, 2004). Đáp án đúng là: *quây*.

ĐỀ 44

Dòng Hương in dải nguyên lành

Lá thuyền du khách tiếng đàn

Chọn một trong năm chữ sau để “thả” vào vị trí..... trong câu thơ trên: *thanh thanh, phân vân, mông mênh, chông chênh, lênh đênh*.

Đáp án: Đây là hai câu trích trong bài thơ *Huế đa tình* của Bích Khê, in trong tập *Thơ tình xứ Huế. Những bài thơ chọn lọc* (NXB Đà Nẵng, Đà Nẵng, 2004). Đáp án đúng là: *thanh thanh*.

ĐỀ 45

Đeo đuổi đành đi đến đâu?

Chọn một trong năm chữ sau để “thả” vào vị trí..... trong câu thơ trên: *đến, dặng, đoán, đã, được*.

Đáp án: Đây là câu thơ trích trong bài thơ *Trách tình* của Thảo Am Nguyễn Khoa Vy. Bài thơ điệp phụ âm đầu:

Độc địa đừng đưa đối đón đau

Đầy đà đoán dạng đủ đuôi đầu

Đa đoan đã đẳng đời diên đảo

Đeo đuổi dành đi đến đến đâu?

Đáp án đúng là: đến.

Đề thả thơ bằng chữ Hán

Đề 46

畫圖省識春風..... Họa đồ tỉnh thức xuân phong.....

還佩空歸月夜魂 Hoàn bội không quy nguyệt dạ hồn

Dịch nghĩa: Bức vẽ sơ sài khó thấy được..... gió xuân. Người đeo ngọc bây giờ chỉ còn oan hồn đi về trong đêm trăng).

Chọn một trong năm chữ Hán sau để “thả” vào vị trí..... trong câu thơ trên: 地 (địa), 陣 (trận), 面 (diện), 色 (sắc), 夢 (mộng).

Đáp án: Đây là hai câu luận trong bài thơ 詠昭君 (Vịnh Chiêu Quân) của Đỗ Phủ:

畫圖省識春風面 Họa đồ tỉnh thức xuân phong diện

還佩空歸月夜魂 Hoàn bội không quy nguyệt dạ hồn

Đáp án đúng là: 面 (diện).

Đề 47

帝王回舊址 Đế vương hồi cựu chỉ

南北入新..... Nam bắc nhập tân.....

Tạm dịch: Đế vương về lại đất cũ. Nam bắc nhập (về một). mới.

Chọn một trong năm chữ Hán sau để “thả” vào vị trí..... trong câu thơ trên: 封 (phong), 基 (cơ), 都 (đô), 風 (phong), 圖 (đồ).

Đáp án: Đây là hai câu cuối trong bài thơ ngũ ngôn tứ tuyệt khắc trên điện Thái Hòa (Đại Nội Huế). Nguyên văn như sau:

春水源流遠 *Xuân thủy nguyên lưu viễn*

春山氣象雄 *Xuân sơn khí tượng hùng*

帝王回舊址 *Đế vương hồi cựu chỉ*

南北入新封 *Nam bắc nhập tân phong*

Đáp án đúng là: 封 (*phong*).

ĐỀ 48

恬熙富庶千方樂 *Diêm hi phú thú thiên phương lạc*

駘蕩溫和萬象..... *Đãi dăng ôn hòa vạn tượng*

Tạm dịch: Đông đúc và giàu có, nghìn phương yên vui. Thông thả và êm ả, muôn hình tượng.....

Chọn một trong năm chữ Hán sau để “thả” vào vị trí..... trong câu thơ trên: 清 (*thanh*), 明 (*minh*), 光 (*quang*), 輝 (*huy*), 春 (*xuân*).

Đáp án: Đây là hai câu trong bài *Tân thiều thí bút* (Thử bút đầu năm) của vua Thành Thái:

恬熙富庶千方樂 *Diêm hi phú thú thiên phương lạc*

駘蕩溫和萬象明 *Đãi dăng ôn hòa vạn tượng minh*

Đáp án đúng là: 明 (*minh*).

Phụ lục 3

160 Đề đố thơ Nguyễn Phước Vĩnh Cao và Trần Đức Anh Sơn sưu tầm và biên soạn

Đề đố thơ bằng chữ quốc ngữ

Đề 1

Mới sinh ra thì là con sên

Sau hóa ra con bướm

Lại hóa thành con công

Công lại thành lừa

Lừa hóa ra cáo

Cáo biến thành con khỉ?

Là con gì?

Đáp án: *Con người ta.*

Đề 2

Bằng trái cau

Lau chau đi trước

Là gì?

Đáp án: Ngón chân cái.

Đề 3

Khi đi khi đứng thì nằm

Khi nằm phải đứng, hỏi thăm vật chi?

Là gì?

Đáp án: Bàn chân.

Đề 4

Con gì có lông có đuôi

Trẻ già trai gái mang theo dẫn đường

Là con gì?

Đáp án: Con mắt.

Đề 5

Mắt gì cách gối hai gang

Đem ra trình làng, chẳng biết chuyện chi

Sinh ra cái giống dị kì

Lưng nằm đằng trước, bụng thì phía sau?

Là gì?

Đáp án: Cẳng chân và mắt cá chân.

Đề 6

Nửa càn thú vị trời trời nước

*Một sợi phong lưu gió gió trắng
Thao lược đã đành ngàn dặm bữa
Giang sơn tóm đốc một tay phăng
Là ai?*

Đáp án: Ngư ông.

Đề 7

*Ba bà đi chợ Cầu Nôm
Bà đi sau rốt, luôn mồm: Nhanh lên!
Bà đi trước thì thiếu hàm trên
Bà đi giữa thì thiếu hàm dưới
Chỉ bà đi cuối là đủ hai hàm!
Là gì?*

Đáp án: Người đi bừa, con trâu và cái bừa.

Đề 8

*Tám sào chống cạn, hai nạng chống
Con mắt láo liên, cái đầu không có!
Là con gì?*

Đáp án: Con cua, con ghẹ.

Đề 9

*Tám thằng dân vắn cục đá tảng
Hai ông xã xách nạng chạy theo*

Là con gì?

Đáp án: Con cua, con ghẹ.

Đề 10

Lạ lùng là lạ lùng thay

Nằm ngủ ban ngày để lạ lùng ra

Lạ lùng có mở để ra

Câu lớn, câu tiện có nhà ngói xanh

Lạ lùng có bức màn hình màn hình

Câu lớn, câu tiện có anh lái thuyền

Là con gì?

Đáp án: Con cua, con ghẹ.

Đề 11

Cong lưng cứ ý tài đâm bắn

Lố mắt khôn dò lạch cạn sâu

Là con gì?

Đáp án: Con tôm.

Đề 12

Khi đi mang cả nhà đi

Khi về đóng cửa từ bi mà nằm

Là con gì?

Đáp án: Con ốc.

Đề 13

Yếm nàng nịt, áo nàng gài

Nàng yêu ai, nàng quẹo đít?

Là con gì?

Đáp án: Con ốc.

Đề 14

Trên lợp ngói, dưới có hoa

Một thằng thò ra, bốn thằng đung đưa chạy

Là con gì?

Đáp án: Con rùa.

Đề 15

Cũng đủ lông xương cũng đủ da

Nghềnh cổ ăn chơi chốn hải hà

Tiếng tuy rằng thấp gan không bé

Sấm sét ầm ầm cũng chẳng sao

Là con gì?

Đáp án: Con vịt.

Đề 16

Chân đạp miền thanh địa

Đầu đội mũ bình thiên

Mình thì bận áo mã tiên

Ban ngày đôi ba vợ

Tối nằm riêng kêu trời

Là cái gì?

Đáp án: *Con gà trống.*

Đề 17

Trên đầu đội sắc vua ban

Dưới thời yếm thắm, dây vàng xum xoe

Thần linh đã gọi thì về

Ngồi trên mân ngọc, gươm kề sau lưng

Là con gì?

Đáp án: *Con gà trống.*

Đề 18

Vừa bằng quả mướp, ăn cướp cả làng

Là con gì?

Đáp án: *Con chuột.*

Đề 19

Đêm măn giao canh buông lưỡi chặt

Ngày lo đếm khắc chép môi nhẵn

Lầu son gác tía từng lui tới

Đấu phú thua người phải cắn răng

Là con gì?

Đáp án: Con thằn lằn.

Đề 20

Con gì cánh mỏng, đuôi dài

Lúc bay, lúc đậu, cánh thời đều giương?

Là con gì?

Đáp án: Con chuồn chuồn.

Đề 21

Nghiến răng sấm dậy đứng ra cửa

Cung thiềm riêng ở mặc nghênh ngang

Hang thăm đâu thềm đưa hụp lặn

Lưỡi quét xong rồi kiến thấy tan

Là con gì?

Đáp án: Con cóc.

Đề 22

Hai chân đứng, hai chân quỳ

Cái bụng chì ì, cấm nói con cóc

Là con gì?

Đáp án: Con ếch.

Đề 23

Con chi ăn mà không uống

Con chi uống mà không ăn

Là con gì?

Đáp án: Con tắm và con đũa.

Đề 24

Hai đứa khác họ cùng tên

Con thì dưới nước, cái trên mái nhà

Là gì?

Đáp án: Cá mè và cái mè (rui mè) trên mái nhà.

Đề 25

Kinh thiên một cốt giờ tay chống

Dẫu gió lung lay cũng chẳng nao

Buồng chất cháu con không xiết kể

Nhà nhiều quan khách dễ khuyển chào

Là cây gì?

Đáp án: Cây cau.

Đề 26

Thân dài cành lá thon thon

Non ăn già bán cháu con đầy đàn

Là cây gì?

Đáp án: Cây tre.

Đề 27

*Xuân xanh kẻ chuộng người yêu
Vì cao danh vọng nên nhiều gian nan
Lòng không dạ thẳng chúa chan
Đông sang chẳng quản cơ hàn giá băng
Là cây gì?*

Đáp án: Cây tre.

Đề 28

*Cây to lá nhỏ chiền chiền
Non ăn, già bán lấy tiền mà tiêu
Là cây gì?*

Đáp án: Cây tre.

Đề 29

*Cây gì đông héo, hè tươi
Hoa làm chong chóng giữa trời đuổi nhau
Mối mọt quen thói đục vào
Gặp ngay chất đắng, buồn rầu nhả ra
Là cây gì?*

Đáp án: Cây sầu đông.

Đề 30

Có cây mà chẳng có cành

Có hai ông cụ đập dền hai bên

Là cây gì?

Đáp án: *Cây bắp.*

Đề 31

Quê em ở chốn ao tù

Vượt qua mặt nước, vồng dù thấp cao

Đến ngày mở mắt ra chào

Soi gương mới biết tự hào tốt tươi

Là cây gì?

Đáp án: *Cây sen.*

Đề 32

Cây lung tung, lá loe toe

Mùa đông úp lại, mùa hè nở ra

Là cây gì?

Đáp án: *Cây sen.*

Đề 33

Lá xanh, cành đỏ, hoa vàng

Hạt đen, rễ trắng; đổ chằng cây chi?

Là cây gì?

Đáp án: *Cây rau sam.*

Đề 34

Bằng trụ tiền

Nằm nghiêng trong bụi

Là gì?

Đáp án: *Cây rau má.*

Đề 35

Mình dài một tấc, da trắng như ngà

Đội mũ hồng hoa, chân đi có một

Là cây gì?

Đáp án: *Cây giá đỗ đỏ.*

Đề 36

Vừa bằng thằng bé lên ba

Thắt lưng con cón chạy ra ngoài đồng

Là gì?

Đáp án: *Bó mạ.*

Đề 37

Có cánh mà không biết bay

Đến khi bay được ăn mày cũng chê

Là gì?

Đáp án: *Cánh hoa.*

Đề 38

*Hoa gì quả quýt với trâu,
Để cho câu chuyện mở đầu nên duyên?
Là hoa gì?*

Đáp án: *Hoa cau.*

Đề 39

*Hai cô ra tắm một dòng
Cởi áo tắm trần để lộ màu da
Một cô da trắng như ngà
Một cô lại có màu da đỏ hồng
Giữa cơn nắng hạ oi nồng
Quần rơi trễ xuống, lộ hông dầy thì
Cùng là hai bạn nữ nhi
Cớ sao lại thấy rậm rì râu ria?
Là hoa gì?*

Đáp án: *Hoa sen và hoa súng.*

Đề 40

*Trữ nặng tấm lòng với nước non
Trong thanh dịu ngọt đáng thon thon
Thần kinh vật quý ai không thích
Lại thoảng hương trà vị thật ngon*

Là trái gì?

Đáp án: Trái thanh trà.

Đề 41

Anh lớn: mặc áo đỏ

Em nhỏ: mặc áo xanh

Khi em lớn như anh

Em cũng mặc áo đỏ

Là trái gì?

Đáp án: Trái ổi.

Đề 42

Tên em không thiếu chẳng thừa

Tấm lòng vàng ngọt để vừa lòng anh?

Là trái gì?

Đáp án: Trái đu đủ.

Đề 43

Trái gì mà cứ lắc lư

Đưa qua đưa lại cho vừa thì thôi

Là trái gì?

Đáp án: Trái đu đủ.

Đề 44

Trái gì ăn chẳng được nhiều

Nhưng mà nhìn thấy, bao nhiêu người thèm

Là quả gì?

Đáp án: *Trái chanh.*

Đề 45

Mình vàng lại mặc áo vàng

Đi ra ngoài đường ai cũng muốn hôn

Là trái gì?

Đáp án: *Trái thị.*

Đề 46

Mặc áo xanh, đội nón xanh

Đi quanh một vòng

Mặc áo trắng, đội nón trắng

Là trái gì?

Đáp án: *Trái cau khi róc vỏ.*

Đề 47

Anh với tôi vốn cùng tên

Nhưng vì khác họ cho nên xa vời

Tôi cho trái chín đỏ tươi

Còn anh tô điểm cho người đẹp thêm?

Là gì?

Đáp án: Trái vải và vải mặc.

Đề 48

Một cái ách, mà trăm khách ngồi?

Là gì?

Đáp án: Buồng chuối.

Đề 49

Cây gì trên rừng không lá

Cá chi dưới bể một xương

Con gì một vẩy ngoài nươg

Anh mà đoán được tổ tường em hay

Là gì?

Đáp án: Cây nấm - Con mực - Con ốc.

Đề 50

Thứ gì ăn phải khó đi

Đứng lên một mỗi, năm thì không xong

Là gì?

Đáp án: Bánh bò.

Đề 51

Mình như quả cà sút tại

Đàng Trong thì có, Đàng Ngoài thì không

Là gì?

Đáp án: Bánh trôi.

Đề 52

Một năm có mười hai tháng

Một tháng có ba mươi ngày

Chọn một ngày trồng cây không rễ

Là cây gì?

Đáp án: Cây nêu.

Đề 53

Cây bên ta lá bên Tàu

Nhà sang thì có, nhà giàu thì không

Là cây gì?

Đáp án: Cây lọng.

Đề 54

Cây gì không lá, không chân

Mình vàng, không rễ, ở gần nhà ta?

Là cây gì?

Đáp án: Cây rơm.

Đề 55

Mình dài một tấc

Áo mặc đề đa

Bác mẹ sinh ra vô ngôn bất ngữ

Đến ngày chỉ tử mới nói nhất ngôn

Là cây gì?

Đáp án: *Cây pháo.*

Đề 56

Tuổi em mười chín đôi mươi

Lúc cong lúc thẳng chó cười làm chi

Làm nên ngựa cỡi tàn che

Năm thê bảy thiệp cũng vì có em

Là cây gì?

Đáp án: *Cây bút.*

Đề 57

Thân nhỏ chẳng học chút gì

Mà trăm thứ chữ viết thì được ngay

Là cây gì?

Đáp án: *Cây bút.*

Đề 58

Học hành đến hói cả cái đầu

Vẫn hoàn dốt đặc biết chi đâu

Bề ngoài ra dáng khôn ngoan lắm

Rốt cục khôn ngoan chỉ bộ râu

Là cây gì?

Đáp án: Cây bút lông.

Đề 59

Cao thấp quyền về tay kẻ múa

Trắng vàng màu lụa mặt người ưa

Trên cao mấy cửa chiêu bài hảo

Xoay đủ tứ bề ngọn gió đưa

Là cây gì?

Đáp án: Cây cờ.

Đề 60

Thân em bé tí tí ti

Tay chân không có nên đi bằng đầu

Là cây gì?

Đáp án: Cây kim.

Đề 61

Cây bên đông có bông không trái

Cây giữa đường cái, có trái không hoa

Cây ở trong nhà, có hoa không quả

Là cây gì?

Đáp án: Cây lau, cây đa, cây đề.

Đề 62

Cây gì mới mọc thì cao

Dần dần lại thấp, có sao lạ kỳ

Là cây gì?

Đáp án: *Cây đèn sập, cây hương.*

Đề 63

Thăng rằng tim son soi mấy tắc

Lăn tròn xác trắng biết bao ngoai

Hé cửa trách ai cho trót lọt

Canh trường nhỏ giọt tỏ cùng ai

Là cây gì?

Đáp án: *Cây đèn sập.*

Đề 64

Chân đỏ mình đen

Đầu đội hoa sen

Lên châu Thượng đế

Là cây gì?

Đáp án: *Cây hương.*

Đề 65

Hai người xưa ở hai non

Bây giờ họp lại như con một nhà

Kẻ làm xương, người làm da

Phép linh biến hóa còn là một chân

Là cây gì?

Đáp án: *Cây hương.*

Đề 66

Một cây trở đến trăm hoa

Chỉ có một quả chẳng già chẳng non

Là cây gì?

Đáp án: *Cây cân (cái cân).*

Đề 67

Cây khô đem cất trong nhà

Chỉ có một trái chê già chê non

Là cái gì?

Đáp án: *Cái cân.*

Đề 68

Cây khô mà nở được hoa

Đậu được một quả, khi già khi non

Là cái gì?

Đáp án: *Cái cân đòn.*

Đề 69

Thân dài, lưỡi cứng là ta

Hữu thủ vô túc, đó là cái chi?

Là cái gì?

Đáp án: *Cái cuốc.*

Đề 70

Đi nhăn răng, về nhăn răng

Ai bảo cái bừa,

Xin thưa đúng mà chưa đúng!

Là cái gì?

Đáp án: *Cái cào cỏ.*

Đề 71

Chim chi sắc mỏ, cao mông

Chim chi không cánh không lông mình trần

Là cái gì?

Đáp án: *Cái rìu.*

Đề 72

Đầu là sắt, đuôi là gỗ

Không có nó, củi không thành

Là cái gì?

Đáp án: *Cái búa bổ củi.*

Đề 73

Có cán có mũi không mồm

Lại thêm chiếc lưỡi ghê hồn đáng kinh

Là cái gì?

Đáp án: *Cái dao.*

Đề 74

Con chi đầu khỉ, đuôi lươn

Ăn no tắm mát, lại trườn lên cây?

Là cái gì?

Đáp án: *Cái gáo bằng sọ dừa.*

Đề 75

Bốn bên thành hiểm lũy cao

Có một thằng trọc nháy vào nháy ra

Là cái gì?

Đáp án: *Cái thùng và cái gáo múc nước.*

Đề 76

Có chân mà chẳng biết đi

Có mặt phẳng lì cho kẻ ngồi trên

Là cái gì?

Đáp án: *Cái ghế.*

Đề 77

Không ăn mà mổ cuống cuống

Một nhòai đứng chống, ra tuồng dửng dưng

Là cái gì?

Đáp áp: *Cái chày đập giã gạo.*

Đề 78

Trâu ăn trên đỉnh, trâu no

Bò ăn dưới đỉnh, bò đói

Nước chảy quanh suối

Trâu đói, bò no

Là cái gì?

Đáp án: *Cối xay bột.*

Đề 79

Lù lù mà đứng góc nhà

Hễ ai đụng đến thì òa khóc lên

Là cái gì?

Đáp án: *Cái cối xay lúa.*

Đề 80

Cô kia con cái nhà ai

Mình to, hòng nhỏ, lỗ tai đeo tằm

Đứng bên nghe tiếng âm âm

Vừa múa vừa hát, rầm rầm mưa rơi

Là cái gì?

Đáp án: *Cái cối xay lúa.*

Đề 81

Xương sườn, xương sống

Không có thịt, có da

Chim đậu ở trên lưng

Guốc đi ở dưới bụng

Giúp ích cho người ta

Khỏi trần truồng như nhộng

Là cái gì?

Đáp án: *Khung cửi.*

Đề 82

Mình tròn tròn trịn

Răng nhọn như chông

Trong nhà ngói không

Ra đồng nhảy chồm chồm

Là cái gì?

Đáp án: *Cái nơm.*

Đề 83

Cái gì cứng mãi cứng mãi

Cứng từ trên núi cứng về miền xuôi

Là cái gì?

Đáp án: *Cái mừng.*

Đề 84

Vốn nó thì ở rừng xanh

Dem về hạ bạn kết thành một đôi

Ra đường kẻ trước người sau

Về nhà thì ấp lấy nhau mà nằm

Là cái gì?

Đáp án: *Đôi triêng giống (đôi quang gánh).*

Đề 85

Tám xóm nhóm lại hai phe

Chặt phần cây tre, bắc cầu một cột

Là cái gì?

Đáp án: *Đôi triêng giống và cái đòn gánh.*

Đề 86

Hai đầu mà chẳng có đuôi

Có được khúc giữa cứng mà dẻo dai

Là cái gì?

Đáp án: *Cái đòn gánh.*

Đề 87

*Nghe họ thì biết nhọn đầu
Tên giống một vảy ở sau nường sinh
Nhịp cầu đường ray sắt thanh
Nhờ em gắn bó kết tình với nhau
Là cái gì?*

Đáp án: Đinh ốc.

Đề 88

*Thân em sắt thép vững vàng
Giữ gìn cửa ngõ hàng hoàng biết bao
Thấy em khách chẳng dám vào
Chủ về niềm nở em chào đón ngay
Là cái gì?*

Đáp án: Cái ổ khóa.

Đề 89

*Nắng lửa mưa dầu ta không bỏ bạn
Tối lửa tắt đèn bạn lại bỏ ta
Là cái gì?*

Đáp án: Cái nón.

Đề 90

Không phải gàu mà dùng để tát

Không phải quạt cũng để giải nóng

Không phải nong mà dùng để đựng

Không phải mũ cũng để đội đầu

Là cái gì?

Đáp án: *Cái nón.*

Đề 91

Mưa dầm nắng lửa ngồi trên

Về nhà lấm lét ở bên xó hè

Là cái gì?

Đáp án: *Cái nón.*

Đề 92

Hai anh cùng giống cùng nòi

Anh thích ngồi trốc, anh đòi cồng chơi

Gió sương, mưa nắng mặc trời

Từ xưa vốn bạn không rời nhà nông

Là cái gì?

Đáp án: *Cái nón và cái tơi.*

Đề 93

Nằm nhà vếch đốc chưng đầu vịt

Khởi cửa nghênh ngang áo cánh dơi

Đỡ nắng người sang khi xếp lọng

Che mưa kẻ khó lúc không tơi

Là cái gì?

Đáp án: *Cái dù.*

Đề 94

Nước vào sông Đáy, lửa cháy non cao

Đêm dài hiu hắt gió xao

Sông sâu nước cạn, non cao lửa tàn

Là cái gì?

Đáp án: *Cái đèn dầu.*

Đề 95

Đồng bạc, nước vàng

Con rắn nằm ngang

Lấy sào mà chọc

Nó ngóc đầu lên

Là cái gì?

Đáp án: *Cái đèn dầu.*

Đề 96

Sinh ra từ chốn lũy tre

Kết thành phu phụ cặp kè có nhau

Nương thân chẳng kể nghèo giàu

Miến ngon vật lạ, dưa rau chẳng từ

Là gì?

Đáp án: *Đôi đũa.*

Đề 97

Sẵn lòng ái quốc xưa nay

Mà lòng giữ nước khi đầy khi vơi

Là cái gì?

Đáp án: *Cái ấm nước.*

Đề 98

Vốn xưa ở đất sinh ra

Mà ai cũng gọi tôi là con quan

Dốc lòng việc nước lo toan

Đầy vơi phó mặc thế gian ít nhiều

Là cái gì?

Đáp án: *Cái ấm nước.*

Đề 99

Khi xưa em đỏ hồng hồng

Em đi lấy chồng, em bỏ quê cha

Ngày sau tuổi hạc về già

Quê chồng em bỏ, quê cha lại về

Là cái gì?

Đáp án: *Cái nôi.*

Đề 100

Thân bằng giống tre

Cái miệng tròn xoe

Bụng thì lỏng bồng

Vật anh chổng gọng

Là cái gì?

Đáp án: *Cái điều cày.*

Đề 101

Trong nhà có bà ăn cơm trắng?

Là cái gì?

Đáp án: *Bình vôi.*

Đề 102

Có chân mà chẳng có tay

Có lưng, chẳng bụng cái hay lạ đời

Là cái gì?

Đáp án: *Cái quần.*

Đề 103

Cái trống mà thủng hai đầu

Bên ta thì có, bên Tàu thì không

Là cái gì?

Đáp án: *Cái váy.*

Đề 104

Trên bằng da, dưới bằng da

Đút vào thì ấm, lấy ra lạnh lòng

Là cái gì?

Đáp án: *Đôi giày da, đôi bao tay da.*

Đề 105

Cái gì dạo phố dưới xuân

Đi đầu xuống đất, chọc chân lên trời

Là cái gì?

Đáp án: *Cái đinh giày.*

Đề 106

Có càng mà chẳng có chân

Có hai con mắt to bằng ốc bươu

Là cái gì?

Đáp án: *Cái kính (cái gương).*

Đề 107

Con đánh mẹ, mẹ van làng

Đến khi làng ra, con chui bụng mẹ!

Là cái gì?

Đáp án: *Cái dùi và cái mõ.*

Đề 108

Đã đem khúc mít làm nên miệng

Lại sấm dùi dâu để gõ đầu

Tăm tiếng vang lừng đôi chốc đó

Ruột rà trống rỗng có gì đầu

Là cái gì?

Đáp án: *Cái mõ.*

Đề 109

Thân luôn theo giá uy nghi

Tiếng tăm chiều sớm, chuyện chi mặc lòng

Khi lệnh trăm họ phục tòng

Khi buông lời nhũ đấm mình cỗi không

Là cái gì?

Đáp án: *Cái trống.*

Đề 110

Da trâu tang mít thôi đừng láo

Kẻ rỗng năm sắc phỉnh người ngây

Chớ nghĩ xác to người kính nể

Bụng rỗng không trơn một tí già

Là cái gì?

Đáp án: *Cái trống.*

Đề 111

Hai tay ôm sát cột nhà

Ruột gan không có, cái da bầy nhầy?

Là cái gì?

Đáp án: *Cái võng.*

Đề 112

Đem thân cho thế gian ngồi

Chẳng thương thì chớ lại cười bất trung?

Là cái gì?

Đáp án: *Cái phản.*

Đề 113

Một mình mà giữ hai nhà

Chị em không có, ruột rà cũng không

Là cái gì?

Đáp án: *Cái máng xối.*

Đề 114

Mặt vuông ta há thua gì ngọc

Lòng đỏ mình nên giữ lấy son

*Xây tảng đắp nên công đáng trọng
Tan xương nát thịt dấu nhưng còn
Là cái gì?*

Đáp án: *Hòn gạch.*

ĐỀ 115

*Hòn gì bằng đất nặn ra
Xếp vào lò lửa nung ba bốn ngày
Khi ra má đỏ hây hây
Mình vuông chẵn chắn, đem xây cửa nhà?
Là cái gì?*

Đáp án: *Hòn gạch.*

ĐỀ 116

*Vàng trắng vằng vặc giữa trời
Đình ninh hai miệng một lời song song
Là cái gì?*

Đáp án: *Con diều sáo.*

ĐỀ 117

*Mặt như cái thớt, mình như cái mai
Cái răng khấp khiểng, cái tai thẳng đờ
Khi bài phú, khi ngâm thơ
Khi cúng ông nọ, khi thờ bà kia*

Là cây gì?

Đáp án: Cây đàn nguyệt.

Đề 118

Mình tròn mà có hai đầu

Nuốt hàm nuốt phẩm nuốt giàu nuốt sang

Quan viên cho đến thánh thần

Danh vang đức hạnh đều trong thân này

Là cái gì?

Đáp án: Ống đựng sắc phong.

Đề 119

Không cánh mà bay mới lạ đời

Đã từng vượt biển lại qua khơi

Tiêu diêu thế giới ngàn muôn dặm

Lịch lãm xưa nay dễ mấy người

Là cái gì?

Đáp án: Tờ báo.

Đề 120

Bé bé xinh xinh

Răng mọc đầy mình

Nói dòng tình cảm

Là con gì?

Đáp án: *Con tem.*

Đề 121

*Vua ban cho mặc áo vàng
Cho ấn cho quyết vẽ vang trong triều
Mười hai nên lắm kẻ yêu
Mười ba mười bốn thì chiều làm chi
Là cái gì?*

Đáp án: *Cuốn lịch.*

Đề 122

*Mặt xinh chữ nghĩa cũng nhiều
Chịu người bóc lột lắm điều thỏ thân
Suốt năm cuộc sống điều tàn
Theo sau một lũ con ngoan nổi dòng
Là cái gì?*

Đáp án: *Cuốn lịch.*

Đề 123

*Vuông tròn mài xát quanh co
Vì chàng nho sĩ gầy gò tấm thân
Là cái gì?*

Đáp án: *Thoi mực.*

Đề 124

Mẹ có cánh mẹ chẳng biết bay

Con không có cánh con bay vù vù

Là cái gì?

Đáp án: *Cung tên.*

Đề 125

Ngoài tròn mà vuông ở trong

Có đôi ba chữ làm lòng say mê

Là gì?

Đáp án: *Đồng tiền trinh.*

Đề 126

Biết tôi là cái gì không

Quanh năm suốt tháng bán bòng là tôi

Đáp án: *Quả bóng bàn.*

Đề 127

Mang cánh nhưng chẳng biết bay

Vui theo sóng gió đêm ngày thảnh thơi

Là cái gì?

Đáp án: *Chiếc thuyền buồm.*

Đề 128

Sắc lẽm đường gương người góm mặt

Có thuở làm chồng đứng trước thành

Chuông khánh miếu đường chưa dám sánh

Gõ nghe cũng có giọng canh canh

Là cái gì?

Đáp án: *Mảnh sành.*

ĐỀ 129

Bằng con bò, nằm co giữa ruộng

Là cái gì?

Đáp án: *Cái mả.*

ĐỀ 130

Con trâu chết rục

Nằm giữa đất đai

Một đường xương sống dài

Hai ống xương sườn nát

Là cái gì?

Đáp án: *Tàu lá dừa mục.*

ĐỀ 131

Thân hình thì chết đã lâu

Mà hai con mắt, bộ râu hấy còn

Là gì?

Đáp án: *Gốc tre khô.*

Đề 132

Nắng non riu rít lè kè

Mưa trời một bữa chẳng hề thấy đâu

Là cái gì?

Đáp án: *Cái bóng.*

Đề 133

Tính ra chỉ một thước dài

Mà sao cố sức bước hoài không qua

Là cái gì?

Đáp án: *Cái bóng.*

Đề 134

Cái gì bao phủ khắp nơi

Không mùi không sắc mà ai cũng cần

Là gì?

Đáp án: *Không khí.*

Đề 135

Chặt không đứt

Bút không lời

Phơi không khô

Chạm không đổ

Là gì?

Đáp án: Nước.

Đề 136

Xung quanh là nước mênh mông

Tự nhiên ở giữa nhô lên một hòn

Dạng hình giống núi giống non

Không gọi non, núi, đổ hòn gì đây?

Là gì?

Đáp án: Hòn đảo.

Đề 137

Đá bên đá, nước chảy ra

Rì rào róc rách khúc ca nhạc rừng

Gọi sông, gọi suối: xin đừng!

Đố các bạn, đố em cũng, gọi gì?

Là gì?

Đáp án: Khe nước.

Đề 138

Có thân thì có cái này

Người dài kẻ ngắn đâu hay bận lòng

Của mình nào có thương dùng

Người ngoài lúc trọng lúc từng khinh khi

Là cái gì?

Đáp án: *Cái tên.*

Đề 139

Mới học chỉ biết i tờ,

Thế mà bắt học chữ hờ làm chi?

Là chữ gì?

Đáp án: *Chữ Thi.*

Đề 140

Đứng bóng hay lúc giữa trưa

Cắm cờ ở cuối xin thua chữ gì?

Là chữ gì?

Đáp án: *Chữ Ngọc.*

Đề 141

Xa xôi nghĩ lại cho gần

Làm thân con nhện mấy lần tơ vương

Là gì?

Đáp án: *Số 8.*

Đề 142

Con mèo đánh giặc phương xa

Con ngựa ở nhà năm ị đóng tro

Là trái gì?

Đáp án: *Trái khoáy (trái ngược).*

Đề 143

Tại mẹ may áo rộng tay

Con quên gài nút áo bay qua cầu

Là con gì?

Đáp án: *Con lừa mẹ (con dối mẹ).*

Đề 144

Một tỉ là nghìn triệu đồng

Phần mười của tỉ mong ông nhận giùm

Là gì?

Đáp án: *Tiền hoa hồng (tiền lại quả).*

Đề đố thơ bằng chữ Hán - Việt

Đề 145

Nhân diện bất tri hà xứ khứ

Là gì?

Đáp án: *Người nhiều râu hoặc con khỉ.*

Đề 146

Tá trái giai không diệc vĩ tùy

Nữ nam lão ấu mạc bất kinh

Nam bắc đông tây giai đáo hộ

Tứ hải qui thu nhất doanh nang

Là ai?

Đáp án: Người ăn xin.

Đề 147

Văn kỳ thanh, bất kiến kỳ hình

Đại nhân khai khẩu, tiểu nhân kinh

Là ai?

Đáp án: Ông kẻ, con ma, ông ngáo ộp.

Đề 148

Long tu yêu khúc thân thường đoản

Nhất hành bá bộ đáo Hàn San

Là con gì?

Đáp án: Con tôm.

Đề 149

Giang Bắc thâm tuyết bạch

Giang Nam mạt niên khai

Vấn danh tức hữu ước

Đông chí hựu bồi tài

Là cây gì?

Đáp án: Cây mai.

Đề 150

Long đầu phụng vĩ

Quả trụ kinh thiên

Kính Thần tức dụng

Giao ước vi tiên

Là cây gì?

Đáp án: Cây cau.

Đề 151

Hữu quả hữu hoa bốn nhất can

Hữu thân vô diệp trọng khinh than

Quân tử, tiểu nhân thù cảm định

Tư tam niệm tứ vĩnh hồ nghi

Là cây gì?

Đáp án: Cây cân (Cái cân).

Đề 152

Hưởng thụ cầu kỳ bất kế xuân

Tịch triều hồng sắc hựu canh tân

Thử vấn hữu thù bất phủ ngưỡng

Tháp bạt tùy nghi bất tích lân

Là cái gì?

Đáp án: *Cái lư hương.*

Đề 153

Hữu cốt hữu bì vô hữu nhục

Nghi xuân nghi hạ bất nghi đông

Là cái gì?

Đáp án: *Cái quạt.*

Đề 154

Âm dương thụ bảm tịnh can chi

Hung cát giai tri mạc kế thì

Nhật nguyệt chuyển lưu thân ích sậu

Xuân lai bất cập dĩ phân li

Là cái gì?

Đáp án: *Cuốn lịch.*

Đề 155

Lâm giang tiếp thủy tự hà niên

Vô học cấp văn hựu mạc phiên

Hữu lâu bất dụng thù tri cố

Tấn sĩ cao danh diệc kỷ thiên

Là gì?

Đáp án: *Phu Văn Lâu.*

Đề 156

Thân như con nhận cao phi

Bên thì phì mập bên thì ốm o

Trong năm phải tháng mưa to

Trong tháng thì phải đủ cho ba ngày

Là chữ gì?

Đáp án: Chữ 八 (Bát).

Đề 157

Tứ khẩu nhất thập

Là chữ gì?

Đáp án: Chữ 圖 (Đồ).

Đề 158

Nhất khẩu tứ thập

Là chữ gì?

Đáp án: Chữ 畢 (Tất).

Đề 159

Trúc sơ nghi nhập họa

Thụ thiếu bất thành thôn

Là chữ gì?

Đáp án: Chữ 彭 (Bành).

Đề 160

Thiên địa cộng lập

Là gì?

Đáp án: 人參 (Nhân sâm).

Phụ lục 4

Những bộ đầu hồ của Huế xưa

Ở Huế hiện còn lưu giữ ít nhất năm bộ đầu hồ xưa. Trong đó, bốn bộ là cổ vật thuộc Bảo tàng Cổ vật Cung đình Huế; bộ còn lại là trân bảo của phủ thờ công chúa Ngọc Sơn, con gái vua Đồng Khánh.

Đáng chú ý là sưu tập các bộ đầu hồ ở Bảo tàng Cổ vật Cung đình Huế, bởi chúng rất đa dạng về chất liệu và hình dáng.

BỘ ĐẦU HỒ BẰNG ĐỒNG, TRÁNG MEN PHÁP LAM

Đây là một trong những bộ đầu hồ đã được R. Orband giới thiệu trong bài viết in trên BAVH năm 1917. Bộ đầu hồ này trước đây được trưng bày trong điện Hòa Khiêm (lăng Tự Đức), nay đang được trưng bày ở Bảo tàng Cổ vật Cung đình Huế.



Bộ đầu hồ bằng đồng tráng men pháp lam của Bảo tàng Cổ vật Cung đình Huế. Ảnh: Trần Đức Anh Sơn.

Bộ đầu hồ này làm bằng đồng thau, gồm chiếc bình có eo, gắn với phần đế qua các chi tiết trang trí làm bằng pháp lam. Chiều cao của bộ đầu hồ là 61 cm, riêng chiếc bình cao 40 cm.

Chiếc bình tạo dáng như hình chiếc bầu đựng rượu. Miệng bình rộng 5 cm, phía trên có gắn cái họng bằng ngọc thạch màu trắng cao 3 cm. Vành ngoài miệng bình là những dải trang trí theo dạng hồi văn được gắn thêm vào, gồm một hàng thủy tinh màu khảm vào 19 chiếc khuy đồng bao quanh vành miệng và sáu chiếc lá bằng pháp lam xuôi xuống cổ bình. Thân trên và thân dưới của

bình đều có gắn những sợi chỉ đồng uốn thành hình các bông hoa và đám mây có gắn thủy tinh màu. Bên ngoài eo bình có gắn các chi tiết trang trí bằng pháp lam gồm hai dải hồi văn lá cúc và hai hình dơi ngậm tua bằng pháp lam.

Phần đế gồm hai vành đồng nối với nhau bởi bốn chi tiết bằng pháp lam tạo dáng như những chiếc lá. Vành đế phía trên hình dơi cầu, bên ngoài gắn thêm một dải khuy đồng nạm thủy tinh màu và các đồ án trang trí mây hóa cúc bằng pháp lam. Vành đế phía dưới có hình vành khăn, mặt ngoài chia thành các ô hình chữ nhật bởi các sợi chỉ đồng. Đế có bốn chân, được phủ men pháp lam màu xanh nhưng đã bị bong men khá nhiều. Theo R. Orband, trong lòng đế có chiếc trống, một vật không thể thiếu trong trò chơi đầu hồ. Chiếc trống nay đã mất. Nhiều chi tiết trang trí bằng pháp lam trên thân hồ cũng đã bong men hoặc rơi mất các hạt thủy tinh màu.

Ngoài bộ đầu hồ này, trong bài viết nói trên, R. Orband có giới thiệu một bộ đầu hồ khác kèm theo hình vẽ, cũng làm bằng đồng thau, quanh thân có nạm nhiều ngọc thạch và thủy tinh màu, theo các kiểu thức trang trí Arabian. Bộ đầu hồ này không rõ nay lưu lạc phương nào.

BỘ ĐẦU HỒ BẰNG GỖ, CÁN XÀ CỪ

Đây là bộ đầu hồ tiêu biểu nhất trong số những bộ đầu hồ còn lại ở Huế, hiện đang trưng bày tại Bảo tàng Cổ vật Cung đình Huế.

Đầu hồ làm bằng gỗ, gồm nhiều bộ phận ghép lại. Phần chính là chiếc bình dáng nậm rượu hai bầu, có eo ở giữa, cao 56 cm. Cổ bình hình trụ, miệng loe.

Bầu trên và bầu dưới của chiếc bình là hai phần riêng biệt, liên kết với nhau qua một khớp nối ở eo bình. Bên ngoài thành bình khảm xà cừ các đồ án rồng, mây (phần trên) và bát tiên (phần dưới). Trên cổ chiếc bình chính có gắn hai chiếc bình nhỏ, cao 14 cm, hình dáng tương tự bình chính. Được biết hai chiếc bình này được gắn vào để dành cho những tay chơi thượng thặng, có thể ném thả lọt vào miệng các chiếc bình nhỏ này.

Phần đế phía dưới cao 24,5 cm, được tạo dáng như những chiếc đôn vãn dùng để bày các chậu hoa cảnh trong các cung điện ở Huế. Mặt đế hình chiếc đĩa, phía ngoài khảm dải văn hoa thị bằng xà cừ. Đế có bốn chân, kiểu chân quỳ, gắn với một vành gỗ bên dưới. Mặt ngoài vai đế khảm xà cừ hình long, lân, quy, phụng và

bốn vật trong bộ bát bửu gồm: tù và, quạt ba tiêu, đàn tỳ bà và cuốn thư.

Bộ đầu hồ này được đặt trên một chân đế thứ hai, làm bằng loại gỗ khác với bộ đầu hồ và không có các trang trí khảm xà cừ. Bên trong chân đế này có đặt chiếc trống bịt da một mặt.

Những nét chạm khảm trên bộ đầu hồ này rất tinh tế và trau chuốt, khiến chiếc bình trở nên một tác phẩm nghệ thuật thực sự, xứng đáng là một trong những cổ vật có giá trị trong Bảo tàng Cổ vật Cung đình Huế. Tuy nhiên, tình trạng hiện tại của chiếc bình không còn hoàn hảo. Một số chi tiết đã gãy, vỡ do lần đưa đi trưng bày tại Hà Nội cách nay hơn 20 năm.

BỘ ĐẦU HỒ BẰNG GỖ, KHÔNG CHẠM TRỐ

Lai lịch bộ đầu hồ này khá thú vị. Năm 1988, tại Hôtel Drouot, Paris (Pháp) có cuộc bán đấu giá các cổ vật từ châu Á, trong đó có 282 cổ vật Việt Nam, thuộc sưu tập của ông Cổ Trung Ngươn, một nhà sưu tập cổ vật ở Sài Gòn trước đây. Nhận thấy đây là những cổ vật có xuất xứ từ triều đình Huế, Cựu hoàng Bảo Đại đã khởi kiện lên Tòa thượng thẩm Pháp để đòi lại cho Huế. Đại sứ quán Việt Nam tại Pháp cũng vào cuộc, ủng hộ Cựu hoàng Bảo Đại, nhưng do luật lệ về cổ vật ở mỗi nơi mỗi khác nên vụ tranh tụng không đi đến đâu. Tuy nhiên, chủ nhân số cổ vật kia đã tặng lại cho Huế hai món đồ cổ. Đó là chiếc bàn trà có khung bằng gỗ sơn son thếp vàng nhưng mặt bàn làm bằng sứ trắng vẽ lam và bộ đầu hồ bằng gỗ kiền kiền. Hai cổ vật này đã được chuyển trả lại cho Huế sau bao năm tháng lưu lạc chốn trời Tây và hiện đang được trưng bày tại Đại Nội Huế.



Bộ đầu hồ bằng gỗ cẩn xà cù (trái) và bộ đầu hồ bằng gỗ, không chạm trổ (phải) của Bảo tàng Cổ vật Cung đình Huế.

Ảnh: Trần Đức Anh Sơn.

Bộ đầu hồ có hình dáng giống bộ đầu hồ bằng gỗ cẩn xà cù, nhưng có đôi điểm khác biệt: miệng bình không loe, cổ bình ngắn hơn và không có hai chiếc bình nhỏ gắn trên cổ bình lớn, cũng như không có các chi tiết trang trí bằng xà cù. Phần chính cũng là chiếc bình dáng nậm rượu cao 36 cm, gồm hai phần tách biệt, kết nối với nhau ở eo bình. Phần đế bên dưới gồm hai phần, gắn với nhau thông qua một khớp nối. Phần trên tựa chiếc đôn có bốn chân, phần dưới tựa chiếc đĩa cao chân, bên trong có chứa một chiếc trống nhỏ. Tổng chiều cao phần đế là 25,5 cm. Ngoài ra còn có một bộ gồm sáu mũi tên gỗ, dài 80 cm. Tình trạng bộ đầu hồ này khá tốt, chỉ có một đường nứt dọc thân dài khoảng 20 cm, có lẽ do sự co rút của gỗ, nhưng đã được làm kín bằng keo và bột gỗ.

ĐẦU HỒ BẰNG SỨ

Chiếc đầu hồ thứ tư làm bằng sứ, hiện trưng bày tại Đại Nội Huế. Đó là một cổ vật thuộc nhóm đồ sứ do triều Nguyễn ký kiểu tại

Trung Hoa. Bộ đầu hồ này chỉ có một chiếc bình không đáy, không có chân đế như những bộ đầu hồ khác.

Bình cũng có hình dáng nậm rượu hai bầu, cao 38 cm. Miệng bình hơi loe, lòng bình là một hình trụ rỗng thông từ miệng xuống đáy. Thành ngoài bình trang trí đồ án *lưỡng long hí thủy* (hai rồng giỡn nước) bằng màu xanh cobalt dưới lớp men phủ.

Dưới đáy chiếc bình này có một khoanh tròn, đường kính khoảng 20 cm, không được tráng men, và có những đường gờ nhỏ. Dấu hiệu này cho biết chiếc bình còn có thêm một bộ phận khác ở phía dưới, có thể là một cái đế, bên trong gắn chiếc trống nhỏ, tương tự như những bộ đầu hồ khác ở Huế.



Bộ đầu hồ bằng sứ ký kiểu của Bảo tàng Cổ vật Cung đình Huế.

Ảnh: Trần Đức Anh Sơn.

Khảo sát xương đất, chất men và màu, cũng như kỹ thuật trang trí trên chiếc bình này cho thấy nó là đồ sứ được sản xuất tại Trung Hoa, nhưng motive trang trí trên thành bình lại theo phong cách

Huế, thể hiện ở các chi tiết như: đầu rồng, vây lưng rồng, đuôi rồng, cách xếp vảy rồng, các đám mây và văn thủy ba. Điều này chứng tỏ đây là một món đồ sứ ký kiểu và là đồ ngự dụng bởi con rồng được vẽ với năm móng, một dấu hiệu chỉ có trên đồ ngự dụng. Tình trạng chiếc bình này còn rất tốt.

ĐẦU HỒ BẰNG GỖ Ở PHỦ THỜ CÔNG CHÚA NGỌC SƠN

Tại phủ thờ công chúa Ngọc Sơn (số nhà 31, Nguyễn Chí Thanh, thành phố Huế), có bộ đầu hồ làm bằng gỗ mun, cao 60,7 cm, riêng chiếc bình cao 40,7 cm. Bộ đầu hồ này có hình dáng tương tự bộ đầu hồ bằng gỗ đang trưng bày ở Đại Nội Huế. Gia chủ vẫn còn giữ được bảy mũi tên bằng gỗ, dài khoảng 78 - 80 cm. Trong trận lụt năm 1999, mặt chiếc trống bị thủng, sau đó đã được bịt lại như cũ. Tình trạng bộ đầu hồ này vẫn còn hoàn hảo.

Trò chơi đầu hồ đã thất truyền ở Huế khá lâu. Tuy nhiên, trong các chương trình Đêm Hoàng Cung do Trung tâm Bảo tồn Di tích Cố đô Huế tổ chức tại Đại Nội Huế trong hai năm 2006 - 2007, trò chơi đầu hồ lại được tái sinh. Trung tâm Bảo tồn Di tích Cố đô Huế đã phục chế hai chiếc đầu hồ theo đúng nguyên mẫu chiếc đầu hồ bằng sứ ký kiểu hiện đang trưng bày tại Bảo tàng Cổ vật Cung đình Huế và tái hiện trò chơi đầu hồ trong chương trình này để du khách có dịp thử tài với trò chơi khéo léo và công phu này.

Phụ lục 5A

Hai bộ xăm hường của Huế xưa

Do sự hấp dẫn và tính tao nhã của trò đồ xăm hường nên người Huế rất chuộng trò chơi này. Không kể các bộ xăm hường mới làm sau này, nhiều nơi ở Huế còn lưu giữ được những bộ xăm hường cả trăm năm tuổi. Phụ lục này xin giới thiệu hai trong số những bộ xăm hường quý hiếm ấy.

BỘ XĂM HƯỜNG CỦA VUA TỰ ĐỨC

Có lẽ đây là bộ xăm hường xưa và độc đáo nhất còn sót lại ở Huế. Các thẻ xăm được làm bằng ngà voi, còn chiếc hộp đựng thẻ được làm bằng gỗ mun với các chi tiết trang trí được khảm bằng xà cừ và ngà voi.

Bộ xăm hường này hiện chỉ còn 56 thẻ (mất 7 thẻ), gồm: 30 thẻ *tú tài* (thiếu 2 thẻ); 12 thẻ *cử nhân* (thiếu 4 thẻ); 7 thẻ *tiến sĩ* (thiếu 1 thẻ); 4 thẻ *hội nguyên*; 1 thẻ *thám ba*; 1 thẻ *bảng nhãn* và 1 thẻ *trạng nguyên*, trong đó 42 thẻ còn tốt; 10 thẻ bị mòn vết và cong vênh do sử dụng lâu ngày và 4 thẻ bị khuyết một phần do ngà voi bị mục nát.



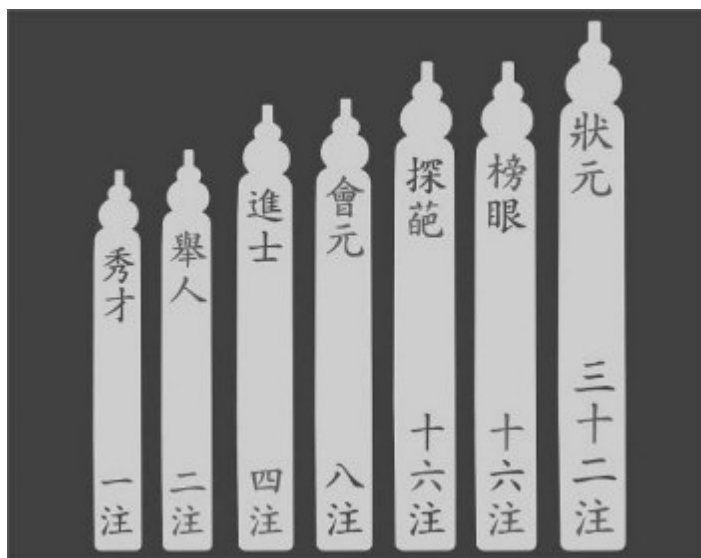
Bộ xăm hương bằng ngà của vua Tự Đức.

Ảnh: Trần Đức Anh Sơn.

Hình dáng các thẻ đều giống nhau: mỗi thẻ là một phiến ngà dày khoảng 0,15 cm đến 0,25 cm; phần dưới hình chữ nhật, phần đầu tạo hình bầu rượu hai eo. Tuy nhiên, kích thước, văn tự và màu sắc của các văn tự khắc trên mỗi loại thẻ thì khác nhau:

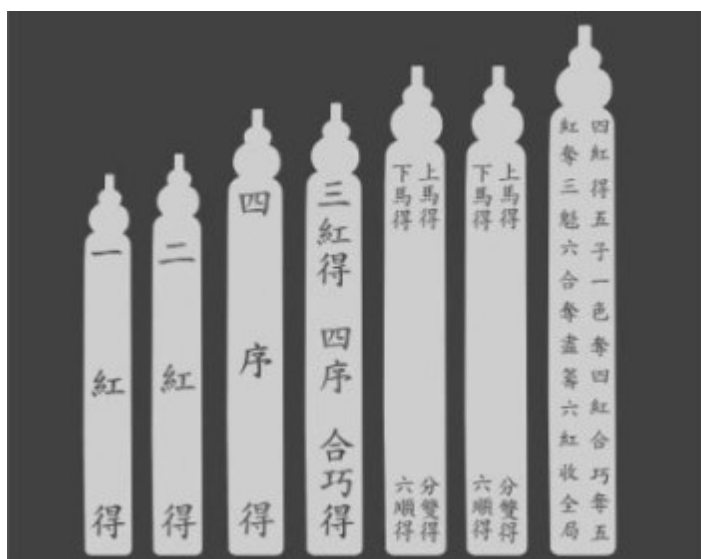
+ Thẻ *tú tài* dài 18,7 cm, rộng 1,9 cm; mặt trước khắc các chữ: 秀才 (*tú tài*) và 一注 (*nhất chú*: 1 điểm); mặt sau khắc các chữ: 一紅得 (*nhất hương đắc*: có *nhất hương* thì đoạt thẻ này). Các chữ khắc trên thẻ *tú tài* đều tô màu xanh dương.

+ Thẻ *cử nhân* dài 19,7 cm, rộng 2,2 cm; mặt trước khắc các chữ: 舉人 (*cử nhân*) và 二注 (*nhị chú*: 2 điểm); mặt sau khắc các chữ: 二紅得 (*nhị hương đắc*: có *nhị hương* thì đoạt thẻ này). Các chữ khắc trên thẻ *cử nhân* đều tô màu đỏ.



Chữ Hán khắc trên mặt trước bộ *xăm hương* của vua Tự Đức.

Đồ họa của Trần Nam Anh.



Chữ Hán khắc trên mặt sau bộ *xăm hương* của vua Tự Đức.

Đồ họa của Trần Nam Anh.

+ Thẻ *tiến sĩ* dài 21,9 cm, rộng 2,5 cm; mặt trước khắc các chữ: 進士 (*tiến sĩ*) bằng mực xanh và 四注 (*tứ chú*: 4 điểm) bằng mực đỏ; mặt sau khắc các chữ: 四序得 (*tứ tự đắc*: có *tứ tự* thì đoạt thẻ này). Chữ 四 và chữ 得 tô màu đỏ; chữ 序 tô màu xanh.

+ Thẻ *hội nguyên* dài 22,2 cm, rộng 2,5 cm; mặt trước khắc các chữ: 會元 (*hội nguyên*) bằng mực đỏ và 八注 (*bát chú*: 8 điểm) bằng mực xanh; mặt sau khắc các chữ: 三紅得 (*tam hường đắc*: có *tam hường* thì đoạt thẻ này) và 四序合巧得 (*tứ tự hợp xảo đắc*: có *tứ tự cấp* thì đoạt thẻ này). Các chữ 三, 得 và 合, 得 tô màu xanh; các chữ 紅, 四序 và 巧 tô màu đỏ.

+ Thẻ *thám ba* dài 24 cm, rộng 2,8 cm; mặt trước khắc các chữ: 探葩 (*thám ba*) và 十六注 (*thập lục chú*: 16 điểm); mặt sau, ở phía trên khắc các chữ: 上馬得下馬得 (*thượng mã đắc, hạ mã đắc*: có *thượng mã* hay *hạ mã* thì đoạt thẻ này), phía dưới khắc các chữ: 分雙得六順得 (*phân song đắc, lục thuận đắc*: có *phân song* hay có *lục thuận* thì đoạt thẻ này). Các chữ Hán khắc trên cả hai mặt được tô bằng mực xanh và mực đỏ xen kẽ nhau.

+ Thẻ *Bảng nhãn* dài 24 cm, rộng 2,8 cm; mặt trước khắc các chữ: 榜眼 (*bảng nhãn*) và 十六注 (*thập lục chú*: 16 điểm); mặt sau, ở phía trên khắc các chữ: 上馬得下馬得 (*thượng mã đắc, hạ mã đắc*: có *thượng mã* hay *hạ mã* thì đoạt thẻ này), phía dưới khắc các chữ: 分雙得六順得 (*phân song đắc, lục thuận đắc*: có *phân song* hay có *lục thuận* thì đoạt thẻ này). Các chữ Hán khắc trên cả hai mặt được tô bằng mực xanh và mực đỏ xen kẽ nhau.

+ Thẻ *trạng nguyên* dài 26 cm, rộng 3,2 cm; mặt trước khắc các chữ: 狀元 (*trạng nguyên*) bằng mực đỏ và 三十二注 (*tam thập nhị chú*: 32 điểm) bằng mực xanh đỏ xen kẽ nhau; mặt sau khắc 26 chữ Hán, phân làm 2 dòng, mỗi dòng 13 chữ: 四紅得五子一色奪 (*tứ hường đắc, ngũ tử nhất sắc* đoạt, *tứ hường hợp xảo* đoạt, *ngũ hường* đoạt *tam khôi*, *lục hợp* đoạt *tận trừ*, *lục hường* *thu toàn cuộc*: có *tứ hường*, *ngũ tử*, *tứ hường cấp* thì đoạt thẻ này; có *ngũ hường* thì đoạt *tam khôi* (gồm cả thẻ này), có *lục hợp* đoạt hết thẻ, có *lục hường* đoạt *toàn bộ* thẻ và *thắng cuộc*). Các chữ Hán khắc trên mặt sau được tô bằng hai màu mực xanh đỏ xen kẽ nhau.

So với những bộ xăm hường khác hiện còn ở Huế, bộ xăm hường ở lăng Tự Đức có nhiều điểm khác biệt thật độc đáo và thú vị:

+ Thứ nhất, các chữ Hán khắc trên những thẻ xăm, ngoài việc định danh (*tú tài, cử nhân, trạng nguyên...*) và định giá (*nhất chú, nhị chú, tam thập nhị chú...*), còn cho biết cách thức đoạt từng loại thẻ như: *nhất hường đắc, tứ tự đắc, thượng mã đắc, hạ mã đắc...*, đặc biệt, chiếc thẻ *trạng nguyên* đã liệt kê đến sáu trường hợp để đoạt được thẻ này.

+ Thứ hai, các chữ Hán khắc trên từng loại thẻ có màu sắc khác nhau: có thẻ dùng toàn màu xanh như thẻ *tú tài*; có thẻ dùng toàn màu đỏ như thẻ *cử nhân*; có thẻ dùng xen kẽ hai màu xanh đỏ nhưng trật tự dùng màu trên mỗi loại thẻ không giống nhau, ví dụ thẻ *thám ba* có chữ đầu tiên tô màu xanh, nhưng thẻ *bảng nhãn* thì chữ đầu tiên tô màu đỏ, trong khi thẻ *trạng nguyên* thì cả hai chữ đều tô màu đỏ.

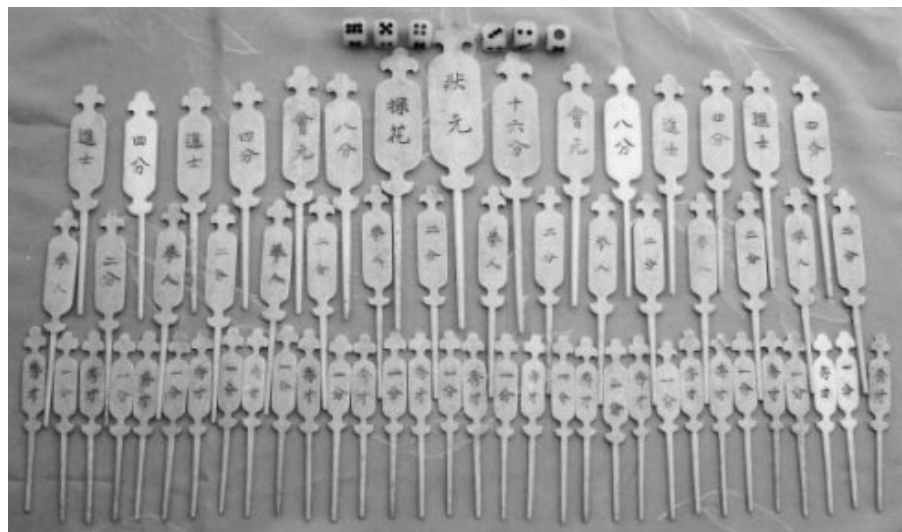
+ Đặc biệt, thay vì dùng chữ 探花 (*thám hoa*) như những bộ xăm hương khác, thì bộ xăm hương của vua Tự Đức khắc chữ 探葩 (*thám ba*). Nguyên nhân việc này là do kỵ húy Tá Thiên Nhân hoàng hậu Hồ Thị Hoa, vợ vua Minh Mạng, mẹ vua Thiệu Trị và là bà nội của vua Tự Đức, nên mới đổi 花 thành 葩, trong khi các bộ xăm hương khác, kể cả bộ xăm hương ở phủ thờ công chúa Ngọc Sơn, con vua Đồng Khánh (sẽ đề cập dưới đây), đều khắc hai chữ 探花. Điều này cho thấy việc kỵ húy dưới triều Tự Đức rất nghiêm ngặt và chứng tỏ đây là món xăm hương dành cho vua và hoàng gia giải trí.

Ngoài ra, chiếc hộp đựng xăm cũng chứa đựng nhiều điều thú vị. Lòng chiếc hộp chia làm năm ngăn, để chứa năm nhóm thẻ khác nhau: *tú tài*, *cử nhân*, *tiến sĩ*, *hội nguyên* và *tam khôi* (gồm ba thẻ: *trạng nguyên*, *bảng nhãn*, *thám hoa*). Đặc biệt, trong lòng chiếc hộp lớn còn chứa một chiếc hộp nhỏ, nằm ở bên trái, sát đáy chiếc hộp. Chiếc hộp này dùng đựng các hột súc sắc, có thể đẩy vào, mở ra dễ dàng và được bố trí rất kín đáo và hài hòa với hình dáng của chiếc hộp đựng thẻ xăm.

Có thể nói rằng bộ xăm hương này là một vương bảo của triều Tự Đức, một vật còn lưu lại trên đất cổ đô.

BỘ XĂM HƯƠNG Ở PHỦ THỜ CÔNG CHÚA NGỌC SƠN

Tại phủ thờ công chúa Ngọc Sơn còn lưu giữ một bộ xăm hương bằng ngà voi, là bảo vật của phò mã Nguyễn Hữu Tiễn. Bộ xăm hương này đã bị mất bốn thẻ, gia chủ đã cho làm lại bốn thẻ khác bằng xương thú để thay thế cho những thẻ đã mất.



Bộ xăm hương ở Ngọc Sơn công chúa từ đường.

Ảnh: Trần Đức Anh Sơn.

Những chiếc thẻ giống nhau về hình dáng nhưng khác nhau về kích thước. Thẻ xăm tạo dáng như chiếc biển hiệu dùng trong đội nghi trượng phò vua, với phần thân hình bầu dục, hai đầu tạo hình chiếc khánh, tiếp theo là phần cán chuốt tròn, thon dần về cuối. Tất cả chữ Hán trên thẻ đều được khắc chìm và tô màu đỏ. Cụ thể như sau:

- + Thẻ *tú tài*: mặt trước khắc 2 chữ: 秀才 (*tú tài*); mặt sau khắc 2 chữ: 一分 (*nhất phân*: 1 phần).
- + Thẻ *cử nhân*: mặt trước khắc 2 chữ: 舉人 (*cử nhân*); mặt sau khắc 2 chữ: 二分 (*nhị phân*: 2 phần).
- + Thẻ *tiến sĩ*: mặt trước khắc 2 chữ: 進士 (*tiến sĩ*); mặt sau khắc 2 chữ 四分 (*tứ phân*: 4 phần).
- + Thẻ *hội nguyên*: mặt trước khắc 2 chữ: 會元 (*hội nguyên*); mặt sau khắc 2 chữ 八分 (*bát phân*: 8 phần).
- + Thẻ *thám hoa*: mặt trước khắc 2 chữ: 探花 (*thám hoa*); mặt sau khắc 3 chữ 十六分 (*thập lục phân*: 16 phần).
- + Thẻ *bảng nhãn*: mặt trước khắc 2 chữ: 榜眼 (*bảng nhãn*); mặt sau khắc 3 chữ 十六分 (*thập lục phân*: 16 phần).
- + Thẻ *trạng nguyên*: mặt trước khắc 2 chữ: 狀元 (*trạng nguyên*); mặt

sau khắc 4 chữ 三十二分 (*tam thập nhị phân*: 32 phần).

So với bộ xăm hường của vua Tự Đức, bộ xăm hường này có kích thước khiêm tốn hơn, chữ Hán khắc trên các chiếc thẻ ít hơn, nghĩa các chữ Hán thì đơn giản và chỉ tô màu đỏ. Đặc biệt, trong khi giá trị của các thẻ xăm trong bộ xăm hường ở lăng Tự Đức được tính bằng 注 (*chú*: nghĩa là *điểm* hay *tiền*), thì giá trị của các thẻ xăm trong bộ xăm hường ở Ngọc Sơn công chúa từ đường chỉ được tính bằng 分 (*phân*: nghĩa là *phần* hay *xu*). Phải chăng bộ xăm hường dành cho vua và hoàng gia chơi thì giá trị mỗi thẻ xăm được định giá cao hơn so với giá trị của các thẻ xăm dành cho các cuộc chơi của thần dân?

Trên đây là hai trong số những bộ xăm hường cổ còn lưu lại trên đất thần kinh. Đó là những cổ vật của một thời vàng son ở Huế; là những vật chứng sống động về một trò chơi tao nhã mà người dân xứ cố đô ưa chuộng. Ngày nay, du khách đến Huế có thể tìm mua các bộ xăm hường trong chợ Đông Ba hay trong các cửa hàng mỹ nghệ. Thời thế đổi thay, những bộ xăm hường hiện đại thường được làm bằng xương thú, kích thước, văn tự vẫn như xưa nhưng hình thức trang trí thì sắc sảo hơn, màu mè hơn và cái hồn xưa dường như không còn nữa.

Trò xưa còn đó, nhưng hồn xưa đã mất. Thế mới thấy càng thêm trân quý những gì xưa cũ sót lại nơi miền đất Hương Bình, mà hai bộ xăm hường kia là những minh chứng đầy thú vị.

Phụ lục 5B

Bảng tính điểm trò chơi Xăm Hường

Bảng A: BẢNG TÍNH ĐIỂM DỰA TRÊN MẶT TỬ

Tên gọi	Mô tả	Thẻ đoạt được	Điểm số
Nhất hướng	Có 1 mặt tử trong 6 mặt	1 thẻ <i>tử tài</i>	1 điểm
Nhị hướng	Có 2 mặt tử trong 6 mặt	1 thẻ <i>cử nhân</i>	2 điểm
Tam hướng	Có 3 mặt tử trong 6 mặt	1 thẻ <i>hội nguyên</i> (còn gọi là thẻ <i>hoàng giáp</i>)	8 điểm
Tứ hướng	Có 4 mặt tử trong 6 mặt	Thẻ <i>trạng nguyên</i> (còn gọi là <i>trạng anh</i>)	32 điểm ¹
Ngũ hướng	Có 5 mặt tử trong 6 mặt	Đoạt <i>tam khôi</i> , gồm 3 thẻ: <i>trạng nguyên</i> , <i>bảng nhãn</i> , <i>thám hoa</i> (thẻ <i>bảng nhãn</i> và thẻ <i>thám hoa</i> còn gọi là <i>trạng em</i>)	64 điểm ² $(32+16+16) = 64$
Lục phú hướng	Cả 6 mặt đều là mặt tử	Đoạt tất cả các thẻ dù các thẻ này đã có người đoạt trước rồi nhân gấp đôi tổng số điểm	384 điểm $[32+(2 \times 16)+(4 \times 8) + (8 \times 4)+(16 \times 2) + (32 \times 1)] \times 2 = 384$

¹. Trường hợp này hơn nhau tùy thuộc 2 mặt còn lại. Nếu cộng 2 mặt còn lại được 4 điểm gọi là *tứ hướng hợp hảo* (hay *tứ hướng cáp*), do chữ 合 (*hợp*, còn có âm khác là *cáp*), là đơn vị đo trọng lượng, nên trong chữ Nôm, *cáp* có nghĩa là “vốc, nắm”.

Trong các trường hợp này, xếp hạng cao nhất khi hai mặt còn lại là 2 mặt

nhị, gọi là *tứ hường cấp chính*; hạng tiếp theo là trường hợp 2 mặt còn lại gồm 2 mặt tam và 2 mặt nhất, gọi là *tứ hường cấp xiên*.

Thứ bậc các hạng còn lại như sau: 4 mặt tứ + 2 mặt lục; 4 mặt tứ + 1 mặt lục + 1 mặt ngũ; 4 mặt tứ + 2 mặt ngũ; 4 mặt tứ + 1 mặt lục + 1 mặt tam; 4 mặt tứ + 1 mặt lục + 1 mặt nhị... (hạ điểm dần dần). Trừ trường hợp *tứ hường hợp hảo* là hạng cao nhất, rất khó bị *cướp trạng*, các trường hợp *tứ hường* khác, nếu người đỗ được *tứ hường* sau nhưng có tổng điểm của 2 mặt còn lại lớn hơn tổng điểm của người đỗ được *tứ hường* trước đó, thì được *cướp trạng* của người đoạt trước. Nếu người đỗ được *tứ hường* sau, có tổng điểm 2 mặt còn lại nhỏ hơn tổng điểm của người đỗ được *tứ hường* trước đó, thì được đoạt các thẻ còn lại giữa cuộc chơi có tổng điểm tương đương với điểm của thẻ *trạng nguyên*.

2. Trường hợp này hơn nhau tùy mặt còn lại. Nếu là *mặt nhất*, thì gọi là *ngũ hường đôi ẩn* (*ngũ hường* đôi ẩn màu đỏ, tức *mặt nhất*), xếp hạng cao nhất. Thứ bậc các hạng tiếp theo khi mặt còn lại lần lượt là: *lục*, *ngũ*, *tam* và *nhị*.

Bảng B: BẢNG TÍNH ĐIỂM DỰA TRÊN CÁC MẶT NGOÀI MẶT TỨ

Tên gọi	Mô tả	Thẻ đoạt được	Điểm số
<i>Tứ tự</i>	Có 4 mặt giống nhau trong 6 mặt	1 thẻ <i>tiến sĩ</i>	4 điểm
<i>Tứ tự nhất hường</i>	Có 4 mặt giống nhau và có thêm 1 mặt tứ	1 thẻ <i>tiến sĩ</i> + 1 thẻ <i>tứ tài</i>	5 điểm (4+1)
<i>Tứ tự nhị hường</i>	Có 4 mặt giống nhau và có thêm 2 mặt tứ	1 thẻ <i>tiến sĩ</i> + 1 thẻ <i>cử nhân</i> (hoặc 2 thẻ <i>tứ tài</i>)	6 điểm (4+2) hoặc (4+1+1)
<i>Tứ tự hợp hảo (Tứ tự cấp)</i>	<i>Tứ tự cấp xiên</i> Có 4 mặt giống nhau; 2 mặt còn lại có tổng điểm bằng các mặt kia ³	Thẻ <i>bảng nhân</i> hay thẻ <i>thăm hoa</i>	16 điểm
	<i>Tứ tự cấp chính</i> Có 4 mặt giống nhau; 2 mặt còn lại giống nhau và có tổng số điểm bằng 1 trong 4 mặt kia ⁴	1 thẻ <i>bảng nhân</i> hay 1 thẻ <i>thăm hoa</i> + 1 thẻ <i>hội nguyên</i>	24 điểm

Tên gọi	Mô tả	Thẻ đoạt được	Điểm số
<i>Ngũ tử</i>	Có 5 mặt giống nhau	Thẻ <i>trạng nguyên</i>	32 điểm ⁵
<i>Lục hợp (lục phủ)</i>	Có 6 mặt giống nhau	Đoạt toàn bộ các thẻ	192 điểm $32 + (2 \times 16) + (4 \times 8) + (8 \times 4) + (16 \times 2) + (32 \times 1)$
<i>Phân song</i>	6 mặt phân đôi, mỗi bên có 3 mặt như nhau	Thẻ <i>bảng nhân</i> hoặc thẻ <i>thăm hoa</i>	16 điểm
<i>Phân song tam hường</i>	Như <i>phân song</i> , nhưng 3 mặt còn lại là 3 mặt tứ	Thẻ <i>bảng nhân</i> hoặc thẻ <i>thăm hoa</i> , + 1 thẻ <i>hội nguyên</i>	24 điểm (16+8)

Tên gọi	Mô tả	Thẻ đoạt được	Điểm số
<i>Thượng Mã</i>	Có 3 cấp: <i>tứ tử</i> , <i>ngũ ngũ</i> , <i>lục lục</i>	Thẻ <i>bảng nhân</i> hoặc thẻ <i>thăm hoa</i>	16 điểm
<i>Hạ mã</i>	Có 3 cấp: <i>nhất nhất</i> , <i>nhị nhị</i> , <i>tam tam</i>	Thẻ <i>bảng nhân</i> hoặc thẻ <i>thăm hoa</i>	16 điểm
<i>Lục thuận (suốt)</i>	Có cả 6 mặt: <i>nhất</i> , <i>nhị</i> , <i>tam</i> , <i>tứ</i> , <i>ngũ</i> , <i>lục</i>	Thẻ <i>bảng nhân</i> hoặc thẻ <i>thăm hoa</i>	16 điểm

3. *Tứ tự cấp xiên* có 3 trường hợp sau: 4 mặt ngũ + 1 mặt tam + 1 mặt nhị (vì tam + nhị = ngũ); 4 mặt tam + 1 mặt nhị + 1 mặt nhất (vì nhị + nhất = tam); 4 mặt nhất + 1 mặt lục + 1 mặt ngũ (vì lục + ngũ = thập nhất => nhất).

4. *Tứ tự cấp chính* có 3 trường hợp sau: 4 mặt lục + 2 mặt tam (vì 2 tam = lục); 4 mặt nhị + 2 mặt nhất (vì 2 nhất = nhị); 4 mặt nhị + 2 mặt lục (vì 2 lục = thập nhị => nhị).

5. Thứ hạng của các trường hợp ngũ tử lần lượt là: 5 mặt giống nhau + 1 mặt nhất; 5 mặt giống nhau + 1 mặt tứ; 5 mặt giống nhau + 1 mặt lục; 5 mặt giống nhau + 1 mặt ngũ; 5 mặt giống nhau + 1 mặt tam và 5 mặt giống nhau + 1 mặt nhị. Trường hợp ngũ tử có 5 mặt giống nhau + 1 mặt nhất được gọi là ngũ tử đài ấn, là hạng cao nhất. Thẻ trạng nguyên đoạt được bởi ngũ tử đài ấn chỉ bị cướp trạng khi người đỗ sau đó được ngũ hường, lục hợp hay lục phủ hường.

Phụ lục 6

Các trò chơi của trẻ em xứ Huế

Người viết: Trần Tuấn Anh

Các trò chơi truyền thống của trẻ em ở Huế là sự tiếp thụ có chọn lọc các trò tiêu khiển, giải trí có nguồn gốc từ cư dân đồng bằng Bắc Bộ theo chân những lớp người Nam tiến du nhập vào vùng đất Hóa Châu xưa. Trong quá trình sinh tồn ở vùng đất mới, những trò chơi được điều chỉnh cho phù hợp với không gian văn hóa, khí hậu, vụ mùa... tạo nên sự sống động hấp dẫn và thu hút các thành phần tham gia. Các trò chơi phổ biến ở vùng Huế thường mang tính thời vụ và không ngừng gia tăng do sự hiếu kỳ, tinh thần sáng tạo và nhu cầu giải trí của trẻ em xứ Huế.

Đặc tính vụ mùa của trò chơi ở Huế khá rõ nét do nhiều nguyên nhân, trong đó yếu tố thời tiết của Huế lệch pha so với các vùng miền khác là yếu tố nổi trội. Đặc tính này đã chi phối không gian diễn tiến của hội hè mà theo đó các trò chơi thường được tổ chức phù hợp với không gian của nó. Có thể nhận thấy rằng, mùa xuân và mùa hạ là thời điểm tập trung nhiều trò chơi của trẻ em ở Huế do thời tiết khô ráo, mát mẻ thuận lợi cho việc tổ chức các trò chơi như: nặn đất sét, chơi ô làng (ô quan), trốn tìm, đánh đáo.... Bên cạnh đó, mùa này nhiều cây trái đơm hoa, kết hạt và cũng là mùa khai thác các sản vật địa phương... Đó là những nguồn nguyên liệu để các em sử dụng trong các trò chơi như: súng thụt (súng bắn hạt nổ), súng bắn vỏ nghêu, hay các trò chơi mang tính cộng đồng... Các trò chơi tiêu hao nhiều thể lực như nhảy dây, đá kiền, lò cò, kéo co, cướp cờ... thường được tổ chức vào mùa đông lạnh lẽo. Có một số trò chơi phải dựa vào điều kiện tự nhiên như thả diều, phải tiến hành vào lúc gió nhẹ hiu hiu để cánh diều bay lượn trên không trung mà không bị cuốn nhào vì lốc xoáy; hay trò chơi gà thường tổ chức vào mùa xuân, chơi đế vào mùa thu là những

mùa thích hợp cho các động vật ấy.

Trò chơi dân gian, truyền thống của trẻ em vùng Huế hội tụ những đặc điểm chung của các vùng miền: tính giải trí, tính văn hóa, tính quy tắc, tính giản đơn và tính đại chúng... Những đặc tính này vừa hòa quyện, đan xen vừa bổ trợ cho nhau trong mỗi trò chơi. Kết quả của trò chơi có ảnh hưởng quan trọng đến con người, làm cho con người cảm thấy vui vẻ, thoải mái, hưng phấn, thỏa mãn về mặt tinh thần...

NHỮNG TRÒ CHƠI KHÔNG PHÂN BIỆT GIỚI TÍNH

Bịt mắt bắt dê

Bịt mắt bắt dê là tên gọi của trò chơi tập thể của trẻ em, khi một người chơi bị bịt mắt và một người (hay nhóm người) làm dê để người bị bịt mắt tìm cách bắt cho được những người kia. Trò chơi này thường diễn ra trên một sân rộng từ 30 m² trở lên và có nhiều cách chơi khác nhau:

- Cách 1: Trước khi chuẩn bị cuộc chơi, một nhóm trẻ thường chọn một chiếc khăn đủ dài (có thể dùng khăn quàng của học sinh hoặc khăn tay) để bịt mắt người thua cuộc. Rồi vẽ một vòng tròn vừa đủ cho lượng người tham gia chơi, vòng tròn lớn hay nhỏ tùy theo số lượng người chơi. Sau đó các em thực hiện trò “êm phà” (còn gọi là “tay sấp - tay ngửa” hay “tay đen - tay trắng”) để lược bớt số người, hai người còn lại phải chơi “oản tù tì”, người thua phải bị bịt mắt.

Số người thắng làm dê vừa chạy quanh (bên trong) vòng tròn, vừa kêu be be và chọc ghẹo người bị bịt mắt (có thể sờ má, sờ vai, sờ tay, tai...) nhưng không để người bị bịt mắt bắt được mình cũng như không chạy ra khỏi vòng tròn. Nếu bị bắt, người chơi phải cố ngụy trang như kiểng chân, quỳ chân, khom người hay giả miệng méo... để người bị bịt mắt không đoán đúng tên mình.

Người bị bịt mắt phải nhanh nhẹn tìm bắt cho được một con dê (người chơi) và đoán đúng tên người vừa bị bắt. Nếu người bị bịt mắt đã bắt được và đoán đúng tên người vừa bị bắt thì người đó phải thế chỗ người bị bịt mắt và ngược lại. Nếu người bị bịt mắt chỉ bắt được người mà không đoán đúng tên thì trò chơi vẫn tiếp tục.

- Cách 2: Sau khi chơi trò “êm phà” hai người sau cùng phải chơi trò “oản tù tì”, người thắng làm dê còn người thua bị bịt mắt. Những người chơi nắm tay nhau thành một vòng tròn. Người làm

dê phải vừa chạy trong vòng tròn vừa kêu be be hay chọc ghẹo người bị bịt mắt nhưng cố tránh không để bị bắt đồng thời không được chạy ra khỏi vòng tròn nếu không sẽ bị bịt mắt.

Người bị bịt mắt phải nhanh chóng bắt cho được dê, con dê nào bị bắt thì ra khỏi vòng tròn. Một người khác phải vào làm dê và vòng tròn bị thu hẹp lại. Trò chơi tiếp tục cho đến khi bắt được hai con dê thì người bị bịt mắt được ra đứng làm vòng để cổ vũ cuộc chơi. Hai con dê vừa bị bắt phải chơi trò “oẳn tù tì” để tìm ra người bị bịt mắt.

Trốn tìm

Trò chơi trốn tìm, còn gọi là trò chơi năm mười, được các em tổ chức chơi vào ban ngày hoặc ban đêm, là trò chơi gồm một người đi tìm một hoặc nhóm người đi trốn. Trò chơi này còn có tên là trò năm mười vì khi chơi, người đi tìm phải úp mặt vào một điểm/vị trí nào đó (hoặc dùng tay bịt mắt) và đếm: 5, 10, 15, 20... cho đến 100, thì quay mặt lại (hoặc mở mắt ra) và đi tìm những người đi trốn.

Địa điểm để tổ chức trò chơi thường là nơi có nhiều điểm thuận lợi cho việc ẩn nấp như bụi cây, đồng rơm, góc nhà, góc vườn...

Trước khi chơi, một nhóm trẻ chọn một gốc cây, cột trụ hay bờ tường để quy định là nơi để người đi tìm, tức là người thua cuối cùng, trong các lần “êm phà” và “oẳn tù tì” phải úp mặt vào để đếm: 5, 10, 15, 20... và cũng là điểm mạng. Điểm mạng là nơi mà người đi tìm phải chạm tay vào sau khi phát hiện và gọi đúng tên người đi trốn và chỗ người đó đang trốn. Đây cũng là nơi mà người đi trốn khi bị gọi tên, phải nhanh chân rời khỏi chỗ ẩn nấp, chạy đến chạm tay vào điểm mạng, trước khi người đi tìm chạm tay vào đó, để được sống, nghĩa là có quyền đi trốn trong cuộc sau và được cứu một người khác.

Trước khi vào cuộc chơi, các em thường phải quy định phạm vi cho người đi trốn (tùy theo thời gian là ngày hay đêm và số người chơi), cách cứu người bị bắt (theo thứ tự hay tùy chọn) và khoảng cách của người đi trốn với người đi tìm.

Trò chơi bắt đầu bằng việc “êm phà”, rồi “oẳn tù tì” để lựa ra người thua cuộc, trở thành người đi tìm. Sau đó, người đi tìm úp mặt vào điểm mạng và bắt đầu đếm 5, 10, 15, 20... trong khi những người còn lại chạy đi trốn. Sau khi đếm đến 100, người đi tìm sẽ tìm cách phát hiện những người đi trốn. Khi phát hiện chỗ nấp và gọi đúng

tên của một người hay nhóm người đi trốn, người đi tìm phải chạy thật nhanh về để chạm tay vào điểm “mạng” và hô lớn: “mạng”, để báo cho những người đi trốn biết rằng họ đã bị phát hiện (trong trò chơi gọi là *chết*) để gọi người đi trốn ra khỏi nơi họ đang ẩn nấp.

Kết thúc một cuộc trốn tìm, nếu có số người chết nhiều hơn số người sống, thì người đi tìm trong cuộc trốn tìm đó sẽ trở thành người đi trốn trong cuộc chơi sau. Những người bị bắt trong cuộc trốn tìm mà không có người cứu, thì dựa vào nguyên tắc ai bị chết trước, tức bị phát hiện trước, sẽ trở thành người đi tìm cho cuộc chơi tiếp theo. Ngược lại nếu số người sống nhiều hơn số người chết thì người đi tìm phải tiếp tục vai trò đi tìm của mình trong cuộc chơi kế tiếp.

Trò chơi trốn tìm này còn có nhiều biến thể khác:

- *Trò năm mươi thu dép*: Cách chơi tương tự như trò chơi trốn tìm, nhưng người chơi không phải đi trốn mà mang dép của mình đưa cho người đi tìm, nhận diện, sau đó đem dép đi thu (giấu) ở một nơi kín. Người đi tìm phải đi tìm những chiếc dép và khi tìm ra dép thì phải đúng tên người sở hữu chiếc dép bị phát hiện ấy và đem về điểm mạng, hô lớn tên chủ nhân chiếc dép bị phát hiện. Cuộc chơi kết thúc khi người đi tìm phát hiện tất cả số dép đem thu. Sau đó, người có dép bị phát hiện đầu tiên sẽ trở thành người đi tìm trong cuộc chơi kế tiếp.

- *Trò năm mươi banh*: Là sự kết hợp giữa trò chơi trốn tìm với trò đá banh (bóng). Các em tham dự trò chơi vạch một vòng tròn và đặt một đặt quả banh ở giữa. Sau khi thực hiện các việc “êm phà” và “oản tù tì” để lựa ra người đi tìm, nhóm người đi trốn cử một đại diện đá quả banh bay thật xa khỏi vòng tròn rồi bắt đầu chạy trốn. Người đi tìm phải đi nhặt quả banh về đặt giữa vòng tròn, rồi mới bắt đầu quá trình tìm kiếm. Khi phát hiện ra người đi trốn, người đi tìm phải hô lớn tên người (hoặc nhóm người) cùng chỗ trốn của họ, rồi chạy nhanh về chạm vào quả banh ở giữa vòng tròn, miệng hô “mạng”. Nhóm người đi trốn bị phát hiện phải ra khỏi chỗ trốn. Trong trường hợp người đi tìm đã bắt được một số người đi trốn nhưng không giữ được quả banh trong vòng tròn, để một trong số những người đang trốn gần đó chạy ra đá banh văng khỏi vòng tròn, thì số người đã bị bắt sẽ được chạy trốn (được giải cứu tập thể) và người đi tìm phải trở lại tìm kiếm từ đầu; hoặc người đi tìm chưa tìm được người nào mà người đi trốn đã bí mật xuất hiện, đá quả banh văng ra khỏi vòng tròn thì người đi tìm phải nhanh chóng nhặt banh đặt vào trong vòng, rồi mới tiếp tục

đi tìm. Cuộc chơi kết thúc khi người đi tìm bắt được tất cả những người đi trốn mà vẫn giữ được quả banh trong vòng tròn. Lúc đó, người bị bắt đầu tiên sẽ phải làm người đi tìm trong cuộc chơi tiếp theo.

Ừ mọi

Trò chơi Ừ mọi còn có tên khác là Ừ òa. Khi chơi trò chơi này, người chơi luôn miệng kêu “ừ ừ” tựa như tiếng kêu của tàu bay. Mỗi lần “tàu bay”, tức người chơi, vào trận để đi bắt tù binh đối phương, chỉ được lấy hơi ba lần và cuối mỗi hơi phải kêu “òà” để đối phương biết là đã kết thúc một hơi.

Trên một khoảng sân rộng đã được kẻ ba đường thẳng song song, đường thẳng ở giữa được quy định làm biên giới, cách hai đường kia chừng 5 m. Hai nhóm chơi có số người chơi bằng nhau, đứng sau hai đường thẳng ở hai biên, tượng trưng cho trại quân của nhóm. Mỗi nhóm cử một người ra “oản tù tì” để chọn nhóm có quyền xuất quân trước.

Nhóm thắng trong trò “oản tù tì” (nhóm I) cử một người đi đến đường biên giới ở giữa, chuẩn bị sang lãnh thổ của đối phương (nhóm II) bắt người về làm tù binh. Người chơi phải hít một hơi thật dài và miệng liên tục kêu “ừ ừ” khi sang lãnh thổ của nhóm II. Sau ba hơi ừ, tàu bay phải nhanh chóng trở về lãnh thổ của mình bởi nếu không sẽ bị hết hơi và trở thành tù binh của đối phương.

Để bắt đối phương làm tù binh cho nhóm mình, tàu bay phải chạm được vào một hoặc nhiều người trong nhóm II và nhanh chóng trở về trước khi bị đối phương vây bắt.

Người bị tàu bay chạm vào sẽ về làm tù binh và đứng ở phía sau trại quân của nhóm I.

Khi tàu bay đối phương bay sang lãnh thổ của nhóm II, những người trong nhóm II tổ chức vây bắt không cho tàu bay trở về. Nếu sau ba hơi ừ mà tàu bay không thoát khỏi lãnh thổ của nhóm II thì sẽ bị bắt làm tù binh.

Ngược lại, nếu nhóm II vây bắt không thành công, để tàu bay thoát được về lãnh thổ bên kia, thì những người bị tàu bay chạm vào sẽ phải trở thành tù binh của nhóm I.

Để giải cứu tù binh, tàu bay nhóm kia phải sang lãnh thổ của đối phương và tìm cách chạm vào tù binh. Nếu có nhiều tù binh, thì các tù binh nắm tay nhau để tàu bay chạm vào một trong số các tù

binh, thì tất cả bọn họ coi như được giải cứu.

Sau khi thắng (bắt hết đối phương làm tù binh), phần thưởng của nhóm thắng là được nhóm thua cuộc công chạy nhiều vòng quanh sân chơi.

Kéo co

Kéo co là trò chơi để rèn luyện sức khỏe. Trò này có thể chơi khi có từ hai người trở lên.

- *Kéo co 2 người*: Vạch một đường thẳng để làm ranh giới, hai người đứng hai bên đường thẳng (chân không được chạm vạch). Hai người chơi đưa tay phải ra và nắm lấy nhau. Sau khi có hiệu lệnh, hai bên ra sức kéo. Bên nào kéo được đối phương sang khỏi đường vạch sẽ thắng.

- *Kéo co nhiều người*: Trên một sân rộng (tùy theo số lượng người tham gia) vạch một đường thẳng, hai đội chơi có số người bằng nhau, mỗi đội đứng một bên, xếp thành hàng dọc. Hai người đứng đầu đưa hai tay bắt chéo nhau (hoặc nắm tay nhau), các người đứng sau choàng tay vào bụng người đứng trước. Khi có hiệu lệnh, hai đội tập trung sức lực kéo đối phương về phía mình. Đội nào kéo được đối phương sang vạch là thắng. Nếu một trong hai đội không bắt tay chặt, để tuột tay khi kéo, xem như thua cuộc.

- *Kéo co dây*: Từ trò chơi kéo co, người chơi dùng một sợi dây thừng để các người chơi nắm vào rồi dùng sức kéo đối phương. Trò chơi kéo co dây cũng hấp dẫn không kém.

Trên khoảng sân rộng, vạch ba đường thẳng, mỗi đường cách nhau khoảng 0,5 m đến 1 m. Sợi dây thừng được thắt gút ba điểm hoặc được buộc thêm ba dải vải màu để làm dấu, trong đó, nút thắt chính giữa ứng với đường ranh giới được vạch ở giữa, hai nút thắt hai bên ứng với hai đường kẻ làm địa giới của hai đội. Hai đội đứng hai bên, người đứng đầu tay cầm vào dây thừng, không được cầm quá nút thắt gút hoặc dải vải buộc thêm, và chân không được quá đường kẻ; các người còn lại đứng xen kẽ, tay cầm vào dây thừng. Khi có hiệu lệnh, hai đội chơi dùng sức kéo đối phương, đội nào kéo được đối phương sang khỏi vạch giữa sẽ thắng.

Cướp cờ

Ở giữa sân chơi kẻ một vòng tròn đường kính từ 0,3 m đến 0,4 m để cắm (hoặc đặt) cờ. Hai bên điểm cắm cờ, cách khoảng 10 m, kẻ hai đường thẳng song song để làm địa giới mỗi bên. Một người

được chọn làm người điều khiển (trọng tài).

Hai đội chơi có số người bằng nhau, xếp hàng ngang và quy định số thứ tự theo từng cặp. Hai người đứng đối diện nhau có cùng một số thứ tự.

Sau khi nghe người điều khiển hô số thứ tự, người của hai phe cùng mang số ấy cùng chạy lên vị trí đặt cờ để tìm cách đoạt lấy cờ. Hai người vờn nhau chờ đối phương sơ hở thì đoạt cờ và mang về đội mình, tránh không để đối phương đuổi theo chạm vào người mình, trước khi mang cờ vượt qua vạch địa giới của mình. Nếu để đối phương đuổi theo và chạm vào người thì xem như đã thua trong lần cướp cờ ấy. Cứ sau một lượt xuất quân, cờ được mang trở lại đặt vào vòng tròn và tiếp tục cuộc tranh đua.

Trong trường hợp hai người đang rình nhau, người điều khiển có thể tăng cường thêm hoặc rút về các cặp đang chơi, thay bằng các cặp khác để trò chơi thêm hấp dẫn, gay cấn. Cũng có khi, người điều khiển cao hứng hô “tổng hội” thì cả hai bên có bao nhiêu quân cũng cho lên tham gia tranh cờ.

Về thưởng phạt, tùy theo giao ước, bên thua phải công bên thắng đi từ ranh giới của phe mình đến ranh giới phe đối phương rồi vòng trở lại từ 5 đến 10 lần.

Ném xiú

Trò ném xiú còn có tên gọi là chơi banh xú. Có hai cách chơi trò này:

- Cách 1: Trên sân chơi, kẻ một vòng tròn và một đường thẳng cách vòng tròn khoảng 4 m đến 5 m. Sau khi chơi trò “êm phà” để chọn người vào hai đội chơi với số lượng như nhau. Hai đội cử hai đại diện chơi “oản tù tì”. Đội thắng trong trò “oản tù tì” (đội I) sẽ bước về phía đường vạch thẳng để chuẩn bị đánh banh. Đội thua (đội II) đi về phía vòng tròn để chuẩn bị ném banh. Banh được làm bằng nhiều lớp giấy bọc vào nhau thành một khối cầu nhỏ bằng nắm tay, bên ngoài có buộc các sợi dây cao su để kéo dài tuổi thọ của trái banh.

Đầu tiên mỗi đội cử ra một người để chơi, người của đội II đứng trong vòng tròn có nhiệm vụ ném banh. Người của đội I đứng ở đường vạch để đánh banh. Khi banh được ném đến, người của đội I phải đánh banh văng thật xa và nhanh chóng chạy lên đứng trong vòng đếm từ 1 đến 20 (hoặc đếm 5, 10, 15... 100). Người vừa ném banh phải chạy đến nhặt banh để quay trở lại, vừa chạy vừa

tung hứng banh hoặc ném chuyên cho đồng đội để đồng đội ném vào người vừa đánh banh.

Nếu khi người của đội II đã nhặt banh trở về nhưng người đánh banh đã chạy về đến vạch an toàn thì đội I đã thắng một hiệp. Hai đội cử hai người khác tiếp tục cuộc chơi. Nếu khi người của đội II nhặt banh trở về và ném trúng người đánh banh đội I bị thua hiệp đó. Người vừa đánh banh phải rời khỏi đội của mình, đứng sang một phía khác. Hai đội cử hai người khác tiếp tục cuộc chơi.

Để cứu người vừa bị thua, trong lượt chơi tiếp theo, người của đội I phải đếm gấp đôi số lượng theo quy định. Trong trường hợp đội I có hai người bị bắt, thì người chơi tiếp theo phải đếm gấp ba số lượng theo quy định (đếm thêm số lượng của các người bị bắt)...

Nếu đội I không cứu được đồng đội và bị thua hết số người trong đội thì đội I sẽ trở thành đội ném banh và đội II là đội có quyền đánh banh.

Trong trường hợp người ném banh không tốt, người đánh banh có quyền không đánh và yêu cầu người ném thực hiện lại.

- Cách 2: Trên sân chơi, kẻ một vòng tròn và một đường thẳng cách vòng tròn khoảng 4 m đến 5 m. Sau khi chơi trò “êm phà” để lược bớt số người, hai người sau cùng chơi trò “oản tù tì”. Người thua phải lên vòng để ném banh. Nhóm thắng tiếp tục chơi trò “êm phà” và “oản tù tì” để chọn người đánh banh. Người thắng đến trước vạch, khi banh đến, người này có nhiệm vụ đánh banh bay thật xa và chạy lên vòng để đếm 5, 10, 15, 20... và nhanh chóng trở về ranh giới an toàn trước khi người nhặt banh quay trở lại. Tùy theo khoảng cách bay xa của trái banh mà người đánh banh có thể gọi thêm người tham gia cùng đếm với mình. Số lượng người tham gia tùy thích, có thể một, hai người hoặc nhiều hơn, đôi khi không có thêm ai tham gia.

Người ném banh phải chạy đi nhặt banh đem về, vừa chạy vừa tung hứng banh, tìm cách tiếp cận và ném banh vào những người đang đếm 5, 10, 15... ở trong vòng tròn. Nếu banh ném trúng người nào, thì người đó sẽ trở thành người ném banh và nhặt banh cho lượt chơi tiếp theo.

- Lưu ý: Người ném banh phải ném vừa tầm tay người đánh banh, nếu không sẽ phải thực hiện lại. Người ném banh khi nhặt banh mang về để ném vào người đánh banh phải nhanh chóng thực hiện, nhưng không được cầm banh trên tay mà phải vừa chạy vừa

tung và hứng banh. Nếu người ném banh quay trở về và ném không trúng người đánh banh, trong khi người này chưa đếm đủ số lượng theo quy định thì có thể nhặt lại banh và ném tiếp, trong lúc người đánh banh phải tiếp tục đếm cho đủ số lượng và nhanh chóng thoát khỏi vòng tròn trở về ranh giới an toàn.

Rước đèn và múa lân

Rước đèn và múa lân ở Huế thường diễn ra vào ngày rằm Trung thu (15 tháng Tám âm lịch). Từ những ngày đầu tháng Tám, thanh thiếu niên tụ tập nhau lại thành từng nhóm để góp tiền mua vật liệu làm đèn lân.

Con lân ở Huế có hai phần phân biệt rất rõ: đầu và đuôi. Đầu lân thường được làm khung bằng tre, bên ngoài dán giấy và sơn phết. Đuôi lân được làm bằng một dải vải rộng 70 đến 80 cm, dài từ 3 m đến 4 m; trên đó có may thêm nhiều miếng vải hình tam giác, biểu tượng cho các lớp vảy của lân. Đèn được làm từ những ống tre nhỏ, bên ngoài làm hình ngôi sao, hình mặt trăng, hay các con thú quen thuộc và được dán giấy màu. Những ngọn đèn này do các đội múa lân làm ra. Ngoài ra còn có thêm những cây đèn của những thanh thiếu niên đi theo đám múa lân góp vào.

Đêm rằm Trung thu, sau khi trời vừa chập tối, những người cầm đèn đi trước dẫn đường, phía sau là ông Địa, đôi lúc có thêm Tôn Ngộ Không và Trư Bát Giới; hai người múa lân gồm một người múa đầu và một người múa đuôi; đội biểu diễn trống, chiêng và xập xĩa, có thêm người vác chiếc thang tre để lân trèo lên ăn giải.

Khi đội lân đến nhà nào thì chiêng, trống và xập xĩa nổi lên, ông Địa chạy vào trước để làm trò, tiếp theo là lân vào nhà nhảy múa theo các bài bản có sẵn. Chủ nhà đem giải thưởng ra treo sẵn ở trên cao. Con lân vừa múa theo bài bản vừa tìm cách trèo cao để giải. Sau khi ăn giải, lân bái biệt và đoàn rước sang nhà khác.

Sau hai đêm rước đèn và múa lân, những người tham gia múa lân làm lễ liên hoan và mang đầu lân ra “tấu”, tức là đốt bỏ. Đến mùa lân năm sau, những người tham gia chơi lân lại góp sức và góp của làm đầu lân mới, chuẩn bị cho một dịp rằm Trung thu khác.

Cờ chồng

Cờ chồng là trò chơi sử dụng bộ cờ tướng để chơi, trong đó các quân cờ của người thắng chồng lên các quân cờ của người thua. Đây là một trong những trò giải trí để luyện trí nhớ, được cả trẻ em lẫn người lớn ưa thích.

Trò chơi này dùng cờ tướng gồm 32 quân cờ, chỉ khắc chữ trên một mặt. Số người chơi thường là số chẵn, hai hoặc bốn người.

Vào cuộc chơi, các em úp các quân cờ trên mặt chiếu hay mặt bàn, trộn đều, rồi xếp thành vòng tròn. Sau đó, các em sẽ “êm phà” hay “oản tù tì” để chọn người bốc cờ trước, cũng là người đi nước cờ đầu tiên.

Theo quy định, giá trị của các quân cờ theo thứ tự từ lớn đến nhỏ lần lượt là: tướng, sĩ, tượng, xe, pháo, mã, tốt. Nếu hai quân cờ đều cùng chức danh, thì quân cờ tô màu đỏ có giá trị lớn hơn quân cờ màu trắng. Ví dụ: tướng đỏ lớn hơn tướng trắng... Nếu trong một nước, các quân cờ xuất ra đều cùng chức danh, cùng màu, chẳng hạn đều là quân xe đỏ, thì quân cờ của em ngồi tay trên, tính theo chiều ngược chiều kim đồng hồ, sẽ được tính thắng quân cờ của em ngồi tay dưới.

Tùy theo giá trị và số lượng của từng quân cờ mà có những cách xuất quân khác nhau:

- Xuất từng quân một, áp dụng cho tất cả các quân cờ.
- Xuất từng đôi, áp dụng cho tất cả các quân cờ, trừ quân tướng.
- Xuất bộ tam (ba) áp dụng cho các bộ: *tướng-sĩ-tượng* và *xe-pháo-mã*.
- Xuất bộ tứ (bốn) và bộ ngũ (năm) dùng cho những quân tốt.

Trong quá trình chơi, em nào có quân cờ thắng, còn gọi là nổi, sẽ lật ngửa quân cờ ấy và chống lên quân cờ thua, đồng thời được quyền xuất nước cờ kế tiếp. Tàn cuộc cờ, em nào có nhiều quân cờ nổi sẽ là người thắng cuộc. Một ván cờ nếu chơi bốn em sẽ có hai em thắng (thắng nhất và thắng nhì) và hai em thua (thua nhì và thua nhất). Em thắng nhất sẽ ăn tiền/điểm của em thua nhất và em thắng nhì sẽ ăn tiền/điểm của em thua nhì.

Cờ cá ngựa

Dụng cụ chơi cờ cá ngựa là bộ cờ cá ngựa bốn màu (xanh, đỏ, vàng, tím) làm bằng nhựa, gồm 12 quân cờ, một bàn cờ bằng giấy và một hột súc sắc. Có bốn em cùng chơi, mỗi em chọn cho mình bộ gồm ba quân cờ đồng màu.

Vào cuộc chơi, các em phải đổ hột súc sắc để chọn người đi trước. Đó là người đổ ra được số điểm cao nhất trong sáu mặt súc sắc:

nhất, nhì, tam, tứ, ngũ, lục. Sau đó, em có số điểm cao nhất phải đổ ra mặt *nhất* hoặc mặt *lục* thì mới được xuất quân. Nếu không đổ được hai mặt này, quyền xuất quân sẽ thuộc về người nào đổ được mặt *nhất* hoặc mặt *lục* trước tiên.

Các quân cờ cá ngựa sau khi ra quân phải tiến quân theo chiều ngược chiều kim đồng hồ, theo các ô in trên bàn cờ. Các bước tiến quân này dựa vào số điểm hiện ra trên mặt súc sắc. Ví dụ: đổ được mặt *tam* sẽ được nhảy ba ô, đổ được mặt *lục* sẽ được nhảy sáu ô. Trên đường tiến quân, nếu em nào đổ súc sắc có số điểm bằng khoảng cách giữa quân cờ của mình với quân cờ của đối phương đang ở trước mặt thì có quyền đá ngã quân cờ đối phương để thay thế vào vị trí ấy. Quân cờ bị đá văng khỏi ô lập tức bị loại khỏi cuộc chơi, gọi là chết. Sau khi xuất quân, nếu em nào đổ được mặt *nhất* hoặc mặt *lục* thì có quyền đổ tiếp để khai triển các nước đi của mình.

Một người có thể xuất hai hoặc ba quân cờ trên bàn cờ trong cùng một ván, nhưng không được không xuất quân.

Người thắng cuộc là người đã xuất được nhiều quân cờ và về đích an toàn hoặc đã đá văng nhiều quân cờ của đối phương ra khỏi bàn cờ.

NHỮNG TRÒ CHƠI CỦA CÁC EM TRAI

Đá ngựa

Trên khoảng sân rộng, kẻ một vòng tròn đường kính từ 2 m đến 3 m. Sau đó, các em sẽ “oẳn tù tì” để lựa chọn các cặp chơi; mỗi cặp gồm hai em: một em cồng (ngựa) và một em đá. Em làm ngựa phải vòng ra sau lưng, hai tay bắt vào nhau, em kia leo lên lưng ngựa, một chân gấp lại, xỏ vào vòng tay của em làm ngựa; chân kia chìa ra ngoài dùng để đá đối phương.

Vào cuộc chơi, đại diện các cặp sẽ chơi trò “êm phà” để lựa ra hai cặp ngựa - đá xung trận trước tiên. Hai cặp được chọn phải tiến vào bên trong vòng tròn và ở trong tư thế sẵn sàng đợi lệnh nghênh chiến. Hiệu lệnh phát lên, hai cặp ngựa - đá xông vào nhau. Người cồng phải lựa thế thuận lợi để đồng đội cưỡi trên lưng mình có thể ra đòn đá ngã đối phương, hoặc làm cho đối phương buông ngựa hay hất văng đối phương ra khỏi vòng tròn, là giành chiến thắng. Phần thưởng cho cặp ngựa - đá thắng trận là được cặp ngựa - đá thua cuộc cồng chạy quanh sân đấu.

Nếu có nhiều cặp ngựa - đá cùng chơi thì các cặp sẽ luân phiên

nhau bước vào vòng tròn để đá. Cặp ngựa - đá thắng trong trận chung kết sẽ được kẻ chiến bại công nhiều vòng chạy quanh sân chơi.

Đá gà

Trên sân chơi các em kẻ một vòng tròn, đường kính 2 m, dùng làm đấu trường. Những người tham dự chơi trò “êm phà” để chia người chơi thành hai nhóm có số lượng như nhau.

Mỗi nhóm lần lượt cử một người vào vòng tròn làm gà để đá với gà của phe đối phương. Sau khi vào vòng, người chơi co một chân lên và dùng hai tay của mình để cầm chân, còn một chân nhẩy cò cò. Khi nghe hiệu lệnh, hai chú gà xông vào nhau, dùng đầu gối của chân co thúc vào đối phương. Chú gà nào thúc ngã hoặc đẩy được đối phương ra khỏi vòng tròn thì giành chiến thắng. Trong khi đá, các chú gà có thể dùng vai của mình để đẩy đối phương nhưng không được dùng tay. Kết thúc các lượt chơi, nhóm chơi nào có gà thắng nhiều hơn sẽ được nhóm thua công chạy quanh sân chơi.

Cưỡi ngựa ném cầu

Trên sân chơi, tùy theo số người tham gia, các em vẽ những vòng tròn đúng với số lượng các cặp chơi. Diện tích vòng chỉ đủ cho cặp chơi đứng bên trong. Cầu là quả bưởi non bằng nắm tay đã được lăn mềm, hoặc làm bằng giấy bồi (hay giấy báo) quấn lại, đôi khi là những trái banh tennis đã qua sử dụng. Sau khi “êm phà” để phân chia người chơi thành hai nhóm bằng nhau, các em tiếp tục chọn đại diện chơi “oản tù tì” để chọn người làm ngựa. Nhóm thua trong trò “oản tù tì” sẽ bước vào các vòng làm ngựa. Nhóm thắng được cưỡi lên lưng ngựa.

Sau khi lên ngựa, những người cưỡi ngựa phải ném quả cầu cho đồng đội theo chiều ngược chiều kim đồng hồ. Người ném phải ném thật chính xác để đồng đội bắt lấy quả cầu, tránh không cho cầu rơi xuống đất. Trong trường hợp đồng đội không bắt được cầu, những người còn lại trong nhóm cưỡi ngựa phải nhanh chóng rời lưng ngựa bỏ chạy. Trong khi đó nhóm làm ngựa phải nhanh chóng nhặt quả cầu, chuyển cho đồng đội để đồng đội ném vào những người cưỡi ngựa đang bỏ chạy. Nếu quả cầu ném trúng một người trong nhóm cưỡi ngựa thì lượt chơi kết thúc và nhóm cưỡi ngựa trong lượt chơi trước trở thành những chú ngựa cho đối phương cưỡi. Nếu quả cầu không ném trúng thành viên nào trong nhóm cưỡi ngựa và rơi xuống đất thì cả nhóm làm ngựa phải trở lại vòng tròn để tiếp tục làm ngựa. Những người ở nhóm làm

ngựa có thể không nhặt cầu để chuyển cho nhau mà có thể dùng chân lừa cầu để chuyển cho đồng đội nhặt lấy ném vào đối phương. Tuy nhiên, khi đã nhặt quả cầu lên tay, những người truy đuổi không được phép làm rơi cầu xuống đất. Nếu trong khi vây đuổi những người trong nhóm làm ngựa để cầu rơi khỏi tay rơi xuống đất, hoặc ném không trúng đích thì cả nhóm phải trở về vòng tròn, tiếp tục làm ngựa cho lượt chơi kế tiếp.

Đánh trận giả

Trò chơi đánh trận giả thường diễn ra trên những cánh đồng có nhiều gò đồi và cây cối. Các em thường chọn những vị trí thuận tiện cho việc ẩn nấp, có những vị trí quan sát tốt và có các chướng ngại vật giúp cho việc che chắn đội hình khi di chuyển hay tiếp cận mục tiêu. Vào trận, các em chơi trò “êm phà” để phân chia bạn chơi thành hai phe. Tâm điểm của chiến địa là vị trí cắm cờ, nơi có cắm một cành cây nhỏ. Vị trí này phải ở chính giữa trận địa, ở vào một vị trí thuận tiện cho việc quan sát của cả hai phe.

Bước vào cuộc chơi, hai phe cử đại diện tiến hành “oản tù tì” để lựa chọn lãnh thổ của mình. Sau khi nghe hiệu lệnh, hai phe nhanh chóng tỏa ra các ngả để trốn đối phương. Để trò chơi thêm hấp dẫn, các thành viên trong nhóm tự trang bị cho mình những vũ khí như: súng côn làm bằng những gốc tre; súng trường làm những chiếc gậy dài bằng tre hay cành cây...

Muốn thắng đối phương, người của các bên phải bắn trúng kẻ thù bằng cách gọi đúng tên đối phương và chỉ ra vị trí đối phương đang ẩn nấp, hoặc tìm cách áp sát đối phương để bắt sống, hay tiến lên cướp được lá cờ cắm ở vị trí trung tâm mà không bị đối phương phát hiện. Phe nào có người sống sót sau cùng, hoặc cướp được cờ trước là thắng trận. Phần thưởng cho nhóm thắng trận là được phe bại trận công chạy quanh trận địa.

Đá banh

Đá banh (bóng) là thú chơi không thể thiếu của các em trai. Banh có khi là quả bưởi hay quả thanh trà còn non, hoặc có khi được cuộn bằng giấy, bằng lá chuối khô, về sau được thay thế bằng banh nhựa hoặc banh da.

Các em thường chọn một khoảng sân rộng để chơi hay chơi trên những cánh đồng sau vụ gặt lúa. Việc phân chia lực lượng hai đội được tiến hành bằng trò “êm phà”. Sau khi phân bổ lực lượng cầu thủ cho cân bằng, mỗi đội sẽ lựa chọn một người làm thủ môn,

trong khi những người còn lại sẽ thay nhau đá ở các vị trí tiền đạo, tiền vệ và hậu vệ. Các đội tiếp tục cử đại diện thực hiện trò “oản tù tì” để chọn sân và giành quyền giao banh. Cầu môn được đánh dấu bằng hai tảng đất ruộng, hay bằng các cành cây, thậm chí là bằng giày dép, áo quần của cầu thủ hai đội và chỉ giới hạn bởi độ rộng cầu môn mà không giới hạn độ cao vì không có khung thành.

Sau khi giao banh, cầu thủ của hai đội lao lên phía trước để tìm cơ hội sút banh lọt vào cầu môn đối phương, hay lùi về để bảo vệ cầu môn của mình. Trận đấu luôn diễn ra sôi nổi cùng tiếng hò reo vang dậy cả sân banh. Tiếng hoan hô của người xem khi banh được chuyển chính xác cho đồng đội; tiếng xuýt xoa tiếc nuối khi đồng đội không sút được banh vào cầu môn đối phương; tiếng reo hò mỗi khi có cầu thủ ghi bàn... càng làm cho không khí cầu trường thêm phần rộn rã. Những trận banh của các em thường không có giờ giấc hạn định. Chúng đá banh đến lúc nào mệt thì nghỉ, hoặc đá cho đến khi mặt trời lặn, không còn nhìn rõ đường banh, không nhận diện được quân ta, quân địch thì giải tán. Phần thưởng cho đội thắng là những thứ trái cây mang theo hay những lông mía, trái dưa hái trộm trong vườn của người khác. Nếu không có vật chất làm giải thưởng, thì đội thắng được đội thua chiêu đãi một chầu cồng chày quanh sân banh.

Thả diều

Thả diều là thú chơi không thể thiếu của trẻ em xứ Huế, nơi vốn nổi tiếng về nghề làm diều và trò thả diều. Những con diều của các em nhỏ thường rất đơn giản, dễ làm như: diều cá đuối, diều thùng, diều thuyền... Các em có thể tự làm lấy mà không cần đến sự giúp đỡ của người lớn.

Muốn làm diều, trước tiên, các em lựa chọn các đoạn thân tre thẳng, ít mắt, có độ dài từ 0,6 m đến 1 m, chẻ thành các nan nhỏ, rồi vót tròn, rồi mang đi phơi. Việc tiếp theo là tìm kiếm những tờ báo cũ hay vỏ bao xi măng để tận dụng làm giấy bồi diều. Có giấy, các em sẽ thực hiện công đoạn tiếp theo là “ra” giấy và thiết kế khung sườn cho con diều. Tùy theo loại diều và khổ giấy mà các em làm ra các khung sườn thích hợp. Việc cuối cùng là bồi giấy vào sườn để tạo hình con diều. Nếu làm các loại diều cá thì phải rọc giấy và dán thành từng sợi dài để làm phần đuôi. Dùng dây gạc (tức dây cước) để làm dây căng, dây lèo và dây thả diều.

Những vị trí thường được chọn để thả diều là những khoảnh đất rộng ven sông, trên những cánh đồng trống sau vụ gặt, đặc biệt trẻ em sống ở nội đô thành Huế thường đem diều đến trước quảng

trường Ngọ Môn để thả. Khi điều bay lên, các em dõi mắt theo những cánh điều, vừa để thưởng ngoạn thành quả của mình, vừa để lèo lái con điều, tránh cho con điều bị mất thăng bằng hay rơi vào những vùng gió xoáy hoặc vướng vào cành cây, đường dây điện. Cánh điều càng bay cao, bay xa các em càng thích thú và chúng lại sáng tạo thêm một trò mới bằng việc làm những vòng giấy nhỏ, gọi là thư, để lồng vào sợi cước nhờ gió gửi đến với cánh điều.

Đánh bi

Trẻ em xứ Huế có hai cách đánh bi:

- *Bi vòng*: Là trò chơi bi trong một vòng tròn được kẻ trên một khoảng sân rộng, đường kính khoảng 2 m, trong đó có kẻ một vạch để làm điểm bắn và một điểm đặt bi cách điểm bắn chừng 0,7 m đến 1 m để các tay chơi bắn bi vào. Bi là những viên thủy tinh hình khối cầu, đường kính xấp xỉ 1,5 cm, các em gọi là bi ve, để phân biệt với những viên bi tự tạo bằng đá cuội mà thi thoảng các em vẫn dùng.

Những người chơi cầm viên bi ở cùng một độ cao và thả xuống đường kẻ của vòng tròn. Viên bi của người nào lăn xa đường kẻ nhất thì người đó phải nhặt viên bi của mình đặt vào điểm đặt bi cho các tay bi khác ngắm bắn. Người có bi nằm gần điểm bắn nhất sẽ giành được quyền bắn trước. Sau đó, các tay bi phải đưa bi về điểm bắn, rồi ngắm bắn vào viên bi đặt giữa vòng. Để thắng đối phương, người chơi phải bắn viên bi của người khác bật ra khỏi vòng tròn, trong khi phải tính toán để viên bi của mình vẫn ở trong vòng tròn. Làm được điều ấy sẽ giành được viên bi của đối phương. Ngược lại, nếu bắn trật bi của đối phương và viên của mình bị văng ra khỏi vòng thì phải chịu thua viên bi ấy cho đối phương và đến lượt mình phải đặt bi vào mục tiêu để đối phương ngắm bắn. Nếu một viên bi bắn trúng ba lần liên tiếp mà vẫn không bật ra khỏi vòng tròn thì người bắn không được quyền bắn tiếp. Trong trường hợp bi của người bắn và bi bị bắn cùng bật ra khỏi vòng thì cả hai viên bi này đều thuộc về người có lượt bắn kế tiếp.

Trường hợp có nhiều người chơi cùng đặt bi vào điểm mục tiêu và người bắn bi bắn trúng một, hai hay ba bi cùng một lúc và viên bi của mình vẫn còn ở trong vòng tròn, thì người ấy được quyền bắn tiếp. Trường hợp bi của người bắn trúng nhiều bi mà bi của người bắn ra khỏi vòng thì phần thắng được tính cho người có bi được chạm sau cùng.

- **Bí lỗ:** Các em cũng sử dụng những viên bi ve để chơi, nhưng khác nhau về hình thức và luật chơi. Trên khoảng sân nhỏ, các em dùng tay đào hai cái lỗ nhỏ, đường kính vừa lọt viên bi, cách nhau từ 2 m đến 3 m. Lỗ thứ nhất gọi là “lỗ thường”, lỗ thứ hai gọi là “lỗ cộp”.

Sau đó các em sẽ đứng thành một vòng tròn quanh “lỗ cộp”, tay cầm bi từ cùng một chiều cao và thả xuống lỗ. Em nào có viên bi lăn xa lỗ nhất sẽ phải bắn bi trước, rồi lần lượt đến các em tiếp theo. Khi bắn từ “lỗ cộp” về “lỗ thường”, em bắn bi sau bắn trúng bi của em bắn bi trước ít nhất một lần thì em này có quyền đưa bi vào “lỗ thường”. Sau khi đưa bi lọt vào lỗ thường, em đó dùng tay lấy viên bi lên và bắn tiếp vào bi của đối phương.

Trong trường hợp thực hiện hết các lượt bắn bi từ “lỗ cộp” về “lỗ thường” nhưng không bắn trúng bi của đối phương thì em bắn bi đầu tiên sẽ thực hiện lượt bắn thứ hai của mình. Em này phải bắn viên bi của mình chạm vào viên bi khác một lần trước khi tìm cách đưa bi vào “lỗ thường”. Sau khi lấy viên bi từ “lỗ thường” lên, em này tiếp tục bắn vào các viên bi của bạn chơi và bi của em phải chạm bi của hai bạn chơi khác hai lần, rồi mới được phép đưa bi vào “lỗ cộp”. Sau khi bi đã vào “lỗ cộp”, em này lấy bi lên và bắn vào bi đối phương. Viên bi nào bị bắn trúng sẽ chết, tức là viên bi này sẽ thuộc về người đã bắn trúng.

Đánh đáo

Đánh đáo là trò chơi rất phổ biến ở Huế. Trò này có nhiều cách chơi khác nhau:

- **Đánh đáo tường:** Trên sân chơi cần có bức tường phẳng, cách chân tường 3 m đến 4 m, các em kẻ một đường thẳng dài khoảng 3 m song song với bức tường, gọi là mức. Sát chân tường, kẻ thêm một ô vuông nhỏ, gọi là “tù”.

Những người tham gia chơi, ít nhất là hai người, đứng ở cạnh đường mức, cầm đồng xu đưa lên cao ngang nhau, rồi thả xuống đường mức. Em nào có đồng xu cách xa mức nhất sẽ bị đi trước. Em này cầm đồng xu ném vào tường, còn gọi là bắt chỉ, sao cho khi đồng xu bật ngược trở ra phải rơi càng gần mức càng tốt. Nếu đồng xu bật vượt ra khỏi mức, thì em này phải nhặt đồng xu bỏ vào trong “tù”. Các em khác sẽ lần lượt bắt chỉ đồng xu cho đến em cuối cùng. Sau khi tất cả các em đã thực hiện xong việc bắt chỉ cả nhóm sẽ xác định xem đồng xu của ai nằm gần mức nhất và thứ hạng của những đồng xu kế tiếp. Em có đồng xu ở gần mức nhất

sẽ được quyền ném trước. Em này cầm đồng xu của mình ném về phía đồng xu nằm gần mức thứ hai. Nếu ném trúng đồng xu ấy, thì em được ăn xu này và được quyền tiếp tục ném đồng xu nằm gần mức thứ ba, lần lượt như thế cho đến khi ăn hết tất cả các đồng xu của bạn chơi. Nếu ném không trúng đồng xu của bạn chơi, thì người ném sẽ mất lượt và người có đồng xu ở gần mức nhất vào thời điểm ấy sẽ được quyền nhặt đồng xu lên và lần lượt ném vào những đồng xu khác, theo thứ tự từ đồng xu nằm gần mức nhất cho đến đồng xu cuối cùng ở xa mức nhất. Trò chơi kết thúc khi các đồng xu đã bị ăn hết. Các em lại bước vào trò ném chỉ để bắt đầu lượt chơi mới.

- *Đánh đáo chỉ*: Còn gọi là trò chơi bắt chỉ. Trên sân các em kẻ một ô hình chữ nhật (3 m x 4 m) để giới hạn sân chơi, dùng một viên gạch kê nghiêng (khoảng 35°) để làm điểm bắt chỉ (còn gọi là *búng chỉ*, *khẻ chỉ* hoặc *ném chỉ*). Phía trước viên gạch kê một ô vuông làm “tù” và một đường chỉ đối diện để làm “mức”.

Các em tham gia trò chơi cầm đồng xu của mình, từ cùng một chiều cao thả xuống “mức”. Em nào có đồng xu ở xa “mức” sẽ phải bắt chỉ trước bằng cách cầm đồng xu búng khẻ vào viên gạch để đồng xu lăn tròn trên sân chơi sao cho đồng xu đến gần “mức” nhất. Nếu đồng xu ra khỏi “mức” thì phải nhặt về bỏ vào “tù”.

Sau khi tất cả các em đều thực hiện xong việc bắt chỉ, cả nhóm sẽ xác định xem đồng xu nào gần “mức” nhất và thứ tự các đồng xu nằm kế tiếp. Em có đồng xu gần “mức” sẽ được quyền ném trước. Đến đây thì trò chơi diễn ra tương tự như trò đánh đáo tường, tức là em này cầm đồng xu của mình ném về phía đồng xu nằm gần “mức” thứ hai. Nếu ném trúng đồng xu ấy, thì em được ăn xu này và được quyền tiếp tục ném đồng xu nằm gần “mức” thứ ba, lần lượt như thế cho đến khi ăn hết tất cả các đồng xu của bạn chơi. Nếu ném trật thì mất lượt vào tay người kế tiếp.

Đánh căn

Trò chơi đánh căn còn có tên gọi khác là căn cù. Dân gian có câu “căn cù u trán” để nói về trò này. Trò này có thể chơi khi có hai người trở lên.

Trên sân chơi, các em đào một cái lỗ dài chừng 10 cm, rộng 3 cm, sâu từ 3 cm đến 5 cm. Cách lỗ 1 m kẻ đường chỉ để giới hạn chỗ đứng của người đánh căn.

Căn là khúc gỗ chuốt tròn hoặc đoạn tre có đường kính khoảng

2,5 cm, dài 35 cm đến 40 cm. Cù cũng tương tự như căn về chất liệu, đường kính nhưng chỉ dài bằng nửa căn.

Sau khi chơi trò “êm phà” để chọn ra hai nhóm chơi, các nhóm sẽ cử đại diện để the, tức là dùng căn để tung hứng cù. Em nào tung hứng cù được nhiều lần hơn thì đội của em được quyền đánh căn trước và nhóm kia sẽ phải là những người bắt cù.

Sau khi phân định được nhóm đánh căn và nhóm bắt cù, cả hai nhóm bắt đầu vào trận. Trước tiên, nhóm đánh căn phải thực hiện trò mức cháo bằng cách để cù nằm ngang trên miệng lỗ và dùng căn hất mạnh làm cho cù bay đi thật xa. Trong khi đó nhóm bắt cù phải tìm cách bắt (chụp) cho được con cù. Nếu người trong nhóm này dùng hai tay để bắt được cù thì người đánh căn mất quyền đánh tiếp; nếu dùng một tay để bắt được thì cả nhóm đánh căn sẽ mất quyền đánh căn. Nếu nhóm bắt cù không bắt được cù thì nhóm kia sẽ đặt căn nằm ngang sau lỗ nhưng không quá chiều dài một căn. Trong khi đó, nhóm bắt cù phải tìm nhặt cù và đứng ngay tại điểm rơi của cù để ném cù về phía căn. Nếu cù ném trúng căn, nhóm đánh căn sẽ cử người khác tiếp tục mức cháo và tiến trình trò chơi diễn ra như trước. Nếu cù không ném trúng căn nhóm đánh căn sẽ bắt đầu thực hiện việc đánh căn.

Người đánh căn để cù nằm dọc theo lỗ, một đầu cù chìm xuống đáy lỗ, đầu kia nhô lên cao hơn mặt đất, sau đó dùng căn gõ vào đầu cù để cù nảy lên cao. Khi cù bật lên, người đánh căn phải nhanh chóng dùng căn đánh mạnh vào cù để cù bay càng xa càng tốt. Trong khi đó, nhóm bắt cù phải phân công nhau đón lỗ hướng bay của cù để bắt. Nếu người trong nhóm bắt cù dùng hai tay để bắt được cù, thì người đánh căn mất quyền đánh tiếp và nhóm đánh căn phải cử người khác đánh tiếp; nếu bắt được cù chỉ bằng một tay thì cả nhóm đánh căn sẽ mất quyền đánh căn và quyền đánh căn sẽ thuộc về đối phương. Nếu nhóm bắt cù không bắt được cù thì nhóm đánh căn sẽ cử người dùng căn để đo khoảng cách từ lỗ đánh căn đến điểm rơi của cù. Một đoạn dài bằng chiều dài của căn được tính 5 điểm. Khoảng cách càng dài thì số điểm càng lớn. Thông thường các em chỉ đo để tính điểm một lần. Những lần sau các em sẽ ước lượng khoảng cách để hô điểm. Trong trường hợp nhóm bắt cù nghi ngờ người đánh căn hô điểm cao hơn thực tế, họ có quyền yêu cầu đo khoảng cách thực tế giữa điểm rơi của cù và lỗ đánh căn để tính điểm lại. Nếu sau khi đo và xác định số điểm đã hô cao hơn số điểm thực tế thì nhóm đánh căn chịu thua sớm, nhưng nếu số điểm đã hô bằng hoặc ít hơn số điểm thực tế thì nhóm đánh căn được giành quyền thắng ngay lập tức. Thắng theo kiểu này gọi là ăn đèn.

Sau khi hô điểm, người đánh căn tiếp tục các lượt đánh kế tiếp. Người này chỉ dừng lại khi đối phương bắt được chiếc cù và nhường quyền đánh căn cho đồng đội của mình; hoặc khi đối phương bắt được cù với chỉ một tay thì cả nhóm sẽ nhường quyền đánh căn cho đội bạn. Sau khi cả hai nhóm đều thực hiện xong cả hai nhiệm vụ đánh căn và bắt cù thì cả hai nhóm sẽ cộng điểm. Đội nào nhiều điểm hơn sẽ dành phần thắng. Có khi các em quy ước nhóm nào đạt đến một số điểm quy định trước thì nhóm đó sẽ dành phần thắng. Phần thưởng cho nhóm thắng là được nhóm thua công nhiều vòng quanh sân chơi.

Tán lon

Trò chơi tán lon ra đời muộn hơn các trò khác, chỉ sau khi xuất hiện việc uống sữa bò đóng hộp trên đất Huế. Vật dụng để chơi tán lon là lon sữa bò đã dùng hết và những chiếc dép của người chơi.

Vào cuộc chơi, các em kẻ một vòng tròn đường kính 30 cm - 40 cm. Cách vòng tròn khoảng 60 cm kẻ đường thẳng thứ nhất và cách vòng tròn 3 m đến 4 m kẻ đường thẳng thứ hai để làm “mức”. Các em dùng trò “êm phà” và trò “oản tù tì” để chọn ra người thua cuộc cuối cùng để làm người bị; hoặc dùng trò “đi chỉ” bằng cách cầm chiếc dép của mình đứng ở đường kẻ thứ nhất ném về “mức”, người nào có dép nằm xa đường mức nhất sẽ là “người bị”.

“Người bị” lên đứng ở đường thứ nhất và đặt chiếc lon vào vòng. Những người còn lại, gọi là “người tán”, sẽ đứng sau mức, dùng dép của mình nhắm chiếc lon để tán, tức là làm cho nó bật khỏi vòng tròn. Sau khi tán xong, “người tán” chạy về phía chiếc dép của mình và chờ đợi cơ hội nhặt dép của mình để tiếp tục tán lần hai. Nếu tán trúng lon bay xa vòng, “người tán” phải nhanh chóng chạy về mức và tránh không để người bị chạm vào mình.

“Người bị” phải làm các động tác hù dọa và đuổi theo “người tán” để họ phân tâm và không tán trúng lon, đồng thời, phải nhanh chóng chạm tay vào “người tán” khi họ đã cầm dép, hoặc khi họ đã tán lon lần hai nhưng chưa chạy về đến mức, trong khi lon vẫn còn ở trong vòng tròn. Nếu lon bị tán đổ hoặc bị bật khỏi vòng tròn, thì “người bị” phải nhanh chóng nhặt lon đặt vào vòng tròn, rồi mới có thể đuổi theo để chạm vào “người tán” hay chạm vào chiếc dép đã tán lần hai. “Người tán” nào để “người bị” chạm được vào người hoặc chạm vào chiếc dép họ đã tán hai lần thì sẽ trở thành “người bị” cho lượt chơi tiếp theo.

Tán đồng xu

Trò này còn có tên gọi khác là tán chỉ, là trò chơi thể hiện sự khéo léo và chính xác.

Các em thường chọn một khoảng sân rộng, có bờ tường, rồi kẻ hai đường thẳng song song dài khoảng 1,5 m - 2 m, cách nhau khoảng 50 cm - 70 cm và cách bờ tường khoảng 50 cm. Từ đường kẻ thứ hai ở sát tường, kẻ thêm hai đường vuông góc với đường này, kéo dài đến chân bờ tường để giới hạn phạm vi của đồng xu bị tán bay đi. Trên hai đường này xác định hai điểm, cách đường chỉ thứ nhất khoảng 20 cm, gọi là tù, là nơi đặt những đồng xu của người tán đã văng ra khỏi phạm vi của hai đường kẻ dọc.

Cách đường chỉ thứ hai chừng 2 m hoặc 3 m, kẻ đường chỉ thứ ba, dài 30 cm có hai điểm giới hạn ở hai đầu, gọi là “mức”.

Các em cầm đồng xu của mình, từ cùng một độ cao, thả xuống chỉ mức. Em nào có đồng xu rơi gần “mức” nhất sẽ được làm cái. Các em còn lại phải xác định thứ tự đi chỉ “mức” theo nguyên tắc người nào có đồng xu cách xa chỉ “mức” nhất sẽ phải đi chỉ trước tiên, lần lượt như thế cho đến em làm cái là người đi “mức” sau cùng.

Các em sẽ tập trung sau đường chỉ thứ nhất, lần lượt tung đồng xu của mình về phía “mức”. Theo quy ước, nếu đồng xu của em đi “mức” sau thúc vào đồng xu của người đi “mức” trước và đẩy nó vượt qua khỏi “mức” thì sẽ được ăn (thắng) đồng xu đó và giành quyền làm cái. Nếu đồng xu của người đi sau chồng lên đồng xu của người đi trước, thì người có đồng xu nằm bên trên sẽ ăn được đồng xu ở dưới và dành quyền làm cái. Nếu có người đi sau khác phá được các đồng xu chồng nhau này thì người ấy sẽ được ăn tất cả các đồng xu ấy và sẽ làm cái.

Em làm cái nhặt tất cả các đồng xu lên, từ “mức” và ném về phía đường chỉ thứ nhất. Trong khi ném, nếu có đồng xu nào văng khỏi đường chỉ thứ nhất thì đồng xu ấy được gọi là “đãi” và người có đồng xu đãi ở gần chỉ thứ nhất sẽ được làm cái. Nếu không bị “đãi”, người làm cái sẽ dùng đồng xu của mình tán vào những đồng xu của bạn chơi sao cho các đồng xu ấy phải vượt qua đường chỉ thứ nhất và đường chỉ thứ hai, thì sẽ được ăn những đồng xu đó và có quyền tán tiếp. Nếu không tán được đồng xu nào vượt qua hai đường chỉ trên thì em đang làm cái sẽ mất lượt và nhường quyền làm cái cho em nào có đồng xu nằm gần đường chỉ thứ nhất.

Nếu người tán không tán được đồng xu của bạn chơi về vượt qua đường chỉ thứ nhất mà để đồng xu của mình bay ra khỏi giới hạn của hai đường chỉ dọc thì phải mang đồng xu của mình đặt vào tù để người kế tiếp tán. Nếu người tán không tán được đồng xu của bạn chơi vượt qua chỉ thứ hai mà để đồng xu của mình bị “trịt” (đồng xu không vượt qua được đường chỉ thứ hai) thì phải để cho bạn chơi tán đồng xu của mình. Nếu bị “trịt” ở đường chỉ thứ hai và bạn chơi tán đồng xu “trịt” vượt qua đường chỉ thứ hai thì sẽ thua gấp đôi, và nếu bị “trịt” ở đường chỉ thứ nhất và bạn chơi tán đồng xu “trịt” ấy vượt qua cả hai đường chỉ thì phải chịu thua gấp bốn.

Chọi gà

Chọi gà, còn gọi là đá gà, là thú tiêu khiển thú vị và thể hiện công lao chăm sóc, nuôi dưỡng gà của các em. Nhiều gia đình ở Huế có thói quen nuôi gà trong nhà. Khi đàn gà con mới ra ràn (bắt đầu có dấu hiệu tách đàn) các bé trai xin cha mẹ được chọn riêng cho mình một chú gà trống để chăm sóc và luyện tập theo chế độ riêng, đồng thời cắt tỉa lông để chú gà trở nên thật bắt mắt.

Hàng ngày, những chú gà được cho ăn, uống, tập luyện theo đúng chế độ để nâng cao sức khỏe, sự dẻo dai và rèn sự nhanh nhẹn. Vào ngày nghỉ, các em tụ tập với nhau, chọn những cặp gà do các em nuôi để tổ chức các trận chọi gà.

Trường gà là những bãi đất trống trong xóm, trong làng, Các em mang gà đến, chọn các cặp gà tương xứng về sức vóc, tuổi tác và cho chúng thi đấu. Trong những trận đấu gay cấn, tiếng hò reo, tiếng vỗ tay không ngớt khi có chú gà đá miếng đòn hay. Tên của những thể đá như: *ngang, hầu, khấu, sỏ, cáo*... luôn được các em hô to khi có chú gà ra đòn.

Khi chú gà của mình đá trúng đối thủ, sự vui sướng hiện lên trên nét mặt của chủ nhân. Đó là lúc mà công lao chăm sóc gà chọi và những hiểu biết về gà chọi các em được đền đáp xứng đáng.

Sau mỗi trận gà, các em lại mang gà về nuôi dưỡng, tắm bổ, luyện tập và hẹn nhau một thời gian sau sẽ tổ chức trận đấu khác.

Nuôi và chọi chim

Nuôi chim gian nan gấp nhiều lần nuôi gà nên cần sự bền tâm và khéo léo. Khi chọn chim nuôi, nếu là chim hót thì chọn họa mi, chích chòe... vì chúng có tiếng hót rất hay; nếu chọn chim đá thì các em thường nuôi chào mào, cu cu cu. Các chú chim được chọn

phải đáp ứng cả về tướng mạo, sắc lông, dị tướng, thứ đến, chúng cần phải được chăm sóc kỹ lưỡng.

Chim được nuôi dưỡng cẩn thận trong những lồng xinh xắn với thức ăn riêng biệt: chim cu phải cho ăn lúa và đậu; họa mi, chích chòe, chào mào thì cho ăn bột ngũ cốc trộn với trứng gà, bột cá... Ngoài ra, để chim luôn sung sức, cần cho ăn thêm châu chấu. Chim còn phải được tắm rửa và sưởi nắng thường xuyên.

Nuôi chim đã kỳ công, nhưng để có con chim đá (chọi) hay cần phải luyện tập theo chu kỳ nhất định, bồi dưỡng đúng thời gian và hạn chế cho chim nhìn thấy chim khác. Sau khi nuôi và luyện tập chim đúng độ, người nuôi chim phải chọn lúc chim có sức khỏe sung mãn nhất mới cho đá.

Khi tổ chức chọi chim, các em đưa hai lồng chim áp sát nhau, rồi mở cửa lồng để cho chim xông vào đá nhau, hoặc bắt hai con chim thả chung vào một lồng để chúng chọi nhau. Chim đá trong một lồng thường nhanh chóng phân thắng bại, bởi chúng xông vào cắn nhau và quần thảo chẳng khác gà đá. Những miếng đòn nạp, cắn, đập cánh... được sử dụng triệt để nên dễ làm hư chim. Vì thế sau mỗi trận chọi chim, các em phải tốn nhiều công sức dưỡng thương, chăm sóc chim theo chế độ đặc biệt để phục hồi sức khỏe cho chim, chờ đến lượt đấu tiếp theo.

Chọi đế

Chọi đế, còn gọi là đá đế, là trò chơi khá phổ biến đối với trẻ em. Những chú đế đá thường là đế than (màu nâu sẫm) được đông đảo trẻ em tìm kiếm bởi chúng đá hay và lì. Đế thường sống ở các khu vực ẩm thấp, nhiều góc ngách. Đế có thói quen kêu “tắt... tắt” và đó là tín hiệu cho các em nhận biết được chỗ ẩn nấp của chúng. Sau khi đào bắt được đế, các em nhốt chúng trong những chiếc lon sữa rỗng có nắp và lỗ thông khí, cùng với một ít cỏ để cho đế ăn.

Khi chọi đế, các em thả hai chú đế vào cùng một chiếc lon hay một chiếc hộp, rồi dùng cây chổi nhỏ để thúc đế nhanh chóng tấn công đối phương. Hai chú đế xông vào nhau như những võ sĩ, quần nhau bằng tất cả sức khỏe của miệng, chân, cánh và không ngớt reo vang. Chú đế nào không chịu nổi miếng đánh của đối phương phải bỏ chạy thì bị coi là thua cuộc.

Chọi cá

Chọi cá, còn gọi là đá cá, là một trong những thú chơi không thể thiếu của các trẻ em Huế bởi nhiều lý do, trong đó, phổ biến hơn

cá là do thói quen chơi non bộ và đặt bể cạn trước nhà của người dân xứ Huế vì lý do phong thủy. Để bể cạn thêm sinh động, chủ nhà thả thêm những loại cá cảnh với nhiều tên gọi khác nhau: cá Tây, cá Hà Lan, cá đuôi chỉ, cá lai, cá bảy màu, cá hổ, cá beo... Để các loại cá này đá được, cần phải bắt tách ra khỏi đàn và nuôi riêng trong từng chậu nhỏ hoặc trong các lon sữa bò trong điều kiện thiếu ánh sáng.

Sau vài ngày nuôi riêng, phải luyện cho cá đá bằng cách thả những con cá nhỏ để làm mồi rồi dùng cây chổi hoặc que nhỏ để “khảy” vào cá để kích thích phản xạ của cá. Sau khi cá đã biết đá, các em thả thêm những con khác vào để luyện tập, rồi mới lựa chọn những con cân sức để đá với nhau.

Ở Huế loại cá thường được chơi nhiều nhất là cá Tây và cá Hà Lan vì cá này đẹp, to và có nhiều miếng đòn hay như: búng, khẩu mổ, cắn... làm cho đối phương khiếp sợ. Con cá nào bỏ chạy sẽ thua, người có cá thắng được “ăn” con cá thua đó.

Chơi kè kè

Kè kè là tên mà trẻ em xứ Huế gọi những chú cắc kè, một loài bò sát rất phổ biến ở Việt Nam.

Những ngày nắng hè, kè kè thường leo lên các ngọn cây để phơi nắng, lúc đó đầu kè kè đỏ ửng và gật gật liên hồi. Đó là thời điểm thích hợp để các em đi bắt kè kè và tổ chức cho chúng chơi nhau.

Để bắt kè kè, các em thường dùng một cây sào tre dài, nhỏ và dẻo, gọi là cần. Một đầu cần buộc một thòng lọng bằng cước. Khi thấy kè kè đang phơi nắng, cầm cần đưa từ sau tới và lồng thòng lọng vào đầu kè kè rồi giật mạnh thì sẽ bắt được kè kè. Có được ít nhất hai con kè kè, các em cho hai miệng của hai con cắn vào nhau, sau đó thả chúng ra, nhưng tay cầm chặt phần đuôi của chúng. Hai chú kè kè sẽ cắn nhau rất lâu, cho đến khi có một con không chịu nổi phải bỏ chạy, coi như thua cuộc. Con kè kè thắng trận sẽ được các em nuôi dưỡng để tìm đối thủ khác thi đấu. Con kè kè thua cuộc sẽ được thả lên cây, để nó trở về với môi trường tự nhiên.

Chơi cỏ gà

Những cây cỏ gà mọc ở khắp các khu vườn. Đây là loại cỏ có thân dài, dai, trên đầu ngọn cỏ có nhiều tua xanh, vốn là hoa cỏ, được các em nhổ về để làm gà. Những chú gà thân khỏe, đầu xanh và các vòng thắt khéo léo tạo sự hấp dẫn, thu hút các em đến với trò chơi này.

Sau khi làm xong những chú gà chọi bằng cỏ, các em dùng tay vuốt dọc thân gà từ đầu xuống thân để nước trong thân gà chảy ra bớt, gà trở nên dẻo dai hơn. Khi chọi, các em nới nút thắt ở cổ gà để bạn chọi lồng gà của mình vào rồi thắt lại. Cài gà vào với nhau xong, cả hai luôn ở trong thế sẵn sàng, nắm chặt thân gà chờ đợi hiệu lệnh. Khi có hiệu lệnh, cả hai em cầm thân gà ra sức kéo mạnh. Gà nào đứt đầu trước là thua.

Có nhiều nơi, các em chơi trò chọi cỏ gà bằng loại cỏ có thân dài, đầu cỏ có nhiều tua màu hồng như mào gà. Với loại cỏ này, người chơi không cần phải thắt hoa cỏ làm gà, mà chỉ cầm vào thân gà rồi thay phiên quất vào gà của nhau. Gà ai bị đứt đầu trước là thua.

Súng bắn hạt nổ

Súng bắn hạt nổ thường được chơi vào mùa hè, khi những cây đào (mận) trở hoa, hoặc cây muối có hạt đã lớn.

Súng được làm bằng các ống hóp già. Hóp là một cây thuộc họ trúc, mọc thành từng bụi, rất phổ biến ở các miền quê xứ Huế. Súng dài từ 30 cm - 35 cm, gồm ba phần: nòng súng, tay cầm và chìa súng. Thông thường nòng súng dài gấp đôi tay cầm để nén được nhiều hơi và những cây hóp làm nòng súng phải là loại hóp già, thẳng và không bị lỗi (nứt hoặc thủng). Chìa súng làm bằng cật tre khô vót tròn, vừa khít lỗ của nòng súng, một đầu tra cứng vào tay cầm. Độ dài của chìa súng luôn ngắn hơn độ dài của nòng súng khoảng 1 cm. Hạt nổ, gọi là đạn, là những nụ đào còn tươi hoặc hạt cây muối, hạt cây sắn... được các em nhặt về, nhét vào hai đầu nòng súng. Sau đó, các em tra chìa súng vào nòng súng và thụt mạnh. Cú thụt khiến không khí trong nòng súng bị dồn nén và ép nhanh về phía cuối nòng, sẽ tống nụ đào hoặc hạt cây muối ở đầu kia bay ra khỏi nòng, đồng thời phát ra tiếng nổ. Để có tiếng nổ giòn và đạn bay xa, cần phải lựa những hạt vừa khít hòng súng và phải thụt chìa súng thật nhanh và mạnh. Các em thường tổ chức thi xem súng ai có tiếng nổ hay nhất, đạn bay xa nhất để trao giải thưởng; hoặc chia hai phe để chơi đánh trận, trong đó súng là vũ khí được sử dụng nhiều nhất.

Vào những mùa không có nụ mận, hạt cây muối... thì các em lấy giấy nhúng nước, rồi xé thành từng mảnh nhỏ, vo tròn và nhồi vào nòng súng làm đạn. Khi chơi súng bắn đạn giấy, các em thường kẻ một vòng tròn trên tường và thi nhau bắn vào tâm của vòng tròn. Sau khi bắn hết số đạn giấy quy định, em nào có số đạn trúng đích ít hơn, phải nhặt những viên đạn giấy đã bắn, đem

nhúng nước để làm mềm trở lại, làm đàn mới rồi tiếp tục chơi.

Súng bắn vỏ nghêu

Người Huế thường ăn hến, sò vào mùa hè. Sau khi ăn xong, những vỏ hến, vỏ sò, gọi là nghêu, được đổ thành từng đống sau vườn nhà. Các em sẽ dùng những vỏ nghêu này để tạo thành một trò chơi rất thú vị.

Súng bắn nghêu được làm bằng tre, dây thun (dây cao su) và thép. Súng có hình dáng tựa cây thánh giá: một đầu có buộc sợi dây thun, gồm những sợi cao su nhỏ kết lại. Đầu cuối của dây thun có buộc một chiếc móc thép uốn cong như lưỡi câu. Đầu kia là cò súng, làm tựa chiếc đòn bẩy, để giữ vỏ nghêu khỏi bay ra.

Khi chơi, các em kẹp vỏ nghêu vào cò súng, rồi kéo dây thun móc vào đầu kia của vỏ nghêu. Khi bắn, các em lấy cò, chiếc vỏ nghêu bị bung ra và bay về phía trước do lực đàn hồi của sợi dây thun.

Chơi kèn lá

Kèn lá được các em sử dụng nhiều trong các cuộc thi thổi xem ai làm kèn kêu hay, to và xem ai có hơi thổi dài nhất.

Lá để làm kèn thường là lá chuối, lá dừa hay lá cây dứa dại, nhưng phổ biến nhất vẫn là lá dừa.

Để làm kèn kêu to và hay, người chơi sử dụng lá dừa để quấn thành kèn lớn như tù và. Lá dừa sau khi được hái về phải rửa sạch và tách bỏ sống lá. Sau đó quấn kèn từ nhỏ rồi lớn dần theo vòng xoắn tròn ốc nhưng thật chắc chắn. Sau mỗi lần quấn xong một lá dừa cần phải thổi thử để phát hiện những lỗi để sửa chữa kịp thời. Khi quấn xong các lớp lá, lấy cao su buột đầu kèn lại và giữ kèn nơi thoáng mát.

Khi chơi, các em thường tụ tập thành từng nhóm và thi nhau thổi kèn để chọn ra ai là người làm được chiếc kèn đẹp nhất, kêu to và hay nhất.

Chơi chong chóng

Chong chóng là trò chơi rất phổ biến vào mùa hè. Các em chơi chong chóng để thể hiện sự khéo léo của mình, hoặc kết hợp với trò thả diều như là một cách xác định hướng gió trước khi chơi diều.

Có hai loại chong chóng, làm bằng lá dừa hay bằng giấy, với kiểu thức khác nhau:

- *Chong chóng lá dừa*: Dùng lá dừa tươi cắt bỏ sống lá, rọc thành các phiến lá, có kích thước bằng nhau, dài khoảng 30 cm - 40 cm; rộng 1,5 cm - 2 cm. Đặt hai phiến lá có độ dài khác nhau, chồng lên nhau, tạo thành hình chữ thập. Sau đó, xếp hai cánh của phiến lá dài theo kiểu thắt gút, rồi lồng hai cánh ngắn vào để tạo thành bốn cánh của chong chóng. Dùng sống lá dừa đã róc sạch phiến lá làm thành chiếc que nhỏ, xuyên vào tâm chong chóng. Dùng nẹp hoa đào ghim vào phía trước và phía sau chiếc que để giữ cho chong chóng khỏi văng ra phía trước và khỏi chạm vào tay các em khi chơi.

- *Chong chóng giấy*: Cắt giấy thành hình vuông, mỗi cạnh 20 cm, gấp đôi hình vuông theo đường chéo để tạo thành hai hình tam giác. Tiếp đó gấp đôi hình tam giác để tạo thành bốn hình tam giác bằng nhau. Dùng kéo cắt theo bốn đường chéo, nhưng không cắt rời. Sau đó bắt cạnh thứ nhất của tam giác thứ nhất nối với cạnh thứ nhất của tam giác thứ ba; cạnh thứ nhất của tam giác thứ hai nối với cạnh thứ nhất của tam giác thứ tư, dùng hồ dán lại, sẽ tạo ra chiếc chong chóng bốn cạnh. Dùng que nhọn xuyên thủng tâm chong chóng và cố định chong chóng bằng hai nẹp hoa đào. Khi chơi, để chong chóng ngược với hướng gió, chong chóng sẽ tự quay khi có gió thổi.

Nặn đất sét

Nặn đất sét là trò chơi để rèn sự kiên nhẫn, thể hiện sự khéo léo và óc sáng tạo của các em.

Các em thường chọn đất sét ở tầng đất sâu khoảng 0,5 m để có được loại đất ít lẫn tạp chất, sau đó mang về giã thật nhuyễn, rồi sủ nước và nhào đất cho thật dẻo. Sau khi nhào đất xong, các em chia đất thành những phần nhỏ theo tỉ lệ của con vật mình muốn nặn. Dùng tay để nặn các bộ phận của con vật rồi dùng tăm hoặc chân hương để gắn các bộ phận vào nhau. Dùng đất ướt để trám các vết nối và dùng vải ướt để lau vết trám cho trơn láng. Sau đó mang các vật đã nặn hong khô ở dưới tán cây. Các con vật xinh xắn, ngộ nghĩnh như: lợn, gà, voi, trâu, bò, khỉ..., hay những thứ trái cây quen thuộc như: ổi, mít, cà... là những thứ các em rất thích nặn.

Các em còn dùng các màu đỏ (mài từ gạch), đen (từ than củi), tím (từ hạt mồng tơi), vàng (từ củ nghệ)... để sơn, quét lên vật nặn,

theo sở thích riêng, làm cho những con vật ngộ nghĩnh này thêm phần sống động.

NHỮNG TRÒ CHƠI CỦA CÁC EM GÁI

Nhảy lò cò

Nhảy lò cò, trẻ em xứ Huế còn gọi là nhảy *cò cò*, là trò chơi để rèn luyện sức khỏe, sự khéo léo và dẻo dai. Trò này có hai cách chơi:

- *Lò cò nhảy*: Cần có ít nhất là hai em để chơi trò này, cùng hai mảnh ngói bằng ba ngón tay để làm “mạng”. Trên sân chơi kẻ năm ô liền nhau, trong đó, ô thứ nhất, ô thứ hai và ô thứ tư có kích thước bằng nhau, mỗi ô dài 2 m, rộng 0,3 m; ô thứ ba và ô thứ năm cũng có kích thước như nhau, dài 2 m, rộng 0,5 m. Chính giữa các ô thứ ba và thứ năm, tiếp tục kẻ hai đường dọc để chia mỗi ô này thành hai ô nhỏ hơn.

Bước vào trò chơi, các em “oản tù tì” để chọn người được chơi trước. Sau đó, người chơi đặt “mạng” vào ô thứ nhất, rồi bắt đầu thực hiện lượt đi của mình bằng cách co một chân lên cao và dùng chân còn lại nhảy từ ô thứ nhất, qua các ô thứ hai, ô thứ ba, ô thứ tư để đến ô thứ năm. Khi nhảy qua các ô thứ ba và thứ năm, người chơi được phép tiếp đất bằng cả hai chân, gọi là rập, mỗi chân đặt vào mỗi ô nhỏ thuộc các ô này. Khi đến ô thứ năm, người chơi xoay người 360° và lại rập vào ô thứ năm để quay về theo trình tự như khi đi. Khi về đến ô thứ hai, người chơi phải vừa nhảy lò cò bằng một chân, vừa vớ tay nhặt “mạng” rồi mới nhảy vào ô thứ nhất để trở về.

Vòng thứ hai bắt đầu sau khi người chơi ném “mạng” vào ô thứ hai, rồi bắt đầu nhảy lò cò theo trình tự như trước. Ở lượt về người chơi phải rập ở ô thứ ba, nhặt “mạng” ở ô thứ hai, rồi nhảy lò cò về ô thứ nhất.

Ở vòng thứ ba, tùy theo sự lựa chọn của người chơi mà “mạng” được ném vào ô nhỏ bên trái hay bên phải của ô thứ ba. Nếu ném “mạng” vào ô nhỏ phía bên trái, thì người chơi nhảy lò cò từ ô thứ nhất, qua ô thứ hai, tiếp tục nhảy lò cò ở ô nhỏ bên phải của ô thứ ba, qua ô thứ tư và rập ở ô thứ năm. Ở lượt về, khi đến ô thứ ba, người chơi phải nhảy lò cò vào ô nhỏ bên phải để nhặt “mạng” ở ô nhỏ bên trái của ô thứ ba, rồi rập vào ô thứ ba, trước khi nhảy lò cò về ô thứ hai và ô thứ nhất.

Ở vòng thứ tư, người chơi ném “mạng” vào ô nhỏ bên phải của ô thứ ba rồi tiếp tục thực hiện các bước như lượt đi thứ hai nhưng

đổi bên (lò cò vào ô bên trái và nhặt “mạng” ở ô bên phải).

Vòng thứ năm người chơi thực hiện như các vòng thứ nhất và thứ hai. Vòng thứ sáu và vòng thứ bảy, người chơi lần lượt ném “mạng” vào các ô nhỏ bên trái và bên phải của ô thứ năm và thực hiện các bước tương tự như vòng thứ ba và vòng thứ tư.

Sau khi thực hiện bảy vòng qua hết các ô, người chơi tiếp tục thực hiện bước tiếp theo là nhảy lò cò hết số vòng từ ô thứ nhất đến ô thứ năm theo giao ước và thực hiện việc xây nhà. Để xây nhà, sau khi nhảy lò cò từ ô thứ nhất đến ô thứ năm; người chơi phải ném “mạng” lên tầng trời, là tầng trên cùng nằm ngoài ô thứ năm, rồi tiếp tục nhảy lò cò năm vòng lên xuống theo các ô. Sau đó, người chơi vừa nhảy lò cò (ở các ô thứ nhất, thứ hai và thứ năm) và vừa rập (ở các ô thứ ba và thứ năm) để lên tầng trời nhặt “mạng”, rồi quay về đến ô thứ nhất, thoát ra ngoài, rồi quay lưng lại, ném “mạng” ra phía sau để xây nhà. Nếu “mạng” rơi vào ô thứ nhất thì người chơi đã xây nhà ở ô thứ nhất. Sau khi xây nhà ở ô thứ nhất, người chơi dùng gạch, phấn hay que vạch vào ô thứ nhất để đánh dấu ô này là nhà của mình. Sau đó người chơi tiếp tục các lượt đi tương tự để lần lượt xây nhà ở ô thứ hai, thứ ba, thứ tư... Nếu trong khi nhảy lò cò, người chơi để cả hai chân chạm đất khi đi ngang các ô thứ nhất, thứ hai và thứ tư; hoặc bị ngã khi đang nhặt “mạng”, cũng như không xây được nhà theo đúng thứ tự, thì bị chết và phải nhường quyền nhảy lò cò cho bạn chơi. Theo quy ước người chơi phải cất nhà theo thứ tự từ ô thứ nhất, ô thứ hai, cho đến ô cuối cùng. Những ô nào đã được xây nhà thì thuộc quyền sở hữu của người vừa xây nhà, nghĩa là chỉ người ấy có quyền nhảy vào ô đó, những bạn chơi khác không được nhảy vào ô này mà phải nhảy băng qua nó để đến các ô khác. Người thắng cuộc là người xây được nhiều nhà nhất.

- *Lò cò xúi*: Trò này còn có tên là lò cò thúc. Các em cũng kể các ô tương tự như trong trò lò cò nhảy nhưng cách chơi thì có sự khác biệt:

Sau khi “oản tù tì” để phân định lượt đi, người chơi đặt “mạng” xuống đất, một chân co lên và dùng chân kia vừa nhảy lò cò, vừa xúi vào “mạng” để thúc “mạng” vào ô thứ nhất, sau đó lần lượt thực hiện các bước nhảy và các bước rập tương tự như trò lò cò nhảy, chỉ khác một điều là thay vì dùng tay để ném “mạng” và nhặt “mạng” thì người chơi phải dùng chân để xúi/thúc “mạng” vào các vị trí quy định. Trong trường hợp người chơi không xúi được “mạng” vào các ô theo đúng thứ tự, không xúi được “mạng” về tầng dưới cùng thì người chơi mất lượt đi của mình, phải

nhường quyền nhảy cho bạn chơi ô. Khi bạn chơi bị chết, người chơi trước đó được quyền đi tiếp từ vị trí mà họ vừa bị chết trong lượt đi trước.

Phần thưởng dành cho người thắng cuộc là được người thua cuộc cồng nhiều vòng quanh các ô.

Nhảy dây

Nhảy dây cũng là trò chơi để rèn luyện sức khỏe và sự dẻo dai. Trò chơi này cũng có hai cách chơi:

- *Nhảy đơn*: Trước tiên các em phải “êm phà” để chọn ra hai người bị, tức là hai người còn lại sau cùng của trò “êm phà”. Hai người này phải cầm dây cho những người khác nhảy. Trước khi chơi, hai người này phải “oản tù tì” để xem ai là người sẽ được nhảy trước, mỗi khi có người bị mới vào thay thế để quay dây.

Trò nhảy dây bắt đầu từ tầng thấp nhất là *tầng gối*. Hai người bị giăng một sợi dây thun ngang đầu gối của mình để cho bạn chơi nhảy qua rồi nhảy về. Ai nhảy qua và nhảy về mà không chạm dây thì được nhảy tiếp ở các tầng cao hơn. Ai chạm phải dây trong khi nhảy thì trở thành người bị, phải vào thế chỗ cho một trong hai người đang bị, để người này trở thành người chơi.

Nhảy xong *tầng gối*, dây được nâng lên *tầng vế*, tức là giăng dây ngang bắp vế của người bị. Người chơi phải thực hiện các bước nhảy qua và về tương tự ở *tầng gối*. Sau *tầng vế* là *tầng hông*, luật lệ cũng tương tự như hai tầng trước. Kế đến là *tầng nách*, rồi *tầng cổ*, *tầng tai* và *tầng đầu*. Ở các tầng từ *tầng nách* trở đi, người chơi có thể chạm dây khi nhảy nhưng không được để chân đạp dây xuống đất.

Sau khi nhảy qua những tầng này, người bị sẽ nâng dây lên *tầng gang* (cao hơn *tầng đầu* một gang tay), rồi *tầng dong* (cao hơn *tầng đầu* một cánh tay). Ở hai tầng này, người chơi có quyền chọn lựa giữa việc nhảy hoặc lộn, bằng việc chống hai tay xuống đất, nhún người và tung chân lên cao để vượt qua dây, trước khi đưa toàn thân qua dây. Nếu tất cả người chơi đều thực hiện hoàn tất *tầng dong* thì trò chơi tiếp tục bằng cách trở lại *tầng gối*.

- *Nhảy đôi*: Các em chia làm hai nhóm và cử đại diện tham gia “oản tù tì” để chọn ra nhóm nhảy (nhóm I) và nhóm bị (nhóm II), là những người cầm dây cho người khác nhảy.

Dây chơi nhảy đôi được cũng kết từ nhiều sợi cao su và dài gấp đôi

dây của trò nhảy đơn. Khi chơi, nhóm II cử ra hai em đứng lồng dây vào người để cho nhóm I nhảy dây.

Lượt nhảy thứ nhất bắt đầu từ bước nhảy lồng ở *tầng gối*. Nhóm I cử một người nhảy vào trong vòng dây thun, rồi khuyên chân mở rộng vòng để đồng đội nhảy vào. Những thành viên khác trong nhóm I sau khi nhảy vào trong vòng, phải lập tức nhảy ra ngoài để nhường chỗ cho đồng đội. Nếu trong nhóm chơi có 1 người nhảy không qua dây hoặc nhảy sai quy cách, thì có một đồng đội cứu, bằng cách nhảy thêm một lượt; nếu có hai người nhảy không qua, thì đồng đội phải cứu hai lần... Nếu không ai cứu được đồng đội của mình thì cả nhóm mất quyền nhảy, phải trở thành nhóm bị cho nhóm II vào nhảy. Nếu nhóm I thực hiện hoàn tất nhảy lồng, các em thì tiếp tục nhảy móc, trong đó, người nhảy đầu tiên phải dùng chân móc dây sang một phía, tạo thành một hình tam giác, để đồng đội lần lượt nhảy vào tam giác đó.

Sau khi nhảy xong *tầng gối*, nhóm II đưa dây lên *tầng vế* và nhóm I phải tuần tự nhảy các bước ở như *tầng gối*. Trò chơi tiếp diễn như thế, qua *tầng hông*, *tầng nách*, *tầng cổ*, *tầng tai* và cuối cùng là *tầng đầu*. Sau khi nhảy xong *tầng đầu*, trò chơi lại trở về *tầng gối*.

Đánh thẻ

Đánh thẻ là trò chơi rèn luyện sự khéo léo. Đồ chơi gồm một quả banh (thường làm bằng giấy hay là trái bưởi non nướng chín, sau này được thay thế bằng trái banh tennis) và 10 chiếc thẻ tre (có thể dùng đũa). Trò chơi này cần có ít nhất hai người chơi và phải thực hiện ba động tác:

- *Nhặt thẻ*: Các em phải “oẳn tù tì” để chọn người chơi trước. Người thắng cầm trái banh và 10 que thẻ trên cùng một bàn tay. Banh được tung lên đồng thời, tay người chơi rải thẻ ra sàn. Khi banh dội ngược trở lại, người chơi bắt banh và tung banh lượt thứ hai, đồng thời phải nhanh tay nhặt một thẻ và đón banh rơi xuống để tung và nhặt thẻ lượt khác. Sau 10 lần tung banh người chơi phải nhặt hết 10 que thẻ và không được bắt hụt banh.

Lượt thứ hai cũng thực hiện tương tự như lượt thứ nhất, nhưng người chơi phải nhặt mỗi lần hai thẻ cho đến khi hết thẻ trên sàn. Các lượt kế tiếp diễn ra tương tự nhưng người chơi phải nhặt mỗi lần ba, bốn, năm... chiếc thẻ. Ở lượt chơi thứ 10, người chơi chỉ tung banh một lần và phải nhặt đủ 10 thẻ trước khi trái banh rơi trở lại.

- *Chuyển thẻ*: Sau khi thực hiện xong 10 lượt nhặt thẻ, người chơi tung banh lên, hai tay cầm bó thẻ quay 360°, đợi trái banh rơi xuống sàn và nảy lên thì bắt lấy banh. Động tác chuyển thẻ này được thực hiện 10 lần.

- *Nổ thẻ*: Sau khi thực hiện xong 10 lần chuyển thẻ, người chơi dùng tay cầm thẻ vào đoạn giữa của bó thẻ, tung banh lên rồi gõ (nổ) hai đầu bó thẻ chạm vào sàn chơi. Việc chuyển thẻ này thực hiện trong 10 lần. Sau khi thành công thì các em lại trở về động tác nhặt thẻ.

Nếu trong quá trình chơi, các em làm rơi banh, hoặc làm rơi thẻ, hoặc nhặt sai số thẻ quy định trong từng lượt chơi, thì người chơi sẽ dừng chơi và nhường quyền chơi cho bạn chơi.

Chơi ô làng

Trò chơi ô làng còn có tên khác là chơi ô quan. Trò này gồm hai người chơi. Các em kẻ một hình chữ nhật dài khoảng 50 cm, rộng khoảng 30 cm; sau đó lại kẻ một đường thẳng dọc theo hình chữ nhật và 4 đường theo chiều ngang để chia hình chữ nhật thành 10 ô bằng nhau, gọi là các ô quân. Ở hai đầu hình chữ nhật, kẻ tiếp hai ô hình bán nguyệt, gọi là ô làng hay ô quan.

Nhặt 50 viên cuội nhỏ, gọi là quân, đặt vào trong 10 ô quân, (mỗi ô năm viên) và hai viên cuội lớn bằng nắm tay, gọi là cái, đặt vào trong hai ô làng.

Hai người chơi ngồi đối diện nhau và “oẳn tù tì” để chọn người chơi trước. Người chơi có quyền chọn một ô quân bất kì, nhặt tất cả các viên quân trong ô đó, rồi rải vào các ô kế tiếp (theo cùng một chiều) mỗi ô một viên (kể cả ô làng). Nếu rải hết những viên quân trong tay, người chơi bốc các quân trong ô liền kế tiếp tục rải quân như trước. Nếu đã rải hết quân mà liền kế là một ô trống (không có quân) và tiếp đó là một ô quân hoặc ô làng có các quân (và cái) thì người chơi được ăn toàn bộ quân (và cái) trong ô đó. Nếu rải hết những hạt quân trong tay và gặp ô liền kế là ô làng thì người chơi mất quyền đi tiếp. Do vậy, người chơi phải tính toán sao cho khi rải xong quân cuối cùng, thì phải gặp một ô trống nằm ngay trước ô có nhiều quân (kể cả ô làng) để được ăn ô này.

Cuộc chơi kết thúc khi cả hai người ăn hết số quân và cái trong các ô. Người nào có nhiều viên cuội hơn sẽ giành phần thắng. Mỗi viên cái được tính bằng 10 viên quân.

Chơi đồ hàng

Trò chơi đồ hàng còn có tên gọi là chơi buôn bán. Các em chơi đồ hàng chia thành nhiều nhóm nhỏ theo sự lựa chọn của mỗi người. Mỗi nhóm phụ trách một mặt hàng phổ biến trong đời sống thường nhật như: cơm, cháo, chè, bánh...

Sau khi quy định thực đơn của từng nhóm, các em chia nhau đi tìm nguyên liệu để thực hiện món hàng của nhóm mình. Chẳng hạn: cơm được chế biến từ cát trắng; chè được làm từ hoa và lá dâm bụt hay hạt mồng tơi; bánh bèo, bánh nậm được làm từ lá cây... Dụng cụ để nấu và đựng món ăn là những vỏ nghêu loại lớn, lon sữa bò rỗng, gáo dừa, mảnh chén bát vỡ...

Các món hàng sau khi đã được làm tập trung thành từng gian hàng ở chợ quê để chơi trò mua bán. Mỗi thành viên của nhóm được phân công mua và bán. Tiền là những loại lá cây hay vỏ nghêu, tùy theo quy ước. Mỗi nhóm đều cử người đi mua hàng của nhóm khác và cố gắng mời người của nhóm khác mua hàng của nhóm mình.

Sau cuộc chơi, khi những gánh hàng đã với các em trong nhóm ngồi lại để đếm “tiền” xem ai khéo léo trong chi tiêu, mua bán của nhóm.

Tài liệu tham khảo

1. *Dạ thừa xứ Huế*, 2 tập, NXB Văn hóa Thông tin, Hà Nội, 2004.
2. Dương Văn An, *Ô châu cận lục* (Bản dịch của Trịnh Khắc Mạnh và Nguyễn Văn Nguyên), NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1997.
3. Hải Trung, *Chơi chữ Hán Nôm, những bài thơ độc đáo*, NXB Thuận Hóa, Huế, 2003.
4. *Huế đẹp Huế thơ*, NXB Thuận Hóa, Huế, 1998.
5. Isabelle Lee, "Touhu: Three Millennia of the Chinese Arrow Vase and the Game of Pitch- Pot", *Transactions of the Oriental Ceramic Society*, Volume 56, 1991 - 1992. The Oriental Ceramic Society in Association with Azimuth Editions London, 1993.
6. *Nghìn câu thơ tài hoa Việt Nam*, NXB Văn học, Hà Nội, 2000.
7. Ngô Sĩ Liên, *Đại Việt sử ký toàn thư* (Bản dịch của Viện Sử học), Tập II, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1967.
8. Nguyễn Khắc Hiếu, *Tản Đà vận văn*, Á Châu xuất bản cục.
9. Nguyễn Thành Luông - Nguyễn Thị Thanh Bình, *Văn hóa dân gian cổ truyền. Những phong tục lý thú*, NXB TP HCM, TP HCM, 1992.
10. Nguyễn Tuân, *Vang bóng một thời*, NXB Văn nghệ TP HCM, TP HCM, 1996.
11. Nhiều tác giả, *Huế đẹp Huế thơ*, NXB Thuận Hóa, Huế, 1998.
12. R. Orband, "Les Dâu Hồ du tombeau de Tu Đức", *BAVH*, No. 2, 1917.
13. Thái Văn Kiểm, *Cố đô Huế*, Nha Văn hóa, Bộ Quốc gia Giáo dục xuất bản, Sài Gòn, 1960.

14. *Thơ tình xứ Huế. Những bài thơ chọn lọc*, NXB Đà Nẵng, Đà Nẵng, 2004.

15. *Thơ văn Lý - Trần*, Tập I, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1977.

16. Trần Quốc Vượng, “Bàn về hệ sinh thái nhân văn của múa rối nước Việt Nam”, *Văn hóa Nghệ thuật*, Số 2/2001.

17. Võ Đại Mau, *Các thi sĩ trong cung đình nhà Nguyễn*, NXB Đại học Quốc gia TP HCM, TP HCM, 2002.

SÁCH CÙNG TÁC GIẢ

1. *Huế-Triều Nguyễn. Một cái nhìn*, Trần Đức Anh Sơn

2. *Ngành đóng thuyền và tàu thuyền ở Việt Nam thời Nguyễn*, Trần Đức Anh Sơn

3. *Trò chơi và thú tiêu khiển của người Huế*, Trần Đức Anh Sơn